

Alphonse Daudet
Le Petit Chose

Préface de Jean-Louis Curtis





Chú Nhóc

Alphonse Daudet

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

PHẦN MỘT	
I XƯƠNG MÁY	
II NHỮNG CON GIẢN	
III ANH ẤY CHẾT RỒI! HÃY CẦU NGUYỆN CHO ANH ẤY	
IV QUYỀN VỢ MÀU ĐỎ	
V HÃY KIỂM SÔNG	
VI BỌN TRÉ	
VII VIỆN GIÁM THỊ	
VIII ĐÔI MẮT HUYỀN	
IX VỤ BOUCOYRAN	
X NHỮNG NGÀY XẤU	
XI ÔNG THẦY DÂY QUÂN SỰ NGƯỜI BẠN TỐT CỦA TÔI	
XII CHIẾC VÒNG SẮT	
XIII CHÙM CHÌA KHOÁ CỦA ÔNG VIOT	
XIV CẬU BAPTISTE	
PHẦN HAI	
I ĐÔI GIÀY CAO SU CỦA TÔI	
II THAY MẶT CHA XỨ Ở SAINT NIZIER	
III BÀ ME JACQUES CỦA TÔI	
IV CUỘC THẢO LUẬN VỀ NGÂN SÁCH	
V COUCOU-BLANC VÀ PHU NHÂN Ở TẦNG MỘT	
VI PIERROTTE	
VII BÔNG HỒNG ĐỎ VÀ ĐÔI MẮT HUYỀN	
VIII MỘT BUỔI ĐỌC SÁCH Ở LỐI ĐI SAUMON	
IX CẬU BÉ BÁN ĐỒ SỬ	
X IRMA BOREL	
XI TRÁI TIM BẰNG ĐƯỜNG	
XII TOLOÇOTOTIGNAN	
XIII VỤ BẤT CỐC	
XIV GIẤC MƠ	
XV GIẤC MƠ ĐÃ NÓI ĐÚNG	
XVI ĐOẠN CUỐI GIẤC MƠ	

[1]
[2]
[3]
[4]
[5]
[6]
[7]
[8]
[9]
[10]
[11]
[12]
[13]
[14]
[15]
[16]
[17]
[18]

MỤC LỤC

PHẦN MỘT

I XƯƠNG MÁY

II NHỮNG CON GIẤN

III ANH ẤY CHẾT RỒI! HÃY CẦU NGUYỆN CHO ANH ẤY

IV QUYỀN VỚ MÀU ĐỎ

V HÃY KIỂM SÔNG

VI BỌN TRÉ

VII VIỆN GIÁM THỊ

VIII ĐÔI MẮT HUYỀN

IX VỤ BOUCOYRAN

X NHỮNG NGÀY XẤU

XI ÔNG THẦY DÂY QUÂN SỰ NGƯỜI BẠN TỐT CỦA TÔI

XII CHIẾC VÒNG SẮT

XIII CHÙM CHÌA KHOÁ CỦA ÔNG VIOT

XIV CẬU BAPTISTE

PHẦN HAI

I ĐÔI GIẤY CAO SU CỦA TÔI

II THAY MẶT CHA XỬ Ở SAINT NIZIER

III BÀ MẸ JACQUES CỦA TÔI

IV CUỘC THẢO LUẬN VỀ NGÂN SÁCH

V COUCOU-BLANC VÀ PHU NHÂN Ở TẦNG MỘT

VI PIERROTTE

VII BÔNG HỒNG ĐỎ VÀ ĐÔI MẮT HUYỀN

VIII MỘT BUỔI ĐỌC SÁCH Ở LỐI ĐI SAUMON

IX CẬU BÉ BÁN ĐỒ SÚ

X IRMA BOREL

XI TRÁI TIM BĂNG ĐƯỜNG

XII TOLOCOTOTIGNAN

XIII VỤ BẮT CỐC

XIV GIẤC MƠ

XV GIẤC MƠ ĐÃ NÓI ĐÚNG

XVI ĐOẠN CUỐI GIẤC MƠ

PHẦN MỘT

I

XUỞNG MÁY

Tôi sinh ngày 13 tháng năm 18...trong một thành phố vùng Languedoc, nơi cũng như trong tất cả những thành phố của miền Nam, người ta thấy nhiều nắng, khá nhiều bụi, một nhà tu dòng Carmélites ([1]) và hai ba đài kỷ niệm thời La Mã.

Cha tôi, O. Eyssette, thời ấy buôn khăn quàng, có một xưởng may lớn ở cổng thành mà bên một trái của nó, ông đã sửa thành một ngôi nhà ấm cúng, rợp đầy bóng cây tiêu huyền và được ngăn với xưởng thợ bằng một cái sân rộng. Chính ở đó tôi đã ra đời, và sống những năm đầu, những năm tốt đẹp duy nhất của đời mình. Trí nhớ biết ơn của tôi vẫn còn giữ từ khu vườn, xưởng máy và những cây tiêu huyền một kỷ niệm không phải và vào lúc bố mẹ tôi bị phá sản, tôi phải rời xa những thứ đó, tôi thực đã tiếc chững như những con người vậy.

Để bắt đầu, tôi phải nói là việc tôi ra đời chẳng đem lại hạnh phúc cho nhà Eyssette. Bà già Annou, người nấu bếp của chúng tôi, thường kể với tôi, từ hồi ấy, cha tôi lúc này đang đi xa, đã nhận được tin tôi ra đời và tin một trong những khách hàng của ông ở Marseille biến mất đã cuỗm của ông hơn bốn mươi ngàn quan ra sao; vậy là đến cùng lúc nổi sung sướng và lo buồn, O. Eyssette tự hỏi, cũng như bà kia xem mình nên khóc vì sự biến mất của ông khách ở Marseille hay nên cười vì chú bé Daniel đã ra đời, ông Eyssette tốt bụng ạ, phải khóc gấp đôi.

Đó là một sự thật, tôi là ngôi sao xấu của bố mẹ tôi. Từ ngày tôi ra đời, biết bao điều rủi không tưởng tượng được đã dồn dập đến với các vị ở nhiều nơi. Trước hết, chúng tôi có ông khách ở Marseille nhé, rồi hai lần cháy trong một năm, rồi cuộc đình công của thợ mắc sợi, rồi cuộc xích mích với bác Baptiste, rồi vụ kiện rất tốn kém với người nhà buôn màu, rồi cuối cùng thì cuộc Cách mạng năm 18...

Kể từ đó, xưởng máy chệch choạc, dần dà, những xưởng thợ vội đi; mỗi tuần hạ một máy dệt, mỗi tháng ít đi một bản in. Thật đáng thương khi thấy sức sống bỏ đi khỏi nhà chúng tôi như ra khỏi một cơ thể ốm yếu vậy, chậm chậm, mỗi ngày một ít.

Một lần, người ta không bước vào những phòng trên tầng hai nữa. Một lần thì cái sân trong cùng bị bít lại. Việc ấy vậy là kéo dài hai năm; trong hai năm, xưởng máy hấp hối. Cuối cùng một hôm, thợ không đến nữa, chuông xưởng thợ không rung nữa, cái giếng có bánh xe thoi kêu cọt két, nước trong những cái bồn lớn, ở đó người ta giặt vải, đứng im lìm và chẳng bao lâu, trong cả xưởng máy, chỉ còn lại O. Eyssette và Bà Eyssette, già Annou, anh Jacques nhà tôi và tôi; rồi, đằng kia, ở trong cùng, để giữ xưởng, còn ông canh cổng Colombe và con ông, cậu bé Rouget.

Thế là hết, chúng tôi đã bị phá sản.

Lúc đó, tôi quãng sáu-bảy tuổi. Vì tôi rất ốm yếu, bố mẹ tôi không muốn gửi tôi đến trường. Mẹ tôi chỉ dạy tôi đọc và viết, thêm vài chữ Tây Ban Nha cùng hai, ba bài đàn ghita, nhờ đó, trong gia đình người ta làm tôi được tiếng là một cậu bé thần đồng. Nhờ hệ thống giáo dục này, tôi không bao giờ rời khỏi nhà, nên tôi có thể dự phần vào tất cả những chi tiết cơn hấp hối của ngôi nhà Eyssette. Tôi xin thú thật, cảnh đó khiến tôi tỉnh bơ, tôi còn thấy ở sự lụn bại của chúng tôi cái khía cạnh rất dễ chịu là mình có thể nhảy nhót thoả thích khắp xưởng, điều mà

thời thợ thuyền, tôi chỉ được phép vào ngày chủ nhật.

Tôi nghiêm trang nói với chú Rouget:

- Giờ đây, xưởng máy là của tớ; người ta đã cho tớ để chơi.

Và chú Rouget tin tôi. Chú tin tất cả những điều gì tôi nói, cái chú ngốc ấy.

Chẳng hạn trong nhà, mọi người không coi sự tan rã của chúng tôi là vui như thế. Bông O. Eyssette trở nên kinh khủng, đó là, trong thói quen, một tí bản tính bùng bùng, hung hãn, quá đáng, thích những tiếng kêu, sự đổ vỡ và chuyện ầm ĩ; thực ra, ông vẫn là một con người rất tuyệt vời, chỉ có bàn tay nhanh nhẹn, giọng nói oang oang và sự bức thiết tạo rung chuyển khắp xung quanh. Vận rủi, đáng lẽ hạ thủ ông, đã khiến ông bức tức. Từ tối đến sáng, đó là sự tức giận khủng khiếp, không biết đổ cho ai, tấn công vào tất cả, cái nắng, cái gió, vào Jacques, vào già Annou, vào Cách mạng. Ôi! Nhất là vào Cách mạng!... Cứ nghe cha tôi, bạn sẽ cho là cuộc Cách mạng 18... đã làm hại chúng tôi, chủ yếu nhằm chống lại chúng tôi. Tôi cũng xin các bạn tin là những người cách mạng không được nhà Eyssette ưa. Có trời mới biết là chúng tôi nói gì những ông này vào thời ấy... Cho đến ngày nay, khi bố già Eyssette (cầu trời giữ gìn ông hộ tôi!) cảm thấy cơn thống phong đến, ông khó nhọc đuổi dài trên chiếc ghế thì chúng tôi lại nghe ông nói:

- Ôi! Cái bọn Cách mạng ấy!...

Vào thời mà tôi nói với bạn, O.Eyssette không bị thống phong, nhưng nỗi đau thấy mình bị phá sản đã khiến ông thành một con người đáng sợ mà chẳng ai dám đến gần. Phải trích máu ông hai lần trong mười lăm ngày. Quanh ông, ai cũng im lặng; người ta sợ. Ngồi vào bàn, chúng tôi hỏi bánh ăn một cách thăm thì. Ngay cả khóc trước mặt ông, người ta cũng không dám. Còn khi ông quay gót, thì còn lại là một tiếng nức nở suốt từ đầu nọ đến đầu kia ngôi nhà; mẹ tôi, già Annou, anh Jacques tôi và cả anh lớn tôi làm tu viện trưởng, mỗi lần anh đến thăm chúng tôi, cảnh ngộ đáng buồn ấy lại bắt đầu. Mẹ tôi khóc, điều đó thì hiểu được vì thấy O.Eyssette khổ; tu viện trưởng và già Annou khóc vì thấy bà Eyssette khóc; còn Jacques, quá trẻ để hiểu được những nỗi khổ của chúng tôi - Anh ấy chỉ mới hơn tôi hai tuổi - Anh ấy khóc vì thấy cần, để mà chơi.

Anh Jacques tôi, thật là một cậu bé độc đáo; đúng là một người mau nước mắt! Tôi còn nhớ cũng khá lâu rồi, tôi thấy anh, đôi mắt đỏ và hai bên má đầm đìa. Buổi tối, buổi sáng, ban ngày, ban đêm, trên lớp, ở nhà, lúc đi chơi, anh khóc không ngừng, anh khóc khắp nơi. Khi người ta hỏi anh: "Cháu làm sao?" Anh vừa trả lời vừa nức nở: "Cháu chẳng sao cả." và lạ nhất là anh chẳng làm sao hết. Anh khóc như người ta xì mũi vậy, cứ luôn luôn, thế thôi. Đôi khi O. Eyssette bức mình nói với mẹ tôi:

- Đứa bé này buồn cười thật, bà xem kia!... Đúng là một con sông.

Về điều đó bà Eyssette trả lời bằng cái giọng dịu dàng:

- Còn muốn gì nữa, anh bạn? Khi lớn lên, cái đó sẽ qua đi; ở tuổi nó, tôi cũng như nó thôi.

Trong khi đó, Jacques cứ lớn; anh còn lớn lên nhiều nữa, thế mà điều ấy cũng không qua khỏi được. Ngược hẳn lại, cái khả năng độc đáo mà cậu bé lạ lùng rải những trận mưa nước mắt cứ mỗi ngày một tăng tiến. Nên, nỗi lo buồn của cha mẹ tôi là một cơ may lớn cho anh... Lập tức, anh có cơ hội nức nở một cách thoả thích, hàng ngày liền mà nào có ai đến vặn vẹo mình "Con làm sao thế?".

Tóm lại, đối với Jacques cũng như đối với tôi, sự phá sản của chúng tôi có cái hay của nó.

Về phần mình, tôi rất sung sướng. Người ta không quan tâm đến tôi nữa. Tôi tranh thủ để chơi suốt ngày với Rouget giữa những xưởng thợ hoang vắng, nơi những tiếng chân chúng tôi vang lên như trong một Nhà thờ vậy và những cái sân lớn bỏ hoang mà cỏ đã xâm lấn rồi. Cái cậu Rouget, con trai ông gác cổng Colombe, là một cậu con trai to lớn tuổi độ mười hai, khoẻ như một con bò, tận tụy như một con chó, ngốc nghếch như một con ngỗng và đáng chú ý nhất là bộ tóc đỏ cái cớ khiến cậu có biệt danh Rouget ([2]). Có điều, tôi xin nói với bạn là: Đối với tôi Rouget không phải là Rouget. Lần lượt, cậu ấy là chàng Thứ Sáu ([3]) trung thành của tôi, một bộ lạc những kẻ dã man, một thuyền bộ nổi loạn, tất cả các biệt danh mà người ta muốn.

Chính tôi, vào thời đó, tôi không phải là Daniel Eyssette: Tôi là cái con người độc đáo, mặc da thú mà người ta vừa gán cho mình những cuộc phiêu lưu kia: Cậu Crusoe! Trò vui nhộn êm ái! Buổi tối, sau bữa ăn, tôi đọc lại Robinson, tôi học thuộc lòng nó; ban ngày, tôi diễn nó, diễn nó sôi nổi một cách cuồng dại, ngay tất cả những gì vây quanh tôi, tôi cũng tập hợp đưa vào vở kịch vui của mình. Cái xưởng chẳng còn là cái xưởng nữa; mà là đảo hoang của tôi, ôi! Thật là hoang vắng. Những cái bồn đóng vai trò là Đại dương. Khu vườn là một khu rừng nguyên thủy. Trong đám tiêu huyền, có một đồng ve sầu nằm trong vở kịch mà chúng không biết.

Rouget, cả nó nữa, cũng không ngờ mấy đến tầm quan trọng vai trò của mình. Nếu người ta hỏi nó, Rouget là thế nào, người ta hẳn làm nó lúng túng; tuy vậy, tôi phải nói là nó giữ vai trò của mình với một lòng tin chắc lớn nhất, để bắt chước tiếng hú của những người dã man thì chẳng có đứa nào được như nó. Nó đã học ở đâu vậy? Tôi không biết. Luôn luôn là những tiếng hú to của người dã man, lại lắc mạnh cái bờm màu đỏ khiến làm rung mình những kẻ táo tợn nhất. Chính tôi, Robinson, đôi khi tim cũng cứ thót lại, nên buộc phải thăm bảo nó là:

- Đừng to quá, Rouget, cậu làm tớ sợ.

Rouget bắt chước tiếng người dã man kêu rất tốt, nó lại còn biết nói những lời tục tĩu của trẻ bụi đời và chửi thề tên Chúa. Vừa chơi, tôi vừa học làm như nó, điều đó có cái hay cũng có cái rủi. Ấy là một hôm, giữa bữa ăn, chẳng hiểu sao tôi buột một tiếng chửi khủng khiếp. Mọi người rụng rời:

- Ai đã dạy con thế? Con đã nghe ở đâu thế?

Thật là một sự kiện. O.Eyssette nói ngay là phải bỏ tôi vào một nhà trừng giới; ông anh cả tu viện trưởng thì nói, trước hết phải cho tôi đi xưng tội vì tôi đã đến tuổi khôn. Người ta dẫn tôi đi xưng tội, thật là một việc lớn! Phải lượm lặt ở tất cả góc ngách lương tâm tôi một đồng tội lỗi cũ kéo dài từ bảy năm nay. Tôi không ngủ mất hai đêm; vì có cả một thúng tội quái quỷ; tôi đã đặt những tội nhỏ nhất lên trên, nhưng cũng vậy, những tội kia cứ hiện ra và khi quý trong cái tủ con bằng gỗ sồi phải trình bày tất cả cho cha xứ phái cái tổ ([4]), tôi nghĩ mình đến chết vì sợ và then mất...

Thế là hết. Tôi không muốn chơi với Rouget nữa; giờ đây, tôi biết là chính Thánh Paul nói và cha xứ đã nhắc lại với tôi rằng quý sứ thường quần quanh chúng tôi như một con sư tử kiếm cái ăn vậy ([5]).

Ôi! việc kiếm cái ăn ấy, nó gây cho tôi ấn tượng biết bao! Tôi cũng biết là tên mảnh khỏe Lucifer ([6]) kia mượn mọi bộ mặt mà nó muốn để dụ dỗ bạn; nên bạn không thể gạt bỏ tôi khỏi ý nghĩ là nó núp dưới cái lối của Rouget để dạy tôi chửi thề tên Chúa. Nên việc cẩn thận đầu tiên của tôi khi vào xưởng là báo cho Thứ Sáu biết từ nay nó phải ở lại nhà nó. Thứ Sáu thật không may! Mệnh lệnh đó khiến nó náo lòng nhưng nó cũng chấp thuận không một lời than. Đôi khi, tôi thấy nó đứng buồn bã trên cửa cái chòi, phía những xưởng thợ; và khi nó thấy tôi nhìn nó, để làm tôi mềm lòng, kẻ khốn khổ vừa thốt lên những tiếng rú khủng khiếp nhất vừa rung cái bờm đỏ rực; nhưng, nó càng rú thì tôi càng tránh xa. Tôi thấy nó giống con sư tử đi kiếm mồi nổi tiếng. Tôi kêu với nó:

- Cậu đi đi! Cậu làm tớ khiếp.

Rouget vẫn còn gầm rú như vậy trong vài ba ngày; rồi, một buổi sáng, cha nó mỗi một vì những tiếng gầm rú ở nhà, đã gọi nó đi gầm rú ở nơi học việc và tôi không gặp lại nó nữa.

Nhưng, mối tình nồng của tôi đối với Robinson không phải chốc lát nguội lạnh đi. Cũng đúng khoảng thời gian đó, bác Baptiste bỗng chán ngán con vẹt của mình và đem nó cho tôi.

Con vẹt đó thay thế Thứ Sáu. Tôi cho nó vào một cái lồng đẹp ở tận cùng nơi ở mùa đông của tôi; và thế là tôi cứ như Crusoe vậy, để hết ngày hết buổi chụm đầu với cái con chim thú vị kia và tìm cách bảo nó nói: "Robinson, Robinson khốn khổ của ta!" Bạn có biết điều đó không? Con vẹt mà bác Baptiste cho tôi để tổng khứ cái tính lẩm mồm muôn thuở của nó đi ấy, vẫn khẳng không nói chẳng hơn gì một vật khác; chẳng bao giờ tôi có thể rút tỉa gì được ở nó. Mặc dù vậy, tôi vẫn thích nó lắm và tôi săn sóc nó nhiều nhất.

Chúng tôi sống như vậy, chú vẹt và tôi, trong nỗi đơn côi nghiệt ngã, đến một buổi sáng kia, tôi gặp một chuyện thực sự khác thường. Hôm đó, tôi rời bỏ cái lều của mình từ sớm và vũ

trang đến tận rằng, tôi làm một chuyến thám hiểm qua cái đảo của mình... Bỗng, tôi thấy đi lại phía mình một nhóm ba-bốn người, nói tiếng rất to và khoa tay mạnh mẽ. Trời ơi! Có người trong hòn đảo của tôi? Tôi chỉ đủ thời gian lao mình nấp sau một bó trúc đào và xin cứ là áp bụng xuống... Mọi người đi qua mà chẳng nhìn thấy tôi... Tôi phân biệt được tiếng ông canh cổng Colombe, điều đó làm tôi yên tâm một chút; khi họ đi xa, tôi ra khỏi chỗ trốn và bí mật đi theo họ để xem tất cả những chuyện ấy ra sao...

Những người lạ đó ở lại lâu trong hòn đảo của tôi... Họ thăm nó suốt từ đầu nọ đến đầu kia ở mọi góc ngách. Tôi thấy họ bước vào trong những hang động và lấy dây đo chiều sâu những đại dương của tôi. Thỉnh thoảng, họ dừng lại và lắc đầu.

Tất cả nỗi sợ của tôi nằm ở khía cạnh họ phát hiện những chỗ ở của tôi... Trời ơi, tôi sẽ ra sao! May mắn là chẳng làm sao cả và sau nửa tiếng đồng hồ, mọi người rút lui, có điều là họ chẳng hề ngờ hòn đảo đã có người ở. Khi họ đi rồi, tôi chạy đến giam mình trong một cái lều và ở đó suốt phần còn lại trong ngày để tự hỏi những người đó là ai và họ vừa mới làm gì.

Chẳng mấy chốc, tôi cũng biết điều đó.

Buổi chiều, lúc ăn tối, O. Eyssette trình trọng báo tin với chúng tôi là xưởng máy đã được bán; khoảng một tháng, tất cả chúng tôi sẽ đến định cư ở Lyon.

Thật là một vố khủng khiếp. Tôi thấy như trời sập. Xưởng máy bán!... Ôi! Còn hòn đảo, những hang động, những cái lều của tôi ra sao? Ôi? Hòn đảo, những cái hang, những túp lều, O. Eyssette đã bán tất cả; phải rời bỏ tất cả. Trời ơi, tôi đến khóc mất?...

Trong một tháng, khi người nhà gói ghém những tấm gương bát đĩa thì tôi buồn bã, và đơn độc dạo quanh ngôi nhà xưởng thân yêu của mình. Tôi không còn lòng nào để mà chơi, bạn có tưởng được không... Ô? Không... Tôi ngồi ở mọi xó, nhìn mọi vật quanh mình, tôi nói với chúng như nói với những con người vậy; tôi nói với những cây tiêu huyền: "Tạm biệt, các bạn thân mến của tôi!" và với những bồn nước: "Thế là hết, chúng ta sẽ không gặp nhau nữa!" Ở tận cùng vườn, có một cây lựu lớn mà những bông hoa đỏ đẹp của nó nở ngoài nắng.

Tôi vừa nức nở vừa nói với nó:

- Hãy cho ta một bông hoa của mi nào.

Nó cho tôi. Tôi đặt nó trong ngực để nhớ đến nó. Tôi rất khổ.

Dù sao, ở giữa niềm đau lớn lao ấy, có hai điều khiến tôi háo hức: trước hết là ý nghĩ được bước lên một con tàu, và tiếp đó người ta cho phép tôi đem theo con vẹt với mình. Tôi tự nhủ, Robinson đã rời đảo của mình trong những điều kiện gần như vậy, điều ấy tạo cho tôi lòng can đảm.

Cuối cùng, ngày lên đường cũng tới. O.Eyssette đã ở Lyon một tuần nay. Ông đi trước với những đồ đạc lớn. Vậy là tôi đi cùng Jacques, mẹ tôi và già Annou. Ông anh lớn tu viện trưởng của tôi không đi, nhưng ông theo chúng tôi đến tận xe ngựa khách Ecaucaire; ông canh cửa Colombe cũng theo chúng tôi, chính ông đi trước đẩy một xe cút kít lớn chất hòm xiềng. Đằng sau, ông anh tu viện trưởng đến đưa cánh tay cho bà Eyssette khoác.

Tu viện trưởng khốn khổ của tôi, thế mà tôi không được gặp lại nữa.

Già Annou đi tiếp theo, cặp kè bên mình một chiếc ô lớn màu lam; Jacques rất thích đi Lyon, nhưng vẫn cứ khóc nức nở... Cuối cùng, ở đuôi hàng người là Daniel Eyssette, nghiêm trang xách một cái lồng vẹt và cứ mỗi bước lại quay đầu về phía xưởng máy thân yêu của mình.

Đoàn người càng đi xa, cây lựu càng vươn lên, chùng nào nó có thể vượt trên những bức tường của thửa vườn để tôi nhìn nó một lần nữa... Những cây tiêu huyền vẫy chào ra hiệu từ biệt... Daniel Eyssette, rất cảm động, gửi chúng những cái hôn cho tất cả, kín đáo bằng đầu ngón tay.

Tôi rời đảo của tôi ngày ba mươi tháng chín 18...

II

NHỮNG CON GIÁN

Ôi những chuyện tuổi thơ, mi đã để lại trong ta bao ấn tượng! Chuyển đi trên sông Rhône ấy, tôi thấy như mới hôm qua. Tôi còn thấy chiếc tàu, những khách đi, đội thuyền viên của nó; tôi nghe thấy tiếng động của bánh xe và tiếng còi máy. Ông thuyền trưởng tên là Génies, bác đầu bếp Montélimart.

Người ta không quên những chuyện ấy được.

Chuyến đi kéo dài ba ngày. Tôi trải qua ba ngày ấy trên boong tàu, xuống phòng khách chỉ để ăn và ngủ. Phần thời gian còn lại, tôi đi đứng ở điểm chót con tàu, gần cái neo. Ở đó có một cái chuông to mà người ta đánh khi vào thành phố; tôi ngồi bên cạnh cái chuông ấy, giữa những đồng thùng; tôi đặt lòng vệt giữa hai đùi và nhìn quanh. Dòng Rhône khá rộng, nên chỉ thoáng thấy đôi bờ. Tôi thì tôi còn muốn nó rộng hơn để được gọi là biển! Bầu trời tươi cười, sóng xanh biếc. Những chiếc thuyền lớn xuôi theo dòng nước. Có những thủy thủ lội qua sông trên lưng những con la, vừa đi qua gần chúng tôi vừa hát.

Đôi khi, con tàu chạy dọc một cái đảo um tùm, bao phủ những cây bắc và liễu. “Ôi! Một cái đảo hoang!” tôi tự nhủ và nhìn nó chằm chằm...

Vào cuối ngày thứ ba, tôi nghĩ là chúng tôi hơi điên. Bầu trời bỗng xám lại, một đám sương mù bập bênh trên mặt sông, người ta thắp một ngọn đèn lớn phía trước con tàu và xin nói thật, trước tất cả những triệu chứng đó, tôi bắt đầu thấy cảm động...

Vào lúc này, ai đó đằng sau tôi, nói:

- Lyon kia kìa!

Cùng lúc, tiếng chuông lớn bắt đầu vang lên. Đó là Lyon.

Lờ mờ trong sương, tôi nhìn thấy ánh sáng lấp lánh trên cả bờ nọ lẫn bờ kia; chúng tôi qua dưới một cầu, rồi một cầu nữa.

Một lần, ống khói lớn của tàu lại gập xuống làm hai, nhả ra từng mảng khói đen làm phát ho... Trên tàu, thật là một cảnh nhốn nháo khủng khiếp. Khách tìm hòm của mình, thủy thủ vừa lặn những cái thùng trong bóng tối vừa chửi. Trời mưa...

Tôi vội vã tìm mẹ. Tôi gặp mẹ, Jacques và già Annou ở đầu kia con tàu, tất cả bốn chúng tôi áp sát vào nhau dưới cái ô lớn của Annou trong khi con tàu áp mạn vào dọc bến và việc xuống tàu bắt đầu.

Sự thật, nếu O.Eyssette không tới đón tôi tin là chúng tôi sẽ không bao giờ ra khỏi đám đông nhốn nháo giữa đêm tối.

Ông đi về phía chúng tôi, vừa lặn mò vừa kêu:

- Ai đấy? Ai đấy?

Nghe tiếng “ai đấy?” rất quen, chúng tôi đáp lại “bạn đây!” cả bốn cùng một lúc với một niềm sung sướng, một sự nhẹ nhõm không tả xiết... Ô. Eyssette từ từ hôn chúng tôi, nắm anh tôi tay này, tôi tay kia, nói với những người đàn bà: “Hãy theo tôi!”.

Chúng tôi tiến bước một cách vất vả. Trời tối, cầu tàu trơn; mỗi bước lại đụng vào những cái hòm... Bỗng, từ mũi tàu một tiếng chói tai, lạnh lót, vang đến tận chỗ chúng tôi:

- Robinson! Robinson!

- Ôi! Trời ơi! - Tôi kêu lên.

Và tôi thử gỡ tay ra khỏi tay bố tôi; ông thì lại nghĩ là tôi bị trượt, càng ghì lấy tôi chặt hơn.

Tiếng kêu lặp lại, còn chối tai hơn, nức nở hơn:

- Robinson! Robinson khốn khổ của ta!

Tôi lại cố gắng để gỡ tay mình.

- Con vẹt của con - Tôi kêu - Con vẹt của con!

- Thế bây giờ, nó nói à - Jacques hỏi.

Nếu nó nói, tôi tin chắc, cách một dặm, người ta cũng nghe thấy. Trong lúc bối rối, tôi đã quên nó ở kia, tít tận mũi tàu, gần cái neo và chính từ chỗ đó nó vừa gọi tôi, vừa hết sức kêu:

- Robinson! Robinson! Robinson khốn khổ của ta?

Rủi là chúng tôi ở xa; ông thuyền trưởng lại giục:

- Nhanh lên nào!

- Ngày mai, ta sẽ đến tìm nó - O.Eyssette nói - Trên tàu, chẳng có gì lạc được cả.

Nói thế, mặc dù tôi khóc, ông cứ kéo tôi. Tội nghiệp!

Ngày hôm sau, người ta đi tìm nhưng không tìm ra nó... Bạn thử đoán nỗi thất vọng của tôi xem: Chẳng còn Thứ Sáu! Chẳng còn con vẹt! Chẳng thể có Robinson. Vả lại, với thiện chí nhất đời, còn cách bịa ra một đảo hoang ở tầng bốn trong một ngôi nhà bẩn và ẩm, phố Lanterne nữa chứ?

Ôi! Ngôi nhà khủng khiếp! Tôi sẽ nhìn thấy nó suốt đời tôi: Cầu thang thì dính; cái sân giống như một cái giếng; người canh cổng, một bác thợ giày, có quầy hàng dựa vào cái bơm...Thật là gớm guốc.

Buổi tối, hôm chúng tôi đến, già Annou, khi vào ở trong bếp, phải kêu lên tuyệt vọng:

- Lũ gián! Lũ gián!

Chúng tôi chạy lại. Thật là một cảnh tượng tởm lợm. Bếp đầy những con vật xấu xa ấy: Chúng có trên tủ bát đĩa, dọc tường, trong ngăn kéo trên lò sưởi, trong chạn...khắp nơi. Dù không muốn, người ta cũng giẫm chết chúng. Khiếp! Annou đã giết nhiều; nhưng, bà càng giết, nó càng đến. Chúng đến qua lỗ chậu rửa bát, người ta bịt lại; nhưng, hôm sau buổi tối, chúng lại đến bằng một lối khác, người ta không biết là ở đâu. Phải có ngay một con mèo để giết chúng và đêm nào trong bếp cũng là một cuộc tàn sát khủng khiếp. Những con gián khiến tôi ghét Lyon ngay từ buổi tối đầu tiên. Ngày hôm sau, lại còn tệ hơn. Phải tập những thói quen mới; giờ ăn cơm được thay đổi... Bánh không có cùng một dạng như chỗ chúng tôi. Người ta gọi chúng là “bánh vòng”. Lại một cái tên nữa!

Ở hàng thịt, khi già Annou hỏi loại thịt nướng than, người bán thịt cười vào mũi bà; ông ta không biết thế nào là loại “thịt nướng than”, cái loại man rợ ấy!...Ôi! Tôi thật buồn chán.

Ngày chủ nhật, để cho khuây một chút, cả nhà chúng tôi đi dạo trên bến sông Rhône. Theo cảm tính, chúng tôi luôn đi về phương Nam, phía Perrache.

- Tôi thấy như điều đó khiến chúng ta thêm gần quê, mẹ tôi người còn mơn mõi hơn tôi, nói.

Những cuộc đi dạo gia đình ấy thật ảm đạm. O.Eyssette la mắng, Jacques thì khóc suốt, tôi thì lúc nào cũng tụt lại sau; tôi không biết tại sao, tôi thấy xấu hổ ở ngoài đường phố, chắc là vì chúng tôi nghèo.

Sau một tháng, già Annou đổ bệnh. Sương mù làm bà hại sức; người ta phải gửi bà trở lại miền Nam. Cô gái già khốn khổ ấy, yêu mẹ tôi say mê, không thể tự quyết rời bỏ chúng tôi được Bà khẩn khoản người ta giữ bà lại, hứa là không chết. Phải ép bà xuống tàu. Về đến miền Nam, bà lấy chồng vì thất vọng.

Annou đi rồi, người ta không thuê người ở mới nữa, tôi thấy đó là tột đỉnh của sự nghèo khổ... Bà vợ ông canh cổng lên làm việc nặng; mẹ tôi, gần lửa lò, đôi bàn tay trắng đẹp mà tôi rất thích hôn, bị đen nhem; còn về các thức ăn thì Jacques phải làm. Người ta đặt một cái ổ to dưới cánh tay mà bảo anh ấy:

- Con sẽ mua cái này, cái kia.

Và anh mua cái này, cái kia rất tốt, mà vẫn cứ khóc.

Khổ thân Jacques! Anh ấy cũng chẳng sung sướng gì. O.Eyssette cứ thấy anh nước mắt lưng tròng, cuối cùng phát ghét và bộp anh túi bụi.

Suốt ngày, người ta nghe thấy: “Jacques, mày là một kẻ thô lậu? Jacques, mày là một con lừa”.

Số là khi có bố ở kia, Jacques mất hết tự chủ. Những cố gắng mà anh làm để giữ nước mắt khỏi tuôn ra khiến anh đâm xấu hổ. O. Eyssette đem đau khổ đến cho anh. Bạn hãy nghe cảnh về cái vò:

Một buổi tối, lúc ngồi vào bàn ăn, người ta nhận ra là chẳng còn một giọt nước trong nhà.

- Nếu bố muốn, con sẽ đi tìm.

Thế là anh cầm cái vò, một cái vò to bằng sành.

O.Eyssette nhún vai:

- Nếu là Jacques đi, thì chắc cái vò sẽ vỡ mất.

- Con hiểu chứ, Jacques (đó là bà Eyssette nói với cái giọng nhẹ nhàng của mình), con hiểu chứ, đừng có làm vỡ nó đấy, hãy làm thật cẩn thận.

O.Eyssette nhắc lại:

- Ôi! Em bảo nó đừng làm vỡ thật vô ích, nó làm vỡ cho mà xem.

Đến đây, giọng suốt mướt của Jacques:

- Nhưng cuối cùng, tại sao bố muốn con làm vỡ chứ?

- Bố không muốn con làm vỡ, bố bảo là con sẽ làm vỡ mất- O. Eyssette đáp lại bằng một giọng không chấp nhận bác bẻ.

Jacques không bác bẻ; anh cầm cái vò bằng một bàn tay ra đi với vẻ như muốn nói: “Ôi! Ta sẽ đánh vỡ nó ư? Nào, để xem”.

Năm phút, mười phút trôi qua; Jacques không trở về. Bà Eyssette bắt đầu bứt dứt:

- Miễn là đừng có chuyện gì xảy ra với nó!

- Tất nhiên! Em muốn có điều gì xảy ra với nó nào?

O. Eyssette nói bằng một giọng cục. Nó đã đánh vỡ cái vò và không dám về nữa.

Vừa nói như vậy, ông vừa đứng dậy mở cửa để nghe xem Jacques ra làm sao. Ông chẳng phải đi xa; Jacques đứng trên thềm trước cửa, hai tay không, im lặng, đực người ra. Khi thấy O. Eyssette, anh tái người, rồi bằng một giọng ngao ngán và yếu ớt:

- Con đánh vỡ rồi... - Anh nói.

Anh đã đánh vỡ!

Trong lưu trữ nhà Eyssette, chúng tôi gọi việc ấy là “cảnh cái vò”.

Chúng tôi ở Lyon khoảng hai tháng thì cha mẹ nghĩ đến việc học của chúng tôi. Cha tôi rất muốn cho chúng tôi vào trường tiểu học nhưng đắt đỏ quá.

- Hay ta gửi chúng vào một trường dạy Thánh ca xem sao?- Bà Eyssette nói - Hình như bọn trẻ ở đó tốt đấy.

Ý nghĩ ấy hợp với cha tôi và vì St. Nizier là ngôi Nhà thờ gần nhất, người ta gửi chúng tôi vào trường dạy Thánh ca St. Nizier.

Trường dạy Thánh ca, thật là rất vui! Đáng lẽ nhồi vào đầu chúng tôi tiếng Hy Lạp và tiếng Latin như ở những trường học khác, người ta dạy chúng tôi hầu lễ từ phía lớn và phía nhỏ, hát những khúc điệp, quỳ gối, vẫy bình hương một cách lịch sự, một điều rất khó. Cũng có lúc này lúc khác, vài giờ trong ngày dành cho những phép biến cách ([7]) và Lược sử ([8]), nhưng đó chỉ là chuyện phụ. Trên hết, chúng tôi ở đó để hầu hạ Nhà thờ. Ít nhất một lần mỗi tuần, tu viện trưởng Micou nói với chúng tôi giữa hai mỗi thuốc và bằng một vẻ trịnh trọng:

- Ngày mai, các vị ạ, buổi sáng không có lớp! Chúng ta được một mẻ buồn.

Chúng tôi được mẻ buồn. Sung sướng làm sao! Rồi đó là những lễ rửa tội, lễ cưới, một cuộc viếng thăm của Đức ông, lễ ban thánh thể cho một người ốm. ôi! Lễ ban thánh thể! Thật là hãnh diện khi người ta có thể đi kèm nó!...Dưới một cái lọng bằng nhung đỏ, ông linh mục mang bánh thánh, dầu thánh bước đi. Hai lễ sinh đỡ cái lọng, hai đứa khác đi kèm với những đèn lồng vàng rực. Một đứa thứ năm đi đằng trước lắc một cái mõ quay. Thường, đó là những nhiệm vụ của tôi...Trên đường đi của lễ ban thánh thể, những người đàn ông ngả mũ, đàn bà thì làm dấu. Khi người ta đi qua trước một đồn lính, lính canh kêu lên:

- Bồng súng!

Những người lính chạy ra xếp hàng.

- Bồng súng... chào! - Người sĩ quan nói.

Súng kêu, lách cách, trống đón chào. Tôi rung cái mõ quay của tôi ba lần một, như ở kinh Tụng Chúa ([9]), rồi chúng tôi đi qua.

Trong một cái tủ nhỏ, mỗi người chúng tôi có một bộ đồ đầy đủ của một thầy tu: Một áo chùng thâm có đuôi dài, một áo lễ trắng, một áo khoác ngoài có ống tay rộng hồ cứng, đôi tất lụa dài màu đen, hai cái mũ chòm, một cái bằng dạ, cái kia bằng nhung, những cái cổ bẻ viền hạt ngọc nhỏ màu trắng, tất cả những gì cần thiết. Hình như bộ quần áo đó rất vừa với tôi:

- Mặc vào trông nó xinh quá - Bà Eyssette nói.

Khổ cái là tôi quá bé và điều đó khiến tôi thất vọng. Bạn hãy tưởng tượng là ngay cả khi dướn lên, tôi cũng không cao hơn đôi tất dài màu trắng của O.Caduffe người quản lễ của chúng tôi bao nhiêu, mà lại khá mảnh khảnh nữa! Một lần, vào buổi lễ, khi đổi chỗ Kinh Phúc âm([10]), cuốn sách khá nặng, đến nỗi nó lôi tôi ngã sòng xoài trên những bậc ban thờ. Cái giá bị gãy, buổi lễ phải ngừng. Đó là một ngày lễ Hạ trần ([11]). Thật là tai tiếng!...Ngoài những bất lợi nhỏ về khổ người bé, tôi rất bằng lòng về số phận của mình và thường vào buổi tối, khi đi ngủ, Jacques và tôi, chúng tôi bảo nhau: “Tóm lại, trường dạy Thánh ca thật là rất vui.” Chẳng may chúng tôi ở lại đó không lâu. Một ông bạn trong nhà, trưởng Khu giáo dục ở miền Nam, một hôm viết thư cho cha tôi hỏi ông có muốn một học bổng ngoại trú trường trung học Lyon cho một đứa con nào đó của ông không, người ta có thể kiếm cho ông một suất.

- Để dành cho Dainel - O.Eyssette nói.

- Còn Jacques nữa? - Bà mẹ tôi nói.

- Ô! Jacques! Tôi giữ nó lại với tôi; nó sẽ rất có lợi cho tôi. Vả lại, tôi thấy là nó có khiếu thương mại. Ta sẽ biến nó thành một nhà buôn.

Thực lòng, tôi không biết ra sao, O.Eyssette lại có thể nhận ra là Jacques có khiếu về buôn bán. Vào lúc đó, cậu bé tội nghiệp chỉ có khiếu về nước mắt, còn nếu người ta hỏi ý anh...Nhưng, người ta không hỏi ý anh, cả tôi cũng vậy.

Điều đập vào tôi trước hết khi đến trường trung học, đó là tôi là đứa duy nhất mặc áo choàng. Ở Lyon, con cái nhà giàu không mặc áo choàng, chỉ có những đứa trẻ ngoài phố, bọn du thủ du thực như người ta nói. Tôi thì tôi có một cái, một cái áo choàng nhỏ kẻ ô, có từ hồi ở xưởng; tôi có một cái áo choàng, tôi có vẻ của một đứa du thủ du thực... Khi tôi vào trong lớp học sinh cười khẩy. Người ta nói:

- Này! Nó có một cái áo choàng!

Thầy giáo nhăn mặt và lập tức ghê tởm tôi. Từ đó, khi ông nói với tôi thì đó luôn luôn là từ đầu mép, bằng một giọng khinh bỉ. Chẳng bao giờ ông gọi tôi bằng tên, ông luôn nói:

- Này! Cậu kia, nhóc!

Mặc dù tôi đã nói quá nhiều lần rằng tôi tên là Daniel Eyssette... Cuối cùng, các bạn tôi đặt cho tôi biệt danh là “Chú Nhóc”, và cái tên còn lại với tôi...

Không phải chỉ tấm áo choàng phân biệt tôi với những đứa trẻ khác. Những đứa khác có cặp đẹp bằng da màu vàng, những lọ mực bằng gỗ hoàng dương toả hương thơm, những quyển vở bìa cứng, những quyển sách mới có nhiều lời chú ở dưới; tôi chỉ có những cuốn sách cũ, mua ở

ngoài bờ sông, bị móc, bị bạc, xông mùi hôi dầu; bìa thường tả tơi, đôi khi thiếu trang.

Jacques cố hết sức đóng chúng lại cho tôi bằng tấm bìa lớn và hồ quánh; nhưng thường anh phết nhiều hồ quá, nên nó thối hoắc. Anh cũng làm cho tôi một cái cặp có vô vàn túi rất tiện, nhưng luôn luôn nhiều hồ. Việc cần dán và đóng bìa ở Jacques đã trở nên một tật sính như việc cần khóc vậy. Anh luôn luôn có trước lửa một đồng lọ hồ mà ngay sau khi anh có thể thoát khỏi cửa hàng một lúc là anh dán, đóng, bọc bìa. Phần thời gian còn lại, anh mang những cái gói vào thành phố, viết theo lời đọc đi mua đồ ăn - Cuối cùng là buôn bán.

Về phần tôi, tôi đã hiểu khi người ta là học sinh, ăn học bổng, khi người ta mặc một chiếc áo choàng, người ta tên là “Chú Nhóc” cần phải làm việc hai lần nhiều hơn những đứa khác để được ngang hàng với chúng, mà thật vậy. Chú Nhóc bắt đầu làm việc hết sức hăng say.

Hỡi bé Chose can đảm! Mùa đông, tôi thấy chú ở trong căn phòng không lửa sưởi, ngồi vào chiếc bàn làm việc. Những bắp chân quăn một cái chần. Bên ngoài, sương giá quất vào cửa kính. Trong cửa hàng, người ta nghe thấy O. Eyssette đọc cho viết:

- Tôi đã nhận được thư ngài ngày tám trong tháng.

Và cái giọng rên rỉ của Jacques lặp lại:

- Tôi đã nhận được thư ngài ngày tám trong tháng này.

Thỉnh thoảng, cánh cửa phòng nhẹ mở; đó là bà Eyssette bước vào. Bà nhón chân lại gần Chú Nhóc. Suyt!...

- Con làm việc hử? - Bà thì thầm nói với cậu.

- Vâng. mẹ ạ.

- Con không lạnh ư?

- Ô! Không ạ?

Chú Nhóc nói dối, trái lại cậu rất lạnh.

Thế là bà Eyssette ngồi bên cạnh cậu, cùng với chiếc áo đan của mình và nán lại đó hàng giờ liền, thầm đếm những mắt đan, thỉnh thoảng lại thở dài. Tội nghiệp bà Eyssette! Bà luôn nghĩ về chốn quê hương thân yêu mà bà không gặp lại nữa... Ôi! Khổ cho bà, khổ cho tất cả chúng tôi, chẳng bao lâu bà sẽ gặp lại nó...

III

ANH ẤY CHẾT RỒI! HÃY CẦU NGUYỆN CHO ANH ẤY

Đó là một ngày thứ hai của tháng bảy.

Ngày hôm đó, khi ra khỏi trường trung học, tôi để mình bị lôi cuốn vào một trò chơi đuổi bắt và khi tôi quyết định trở về nhà thì đã quá muộn mà đáng lẽ tôi không muốn. Từ Quảng trường Terreaux đến phố Lanterne ([\[12\]](#)), tôi chạy một mạch, sách cặp ngang thắt lưng, mũ lưỡi trai cắn giữa hai hàm răng. Tuy vậy vì tôi sợ cha tôi kinh khủng, tôi lấy hơi một lát ở cầu thang, vừa đủ thì giờ bịa ra một câu chuyện để cắt nghĩa sự chậm trễ của mình. Đến đó thì tôi can đảm rung chuông.

Chính O.Eyssette ra mở cửa cho tôi.

- Con về muộn thế - ông hỏi tôi.

Tôi bắt đầu vừa run vừa tuôn ra điều nói dối của mình; nhưng, người đàn ông thân thiết không để cho tôi nói hết, rồi vừa kéo tôi vào lòng, ông lặng lẽ hôn hít tôi hồi lâu.

Tôi là người đang chờ ít nhất là một lời khiển trách gay gắt, sự tiếp đón đó khiến tôi sửng sốt. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là chúng tôi có ông linh mục St. Nizier đến ăn tối; theo kinh nghiệm, tôi biết là người ta không bao giờ mắng mỏ chúng tôi vào những ngày đó. Nhưng, khi vào trong phòng ăn, tôi thấy ngay là tôi đã nhầm. Trên bàn, chỉ có hai bộ đồ ăn, bộ của cha tôi và bộ của tôi.

- Còn mẹ con đâu? Jacques đâu? - Tôi lấy làm lạ hỏi.

O. Eyssette trả lời tôi bằng một giọng dịu dàng không quen thuộc với ông:

- Mẹ con và Jacques đi rồi, Daniel ạ; anh con - Tu viện trưởng ốm nặng.

Thấy tôi tái nhợt đi, ông nói thêm, hầu như vui vẻ để trấn an tôi:

- Khi bố nói ốm nặng có nghĩa là một cách để nói. Người ta viết thư cho chúng ta biết tu viện trưởng đang liệt giường; con hiểu mẹ con đấy, bà ấy muốn đi, nên cha cho Jacques theo... Tóm lại, chẳng sao cả đâu... Còn bây giờ thì con ngồi kia và chúng ta ăn; cha chết vì đói đây.

Tôi ngồi vào bàn không nói gì, nhưng lòng tôi se lại và rất khổ sở để kìm nước mắt vì nghĩ rằng ông anh lớn - Tu viện trưởng của tôi ốm nặng. Chúng tôi buồn bã ăn chiều, trước mắt nhau chẳng nói chẳng rằng. O.Eyssette ăn nhanh, uống ừng ực, rồi bỗng dừng lại nghĩ ngợi... Phần tôi, im lặng ngồi đầu bàn và như bị cảm kích bởi một nỗi sùng sờ, tôi nhớ lại những câu chuyện hay mà Tu viện trưởng kể cho tôi khi ông đến xưởng máy. Tôi thấy ông cương quyết xắn tằm áo dòng để vượt qua những bồn nước. Tôi cũng nhớ cái ngày làm lễ đầu tiên mà cả nhà đến dự, ông thật là đẹp khi ông quay lại chúng tôi, hai tay dang ra, nói mong *"Thượng đế ở với các người"* ([13]) bằng một giọng khá êm ái nên bà Eyssette đã khóc lên vì sung sướng!... Giờ đây, tôi hình dung ra anh ấy đang ở kia, nằm ốm (Ôi! ốm nặng; một điều gì đó nói với tôi như vậy), nên điều đó tăng gấp bội nỗi đau buồn của tôi khi biết anh như vậy, đó là một giọng nói mà tôi nghe thấy vang lên ở đáy lòng: "Chúa trừng phạt mi, đó là lỗi mi! Phải về nhà ngay chứ? Không được nói dối!" Rồi mang nặng ý nghĩ là để trừng phạt, Chúa sẽ làm chết ông anh, chú bé Chose, thất vọng cho chính mình mà nhủ: "Không, chẳng bao giờ! Chẳng bao giờ, chẳng bao giờ ta chơi đuổi bắt khi ra khỏi trường nữa".

Bữa ăn đã xong, người ta thắp ngọn đèn và buổi tối bắt đầu. Trên cái khăn bàn, giữa những đồ thừa của bữa tráng miệng, O.Eyssette đặt những cuốn sách lớn về buôn bán và lớn tiếng tính sổ. Finet, chú mèo diệt gián, kêu meo buồn bã lượn quanh cái bàn...; tôi thì tôi đã mở cửa sổ và đứng tỳ khuỷu ở đó...

Trời tối, không khí nặng nề... Người ta nghe thấy những người phía dưới cười nói trước cửa nhà họ và trống đồn Loyasse đánh đàng xa. Tôi ở đó đã được một chốc, đang nghĩ đến những chuyện buồn và mơ màng nhìn vào đêm tối thì một tiếng giật chuông mạnh lôi tôi đột ngột khỏi cái cửa kính. Tôi sợ hãi nhìn cha tôi và tôi tưởng như thấy lướt qua mặt ông cơn giật lo lắng và sợ hãi vừa mới tràn chiếm lòng tôi. Tiếng chuông giật cũng khiến cả ông sợ nữa.

- Người ta gọi chuông đấy! - ông hầu như nói thầm với tôi.

- Cha cứ ở đấy! Con ra đây.

Rồi, tôi lao về phía cửa.

Một người đàn ông đang đứng trên ngưỡng cửa. Tôi thoáng thấy ông trong bóng tối, chìa cho tôi một cái gì đó mà tôi ngập ngừng cầm.

- Có một bức điện - ông nói.

- Có một bức điện, Trời ơi? Chuyện gì đây?

Tôi vừa cầm nó vừa run và tôi đã đẩy cửa lại; nhưng người đó lấy chân giữ lại và lạnh lùng bảo tôi:

- Phải ký nhận.
- Phải ký? Tôi không biết: Đó là bức điện đầu tiên mà tôi nhận.
- Ai đấy, Daniel? - O.Eyssette kêu lên với tôi. Giọng ông run lên.

Tôi đáp:

- Chẳng có gì ạ! Đó là một người nghèo...

Tôi ra hiệu cho người đàn ông chờ mình, rồi chạy đến phòng tôi, tôi nhúng bút vào mực, mò mẫm, rồi tôi trở lại.

Người đàn ông nói:

- Cậu ký vào đây.

Chú bé Chose, bàn tay run run ký dưới ánh đèn cầu thang; rồi cậu đóng cửa và trở vào, cầm bức điện giấu dưới áo choàng.

Ôi. Phải, ta giấu mi dưới tấm áo. Bức điện của nỗi khổ. Ta không muốn O.Eyssette nhìn thấy mi, vì ta biết trước là mi đến báo cho chúng ta một điều gì đó khủng khiếp và khi ta mở mi ra thì mi chẳng mách cho ta điều gì mới cả, hiểu không, hử bức điện? Mi chẳng mách gì mà lòng ta không đoán ra rồi.

- Đó là một người nghèo hử? - Cha tôi vừa nói vừa nhìn tôi.

Tôi trả lời mà chẳng đỏ mặt:

- Đó là một người nghèo ạ.

Và để gạt những mối ngờ của ông, tôi lại trở về chỗ mình ở bên cửa kính. Tôi còn ở đó một lúc, không động đây, chẳng nói năng, áp vào ngực cái tờ giấy đang khiến tôi rạo rục kia.

Đôi khi, tôi thử lý sự với mình, cho mình niềm can đảm, tôi tự nhủ: “Mi có biết nó là cái gì không? Có lẽ đó là một tin lành. Có lẽ, người ta viết rằng anh ấy đã khỏi...” Nhưng, thực ra, tôi cảm thấy rõ điều đó không đúng, là tôi tự dối chính mình, là bức điện không nói anh ấy đã khỏi.

Cuối cùng, tôi quyết định tạt vào phòng để được biết dứt khoát cho rõ. Tôi đi ra khỏi buồng ăn, từ từ, chẳng tỏ vẻ gì; nhưng, khi tôi đã ở trong phòng mình, tôi thắp ngọn đèn một cách nhanh nhẹn bõn chồn xiết bao! Và hai tay tôi run lên khi mở bức điện báo tử ấy! Rồi bao nước mắt nóng hổi tôi đã nhỏ lên nó khi tôi mở nó ra... Tôi đọc đi đọc lại nó nhiều lần, vẫn mong mình bị lầm; nhưng, khổ thân tôi! Tôi cứ đọc đi đọc lại nó hoài, rồi quay nó khắp phía, tôi cũng không thể làm cho nó nói điều gì khác hơn là nó đã nói lúc đầu, điều mà tôi biết rõ là nó sẽ nói: “Anh ấy đã chết! Hãy cầu nguyện cho anh ấy!”.

Tôi đứng khóc trước bức điện mở bao lâu, tôi không biết.

Tôi chỉ nhớ là đôi mắt đau rất lắm và trước khi ra khỏi phòng, tôi dần mặt hồi lâu. Rồi, tôi lại bước vào phòng ăn, cầm trong bàn tay nhỏ bé bức điện ba lần đáng nguyên rửa. Và giờ đây, tôi sẽ làm gì? Hành động ra sao để báo cái tin khủng khiếp cho bố tôi và trò trẻ con ngớ ngẩn nào đã xui khiến tôi giữ nó riêng cho mình vậy? Sớm hay muộn một chút, phải đâu ông không biết nó? Thật là điên! Ít nhất, nếu như tôi đi thẳng đến ông khi bức điện tới, chúng tôi đã cùng mở nó ra; giờ đây, mọi chuyện sẽ được nói hết.

Thế mà, trong khi tôi nói với chính mình thì tôi lại gần cái bàn và tôi đến ngồi cạnh O.Eyssette, ngay bên cạnh ông.

Người đàn ông khổ đã gấp sách lại và bằng tờ lông bút, đang cù đùa cái mõm trắng của Finet. Điều đó khiến tôi đau lòng vì ông đùa như vậy. Tôi thấy gương mặt phúc hậu mà ngon đèn chiếu sáng một nửa, sôi nổi và cười lên từng lúc, còn tôi thì những muốn nói với ông: “Ôi! Đừng, bố đừng cười; đừng cười, con xin bố.”.

Thế là, vì tôi nhìn ông buồn bã như vậy với bức điện của mình trong tay, O.Eyssette ngẩng đầu lên. Những ánh mắt chúng tôi gặp nhau, và tôi không biết ông nhìn thấy trong mắt tôi điều gì, nhưng tôi biết là gương mặt ông biến sắc tức thì, là một tiếng kêu lớn bật ra khỏi lồng ngực ông, là ông nói với tôi bằng một thứ tiếng xé lòng: “Anh ấy chết rồi phải không?”, đến nỗi bức điện tuột khỏi tay tôi, là tôi ngã vào hai cánh tay ông mà nức nở và chúng tôi khóc hồi lâu, thần

thờ người nọ trong cánh tay người kia, trong khi dưới chân chúng tôi, Finet đang đùa với bức điện, bức điện báo tử khủng khiếp, nguyên nhân của tất cả nước mắt chúng tôi.

Bạn hãy nghe đây: Tôi không nói dối đâu, những chuyện đó thể mà đã qua lâu rồi, anh ấy nằm dưới đất thể là đã lâu rồi, ông Tu viện trưởng mà tôi yêu biết bao; cho nên, đến tận bây giờ, mỗi khi tôi nhận một bức điện, tôi không thể mở nó ra mà không rùng mình sợ hãi. Đường như tôi sắp đọc được là anh ấy đã chết và phải cầu nguyện cho anh ấy vậy!

IV

QUYẾN VỢ MÀU ĐỎ

Người ta tìm thấy trong những sách kinh lễ cổ những hình trang trí ngây thơ trong đó Đức Bà của bảy nỗi đau được biểu lộ ở mỗi bên má một vết nhăn sâu, một vết hằn thiêng mà người nghệ sĩ đã đặt vào đó để nói với chúng ta rằng: “Hãy nhìn, bà đã khóc biết bao...” Nếp nhăn ấy - cái nếp nhăn của những giọt nước mắt - Tôi xin thề là tôi đã thấy nó trên gương mặt gầy của bà Eyssette, khi bà trở lại Lyon, sau lúc đã chôn cất con trai mình.

Người mẹ khốn khổ, từ ngày ấy, bà chẳng thiết cười nữa, áo bà luôn luôn màu đen, gương mặt luôn rầu rĩ. Trên quần áo cũng như trong lòng bà, bà để một cái tang lớn và không bao giờ rời nó ra cả... Và lại, chẳng có gì thay đổi trong ngôi nhà Eyssette; ngoài không khí tang tóc, thể thôi. Ông linh mục St. Nizier làm một vài buổi lễ cầu hồn cho ông Tu viện trưởng. Người ta cắt hai bộ quần áo đen cho bọn trẻ từ chiếc áo mặc ngoài của cha tôi, còn cuộc sống, một cuộc sống buồn bã lại tiếp tục.

Tu viện trưởng thân mến của chúng tôi chết được một thời gian thì một buổi tối vào giờ chúng tôi đi ngủ, tôi hết sức sững sốt thấy Jacques đóng cửa phòng chúng tôi hai vòng khoá, bít cẩn thận những khe cửa, rồi đến với tôi bằng một vẻ cực kỳ trịnh trọng và bí hiểm.

Phải nói với bạn là từ cái chuyến Jacques từ miền Nam trở về một thay đổi lạ lùng đã xảy ra trong những thói quen của anh. Trước hết, điều mà ít người muốn tin là Jacques không khóc nữa, hoặc hầu như không; rồi, cái ý thích bồi bìa điên cuồng của anh cũng gần như anh đã quên đi. Đôi khi, những lọ hồ nhỏ vẫn còn đưa vào lửa, nhưng không còn với cùng nỗi hào hứng; giờ đây, nếu bạn cần có một cái cặp, bạn phải quy lụy mới có được... Có những việc không tin được! Một hộp đựng mũ bằng bìa mà bà Eyssette đặt mua, nằm trên ván kê đã tám ngày nay... Trong nhà, người ta chẳng nhận thấy gì cả, nhưng tôi thì thấy rõ là Jacques có một cái gì đó. Nhiều lần, tôi đã bắt gặp anh trong cửa hàng, nói năng một mình và làm những động tác.

Ban đêm, anh không ngủ, tôi nghe thấy anh lăm bầm trong mồm, rồi dường đột nhảy xuống giường và xoạc bước trong phòng... tất cả những điều đó không được tự nhiên và khiến tôi sợ khi tôi nghĩ đến. Tôi thấy như Jacques sắp điên mất.

Tối hôm ấy, khi tôi thấy anh đóng cửa hai vòng khoá căn phòng chúng tôi, cái ý nghĩ về bệnh điên ấy trở lại trong đầu tôi và tôi thấy sợ. Jacques khốn khổ của tôi? Anh không nhận ra điều ấy, rồi nghiêm trang cầm lấy một bàn tay tôi trong hai tay mình:

- Daniel - Anh bảo tôi - Anh sẽ tâm sự với em một chút, nhưng phải thề với anh là không bao giờ được nói đến đây.

Tôi hiểu ngay là Jacques không điên. Tôi trả lời không ngắc ngứ:

- Em xin thề, Jacques ạ.

- Này! Em không biết à...Suýt!...Anh làm một bản trường ca, một bản trường ca lớn.

- Một bản trường ca cơ à, Jacques? Anh làm một bản trường ca đấy ư, anh?

Thay cho lời đáp, Jacques rút ở trong áo ngực ra một quyển vở to màu đỏ mà chính anh đã đóng bìa và trên đầu của nó, anh đã viết bằng nét chữ đẹp nhất của mình:

Đạo giáo! Đạo giáo!

Trường ca gồm mười hai khúc của EYSSETTE (Jacques).

Thật là chuyện lớn đến nỗi tôi cứ bàng hoàng cả người.

Bạn hiểu điều đó chứ?... Jacques, ông anh Jacques của tôi, một đứa trẻ mười ba tuổi, cậu Jacques của những tiếng nức nở và những lọ hồ nhỏ mà làm *Đạo giáo! Đạo giáo! Trường ca gồm mười hai khúc*.

Chẳng có ai nghi ngờ điều ấy! Người ta vẫn tiếp tục phái anh đến những nhà buôn cỏ với cái rổ cắp trong tay! Ông bố vẫn réo anh hơn bao giờ hết:

- Jacques, mày là một con lừa?...

Ôi! Eyssette thân yêu khốn khổ, tôi sẵn sàng nhảy lên cổ anh biết bao. Nhưng tôi không dám... Bạn hãy nghĩ xem!...

Đạo giáo! Đạo giáo! Trường ca gồm mười hai khúc!... Tuy vậy, sự thật buộc tôi phải nói một bản trường ca gồm mười hai khúc ấy còn lâu mới xong được. Tôi cũng tin vì thực ra chỉ có bốn câu đầu của khúc đầu tiên; nhưng, bạn cũng biết trong những loại tác phẩm ấy, việc bắt đầu luôn luôn có một cái gì khó nhất, còn như Eyssette (Jacques) nói rất có lý: “Bây giờ thì anh mới có bốn câu thơ đầu, phần còn lại chẳng là gì cả; chỉ còn là vấn đề thời gian”.

Đây là bốn câu thơ ấy. Đây đúng là những câu mà tôi thấy tối hôm ấy được viết nắn nót bằng chữ rộng đẹp ở trang đầu của cuốn vở màu đỏ:

Đạo giáo! Đạo giáo!

Tiếng thanh cao! Điều huyền ảo!

Lời ru hồn ảo não đơn côi.

Thương ôi! Thương ôi!

Bạn đừng cười, điều ấy đã khiến anh phải khổ sở nhiều.

Chỗ còn lại đó chẳng là cái gì cả mà là việc thời gian. Nhưng Eyssette (Jacques) chẳng thể đi đến đâu đến đâu... Đành vậy. Những bài thơ có số phận của chúng chứ; hình như số phận của *Đạo giáo! Đạo giáo! Trường ca gồm mười hai khúc* là chẳng phải mười hai khúc gì cả. Nàng thơ đã hoàn công, anh ta chẳng bao giờ đi xa hơn là bốn câu thơ đầu. Thật là tiền định.

Cuối cùng, cậu bé khốn khổ, nôn nóng, tổng cổ cái bài trường ca đó đi và thả hồi Nàng thơ (thời ấy, người ta vẫn còn gọi là Nàng thơ). Ngay ngày hôm ấy, những tiếng nức nở lại bám lấy anh và những lọ hồ nhỏ lại hiện ra trước mắt... Còn quyển vở màu đỏ? Ôi! Quyển vở màu đỏ, cái ấy, nó cũng có số phận của nó.

Jacques bảo tôi:

- Anh cho em đấy, viết cái gì vào đấy thì viết.

Bạn có biết là tôi sẽ đưa cái gì vào đó không?... Những bài thơ của anh, tất nhiên. Và những bài thơ của chú bé Chose. Jacques đã trút cái bệnh mê thơ của anh ấy cho tôi.

Còn giờ đây, nếu bạn đọc cho là được, trong khi chú bé Chose đang gieo vần thơ, chúng ta sẽ xoay chân được qua bốn năm năm đời cậu. Tôi vội vã muốn đi đến một mùa xuân nào đó năm 18... Mà nhà Eyssette ngày nay vẫn còn chưa quên; cứ thế, người ta có những ngày đáng ghi nhớ trong các gia đình.

Vả lại mầu đời mà tôi sống trong im lặng ấy, bạn đọc không biết thì cũng chẳng thiệt gì. Vẫn cái chuyện ấy, những giọt nước mắt và sự nghèo khổ. Công việc không chạy, tiền thuê nhà trả chậm, chủ nợ làm om sòm, những viên kim cương của bà mẹ đem bán, đồ bạc đem đến nhà cầm đồ, khăn trải giường bị thủng, quần có mảnh vá, thiếu thốn đủ mọi thứ, những vụ làm nhục hàng ngày, câu cửa miệng “ngày mai ta sẽ làm thế nào đây?”, tiếng chuông xắc xọc của

mồ toà, người canh cửa mỉm cười khi người ta đi qua và rồi những món vay nợ, và rồi chúng thư kháng nghị, và rồi... và rồi.

Vào năm 18... chúng tôi là như thế đấy.

Năm ấy, chú bé Chose học xong lớp triết.

Nếu tôi có trí nhớ tốt thì đó là một cậu bé rất kiêu kỳ, cứ ra vẻ quan trọng như nhà triết học và cũng như nhà thơ; mà cậu ta thì chẳng cao gì hơn một cái ủng và chẳng có một sợi lông cằm.

Thế mà, một buổi sáng, nhà triết học lớn - chú Nhóc ấy sắp đến lớp thì O. Eyssette bố gọi chú vào cửa hàng và ngay khi ông thấy cậu vào thì nói với cậu bằng giọng tàn nhẫn của mình:

- Daniel, rút sách vở đấy, con không đi đến trường nữa.

Nói vậy xong, O.Eyssette bố bắt đầu đi đi lại lại trong cửa hàng, chẳng nói năng gì. Ông tỏ ra khá xúc động, tôi xin bảo đảm với bạn là cả chú Nhóc nữa... Sau một hồi dài im lặng, O. Eyssette bố lại nói:

- Con trai bố ạ - ông nói - Bố có một tin xấu báo với con. Ôi! Rất xấu... chúng ta sắp buộc phải chia tay nhau, tại sao thì đây.

Đến đó, một tiếng nấc lớn, một tiếng nấc xé lòng vang lên đằng sau cánh cửa mở hé.

- Jacques, mày là một con lừa! - O.Eyssette kêu lên, không ngoảnh lại. Rồi, ông tiếp tục:

- Khi chúng ta đến Lyon, sáu năm về trước, bị phá sản bởi bọn cách mạng, cha mong là, cố sức làm việc, gây dựng lại được gia tài của chúng ta; nhưng, việc trở nên gay go! Cố gắng của cha chỉ dẫn đến chỗ làm cho chúng ta ngập đến cổ trong nợ nần và nghèo khó... Giờ đây, thế là hết, chúng ta bị sa lầy... Để ra khỏi đó, chúng ta chỉ có một cách để chọn, giờ đây các con đã lớn: đành bán lấy chút ít thứ chúng ta còn lại và tìm cuộc sống mỗi người một ngả.

Một tiếng nức lớn của Jacques, anh không thấy là không được đến làm ngắt lời O. Eyssette; nhưng, chính ông cũng cực kỳ xúc động, nên ông không nổi giận. Ông chỉ ra hiệu cho Daniel đóng cửa rồi, ông nói tiếp:

- Vậy, đây là điều cha đã quyết: Cho đến khi có lệnh mới, mẹ con sẽ đi sống ở miền Nam, nhà cậu Baptiste, em mẹ. Jacques sẽ ở lại Lyon; nó đã tìm được một công việc nhỏ ở nhà cầm đồ. Bố, bố sẽ vào làm người chào hàng ở Sở trồng nho... Còn con, đứa con khốn khổ của ta, con cũng phải đi mà kiếm sống... Đúng lúc đó thì bố nhận được một lá thư của ông Trưởng khu giáo dục sắp xếp cho con làm Quản phòng học. Con cầm lấy đọc đi.

Chú Nhóc cầm lấy lá thư.

- Theo như con thấy thì... - Cậu vừa đọc vừa nói - Con không được để mất thì giờ...

- Ngày mai phải đi.

- Được ạ con sẽ đi...

Nói đến đó, chú Nhóc gấp lá thư và trả nó cho ông bố bằng một bàn tay không run. Đó là một nhà triết học lớn, như bạn thấy đấy.

Vào lúc này, bà Eyssette bước vào cửa hàng, Jacques len lét đằng sau bà... Cả hai tiến lại gần chú bé Chose và lặng lẽ hôn chú; từ hôm qua, họ đã biết chuyện gì sẽ xảy ra.

- Lo cho nó cái hòm nhé? - O.Eyssette đột ngột nói. - Sáng mai, nó đi bằng tàu.

Bà Eyssette thốt lên một tiếng thở dài, Jacques chực khóc, thế là xong. Người ta bắt đầu quen với nỗi bất hạnh trong ngôi nhà đó.

Hôm sau của cái ngày đáng ghi nhớ ấy, cả nhà theo chú bé Chose xuống tàu. Do một sự trùng hợp đặc biệt, cũng chính là con tàu đã đưa nhà Eyssette đến Lyon sáu năm trước. Thuyền trưởng Génies, đầu bếp Montélimart! Tất nhiên, người ta nhớ đến cái ô của Annou, con vẹt của Robinson và một vài giai thoại khác của chuyến lên bờ... Những kỷ niệm đó làm khuây dỗi chút việc ra đi buồn bã này và đem lại một nụ cười thoải mái trên môi bà Eyssette.

Bỗng, chuông rung lên. Phải đi thôi!

Chú Nhóc gỡ mình khỏi những cái ôm ghì của bạn bè, can đảm băng qua cầu ván...

- Nghiêm chỉnh nhé! - Bố cậu kêu lên.

- Đừng ốm nhé - Bà Eyssette nói.

Jacques muốn nói, nhưng anh không thể nào; anh khóc nức nở. Chú Nhóc không khóc. Như tôi đã có hân hạnh nói với bạn về chú, đó là một nhà triết học lớn và tất nhiên, những nhà triết học không được mềm lòng... Mặc dù vậy, có trời mà biết được chú có yêu họ - Những sinh linh thân yêu mà chú để lại đằng sau mình, trong sương mù không. Có Trời biết liệu chú có sẵn lòng hiến cho họ cả máu thịt mình không... Nhưng, đành vậy! Niềm vui được rời Lyon, sự chuyển động của con tàu, cơn say của chuyến đi, nỗi tự hào cảm thấy mình là con người - Con người tự do, con người hoàn chỉnh. đi xa một mình mà kiếm sống, - Tất cả những điều đó làm chú Nhóc ngây ngất và ngăn cậu nghĩ ngợi, đến ba tạo vật thân yêu đang đứng nức nở dưới kia, trên bến sông Rhône...

Ôi! Đó không phải là những nhà triết học, ba người ấy.

Bằng một con mắt lo lắng và đầy tình thương, họ theo dõi cái dáng chạy hỗn hển của con tàu, còn cụm khói của nó không lớn hơn một con nhạn ở chân trời mà họ vẫn còn vừa kêu: "Tạm biệt? Tạm biệt!" vừa ra hiệu.

Trong lúc đó, "nhà triết học" đi dạo ngang dọc trên boong, tay dứt túi, đầu ngẩng cao. Cậu huyết sáo, nhô rất xa nhìn các bà dưới tầm mắt, xem xét sự vận hành, đánh vai như một người lớn, cảm thấy khoan khoái. Mới trước khi đến Vienne, chú đã cho ông đầu bếp và hai chú phụ bếp biết là mình ở trong giáo giới và ở đó mình kiếm sống rất tốt... Những vị này chúc mừng chú về điều đó. Việc ấy khiến chú rất tự hào.

Một lần, khi đi dạo từ đầu nọ đến đầu kia con tàu, thì nhà triết học của chúng ta chân vấp phải bó dây thừng, gần cái chuông lớn, trên đó, sáu năm về trước, Robinson Crusoe đã đến ngồi hàng giờ liền, con vẹt ở giữa hai bắp chân. Bó dây đó khiến cậu cười nhiều và hơi đỏ mặt.

"Ta thật là buồn cười cậu nghĩ, khi mà lôi đi theo mình khắp nơi cái lồng lớn sơn màu lam với con vẹt cổ quái ấy..."

Nhà triết học khốn khổ; chú không ngờ là suốt đời mình chú bị kết tội cứ tha lôi một cách nực cười như vậy cái lồng sơn màu lam, màu của mộng mơ và con vẹt màu lục ấy, màu của chờ mong. Than ôi! Vào cái giờ mà tôi viết những dòng này, cậu bé khốn khổ vẫn còn mang nó, cái lồng to sơn màu lam ấy. Duy có điều, màu da trời của những cái nan lồng cứ ngày càng tróc đi và con vẹt màu lục thì trụi lông đến ba phần tư, tội nghiệp!

Việc lo toan đầu tiên của chú Nhóc, khi về đến thành phố quê hương của mình là đi đến khu giáo dục nơi ông Trưởng khu ở.

Ông Trưởng khu ấy, bạn của Eyssette bố, là một ông già to lớn đẹp lão hoạt bát và khô khan, chẳng có gì toát lên cái thông thái rởm, cũng như chẳng có gì là như vậy cả. Ông tiếp đón Eyssette con một cách hết sức ân cần. Song, khi người ta dẫn cậu vào văn phòng ông, người đàn ông tử tế không thể kìm được một cử chỉ sùng sốt.

Ơi! Trời ơi! - ông nói - Cậu ấy bé thế!

Số là chú Nhóc nhỏ một cách nực cười; lại thêm cái vẻ quá trẻ, quá yếu ớt.

Lời than của ông Trưởng khu giáo dục đem đến cho cậu một vố choáng váng. "Họ sắp không muốn mình đây", cậu nghĩ. Và tất cả người cậu bắt đầu run lên.

May mà, như thể đoán được điều gì đang diễn ra trong cái đầu nhỏ bé khốn khổ ấy, ông Trưởng khu tiếp:

- Lại gần đây, con trai ta... Vậy là chúng ta sẽ biến con thành một người Quản phòng học... Vào tuổi con, với vóc dáng và khuôn mặt đó, nghề nghiệp đối với con sẽ vất vả hơn một người khác... Nhưng cuối cùng, vì phải thế, vì con phải kiếm sống, con thân yêu của ta ạ, chúng ta sẽ thu xếp điều đó sao cho được tốt nhất... lúc bắt đầu, người ta không đưa con vào một cái lán gỗ lớn... Ta sẽ gửi con đến một trường trung học của xã, cách đây vài dặm, ở Sarlande, giữa vùng núi... ở đó con sẽ tập làm người lớn, con sẽ dày dạn trong nghề nghiệp, con sẽ lớn lên, con sẽ để râu, khi râu mọc, chúng ta sẽ xem!

Vừa nói ông Trưởng khu giáo dục vừa viết cho Hiệu trưởng trường trung học Sarlande để giới thiệu với ông kẻ được mình che chở. Lá thư viết xong, ông chuyển cho chú bé Chose và buộc cậu đi đến đó ngay ngày hôm ấy; ông cho cậu mấy lời khuyên khôn ngoan rồi thả cậu đi bằng một cái tát yêu lên má mà hứa với cậu là không rời mắt dõi theo.

Thế là chú Nhóc của tôi rất hài lòng. Bốn bậc một cậu lao xuống cái cầu thang lâu đời của Khu giáo dục và đi thẳng đến giữ chỗ xe đi Sarlande.

Xe tram chỉ chạy vào buổi chiều; còn phải đợi bốn tiếng nữa. Cậu Nhóc tranh thủ để đi điều dưới nắng ngoài sân trước và ra mắt quê hương của mình. Nhiệm vụ hàng đầu ấy xong rồi, cậu nghĩ đến việc mua ít thức ăn và bắt đầu tìm một quán rượu hợp với túi tiền... Ngay trước đây nhà trại lính, chú nhìn thấy một cái sạch sẽ xinh xinh, bóng loáng với một tấm biển đẹp mới toanh: Nhà người bạn cuộc đua xe đạp vòng nước Pháp.

“Đây là việc của ta”, cậu tự nhủ. Rồi sau vài phút ngập ngừng - đó là lần đầu tiên, chú Nhóc bước vào một quán ăn - cậu kiên quyết đẩy cửa.

Quán rượu vắng vẻ, những bức tường quét vôi... vài cái bàn bằng gỗ sồi... Trong một góc, có nhiều cái bình dài đầu bằng đồng, trang điểm bằng những dải đủ màu... ở quầy hàng, một người to lớn đang ngáy, mũi chúi vào một tờ báo.

- Nào! Có ai đấy không! Chú Nhóc nói, nắm tay đấm lên bàn như một lão quen la cà quán rượu vậy.

Người đàn ông to lớn chẳng mảy may tỉnh giấc; nhưng, ở tận sau cửa hàng, bà chủ quán chạy ra. Khi nhìn thấy ông khách mới mà thiên thần Tình cờ dẫn đến cho mình, bà kêu lên một tiếng to:

- Trời ơi! Ông Daniel!

- Annou! Già Annou của tôi! - Chú Nhóc trả lời.

Thế là họ ngả vào cánh tay nhau.

Ôi! Lạy trời, phải, đó là Annou, già Annou trước đây đi ở cho nhà Eyssette giờ đây là bà chủ quán, mẹ của các bạn bè, lấy Jean Peyrol, vợ ông to lớn, đang ngáy đằng kia trong quầy hàng... Và bà thật sung sướng, nếu bạn biết, cái bà Annou tử tế ấy, bà thật là sung sướng gặp lại O. Daniel.? Bà hôn hít cậu, bà ghì lấy cậu; bà khiến cậu đến ngạt thở!

Giữa cảnh dào dạt đó, người đàn ông ở quầy hàng tỉnh dậy.

Trước hết, ông hơi lầy lăm lẹ về việc tiếp đón nòng nân mà vợ mình đang dành cho anh chàng không quen kia; nhưng khi người ta cho ông biết anh chàng xa lạ kia là cậu ấm Daniel Eyssette, thì Jean Peyrol đỏ mặt lên vì hài lòng và xằng xái bên cạnh ông khách nổi tiếng cửa mình.

- Ông đã ăn trưa chưa, ông Daniel?

- Thú thực là chưa, ông Peyrol tốt bụng của tôi ạ... chính điều đó đã khiến tôi bước vào đây.

Công bằng linh thiêng!... Daniel chưa ăn trưa!... Già Annou chạy xuống bếp; Jean Peyrol vội vã xuống hầm rượu, - Một cái hầm ra trò, theo lời các bạn.

Loáng một cái, bộ đồ ăn được bày trên cái bàn tinh tươm, chú bé Chose chỉ việc ngồi vào mà hoạt động... Bên trái, Annou thái cho cậu những miếng bánh nhúng ăn với trứng, trứng buổi sáng, màu trắng, như kem sữa, mơn mớn... Bên phải, Jean Peyrol rót cho chú một loại rượu Château-neuf-des-papes cũ, giống như một nắm ngọc đỏ thả xuống đáy cốc vậy... Chú Nhóc rất sung sướng, chú uống như một hiệp sĩ dòng Temple ([14]), ăn như một thầy tu Từ thiên và tìm cách kể chuyện, giữa hai miếng nhai là mình vừa bước vào Giáo giới, điều đó cũng khiến cậu có vị thế kiếm sống đáng kính. Phải thấy được cái vẻ nghiêm trang khi chú nói điều ấy: “Kiếm sống một cách đáng kính!” ra sao - Già Annou ngáy người thán phục.

Cái tình nòng của Jean Peyrol kém hăng hơn. Ông thấy rất đơn giản là Daniel kiếm sống vì cậu có thể tự kiếm sống.

Vào tuổi Daniel, thì mình, Jean Peyrol, đã chạy khắp thế gian được bốn-năm năm và ngược lại, chẳng tốn thêm xu nào của nhà nữa...

Tất nhiên, ông chủ quán đáng trọng giữ lại những suy nghĩ cho riêng mình. Lại dám so sánh Jean Peyrol với Daniel Eyssette ư?... Annou không chịu thế đâu.

Trong khi chờ đợi, cậu Nhóc cứ nhẩn nha... Chú nói, chú uống, chú ăn, chú sôi nổi; đôi mắt chú long lanh, cái má búng búng. Nào! Bác Peyrol, đi tìm cốc đi chứ! Chú Nhóc sẽ chạm cốc. Jean Peyrol đem cốc đến và họ chạm cốc... trước hết mừng bà Eyssette, tiếp đến ông Eyssette, rồi Jacques, Daniel, già Annou, chồng Annou, Giáo giới... còn mừng gì gì nữa?...

Hai giờ trôi qua tuý lúy và ba hoa như vậy. Người ta nói về quá khứ màu tang, về tương lai màu hồng. Người ta nhớ lại xưởng máy, Lyon, phố Lanterne, ông Tu viện trưởng mà người ta yêu biết bao...

Bỗng chú Nhóc đứng dậy để ra đi...

- Đã đi rồi à?- Già Annou buồn bã nói.

Chú Nhóc xin lỗi; chú cần thăm ai đó trong thành phố trước khi ra đi, một cuộc viếng thăm rất quan trọng. Thật là đáng tiếc? Người ta đang rất hay!... Người ta còn có bao điều để kể với nhau?... Cuối cùng, vì cần phải vậy, vì Daniel cần phải thăm ai đó trong thành phố, bạn bè của “Cuộc đua xe đạp vòng nước Pháp” không thể giữ cậu lâu hơn...

- Đi tốt nhé, ông Daniel? Mong trời dúi dất ông, ông chủ thân mến của tôi ạ!

Rồi đến tận giữa phố, Jean Peyrol và bà vợ tiễn theo chú với những lời chúc phúc.

Nhưng mà, bạn có biết chú bé Chose muốn thăm ai trong thành phố trước khi đi chứ?

Đó là xưởng máy, cái xưởng mà cậu yêu biết bao và cậu đã khóc biết bao!... Đó là thửa vườn, những xưởng thợ, những cây tiêu huyền lớn, tất cả những bạn bè của tuổi thơ. Tất cả những niềm vui của buổi ban đầu... Đành vậy!

Con tim người có những điều yếu đuối ấy; nó yêu những gì nó có thể yêu, ngay cả gỗ, đá, ngay cả một xưởng máy... Vả lại, câu chuyện còn kia để nói với bạn rằng lão Robinson, khi trở về Anh, lại ra khơi để đi, tôi không biết là bao nhiêu dặm đường mà thăm lại cái đảo hoang của mình.

Vậy, chẳng có gì lạ, để thăm lại cái của mình, chú Nhóc làm vài bước chân.

Những cây tiêu huyền lớn mà cái đầu ngất ngưỡng nhìn vượt trên những mái nhà, đã nhận ra người bạn cũ của chúng đang ba chân bốn cẳng đến với chúng. Từ xa, chúng ra hiệu cho cậu và cây nọ ngả vào cây kia, như để nói với nhau: “Daniel Eyssette kia kìa! Daniel Eyssette đang trở lại!”.

Còn chú thì vội vội vã vã, nhưng, đến trước nhà xưởng, cậu hoảng hốt dừng lại.

Những dãy tường lớn màu xám, chẳng một ngọn trúc đào hoặc cây lựu nào vươn lên... Chẳng còn cửa sổ, cửa mái; chẳng còn xưởng thợ mà là một nhà ngục. Bên trên cái cửa, một cây thập tự lớn bằng sành màu đỏ, có một ít chữ latin xung quanh!...

Ôi đau khổ! Xưởng máy chẳng còn là xưởng máy nữa; đó là một nhà tu dòng Carmel mà đàn ông không bao giờ vào.

V

HÃY KIỂM SỐNG

Sarlande là một thành phố nhỏ vùng Cévennes, được xây dựng ở tận cùng một cái thung hẹp mà núi bó chặt khắp nơi như một bức tường lớn. Khi trời nắng, đó là một cái lò, khi gió bắc thổi thì là một hang nước đá...

Buổi tối khi chúng tôi vào thành phố, gió bắc thổi dữ từ buổi sáng, mặc dù đang là mùa xuân. Cậu bé Chose ngồi vắt vẻo trên nóc chiếc xe trạm, khi vào thành phố, cảm thấy cái lạnh thấu đến tận tim mình. Phố xá màu đen và hoang vắng... Trên quảng trường chiến trận, một vài người chờ xe, dạo bước dọc ngang trước cái văn phòng mờ tỏ.

Vừa xuống khỏi tầng trên xe, tôi hỏi đường tới trường trung học, chẳng chậm một phút. Tôi muốn nhận nhiệm vụ ngay.

Trường trung học không xa quảng trường; sau khi bảo tôi băng qua hai - ba cái phố rộng im ắng, người đàn ông đem chiếc hòm của tôi dừng lại trước một ngôi nhà lớn, nơi dường như tất cả đều chết từ hàng năm nay.

- Đây rồi... - ông vừa nói vừa nhắc cái búa cửa to.

Cái búa nặng nề, nặng nề rơi trở lại... Cánh cửa tự mở ra...

Chúng tôi bước vào.

Tôi chờ một lúc dưới cái cổng, trong bóng tối. Người đàn ông đặt cái hòm của tôi xuống đất, tôi trả tiền ông, rồi ông bỏ đi thật nhanh... Đằng sau ông, cánh cửa to lớn nặng nề, nặng nề đóng lại... Chẳng lâu sau, một người giữ cửa ngái ngủ, tay cầm một chiếc đèn lồng to, tiến lại phía tôi.

- Chắc cậu là một người mới đến? - Ông nói với tôi bằng một vẻ uể oải. Ông cho tôi là một học trò...

- Tôi chẳng phải là học sinh gì cả, tôi đến đây làm Quản phòng học; ông dẫn tôi đến cho ông Hiệu trưởng đi...

Ông giữ cổng tỏ ra sững sốt; ông nhắc một chút chiếc mũ lưỡi trai và dẫn tôi vào cái chòi của ông. Ông Hiệu trưởng ở Nhà thờ với bọn trẻ con mất một khắc đồng hồ. Người ta sẽ dẫn tôi đến chỗ ông khi nào kinh buổi lối vừa xong.

Trong cái chòi, người ta đã ăn tối xong. Một anh chàng điển trai to lớn có ria vàng hoe đang thưởng thức một ly rượu mạnh bên một người đàn bà nhỏ bé gầy gò, đau yếu, vàng như nghệ([15]) và xúm xập đến tận tai trong một chiếc khăn quàng bạc màu.

- Cái gì thế, ông Cassagne? - Người đàn ông có ria hỏi.

- Đó là người Quản phòng học mới... - Ông canh cổng vừa trả lời vừa chỉ vào tôi. - Ông ấy nhỏ quá đến nỗi lúc đầu tôi cho là một học sinh.

- Có điều là - ông có ria vừa nói, vừa nhìn tôi bên trên cái cốc - ở đây chúng tôi có những học sinh lớn hơn và ngay cả hơn tuổi ông ấy nhiều... Veinon lớn chẳng hạn.

- Còn Crouzat? - Ông canh cổng nói thêm.

- Và Soubeyrol nữa... - Người đàn bà nói.

Đến đó, họ bắt đầu nói thầm với nhau. Mũi chúi vào ly rượu mạnh xấu xa mà xét nét tôi bằng khoé mắt... Bên ngoài, người ta nghe thấy gió bắc rống lên và những tiếng chối tai học sinh đọc kinh cầu ở nhà nguyện.

Bỗng, một tiếng chuông vang lên; tiếng chân bước ầm ầm ở phòng ngoài.

- Lễ cầu xong rồi - ông Cassagne vừa nói với tôi vừa đứng dậy - Ta lên chỗ ông Hiệu trưởng đi.

Ông cầm chiếc đèn và tôi đi theo ông.

Ngôi trường có vẻ mênh mông... Những hành lang vô tận, những cái cổng lớn; những cầu thang rộng có tay vịn bằng sắt trau chuốt... tất cả những thứ đó cũ kỹ, đen đui ám khói...

Ông canh cổng cho tôi biết là trước 89 ([16]), ngôi nhà là một cái trường hải quân và nó có đến tám trăm học sinh, tất cả đều thuộc lớp đại quý tộc. Khi ông cho tôi hay những điều quý báu đó xong thì chúng tôi cũng đến trước Phòng ông Hiệu trưởng... Ông Cassagne nhẹ đẩy một cái cánh cửa nhồi kếp và đập hai lần vào gỗ lát tường.

Một tiếng nói trả lời:

- Mời vào!

Chúng tôi vào. Đó là một phòng làm việc rất rộng, phủ thảm màu lục. Tít tận trong cùng, trước một cái bàn dài, ông Hiệu trưởng đang viết dưới ánh sáng nhợt của một ngọn đèn mà cái chao để xụp hẳn xuống.

- Thưa ông Hiệu trưởng - Người canh cổng vừa nói vừa đẩy tôi lên trước - Đây là thầy giáo mới đến thay thế ông Serrières.

- Tốt lắm. - Ông Hiệu trưởng nói mà không bận lòng.

Người canh cổng cúi mình và đi ra. Tôi cứ đứng giữa phòng mà vặn vẹo cái mũ trong những ngón tay.

Khi ông viết xong, ông Hiệu trưởng quay về phía tôi, nên tôi có thể xem xét thoả thích gương mặt nhỏ mai mái và cần khô, được chiếu sáng bởi đôi mắt lạnh, không thần sắc. Về phần ông thì ông nhắc cái chao đèn ra và gài một cái kính kẹp lên mũi để nhìn tôi rõ hơn.

- Mà đó là một đứa trẻ! - Ông vừa kêu vừa chồm lên trên chiếc ghế bành - Người ta muốn tôi làm gì với một đứa trẻ đây!

Bỗng, chú bé Chose sợ khủng khiếp; cậu thấy như mình đã ở ngoài phố, không chỗ nương thân... Cậu chỉ đủ sức lấp bấp vài ba lời và trao cho ông Hiệu trưởng lá thư giới thiệu mà cậu có.

Ông Hiệu trưởng cầm lá thư đọc đi đọc lại, giở ra gấp vào, lại đọc nữa, rồi cuối cùng ông bảo tôi là, nhờ sự giới thiệu rất đặc biệt của ông Trưởng khu giáo dục và tiếng tăm tốt của gia đình tôi, ông bằng lòng nhận tôi vào chỗ ông, mặc dù tôi quá trẻ khiến ông sợ. Sau đó, ông bắt đầu dài dòng về tính nghiêm trọng những nhiệm vụ mới của tôi; nhưng tôi không nghe ông nữa. Đối với tôi, điều chính là người ta không gửi trả tôi về...

Người ta không gửi trả tôi; tôi sung sướng, sung sướng điên cuồng. Tôi những muốn ông Hiệu trưởng có ngàn tay để mà hôn chúng tất cả.

Một tiếng sắt va khủng khiếp hăm tôi lại trong những nỗi dạt dào. Tôi quay lại mạnh mẽ và thấy trước mặt mình một con người râu dài, má màu đỏ, vừa vào trong văn phòng mà người ta không nghe thấy: Đó là ông Tổng giám thị.

Đầu ông ngoẹo lên vai, kiểu Chúa đội vòng gai ([17]), ông vừa nhìn tôi với nụ cười dịu dàng nhất, vừa lắc một chùm chìa khoá đủ mọi cỡ, treo vào ngón trỏ của ông. Nụ cười đã báo trước cho tôi biết là có lợi cho mình, nhưng những chiếc chìa khoá vẫn rít lên với một tiếng động khủng khiếp...lạnh canh...lạnh canh!

...lạnh canh? - Khiến tôi sợ hãi.

- Ông Viot ạ - ông Hiệu trưởng nói - Đây là người thay thế ông Serrières đến với chúng ta.

Ông Viot nghiêng mình và mím nụ cười dịu hiền nhất với tôi trên đời. Ngược lại những chiếc chìa khoá rung lên với một vẻ chầm biếm và dữ tợn như để nói: “Con người nhỏ bé kia lại thay thế ông Serrières ư? Ra thế! Thì ra thế!”.

Ông Hiệu trưởng cũng hiểu rõ như tôi, điều mà chùm chìa khoá vừa nói lên, nên ông nói thêm bằng một tiếng thở dài:

- Tôi biết khi mất ông Serrières, chúng ta chịu một thiệt thòi hầu như không sửa lại được (đến đây, chùm chìa khoá thốt lên một tiếng thốn thức thực sự...); nhưng, tôi tin chắc là ông Viot, tôi rất muốn nhận thầy giáo mới dưới sự đỡ đầu đặc biệt của mình và ghi nhớ cho ông ấy những ý kiến quý báu của mình về nền giáo dục thì, trật tự và kỷ luật của ngôi nhà sẽ chẳng có gì phải quá thiệt vì chuyện ông Serrières ra đi cả.

Luôn mỉm cười và hiền hậu, ông Viot trả lời là ông sẽ dành cho tôi sự ân cần và ông sẵn lòng giúp tôi những lời khuyên nhủ; nhưng, chùm chìa khoá thì chúng chẳng ân cần gì với tôi cả. Phải nghe chúng lắc và kêu lách cách loạn lên: “Nhãi ranh, nếu mày động đây thì coi chừng đấy”.

- Ông Eyssette-ạ - ông Hiệu trưởng kết luận - ông có thể lui được. Còn tối nay thì ông phải ngủ

ở khách sạn thôi... Ngày mai, tám giờ, ông có mặt ở đây... Đi nhé...

Và ông bảo tôi lui bằng một cử chỉ đĩnh đạc.

Ông Viot, tươi cười và hiền hậu hơn bao giờ hết, tiễn tôi đến tận cổng; nhưng, trước khi rời tôi ra, ông lách vào tay tôi một quyển vở nhỏ, đồng thời nhắc nhở:

- Đó là quy chế của ngôi nhà, ông hãy đọc và suy nghĩ...

Ông mở cửa, rồi đóng lại sau lưng tôi, vừa lắc chùm chìa khoá. Những tiếng kêu...Lạnh canh! Lạnh canh! Lạnh canh!

Nhưng ông này đã quên rọi sáng cho tôi... Tôi lằng quằng một lúc giữa những hành lang lớn tối om, lần những bức tường để thử tìm đường. Từng quăng, một chút ánh trắng lọt vào qua song, một cửa sổ cao giúp tôi định hướng. Thành linh, trong cảnh tăm tối của nhà cầu, một đốm sáng bùng lên đến đón tôi. Tôi còn bước thêm vài bước; ánh sáng lớn lên tiến lại gần tôi, đi qua sát tôi, xa dần, biến mất. Cứ như một ảo ảnh vậy dù khá nhanh chóng nữa, tôi vẫn có thể nắm được mọi chi tiết.

Bạn cứ hình dung hai người đàn bà, không, hai cái bóng...Một già, nhăn nheo, quắt lại, gù gập người, mang kính to che hết cả mặt; người kia trẻ, thon thả, hơi ẻo lả như mọi con ma, nhưng có một cặp mắt đen - điều mà những con ma nói chung không có, rất to và khá đen, khá đen... Bà già, tay cầm một chiếc đèn nhỏ bằng đồng; những con mắt đen, chúng chẳng mang gì cả... Hai cái bóng qua gần tôi, nhanh nhẹn, lặng im, chẳng nhìn thấy tôi và từ lâu, chúng đã biến mất mà tôi còn đứng nguyên chỗ, trong một cảm nghĩ vừa khoái trá vừa sợ sệt.

Tôi lại lần mò đường một mình, nhưng tim tôi đập thật mạnh và tôi luôn có trước mắt trong bóng tối, bà tiên khủng khiếp, đeo kính đi bên cạnh đôi mắt đen...Thế mà cần phải tìm ra một chỗ trú qua đêm; đó không phải là một chuyện xoàng. May mà ông có ria mép tôi thấy hút tẩu trước cái chòi của người canh cửa lập tức tự nguyện giúp tôi và đề nghị được dẫn tôi đến một khách sạn nhỏ chẳng quá đắt, nơi tôi sẽ được phục vụ như một ông hoàng. Bạn thử nghĩ tôi đã vui lòng chấp nhận ra sao.

Người đàn ông có ria đó có vẻ là người rất hiền hậu; khi đi đường tôi được biết ông lên là Roger, ông là thầy dạy nhảy, cưỡi ngựa, đấu kiếm và thể dục ở trường trung học Sarlande và ông đã phục vụ lâu trong binh lính châu Phi. Điều đó đủ để khiến cho tôi có cảm tình với ông. Trẻ con thường thiên về yêu những người lính. Chúng tôi chia tay nhau ở cửa khách sạn với nhiều cái bắt tay và lời hứa chính thức trở nên một đôi bạn.

Và giờ đây, bạn đọc ạ, còn một điều tôi phải thú thực với bạn.

Khi chú Nhóc có một mình trong căn phòng lạnh lẽo ấy, trước cái giường quán trọ xa lạ và tầm thường ấy, xa những ai cậu yêu, lòng cậu tan nát và nhà triết học lớn ấy khóc như một đứa trẻ vậy. Giờ đây, cuộc đời khiến cậu sợ; cậu cảm thấy yếu ớt và bị tước mất vũ khí nên cậu khóc, cậu khóc... Bỗng chốc, giữa những giọt nước mắt, hình ảnh những người thân điều qua trước mắt cậu; cậu thấy ngôi nhà bỏ hoang, gia đình ly tán, mẹ ở đây cha ở kia... Chẳng còn mái nhà? Chẳng còn tổ ấm. Và thế là quên cảnh khốn quẩn riêng để chỉ nghĩ đến nỗi nghèo khổ chung, chú Nhóc chọn một quyết định lớn và đẹp: Quyết định khôi phục lại gia đình Eyssette và xây dựng lại tổ ấm chỉ cho riêng mình thôi. Rồi, hãnh diện vì đã tìm thấy mục đích cao thượng cuộc đời mình, cậu lau những giọt nước mắt không xứng với một người đàn ông, một kẻ dựng lại tổ ấm và không mất một phút, bắt đầu đọc quy chế của ông Viot để nắm vững những nhiệm vụ mới.

Quy chế đó, được chép lại một cách nhiệt tình bằng chính bàn tay ông Viot, tác giả của nó, là một luận đề thực sự, được chia có phương pháp làm ba phần:

Một: Nhiệm vụ của Quản phòng học đối với cấp trên;

Hai: Nhiệm vụ của Quản phòng học đối với đồng nghiệp;

Ba: Nhiệm vụ của Quản phòng học đối với học sinh.

Mọi trường hợp đều được dự kiến ở đây, từ ô kính cửa bị vỡ đến hai bàn tay cùng giơ lên một lúc trong phòng học; tất cả những chi tiết của cuộc đời thầy giáo đều được ghi lại ở đó, từ con số về lương của họ đến nửa chai rượu mà họ được quyền hưởng mỗi bữa ăn.

Quy chế chấm dứt bằng một bài nói hay, một diễn văn về ích lợi của chính quy chế; nhưng, mặc dù lòng tôn trọng của cậu đối với tác phẩm của ông Viot, chú Nhóc cũng không đủ sức đi đến cùng và - đúng vào đoạn hay nhất của bài văn thì cậu ngủ mất...

Đêm ấy, cậu ngủ kém. Cả ngàn giấc mơ quái lạ quấy rối giấc ngủ của cậu... Khi thì đó là những chiếc chìa khoá đáng sợ của ông Viot mà cậu tưởng như nghe thấy, lạnh canh! Lạnh canh! Lạnh canh! Hoặc giả bà tiên đeo kính vừa đến ngồi vào đầu giường, đánh thức cậu dậy; lần khác, cũng những con mắt đen - ôi! Chúng thật là đen! - Cứ ở chân giường cậu mà nhìn cậu trần trụi lạ lùng...

Ngày hôm sau, lúc tám giờ, tôi đến trường học. Ông Viot đứng ở cửa, chùm chìa khoá cầm tay, đang theo dõi học sinh ngoại trú đi vào. Ông tiếp đón tôi bằng nụ cười hiền dịu nhất của mình.

- Ông đợi dưới cổng nhé? - Ông nói với tôi - Khi học sinh vào rồi, tôi sẽ giới thiệu ông với các đồng nghiệp.

Tôi đợi dưới cổng, đi dạo ngang dọc, chào sất đất những ông thầy đang hết hơi rảo bước. Một trong những ông đó đáp lại cái chào của tôi, đó là một linh mục, giáo sư triết học.

- Một người kỳ quặc... - ông Viot bảo tôi.

Lập tức, tôi thích ông, con người kỳ quặc ấy.

Chuông rung. Các lớp đầy người... Bốn hoặc năm cậu con trai lớn từ hăm lăm đến ba mươi tuổi, ăn mặc xoàng xĩnh, vẻ mặt tầm thường, vừa đến vừa nháy nhót và sững sờ dừng lại khi thấy ông Viot.

- Này các ông - ông tổng giám thị vừa bảo họ vừa chỉ vào tôi - đây là ông Daniel Eyssette, đồng nghiệp mới của các ông.

Nói xong, ông cúi chào rồi rút lui, luôn tươi cười, cái đầu luôn ngất ngưỡng và luôn vung vẩy chùm chìa khoá khùng khiếp.

Những đồng nghiệp của tôi và tôi nhìn nhau im lặng một lúc.

Người lớn nhất và to nhất trong bọn họ lên tiếng đầu tiên; đó là ông Serrières, cái ông Serrières nổi tiếng mà tôi vừa thay thế.

- Tất nhiên! - ông kêu lên bằng một giọng vui vẻ, đúng là trường hợp để nói là thầy giáo kể tục nhau, nhưng không giống nhau.

Đó là một điều ám chỉ đến sự khác nhau lạ lùng về tầm vóc giữa chúng tôi. Người ta cười nhiều, nhiều lắm, trước hết là tôi; nhưng tôi cam đoan với bạn là vào lúc đó, chú Nhóc sẽ sẵn lòng bán hồn mình cho quỷ để chỉ cao thêm được vài tấc.

- Điều đó không hề gì - ông Serrières to lớn vừa nói thêm vừa chìa tay cho tôi - dù cho người ta không được cấu tạo để cùng đứng đo chiều cao, người ta vẫn có thể cựa với nhau vài bình. Hãy lại đây với chúng tôi, bạn đồng nghiệp... Tôi sẽ trả tiền một chén rượu *punch* ([18]) tiễn biệt ở quán café Barbette; tôi muốn là ông có mặt ở đó... ta sẽ làm quen trong khi chạm cốc.

Không để cho tôi có thời gian trả lời, ông kẹp cánh tay tôi dưới cánh tay ông và kéo tôi ra ngoài.

Quán Barbette, nơi những đồng nghiệp mới dẫn tôi tới nằm trên quảng trường chiến trận. Những hạ sĩ quan đồn trú hay đến đó và điều gây ấn tượng khi vào trong quán là số lượng mũ sacô([19]) và đai lưng treo trên mắc...

Hôm ấy, chuyến ra đi của Serrières và chén rượu tiễn biệt của ông đã lôi kéo cả bọn khách quen... Những viên hạ sĩ mà Serrières giới thiệu với tôi khi đến, đón tiếp tôi rất thân tình.

Dù sao, thực ra mà nói việc chú Nhóc tới không gây xúc động lớn và tôi bị quên đi rất nhanh, trong một góc phòng mà tôi rút rè lánh mình... Trong khi những cái cốc được rót đầy thì Serrières to lớn đến ngồi bên cạnh tôi; ông đã rời bỏ chiếc áo lễ và lấy rằng cần chiếc tẩu dài bằng đất trên đó tên ông được viết bằng chữ sành. Tất cả những người Quán phòng học có ở quán Barbette một cái tẩu như vậy.

- Này! Đồng nghiệp - Serrières to lớn bảo tôi - ông sẽ thấy là còn có những lúc dễ chịu trong

nghe nghiệp... Tóm lại, ông thật đúng lúc khi đến Sarlande để khởi nghiệp. Trước hết, rượu ngái đắng của quán Barbette là tuyệt vời và rồi, ở kia, trong cái khám, ông sẽ không quá tồi đâu.

Cái khám, đó là trường Trung học.

- Ông sẽ có việc học của bọn trẻ, bọn ranh con mà người ta điều khiển bằng roi. Phải thấy tôi đã uốn nắn chúng ra sao! Ông Hiệu trưởng không dữ; các đồng nghiệp là những chàng trai tốt; chỉ có bà già và lão Viot...

- Bà già nào? - Tôi vừa hỏi vừa nhún người.

- Ồ? ông sẽ biết ngay thôi. Vào mọi lúc ban ngày và ban đêm, người ta gặp bà lượn lờ quanh trường với cặp kính to... Đó là một bà dì của ông Hiệu trưởng và ở đây, bà làm nhiệm vụ quản chi. Ôi! Đồ đi bộm! Nếu chúng ta chưa hết đói, đó không phải là lỗi mụ.

Theo nhận dạng mà Serrières cho tôi, tôi đã nhận ra là bà tiên đeo kính và bất đắc dĩ, tôi cảm thấy đỏ mặt. Nhiều lần, tôi sắp ngắt lời bạn đồng nghiệp của tôi và hỏi ông: "Thế còn đôi mắt đen?" Nhưng, tôi không dám. Nói đến đôi mắt đen ở quán Barbette ư!...

Trong khi chờ đợi, rượu *punch* truyền nhau, những cái cốc vơi lại đầy, cốc đầy lại vơi; đó là những cái chạm cốc, những tiếng ô, ô, những tiếng a! a! Những cái gây bi-a giơ lên, những cái thúc, những tiếng cười lớn, trò chơi chữ, lời tâm sự... Dần dà chú bé Chose cảm thấy đỡ rụt rè. Cậu rời góc tường của mình và dạo quanh quán, nói to tay cầm cốc.

Vào lúc ấy, các hạ sĩ quan là bạn cậu; cậu trâng tráo kể cho một người trong số họ là mình thuộc về một gia đình giàu lắm và do một vài trò rồ dại của chàng trai, người ta đã đuổi cậu khỏi ngôi nhà của cha mẹ; cậu làm nghề quản lớp học để sống, nhưng cậu không nghĩ đến việc ở trường lại trường lâu...

Bạn hiểu chứ, với một gia đình cực kỳ giàu có!...

Ôi! Nếu bất cứ ai ở Lyon có thể nghe thấy vào lúc này, cái điều ấy. Dù sao, về chúng tôi là như thế đó! Khi ở quán Barbette, người ta biết tôi là con một gia đình thoát mọi ràng buộc, một kẻ phóng đảng, một tên vô lại xấu xa, chứ không phải như người ta có thể tin, một anh chàng khốn khổ bị cảnh nghèo khó bị buộc vào ngành sư phạm, có vậy mọi người mới nhìn tôi bằng một con mắt tốt hơn. Những viên hạ sĩ quan kỳ cựu nhất chẳng phải không thèm ngó lời với tôi; người ta còn đi khá xa: Vào lúc ra đi, Roger, thầy giáo quân sự, bạn tôi ngày hôm trước, đứng dậy và nâng cốc chúc Daniel Eyssette. Bạn thử nghĩ xem chú Nhóc có tự hào không.

Việc nâng cốc chúc Daniel Eysselte báo hiệu việc ra đi. Lúc đó là mười giờ kém một khắc, nghĩa là giờ quay về trường.

Ông mang chìa khoá chờ chúng tôi ở cửa.

- Ông Serrières - ông ta nói với người đồng nghiệp to lớn của tôi mà rượu punch tiễn biệt làm cho vấp chân - Lần cuối cùng, ông sẽ dẫn học sinh vào phòng học; khi chúng vào rồi, ông Hiệu trưởng và tôi, chúng tôi sẽ cắt đặt thầy giáo mới.

Quả vậy, vài phút sau, ông Hiệu trưởng, ông Viot và thầy giáo mới trịnh trọng bước vào phòng học.

Mọi người đứng dậy.

Ông Hiệu trưởng giới thiệu tôi với học sinh bằng một bài nói hơi dài, nhưng khá trang trọng; rồi, ông rút lui có Serrières to lớn đi theo mà rượu punch tiễn biệt làm cho ngày càng quay cuồng, ông Viot ở lại sau cùng. Ông không diễn thuyết gì, nhưng chùm chìa khoá của ông, lạnh canh, lạnh canh, lạnh canh! Nói hộ ông một cách khá đáng sợ. Lạnh canh, lạnh canh! Lạnh canh! Khá đe dọa, đến nỗi tất cả những cái đầu đều nấp xuống dưới những cái nắp bàn học và chính ông thầy mới cũng không yên lòng.

Chẳng mấy chốc chùm chìa khoá khủng khiếp đã ở bên ngoài, một đồng mặt mũi láu lỉnh ra khỏi đảng sau bàn học; tất cả những lông bút ([20]) được đưa lên miệng, tất cả những con mắt nhỏ, long lanh, nhạo báng, sợ hoảng, chăm chăm nhìn tôi, trong khi một tiếng xì xào dài chạy hết bàn nọ đến bàn kia.

Hơi lúng túng, tôi từ từ leo lên những bậc bục giảng của mình; tôi thử đảo quanh mình một cái nhìn dữ tợn, lên gân tiếng nói, tôi kêu lên giữa hai nhát mạnh, khô khốc đập lên bàn:

- Ta làm việc thôi, các vị, ta làm việc thôi!

Chính thế, chú Nhóc bắt đầu buổi học đầu tiên.

VI

BỌN TRẺ

Bọn ấy chẳng ngỗ ngược gì; đó là những đứa khác cơ. Bọn chúng chẳng bao giờ khiến tôi khổ sở, còn tôi thì yêu chúng lắm, vì chúng chưa có vẻ trường Trung học nữa và người ta nhận biết được tất cả lòng dạ chúng trong khoé mắt.

Tôi chẳng bao giờ trừng phạt chúng cả. Để làm gì chứ? Trừng phạt những con chim làm gì?... Khi chúng chiêm chiếp quá to, tôi chỉ việc kêu lên: “Im lặng?” Thế là cái chuồng chim của tôi im tiếng ngay, - ít nhất được năm phút.

Đứa lớn nhất trong lớp học là mười một tuổi. Mười một tuổi, mười một tuổi, thế đấy! Còn Serrières to lớn lại huênh hoang là điều khiển chúng bằng gậy!...

Tôi thì tôi không điều khiển chúng bằng gậy. Tôi cố luôn luôn tốt bụng, thế thôi.

Đôi khi, khi chúng thật ngoan, tôi kể cho chúng một câu chuyện... Một câu chuyện!... Sung sướng làm sao! Nhanh, nhanh, người ta gấp vở, bọn trẻ đóng sách lại; lộ mực, thước kẻ, quần bút, bọn trẻ quăng lẩn lộn dưới học bàn; rồi, tay xếp trên bàn, các em mở to mắt và nghe. Tôi đã soạn cho chúng năm- sáu chuyện kể quái dị: Những bước đầu của một chú ve. Những nỗi bất hạnh của Jean Lapin, v.v... Thế là, như ngày hôm nay, ông già La Fontaine ([21]) là một vị thánh được ưa thích hơn cả của tôi trong cuốn lịch văn học và truyện của tôi chỉ việc bình về những bài ngụ ngôn của ông; có điều tôi lồng vào đó câu chuyện riêng của mình. Luôn có một chú dế khốn khổ buộc phải kiếm sống như chú Nhóc, những con vật thuộc về Chúa vừa đóng bìa sách vừa khóc sụt sịt như Eyssette (Jacques). Điều đó khiến bọn trẻ của tôi vui thích lắm và cả tôi nữa, điều đó cũng khiến tôi vui thích lắm. Rủi thay, ông Viot không hiểu được người ta vui thích theo kiểu ấy. Ba - bốn lần mỗi tuần, con người khủng khiếp có chùm chìa khoá làm một chuyến thị sát vòng trong trường để xem mọi chuyện ở đó có diễn ra theo quy chế không... Thế mà, có một hôm, ông đến phòng học của chúng tôi đúng vào lúc bi thương nhất của câu chuyện Jean Lapin. Khi thấy ông Viot bước vào, cả phòng giật thót. Những đứa trẻ hoảng hốt nhìn nhau. Người kể dừng phắt lại. Jean Lapin sững sờ một chân vẫn dơ trên không, khiếp sợ dứng đứng nhưng chiếc tai to ([22]).

Đứng trước bục giảng của tôi, ông Viot tươi cười đảo một cái nhìn dài ngạc nhiên lên những bàn học trống trơ. Ông không nói gì, nhưng chùm chìa khoá của ông vung vẩy với một vẻ dữ tợn: “Lạnh canh! Lạnh canh! Lạnh canh! Một đồng vô lại vậy ra người ta không làm việc ở đây nữa ư?”

Tôi thử làm nguôi những chiếc chìa khoá mà cứ run hoài:

- Những vị này đã làm việc nhiều mấy hôm nay...tôi lắp bắp. Tôi muốn thưởng cho họ bằng cách kể họ nghe một câu chuyện.

Ông Viot không đáp gì cả. Ông vừa mỉm cười vừa nghiêng mình, làm cho những chiếc chìa khoá loảng xoảng một lần cuối rồi bước ra.

Buổi chiều, lúc ra chơi bốn giờ, ông đến gặp tôi, luôn mỉm cười, luôn im lặng, mà trao cho tôi tập nội quy mở ở trang mười hai: Những nhiệm vụ của thầy đối với trò.

Tôi hiểu là không được kể chuyện nữa và tôi chẳng bao giờ còn kể nữa.

Trong vài hôm, bọn trẻ của tôi khó khuây được. Jean Lapin đã bỏ chúng và điều đó khiến tôi náo lòng vì đã không thể trả lại cho chúng. Tôi yêu chúng lắm, nếu bạn biết, cái bọn trẻ ranh ấy! Chẳng bao giờ chúng tôi xa rời nhau cả...

Ngôi trường được chia làm ba khu rất cách biệt: Bọn lớn, bọn vừa và bọn bé; một khu có cái sân, phòng ngủ, phòng học của nó. Vậy là bọn bé thuộc về tôi, riêng của tôi. Hình như tôi có ba mươi lăm đứa trẻ.

Ngoài bọn chúng ra, chẳng có ai là bạn. Ông Viot cứ hoài công mỉm cười với tôi, nắm lấy cánh tay tôi lúc ra chơi, cho tôi những lời khuyên về nội quy, tôi không mền ông, tôi không thể mền ông được; những chiếc chìa khoá của ông làm tôi quá sợ.

Ông Hiệu trưởng, tôi không thấy ông ta bao giờ. Các thầy giáo khinh rẻ chú Nhóc và nhìn chú từ trên cao chiếc mũ chức vị của họ. Còn những bạn đồng sự của tôi thì do cảm tình mà người đàn ông có chìa khoá đã tỏ ra với tôi đủ khiến họ xa lánh tôi; vả lại từ khi tôi ra mắt với những viên hạ sĩ, tôi không quay lại quán cà phê Barquette nữa và những con người tử tế đó không tha thứ cho tôi đâu.

Cũng chẳng có đến ông canh cổng Cassagne và ông thầy quân sự Roger, những người không chống đối tôi. Nhất là ông thầy quân sự dường như giận tôi khủng khiếp. Khi tôi đi qua gần ông, ông vờ ria mép với một vẻ dữ tợn, rồi đảo những con mắt to, như thể ông muốn chém cả trăm tên Arab vậy. Một lần, ông nói rất to với Cassagne mà vẫn nhìn tôi là ông không ưa bọn dò la. Cassagne không trả lời gì; nhưng, tôi thấy rõ qua dáng điệu là cả ông nữa, cũng không ưa chúng... ý nói đến bọn dò la nào vậy?... Điều đó khiến tôi suy nghĩ nhiều.

Trước mỗi ác cảm đều khắp ấy, tôi vẫn ngoan cường kiên định. Ông thầy bọn trẻ cùng ở với tôi một căn phòng nhỏ, trên tầng ba, dưới mái nhà; chính ở đó tôi nấu mình vào những giờ học. Vì ông bạn đồng sự của tôi lúc nào cũng ở quán cà phê Barquette, nên căn phòng thuộc về tôi; đó là căn phòng của tôi, ngôi nhà của tôi.

Trở về phòng là tôi giam mình lại hai lần khoá, tôi kéo chiếc hòm của mình ra - không có ghế trong phòng của tôi - trước một chiếc bàn cũ loang lổ vết mực và chữ khắc bằng dao con, tôi bày lên đó tất cả sách vở và bắt tay vào việc...

Lúc đó, trời đang tiết xuân... khi tôi ngẩng đầu lên, tôi thấy bầu trời xanh thắm và những cái cây to ngoài sân đã phủ đầy lá ở bên ngoài, không một tiếng động. Thỉnh thoảng, tiếng đều đều của một cậu học trò đọc bài, tiếng một thầy giáo thốt lên giận dữ, một cuộc chí chóe dưới vòm lá của bọn chim sẻ. Rồi, tất cả lại đi vào im lặng, ngôi trường có vẻ như đi ngủ vậy.

Chú Nhóc thì không ngủ. Chú cũng không mơ màng, cách tuyệt vời để ngủ. Chú làm việc, làm việc không ngơi nghỉ, nhồi nhét đến vỡ đầu tiếng Hy Lạp và La-tinh.

Đôi khi, giữa lúc công việc khô khan, một ngón tay bí hiểm gõ vào cửa.

- Ai đấy?

- Tôi đây, Nàng Thơ, người bạn cũ của cậu, người đàn bà trong quyển vở đỏ, mở cửa cho tôi mau, chú bé Chose.

Nhưng, chú bé Chose không mở. Quả vậy, đúng là Nàng Thơ!

Cái quyển vở đỏ chết tiệt! Điều quan trọng lúc này là làm nhiều bài dịch ngược tiếng Hy Lạp, đi thi cử nhân, được phong giáo viên và gây dựng lại thật nhanh một tổ ấm tươi mát hoàn toàn mới cho gia đình Eyssette.

Ý nghĩ làm việc cho gia đình ấy tạo cho tôi lòng can đảm lớn và khiến cuộc sống của tôi êm ả hơn. Chính căn phòng của tôi cũng vì thế mà đẹp thêm...Ồi! Cái căn hầm mái, hầm mái thân yêu, ta đã trải qua biết bao giờ phút êm đẹp giữa bốn bức tường của mi! Ở đó, ta đã làm việc tốt. Ở đó, ta cảm thấy can đảm lên!...

Nếu tôi có một vài giờ phút tốt đẹp thì tôi cũng có cả những giờ phút xấu nữa. Hai lần mỗi

tuần, chủ nhật và thứ năm, phải dẫn bọn trẻ đi dạo. Cuộc đi dạo đó là một khổ hình cho tôi.

Thường thì chúng tôi đi đến Đồng cỏ, một thảm cỏ lớn trải ra như một tấm thảm ở chân núi, cách thành phố nửa dặm. Một vài cây dẻ lớn, ba bốn cái quán ngoài trời sơn màu vàng, một con suối chảy trong cỏ xanh khiến cho chốn đó thú vị và vui mắt... Ba lớp học đến đó cách biệt nhau; một khi ở đó rồi, người ta tập hợp chúng dưới sự trông coi của mỗi một thầy mà luôn luôn là tôi. Hai đồng nghiệp đi để được bọn lớn chiêu đãi ở những quán bên cạnh vì người ta không bao giờ mời tôi, tôi ở lại trông học trò... Một cái nghề khó nhọc ở cái nơi xinh đẹp ấy!

Nhưng, còn khủng khiếp hơn, không phải là trông coi bọn học trò ở Đồng cỏ mà là đi ngang thành phố với cái nhóm học trò, cái nhóm bọn nhỏ của tôi. Những nhóm khác theo gót nhau rầm rập và nên gót như những người lính cận vệ già! Điều đó toát vẻ kỷ luật và tiếng trống đánh. Bọn nhỏ của tôi, chúng chẳng hiểu gì về tất cả những điều đẹp để đó. Chúng không đi theo hàng, cầm tay nhau và liến thoắng suốt dọc đường. Tôi cứ kêu chúng hoài: "Các em giữ cự ly!" chúng không hiểu tôi và đi xiên xẹo hết.

Tôi khá hài lòng về đầu hàng của tôi. Tôi xếp ở đó những đứa lớn nhất, nghiêm túc nhất, những đứa mặc áo thụng; nhưng ở đằng đuôi thì rối ren làm sao? Lộn xộn làm sao! Một đám trẻ ngốc, đầu tóc bờm xờm. tay chân bẩn thỉu. những cái quần cộc rách bươm...Tôi không dám nhìn chúng nữa.

Đầu voi đuôi chuột ([23]), ông Viot tươi cười bảo tôi về đề tài ấy, thỉnh thoảng ông là con người dí dỏm mà.

Số là cái đuôi hàng của tôi có một cái vẻ buồn thảm. Bạn có hiểu nỗi thất vọng của tôi khi phải chường mặt mình ra ngoài phố Sarlande với bầu đoàn như vậy, nhất là ngày chủ nhật không! Chuông chũm rung lên, đường phố đầy người. Người ta gặp các cô đi cầu kinh chiều, những người hàng mũ đội chup màu hồng, những người lịch sự mặc quần màu ngọc trai. Phải đi qua tất cả những thứ đó với một tấm áo sòn và một cái nhóm kỳ cục. Xấu hổ làm sao!...

Trong số tất cả bọn quý con bờm xờm mà tôi dẫn đi chơi hai lần mỗi tuần ấy trong thành phố, có một đứa, một đứa bán trú, khiến tôi thất vọng hơn cả vì vẻ xấu xí và việc ăn mặc tồi tàn của nó. Bạn hãy hình dung một đứa bé èo ọt, bẩn thỉu, kém chải chuốt, ăn mặc tồi, xông mùi nhớp nhúa, lại còn vì ở nó thiếu đủ thứ, khắp khềnh góm ghê.

Chẳng bao giờ có học sinh như thế, tuy vậy nếu được phép gán cho nó một cái danh nghĩa học sinh lại hiện lên trên những tờ giấy ghi tên của Giáo giới nữa chứ. Thật là làm hổ danh một trường học.

Về phần tôi tự nhiên tôi thấy ghét cay ghét đắng nó; còn khi tôi nhìn thấy nó, những ngày đi dạo lạch bạch ở đuôi hàng với cái dáng của một con vịt non, bỗng lòi những muồn đập nó ra khỏi hàng vì danh dự cái nhóm của tôi.

Bamban - chúng tôi đã đặt tên cho nó Bamban, vì dáng đi còn không đều của nó nữa - Bamban không hề thuộc về một gia đình quý phái. Điều đó dễ dàng thấy được ở cung cách nói năng, cử chỉ và nhất là những mối quan hệ tốt đẹp mà nó có ở trong vùng.

Tất cả bọn trẻ ranh ở Sarlande là bạn bè của nó.

Vì nó mà khi chúng tôi ra ngoài phố, chúng tôi luôn có một đám ranh con theo đuôi, những nhặng đằng sau gọi Bamban bằng tên của nó, lấy ngón tay chỉ trỏ, ném nó bằng vỏ hạt dẻ cùng cả ngàn trò khỉ hay ho khác. Bọn trẻ của tôi lấy làm thích thú lắm, nhưng tôi, tôi không cười và mỗi tuần, tôi gửi cho Hiệu trưởng một bản báo cáo tường tận về học sinh Bamban cùng nhiều chuyện lộn xộn mà việc có mặt của nó kéo theo.

Không may, những báo cáo của tôi vẫn không có hồi âm và tôi vẫn bị buộc chường mặt ra ngoài phố, đi kèm Bamban, bẩn hơn và khắp khiềng hơn bao giờ hết.

Một ngày chủ nhật như những ngày khác; một ngày chủ nhật vui tươi và nắng tồ đẹp trời, nó đến với tôi để đi dạo trong một tình trạng ăn mặc đến nỗi tất cả chúng tôi đều thất kinh...Chúng tôi đã chẳng hề bao giờ nghĩ đến điều tương tự. Những bàn tay đen xì, giày không dây buộc, bunn bẩn đến tận đầu, hầu như không còn quần cộc nữa... một con quái vậy.

Điều đáng nực cười là hẳn hôm ấy người ta đã làm cho nó rất đẹp trước khi giao nó cho tôi.

Cái đầu nó được chải kỹ hơn ngày thường, vẫn còn cứng vì xáp, còn nút cravat thì có một cái gì đó toát lên bàn tay người mẹ. Nhưng có biết bao rãnh nước trước khi đến trường!... Bamban đã lăn vào tất cả.

Khi tôi thấy nó gia nhập hàng ngũ giữa những đứa khác, bình thản và tươi cười như chẳng hề có gì xảy ra, tôi có một động tác khiếp sợ và bất bình.

Tôi kêu với nó:

- Cút đi!

Bamban cho là tôi đùa và tiếp tục mỉm cười. Hôm ấy, nó nghĩ là mình rất đẹp!

Tôi lại kêu với nó:

- Cút đi! Cút đi!

Nó nhìn tôi với vẻ buồn bã và phục tùng, mắt nó cầu khẩn; nhưng tôi không động lòng và nhóm học sinh không xao động, để nó lại một mình, bất động giữa phố.

Tôi tưởng mình giữ được nó suốt buổi thì lúc ra khỏi thành phố, những tiếng cười và xì xào ở hàng cuối khiến tôi quay đầu lại. Cách chúng tôi đằng sau bốn năm bước, Bamban chậm rãi theo đuôi cuộc đi dạo.

- Gấp bước lên - Tôi bảo hai hàng đầu.

Bọn học trò hiểu ý nói là phải chơi khăm kẻ khắp khiêng và nhóm học sinh bắt đầu đi nhanh dần lên.

Thỉnh thoảng, người ta quay lại để xem nhỡ Bamban có thể theo sau và người ta cười khi thấy nó ở đằng kia, thật xa, to bằng quả dấm, nháy nhót trong bụi đường giữa đám hàng bánh ngọt và nước chanh.

Kẻ say đắm đó đến Đồng cỏ hầu như cùng lúc với chúng tôi Duy có điều, nó tái đi vì mệt và đuôi chân trông thương hại. Vì thế, lòng tôi xúc động và hơi xấu hổ về sự tàn ác của mình, tôi dịu dàng gọi nó lại gần tôi.

Nó có một cái áo choàng nhỏ bạc màu, kẻ ô màu đỏ, cái áo của chú bé Chose ở Trường Trung học Lyon.

Tôi nhận ra ngay chiếc áo ấy và trong lòng mình, tôi tự nhủ: “Khốn khổ, mi không xấu hổ ư? Thế mà chính mi, đó là chú bé Chose mà mi đùa hành hạ như vậy đấy”. Và ghen ngào những giọt nước mắt nội tâm, tôi bắt đầu yêu hết lòng kẻ thua thiệt khốn khổ ấy.

Bamban ngồi bệt xuống đất vì bắp chân khiến nó đau. Tôi ngồi bên nó. Tôi nói với nó...Tôi mua cho nó một quả cam...Tôi cứ muốn rửa chân cho nó.

Kể từ hôm đó, Bamban trở thành bạn của tôi. Tôi biết về nó những điều mủi lòng.

Đó là con một ông phó rèn, khi nghe tán tụng khắp nơi những điều tốt của giáo dục, con người khốn khổ ấy đã chịu thiếu thốn nhiều để gửi con bán trú vào trường học. Nhưng, than ôi, Bamban không quen với trường học và nó không tranh thủ được mấy.

Hôm nó đến, người ta cho nó một mẫu những nét xố mà bảo:

- Tập nét xố đi!

Và từ một năm nay, Bamban tập nét xố. Và nét xố nào, trời ơi! vắn vẹo, bắn thiu, què cụt, thất thiếu, những nét sổ của Bamban...

Chẳng ai lo cho nó. Nó chẳng tham gia riêng vào một lớp nào cả; nói chung, nó bước vào lớp nào mà nó thấy mở cửa.

Một hôm, người ta thấy nó đang tập nét sổ trong lớp triết...

Thật là một trò ngốc, cái tên Bamban ấy! Đôi khi, tôi nhìn thấy nó trong phòng học, gập người làm hai trên giấy, toát mồ hôi, thở phì phò, lè lưỡi, cầm chắc cái bút trong tay và hết sức ấn như thể nó muốn băng ngang cái bàn vậy... Cứ mỗi nét xố, nó lại chấm mực mà cuối mỗi dòng nó lại rứt lưỡi vào và xoa tay nghỉ.

Giờ đây, Bamban làm việc hết sức vui lòng vì chúng tôi là bạn bè.

Khi nó hết một trang, nó xăng xái leo lên giảng đài của tôi bằng bốn chân, rồi đặt tuyệt tác của nó trước mặt tôi, chẳng nói gì.

Tôi vỗ nhẹ nó, âu yếm bảo:

- Rất tốt đấy.

Thật là gớm guốc, nhưng tôi không muốn làm nó nhụt chí.

Quả thực dần dà những nét xố bắt đầu đi thẳng hơn, ngòi bút kém xố mực hơn và mực đỡ dây ra vở... tôi tin là mình sẽ dạy nó bằng được một điều gì; chẳng may, số phận lại chia lìa chúng tôi. Ông thầy bọn trẻ rời khỏi trường. Vì đã gần cuối năm học. Hiệu trưởng không muốn nhận một thầy mới. Người ta xếp một nhà tu từ có râu vào giảng đài bọn nhỏ, nên chính tôi phải đảm nhiệm lớp bọn trẻ.

Tôi coi chuyện đó như một thảm họa.

Lúc đầu bọn trẻ làm tôi phát sợ. Tôi đã nhìn thấy chúng hành xử những ngày ở Đồng cỏ và ý nghĩ là mình sẽ sống mãi với chúng khiến tôi đau lòng. Rồi, phải rời bọn nhỏ của tôi, bọn nhỏ thân thiết mà tôi rất yêu... Đối với chúng nhà tu từ có râu sẽ ra sao?... Bamban sẽ ra sao? Tôi thật sự khổ sở. Và cả bọn nhỏ của tôi nữa cũng đau buồn thấy tôi ra đi.

Cái ngày mà tôi dạy chúng buổi cuối cùng, có một lúc cảm động khi chuông reo... Tất cả chúng muốn ôm hôn tôi. Tôi xin cam đoan là có cả một số tìm những điều thú vị mà nói với tôi.

Còn Bamban?...

Bamban chẳng nói gì. Duy lúc tôi bước ra, nó xán lại gần tôi, mặt đỏ ửng và đặt vào tay tôi một cách trịnh trọng một quyển vở lộng lẫy những nét xố mà nó đã vạch theo ý tôi.

Khổ thân Bamban!

VII

VIÊN GIÁM THỊ

Vậy là tôi quản lớp học bọn trẻ.

Tôi gặp ở đó năm chục tên ngỗ ngược, người vùng cao má phính tuổi từ mười hai đến mười bốn, con những tá điền giàu có mà cha mẹ chúng gửi đến trường để làm nên những nhà tư sản nhỏ với giá một trăm hai mươi quan mỗi quý.

Thô lỗ láo xược kiêu căng, nói với nhau một thứ thổ ngữ khó nghe vùng Cévenes mà tôi chẳng hiểu gì, hầu như tất cả chúng có nét xấu đặc biệt ở trẻ con vỡ tiếng, những bàn tay to màu đỏ bị cước, tiếng nói của những con gà non bị rù, ánh mắt mê muội và qua đó là mùi trường học... Chúng ghét ngay tôi mà chẳng hiểu tôi. Đối với chúng, tôi là kẻ thù, viên giám thị; và vào cái ngày mà tôi ngồi vào giảng đài của mình, đó là một trận chiến giữa chúng tôi, một cuộc chiến ác liệt, không ngơi nghỉ, ở mọi lúc.

Ôi! Những đứa trẻ độc ác, thật là chúng làm tôi đau khổ!...

Tôi muốn nói đến điều đó không hiềm thù, những nỗi buồn ấy đã xa chúng tôi rồi!... Than ôi! Không, tôi không thể; mà này! Ngay vào lúc tôi viết những dòng này, tôi cảm thấy tay mình run lên vì say mê và cảm động. Tôi thấy như mình vẫn còn ở đó.

Tôi hình dung là chúng chẳng còn nghĩ đến tôi nữa. Chúng chẳng còn nhớ đến chú bé Chose, cũng như cái kính kẹp mũi đẹp mà cậu mua để tạo cho mình vẻ trang trọng hơn đó...

Giờ đây, học trò cũ của tôi là những người lớn, những con người đứng đắn. Sabayrol hẳn là viên công chứng đầu đó trên kia, trong vùng Cévennes; Veillon (bé), thư ký toà án; Loupi, dược sĩ và Bouzanquet, nhà thú y. Chúng có địa vị, một cái bụng, tất cả những gì cần.

Tuy nhiên, đôi khi, lúc chúng tôi gặp nhau ở câu lạc bộ hoặc trên Quảng trường Nhà thờ, chúng tôi nhớ lại cái thời tốt đẹp ở trường Tiểu học và có lẽ lúc đó, chúng sẽ nói đến tôi.

- Này, thư ký toà, mày có nhớ đến chú bé Eyssette, viên giám thị cũ chúng ta ở Sarlande, có bộ tóc dài và khuôn mặt xanh xao không? Chúng ta đã gây cho hắn biết bao trò đùa nhả!

Đúng vậy, các vị ạ. Các vị đã gây cho chú những trò đùa nhả và viên giám thị cũ của các vị vẫn còn chưa quên...Ồi! Viên giám thị khốn khổ! Cậu đã làm các vị cả cười! Các vị đã làm cậu khóc nhiều!...Phải, khóc!...Các vị đã làm cậu khóc và đó chính là điều đã làm cho những trò nhả của các vị thật là thú vị...

Biết bao lần, vào cuối một buổi hành hạ, cái gã nghèo kiệt nằm co trên giường, đã cắn cái chăn để cho các vị khỏi nghe thấy những tiếng nức nở của gã...

Thật là khủng khiếp phải sống trong cảnh ác ý, luôn luôn sợ sệt, cảnh giác, dữ dằn, được vũ trang, thật là khủng khiếp phải trừng phạt - Người ta làm những điều bất công một cách bất đắc dĩ - Khủng khiếp phải ngờ vực, phải thấy khắp nơi những cạm bẫy, không được ăn yên ổn, ngủ yên ổn, phải luôn đề phòng bị chơi khăm, ngay cả vào những lúc nghỉ ngơi: “Ồi Trời ơi!... bây giờ, chúng sẽ làm gì ta đây?” Không, dù cho cậu sống đến trăm tuổi, viên giám thị Daniel Eyssette sẽ không bao giờ quên tất cả những gì cậu chịu đựng ở ngôi trường Sarlande kể từ cái ngày buồn mà cậu bước vào lớp bọn nhõ.

Và mặc dù vậy - Tôi không muốn nói dối - Tôi đã thu được điều gì đó khi thay lớp học. Giờ đây, tôi thấy những con mắt đen.

Hai lần mỗi ngày, vào giờ ra chơi, tôi nhận ra chúng từ xa đang làm việc đằng sau một cửa sổ tầng nhất trông ra sân bọn nhõ... Chúng đang ở kia, đen hơn, to hơn bao giờ hết, từ sáng đến chiều cúi xuống một đường may vô tận; vì những con mắt đen đang may, chúng không ngừng may. Đó là để may, chỉ để may mà bà tiên già đeo kính đã đón chúng từ nhà Trẻ lạc về - Nhưng con mắt đen chẳng biết cả cha lẫn mẹ - Và suốt cả năm, chúng may, may không ngừng dưới con mắt khắt khe của bà tiên khủng khiếp đeo kính đang kéo cọc sợi bên cạnh chúng.

Tôi, tôi nhìn chúng. Tôi thấy như những lúc ra chơi quá ngắn. Tôi đã trải qua cuộc đời dưới cái cửa sổ có phúc mà đằng sau đó những con mắt đen làm việc. Chúng cũng biết là tôi đang ở đó. Thỉnh thoảng, chúng ngược lên khỏi đường may và nhờ ánh mắt, chúng tôi nói với nhau - Mà chẳng trao lời.

- Thày khốn khổ lắm, phải không, thày Eyssette?

- Và, các em nữa, những con mắt đen khốn khổ?

- Chúng em thì chúng em chẳng có cả cha lẫn mẹ.

- Ta thì bố mẹ đều xa.

- Bà tiên đeo kính thật khủng khiếp, thày biết không?

Chà, bọn trẻ làm khổ tôi lắm.

- Gắng lên, thày Eyssette ạ.

- Gắng lên, những con mắt đen đẹp đẽ ạ.

Người ta không bao giờ nói với nhau nhiều hơn. Tôi luôn sợ nhìn thấy ló mặt ông Viot cùng chùm chìa khoá, - lạnh canh! Lạnh canh! Lạnh canh - Và trên kia, đằng sau cánh cửa sổ những con mắt đen cũng có ông Viot của chúng. Sau cuộc đối thoại một phút, những con mắt đen lại cụp nhanh xuống và tiếp tục khâu dưới con mắt dữ tợn của cặp kính lớn có gọng bằng thép.

Những con mắt đen thân mến! Bao giờ chúng ta cũng chỉ nói với nhau ở những quãng cách xa bằng những cái nhìn lén, mà trong khi đó thì tôi yêu chúng hết lòng mình.

Tất nhiên, cũng còn Trưởng tu viện Germane mà tôi rất mến...

Ông Trưởng tu viện Germane ấy là thày dạy triết. Ông được xem là một người kỳ quặc và

trong trường, tất cả mọi người đều sợ ông, ngay cả Hiệu trưởng, ngay cả ông Viot. Ông ít nói, bằng một giọng gãy gọn, đánh thép xung hô thân mật với tất cả chúng tôi, đi xoạc bước, đầu hất ra sau, cái áo dòng vén lên, nện gót đôi giày có khoá giống như một lính đầu rồng vậy. Ông to khoẻ. Từ lâu tôi cứ nghĩ là ông rất đẹp; nhưng một hôm, nhìn ông gần hơn, tôi nhận ra là, gương mặt quý phái của con người bảnh bao ấy bị biến dạng khủng khiếp bởi bệnh đậu mùa. Chẳng có một góc mặt nào không bị bám vằm, sứt sẹo, một Mirabeau ([24]) mặc áo dòng.

Trưởng tu viện sống âm thầm và đơn độc trong một căn phòng nhỏ mà ông chiếm ở đầu ngôi nhà người ta gọi là trường cũ. Chẳng có ai vào nhà ông bao giờ trừ hai thằng em ông, hai tên vô lại ngỗ ngược trong lớp học của tôi... Buổi tối, khi băng ngang những cái sân để lên phòng ngủ, người ta nhận ra, trên cao kia, trong những toà nhà màu đen và đồ nát của ngôi trường cũ một ánh sáng nhỏ nhợt nhạt, còn trong đó là ngọn đèn của Trưởng tu viện Germane. Buổi sáng, nhiều lần khi xuống phòng học lúc sáu giờ, qua sương mù, tôi nhìn thấy ngọn đèn vẫn còn sáng; trưởng tu viện Germane đã không ngủ... Người ta nói là ông đang làm việc về một tác phẩm triết học lớn.

Về phần tôi, ngay cả trước khi quen ông, tôi cảm thấy một mối cảm tình sâu nặng đối với ông Trưởng tu viện lạ lùng này.

Gương mặt khủng khiếp và đẹp của ông cứ rạng lên vẻ thông minh cuốn hút tôi. Chỉ có điều người ta đã làm tôi hoảng về câu chuyện kỳ quặc và tàn bạo khiến tôi không dám tới gặp ông.

Tuy vậy, tôi đi đến đó và thế là tôi gặp may.

Thì đây, trong những hoàn cảnh nào...

Phải nói với bạn là trong thời gian đó, tôi bị ngập đến tận cổ vào môn lịch sử triết học... Một công việc nhọc nhằn đối với chú Nhóc!

Thế mà, có một hôm, tôi nảy ra ý muốn đọc Condillac.

Trong số chúng tôi, lão ấy ([25]) cũng không đáng công phải đọc; đó là một triết gia để mà cười đùa, tất cả hành lý triết học của ông gói ghém trong cái mặt nhăn giá hai mươi lăm xu; nhưng bạn biết đấy khi người ta còn trẻ, về sự vật và về con người, người ta có những ý nghĩ hoàn toàn lệch lạc.

Vậy là tôi muốn đọc Condillac. Bằng bất cứ giá nào, tôi cũng phải có một cuốn Condillac. Rủi thay, tủ sách của trường cực kỳ thiếu và những nhà bán sách ở Sarlande không giữ mục ấy. Tôi quyết hỏi Trưởng tu viện Germane. Các em ông đã bảo tôi là phòng ông ấy chứa hơn hai ngàn tác phẩm và tôi không ngờ là tìm thấy trong nhà ông cuốn sách tôi mơ. Nhưng, con người quái gở đó khiến tôi sợ và để quyết định leo lên sào huyệt của ông, không phải là quá đáng về tất cả lòng yêu của tôi đối với de Condillac.

Khi đến trước cửa, bắp chân tôi run rẩy vì sợ... Tôi gõ hai lần rất nhẹ.

- Vào đi! - Một tiếng nói của người khổng lồ đáp lại.

Ông Trưởng tu viện Germane khủng khiếp ngồi dạng chân trên một cái ghế thấp, chân duỗi, cái áo dòng vén lên và để lộ những bắp thịt lớn nổi lên mạnh mẽ trong những cái tất lụa đen.

Tỳ khuỷu tay lên lưng ghế, ông đang đọc một cuốn sách khổ hai có mép đỏ và hút ầm ĩ một chiếc tẩu nhỏ và ngắn màu nâu, thuộc loại mà người ta gọi là “ống điều ngắn”.

- Cậu đấy à! Ông vừa bảo tôi vừa hơi ngược mắt lên trên cuốn sách. Xin chào! Cậu khoẻ không? Cậu muốn gì?

Cái quả quyết của giọng ông nói, cái vẻ nghiêm nghị của căn phòng phủ toàn sách, cái cách ngồi thoải mái của ông, cái tẩu nhỏ mà ông cắn ở răng, tất cả những cái đó khiến tôi e ngại lắm.

Tuy nhiên, tôi cũng cắt nghĩa được qua quýt mục đích chuyển viếng thăm của tôi và hỏi cuốn Condillac nổi tiếng.

- Condillac! Cậu muốn đọc Condillac ư? - ông Trưởng tu viện vừa đáp lại tôi vừa mỉm cười - Cái ý nghĩ thật là lạ!... Sao cậu không hút với tôi một tẩu thuốc có hơn không? Tháo hộ tôi cái ống điều dài đẹp treo ở trên tường kia, rồi châm nó lên...Cậu sẽ thấy, thật là tuyệt hơn hết thấy mọi ông Condillac trên trái đất.

Tôi vừa đỏ mặt vừa làm điệu xin thứ lỗi.

- Cậu không muốn à?... Tùy cậu thôi, con trai ạ...Condillac của cậu ở trên kia kìa, giá thứ ba bên trái ấy... Cậu có thể lấy đi; tôi cho cậu mượn đấy, nhưng đừng làm hỏng nó, nếu không tôi xéo tai cậu.

Tôi với lấy cuốn Condillac trên giá thứ ba bên trái và sắp rút lui thì ông Trưởng tu viện giữ tôi lại.

- Thế cậu cũng chú tâm đến triết học à? - Ông vừa nói với tôi vừa nhìn vào mặt - Có phải cậu vô tình tin vào nó không?...Có những câu chuyện, bạn thân mến ạ, thuần túy là chuyện! Và bảo là chúng muốn làm tôi thành một ông thầy dạy triết. Tôi xin hỏi cậu một chút... Dạy cái gì? Con số không, chẳng gì sốt. Chúng cũng có thể tốt cả thôi, trong khi chúng ở đó, tiền cử tôi làm Tổng thanh tra vì sao hoặc một người kiểm soát khói tẩu thuốc... Ôi! Khốn khổ cho tôi! Đôi khi phải làm những nghề đặc biệt để kiếm sống...Cả cậu nữa, cậu cũng biết chút ít gì đó phải không?... Ồ, cậu chẳng cần phải đỏ mặt. Tôi biết là cậu chẳng sung sướng gì, chú giám thị khốn khổ của tôi ạ, còn bọn trẻ thì khiến cậu khó sống.

Đến đây, Trưởng tu viện Germane ngừng một lúc. Ông tỏ ra rất tức giận nên cái tẩu rung trên móng tay một cách dữ dội.

Tôi thì, khi nghe con người đáng kính đó động lòng như vậy về số phận mình, tôi cứ thấy cảm kích và tôi đã đặt cuốn Condillac che lấy mắt để giấu những giọt nước mắt to đã rung rung. Hầu như tức thì, Trưởng tu viện lại nói:

- À! Tôi quên hỏi cậu... Cậu có kính Chúa không?... Phải yêu kính Người, cậu thấy không! Bạn thân mến ạ, và tin tưởng ở Người, cầu nguyện Người nhiều; nếu không, cậu sẽ chẳng bao giờ vượt qua được khó khăn... Với những nỗi đau đớn của cuộc đời tôi chỉ biết có ba phương thuốc: Làm việc, cầu kinh và hút tẩu, cái tẩu bằng đất, rất ngắn, cậu nên nhớ điều đó...Còn đối với những triết gia thì đừng trông vào đấy; họ chẳng bao giờ an ủi cậu được gì. Tôi đã từng trải, cậu có thể tin tôi.

- Tôi tin ngài, ngài Trưởng tu viện ạ.

- Bây giờ, cậu đi đi, cậu làm tôi mệt... Khi cậu muốn có sách, cậu chỉ việc đến lấy. Chìa khóa phòng tôi luôn ở trên cửa, còn những triết gia luôn trên giá thứ ba bên trái... Đừng nói với tôi nữa... Xin chào!

Đến đó, ông lại đọc sách và để mặc tôi đi ra, cũng chẳng nhìn tôi nữa.

Kể từ hôm đó, tôi được dùng tất cả những triết gia trên đời; tôi vào nhà Trưởng tu viện Germane mà chẳng gõ cửa, như nhà mình vậy. Thường thì, vào lúc tôi đến, Trưởng tu viện lên lớp, nên căn phòng trống trải. Cái tẩu nhỏ nằm trên mép bàn, giữa những cuốn sách và vô khối tờ giấy đầy chữ viết như gà bới...

Đôi khi, Trưởng tu viện cũng có mặt ở đó. Tôi thấy ông đang đọc viết, đi dọc đi ngang, bước xoạc cẳng. Khi vào, tôi nói bằng một giọng rụt rè:

- Xin chào ngài Trưởng tu viện!

Phần lớn thời gian, ông không trả lời tôi... Tôi lấy sách của triết gia trên giá thứ ba bên trái, rồi tôi bỏ đi mà người ta cũng chẳng có ngay cả cái vẻ ngờ đến sự có mặt của tôi... Cho đến cuối năm, chúng tôi vẫn chẳng trao đổi với nhau nhiều lời, nhưng, chẳng sao! Có cái gì đó trong chính bản thân báo cho tôi biết rằng chúng tôi là những người bạn lớn...

Trong khi đó trường sắp tới kỳ nghỉ hè. Suốt ngày, người ta nghe thấy những học sinh âm nhạc ôn luyện, trong lớp học vẽ, những điệu polka ([26])và hành khúc dành cho lễ phát phần thưởng.

Những điệu polka đó khiến mọi người vui vẻ. Buổi chiều, vào lớp cuối ngày, người ta thấy lôi ra khỏi những bàn học một đồng lịch nhỏ và mỗi đứa trẻ vạch trên cuốn của mình cái ngày vừa mới hết: "Lại bớt đi một ngày!". Sân đầy những tấm ván dựng khán đài; người ta đập những chiếc ghế bành, người ta giữ những tấm thảm... Chẳng còn làm việc, chẳng còn kỷ luật. Cho đến cùng, luôn chỉ có nỗi thù hằn viên giám thị và những trò đùa nhả, những trò đùa nhả khủng khiếp.

Cuối cùng, cái ngày lớn lao đã tới. Đã đến lúc; tôi không chịu được nữa. Người ta phát phần thưởng trong cái sân của tôi, cái sân của bọn học trò nhỏ...Tôi còn thấy nó với cái lều sặc sỡ những bức tường phủ da trắng, những cái cây lớn xanh lục đầy cỏ và ở bên dưới cả một đồng lộn xộn mũ chụp đầu, kệpi, sakô, casket, mũ gắn hoa, ủng thêu, lông chim, dải băng, búp, chùm... ở trong cùng, một khán đài dài, nơi sắp xếp những vị chức quyền của trường trong những chiếc ghế bành bằng nhung đỏ thẫm... ôi! Cái khán đài ấy, người ta cảm thấy thật là nhỏ bé trước vô số những vật dụng! Thật là một vẻ coi khinh và trịch thượng lớn lao nó tạo cho những ai ở bên trên! Chẳng có ai trong số những vị đó có vẻ mặt quen thuộc nữa.

Trường tu viện Germane, cả ông nữa cũng ở trên khán đài, nhưng ông tỏ ra không ngờ điều đó. Duỗi dài trong chiếc ghế bành của mình, cái đầu ngả ra, ông nghe những người bên cạnh mình bằng một cái tai lơ đãng và dường như theo dõi bằng mắt, qua tán lá, làn khói của một cái tẩu tống tượng.

Dưới chân khán đài, âm nhạc, kèn trombon và kèn khoá lấp lánh dưới nắng, ba nhóm học sinh dồn lại trên những chiếc ghế dài cùng những thầy giáo làm quân tập hậu; rồi, ở đằng sau, đám hỗn độn ông bố bà mẹ, ông thầy lớp đệ nhị vừa chìa tay cho các bà vừa kêu: “Đẹp Đẹp!” và cuối cùng lẫn vào giữa đám đông, những chiếc chìa khoá của ông Viot chạy suốt từ đầu nọ đến đầu kia sân và người ta nghe thấy - Lạnh canh! Lạnh canh! Lạnh canh ở bên phải, ở bên trái, ở đây, khắp nơi vang lên tiếng lạnh canh.

Cuộc lễ bắt đầu, trời nóng. Ở dưới lều thiếu không khí... có những bà to béo đỏ ửng thiếp ngủ dưới bóng những chiếc lông đuôi cò của họ và những ông đầu hói thắm mồ hôi đầu bằng những chiếc khăn màu hoa mỹ nhân. Tất cả đều màu đỏ: Mặt mũi, thắm, cò, ghế,... Chúng tôi có ba bài nói mà người ta vỗ tay nhiều; nhưng tôi thì không nghe thấy chúng. Trên kia, đằng sau cánh cửa sổ tầng một, những con mắt đen đang may ở cái chỗ quen thuộc và hồn tôi hướng về chúng... Những con mắt đen khốn khổ! Ngay cả ngày hôm ấy bà tiên đeo kính cũng không để chúng nghỉ việc.

Khi cái tên cuối cùng của người được giải khuyến khích cuối cùng, lớp cuối cùng đã được công bố, nhạc tấu lên một điệu hành khúc chiến thắng thì... tất cả tán loạn. Hỗn độn tất cả. Thầy giáo xuống đài, học sinh nhảy qua ghế để bắt gặp gia đình. Người ta ôm hôn nhau, người ta gọi nhau: “Đi, lối này! Đi lối này!” Chị của những người được giải tự hào ra đi cùng với những phần thưởng của em mình. Những chiếc áo lụa kêu sột soạt qua những chiếc ghế... Im lìm đằng sau một cái cây, chú bé Chose rất ốm yếu và hết sức xấu hổ mặc chiếc áo sòn, đang nhìn những phu nhân xinh đẹp đi qua.

Dần dần, cái sân vui đi. Ở cửa lớn, Hiệu trưởng và ông Viot đang đứng vuốt ve bọn trẻ ở lối đi: cúi sát đất chào các bố mẹ của chúng.

- Hẹn đến sang năm, hẹn đến sang năm! - Ông Hiệu trưởng nói với một nụ cười dịu dàng.

Chùm chìa khoá của ông Viot leng keng đầy rộn rã: “Lạnh canh! Lạnh canh! Lạnh canh! Trở lại nhé, các bạn nhỏ. Sang năm trở lại nhé?”

Bọn trẻ để cho hôn một cách lơ đãng và xuống cầu thang bằng một cái nhảy.

Chúng bước lên những cỗ xe đẹp có gia huy, nơi mẹ và chúng xếp gọn những chiếc váy lớn để dành chỗ: Lách Cách!..Lên đường về lâu đài!..Chúng ta sẽ thấy lại vườn hoa, thảm cỏ của chúng ta, cái đu dưới những cây keo, những chuồng chim đầy chim hiếm, bồn nước có hai thiên nga và cái sân thượng lớn với hàng song, nơi người ta uống nước qua buổi tối.

Có những đứa leo lên những chiếc xe chở khách của nhà, bên cạnh những cô gái xinh tươi cười ngon lành dưới những chiếc mũ trắng. Bà chủ trại đánh xe cổ sợi dây chuyền vàng xung quanh cổ... Ra roi đi, Mathurine! Ta trở về trang trại; ta sẽ ăn những miếng bánh phết bơ, uống rượu nho suốt ngày, ăn theo lối nhử chim và lẫn trong cỏ khô toả hương.

Thật là những đứa trẻ sung sướng! Chúng bỏ đi, chúng ra đi tất cả...Ôi! Nếu cả ta cũng có thể ra đi nốt...

VIII

ĐÔI MẮT HUYỀN

Giờ đây, ngôi trường vắng tanh. Mọi người đã ra đi... Từ đầu nọ đến đầu kia những phòng ngủ, những đại đội chuột cống to làm nhiệm vụ lính kỵ giữa ban ngày. Những trap bút khô đi dưới học bàn. Trên những cây ngoài sân, bầy chim sẻ vui hót; những ông mãnh ấy đã rủ đến đây tất cả bạn bè của thành phố, của toà giám mục, của quận lỵ và từ sáng đến chiều là một cảnh chí choé đình tai.

Từ căn phòng mình, dưới mái nhà, chú Nhóc vừa nghe chúng vừa làm việc. Vì thương hại, người ta đã giữ cậu ở trong nhà trong kỳ nghỉ hè. Cậu lợi dụng thế để miệt mài học những triết gia Hy Lạp. Có điều, căn phòng quá nóng mà trần thì thấp, người ta chết ngộp ở bên dưới... Không có lá chóp ở cửa sổ.

Nắng lọt vào như một ngọn đuốc châm lửa khắp nơi. Lốp vữa của những cái xà kêu tanh tách và bong ra... Những con ruồi lớn ngọt vì nóng, bám vào kính mà ngủ... Cậu Nhóc thì hết sức cố để khỏi ngủ. Đầu cậu nặng như chì; hàng mi mấp máy.

Làm việc thôi, Daniel Eyssette... Phải dừng lại tổ ấm... Nhưng không! Cậu không thể... Chữ trong sách nhảy múa trước mắt; rồi cuốn sách đó quay, rồi cái bàn, rồi căn phòng.

Để xua đuổi sự uể oải lạ lùng đó chú Nhóc đứng dậy, đi vài bước, cậu lão đảo và ngã xuống đất như một khối nặng, bị choáng vì buồn ngủ. Bên ngoài, chim sẻ ríu rít; ve sầu kêu nhưc nhối; những cây tiêu huyền, trắng phếch bụi, vừa tróc vẩy ngoài nắng vừa vươn cả ngàn cành ra.

Chú Nhóc mơ một giấc đặc biệt; hình như người ta gõ vào cửa phòng chú và một tiếng rang tảng gọi cậu bằng tên:

"Daniel, Daniel?... " Tiếng gọi ấy, cậu nhận ra nó. Đó cũng là cái giọng đã kêu trước đây: "Jacques, mày là một con lừa!"

Tiếng gõ gấp bên ngoài cửa: "Daniel, Daniel của cha, cha con đây, mở mau".

Ồ! cơn ác mộng khủng khiếp. Chú Nhóc muốn đáp lại, ra mở cửa. Cậu tỳ khuỷu nhồm dậy: Nhưng đầu cậu quá nặng, cậu lại ngã xuống và mất trí...

Khi Chú Nhóc tỉnh lại, cậu hoàn toàn kinh ngạc thấy mình ở trong một chiếc giường trắng tinh, có rèm lớn bao quanh màu xanh, rủ bóng khắp bề... ánh sáng dịu, căn phòng yên tĩnh.

Chẳng có tiếng động nào khác ngoài tiếng tíc-tắc của một chiếc đồng hồ và tiếng lanh canh của một cái thìa va vào đồ sứ... Chú Nhóc chẳng biết mình ở đâu; nhưng, cậu cảm thấy rất dễ chịu.

Những cái rèm hé mở. Ông Eyssette bố, tay cầm một cái tách cúi mình xuống cậu với một nụ cười đôn hậu và nước mắt lưng tròng. Cậu bé Chose có thể tiếp tục giấc mơ của mình.

- Có phải cha đấy không, cha? Có thật cha đấy không?
- Phải, Daniel của cha ạ! Phải, con thân yêu, chính cha đây.
- Thế con ở đâu vậy?
- Ở bệnh xá, đã tám ngày rồi... bây giờ con đã khỏi, nhưng con đã ốm to...
- Còn cha, cha ạ, làm sao cha lại ở đây? Hôn con nữa nào!...Ồ! này! Được thấy cha, hình như con vẫn cứ mơ.

Eyssette cha hôn cậu:

- Nào! Con đắp chăn đi, chóng ngaoan... Thầy thuốc không muốn cho con nói.

Và để cho đứa con khỏi nói, người cha tử tế nói luôn mồm:

- Con có hình dung là cách đây tám ngày, Công ty rượu vang cử cha làm một chuyến đi vòng vùng Cévennes. Con có tưởng tượng được cha lấy làm hài lòng ra sao; một dịp để thăm Daniel của mình? Cha đến trường... Người ta gọi con, người ta tìm con... Chẳng thấy Daniel. Cha bảo dẫn cha đến phòng con; chìa khoá lại ở bên trong... Cha gõ cửa: Chẳng có ai cả. Sầm! Cha đập cửa một cái và cha thấy con ngã xoài dưới đất, bị sốt dữ dội... Ôi! Con tội nghiệp, con thật ốm yếu! Ngất đi năm ngày! Cha đã không rời con một phút... Con hôn mê suốt; con luôn mồm nói dừng lại tổ ấm. Tổ ấm nào? Nói đi!... Con kêu: "Không có chìa khoá! Bỏ chìa ra khỏi ổ khoá!" Con cười ư? Cha thì cha xin thề với con là cha không cười. Trời ơi? Con đã khiến cha trải qua những cái đêm nào vậy!... Con có hiểu tất cả những điều đó không! Ông Viot đúng là ông Viot có phải không - Người muốn ngăn cha ngủ trong trường! Ông ta vẫn nguyên tắc...À! rất phải! Nguyên tắc. Cha, cha có hiểu quy chế của ông ta không? Cái tay rộm người ấy nghĩ là làm cha sợ khi rung chùm chìa khoá trước mặt. Cha đã chỉnh cho ông ta một trận, nào!

Chú Nhóc run lên vì lòng táo tợn của ông Eyssette; rồi, quên khuấy chùm chìa khoá của ông Viot:

- Thế còn mẹ con? Cậu vừa hỏi vừa đưa cánh tay như thể mẹ cậu ở kia, trong tầm vuốt ve của mình.

- Nếu con tung chăn ra, con sẽ chẳng biết gì cả, Eyssette trả lời bằng một giọng giận dữ. Nào! Con đắp chăn đi... Mẹ con vẫn khoẻ, bà ở nhà cậu Baptiste.

- Còn Jacques?

- Jacques ư? Đó là một con lừa!... Khi cha nói một con lừa thì con hiểu đó là một cách để nói... Ngược lại, Jacques là một đứa trẻ rất can đảm... Đừng tung chăn ra nào, khổ quá! Địa vị của nó tốt lắm. Thế mà nó khóc luôn. Nhưng, vả lại nó hài lòng lắm. Ông giám đốc đã lấy nó làm thư ký... Nó chỉ việc viết theo lời đọc. Một tình cảnh thật dễ chịu.

- Vậy là anh ấy sẽ suốt đời bị buộc phải viết theo lời đọc, Jacques tội nghiệp?...

Nói lên điều đó, chú Nhóc cất tiếng cười hể hả. Còn Eyssette thì cười vì thấy cậu cười mà vẫn như mắng cậu vì cái chăn đáng nguyên rửa lộn tung...

Ôi! Cái bệnh xá diễm phúc! Thật là những giờ phút thú vị chú bé Chose trải qua giữa những tấm màn xanh của cái giường mình nằm...Eyssette không rời cậu; ông ngồi kia suốt cả ngày, bên đầu giường, còn chú bé Chose thì muốn Eyssette chẳng bao giờ đi nữa... Than ôi! Không thể được. Công ty rượu nho cần người chào hàng của mình. Phải ra đi, phải tiếp tục chuyến đi vòng vùng Cévennes...

Sau khi ông bố ra đi, đứa trẻ còn lại một mình, đọc một mình trong cái bệnh xá im lìm. Cậu để suốt buổi để đọc, trong lòng một chiếc ghế bành to đẩy ra gần cửa sổ. Sáng và chiều, bà Cassagne vàng vọt đem cho cậu bữa ăn. Chú Nhóc húp bát canh, mút cái cánh con gà tơ mà nói:

- Cảm ơn bà!

Chẳng còn gì nữa. Người đàn bà ấy trông phát sốt và khiến cậu khó chịu; cậu chẳng buồn nhìn bà nữa.

- Hôm nay, thế nào rồi, hử ông Daniel?

Chú Nhóc ngẩng đầu và bạn thử đoán xem cậu nhìn thấy cái gì? Đôi mắt đen, đích thân đôi mắt đen, bất động và tươi cười trước mặt cậu.

Đôi mắt đen báo tin với bạn bè là người đàn bà vàng vọt bị ốm và chúng được giao làm công việc của bà. Chúng vừa cúi xuống vừa nói thêm là chúng cảm thấy rất mừng thấy Eyssette bình phục; rồi nó rút lui với lòng cung kính sâu sa mà nói rằng ngay chiều hôm đó sẽ trở lại. Quả thực, ngay chiều hôm đó, đôi mắt đen đã trở lại và cả sáng hôm sau nữa, rồi lại chiều hôm sau.

Cậu Nhóc mừng rỡ. Cậu chúc tụng cái bệnh của bà, bệnh của người đàn bà vàng vọt, tất cả những bệnh trên đời; nếu chẳng ai đau ốm thì sẽ chẳng bao giờ có cuộc gặp mặt với đôi mắt đen.

Ồi! Cái bệnh xá diễm phúc! Thú vị biết bao những giây phút cậu bé Chose trải qua trong chiếc ghế bành dưỡng bệnh của mình đẩy về phía cửa sổ... Buổi sáng, những con mắt đen có dưới hàng mi to của chúng một đồng vẩy vàng mà nắng làm long lanh; buổi tối, chúng loé lên dịu dịu và làm nên trong bóng tối xung quanh một thứ sáng sao... Đêm nào chú Nhóc cũng mơ đến đôi mắt đen, cậu không ngủ nữa. Ngay từ sáng sớm, kìa cậu đã nhồm dậy để sẵn sàng đón chúng: Cậu có bao điều tâm sự với chúng!... Rồi, khi đôi mắt đen đến, cậu lại chẳng nói gì với chúng cả.

Đôi mắt đen có vẻ rất lấy làm lạ về sự im lặng đó. Chúng đi lại trong bệnh xá và tìm cả ngàn cái cớ để ở lại bên người bệnh, luôn mong muốn là cậu quyết định nói; nhưng cái chú Nhóc đáng ghét ấy không tự quyết.

Tuy vậy, đôi khi cậu lấy hết can đảm và bắt đầu một cách dững cảm:

- Cô ạ...

Tức thì đôi mắt đen bùng lên và mỉm cười nhìn cậu. Nhưng khi nhìn thấy chúng mỉm cười như vậy, kẻ khốn khổ cuống cuống lên và bằng một giọng run rẩy, cậu nói tiếp:

- Tôi cảm ơn cô về việc tốt của cô đối với tôi.

Hoặc nữa:

- Món canh sáng nay ngon lắm.

Thế là đôi mắt đen hơi bĩu làn môi xinh có nghĩa là: "Sao? Chỉ thế thôi ư! " Rồi chúng bỏ đi mà thở dài.

Khi chúng đi rồi, chú Nhóc thất vọng: "Ồ! Kể từ mai, chắc chắn từ mai, ta sẽ nói với chúng".

Rồi kể từ hôm sau, lại vẫn phải bắt đầu lại.

Cuối cùng, không buồn chống cự và cảm thấy rõ mình không bao giờ có can đảm nói điều mình nghĩ với đôi mắt đen, chú Nhóc quyết định viết cho chúng... Một buổi tối, cậu hỏi xin giấy và mực cho một bức thư quan trọng. Ô! Rất quan trọng...

Những con mắt đen hẳn đã đoán được ý nói đến bức thư nào; đôi mắt đen, chúng rất láu lỉnh!... Nhanh, nhanh, chúng chạy đi tìm giấy và mực, đặt chúng trước người ốm, rồi bỏ đi mà cười một mình.

Chú Nhóc bắt đầu viết, cậu viết suốt đêm; rồi, khi đến buổi sáng cậu nhận thấy là lá thư dở dang đó chỉ chứa có ba câu, bạn hiểu rõ tôi chứ; chỉ có điều, ba câu này là những câu hùng hồn nhất trên đời và cậu cho là chúng sẽ tạo một hiệu quả rất lớn.

Bây giờ, chú ý!... Đôi mắt đen sắp đến... Chú Nhóc rất cảm kích, cậu đã sửa soạn trước bức thư và nguyện chuyển nó ngay khi người ta đến... Thì đây, điều đó đã xảy diễn ra sao. Đôi mắt đen bước vào, chúng đặt món canh và con gà tơ lên bàn.

- Xin chào ông Daniel!...

Thế là cậu rất dững cảm nói ngay với chúng:

- Đôi mắt đen xinh xắn, đây là một bức thư cho cô.

Nhưng suýt?... Một bước chân chim ngoài hành lang... Những con mắt đen tới gần... Chú Nhóc cầm bức thư của mình ở tay. Trái tim cậu đập rộn, cậu đến chết mất...

Cửa mở ra... Khiếp quá!...

Thế vào chỗ đôi mắt đen hiện ra bà tiên già, bà tiên khủng khiếp đeo kính.

Chú bé không dám hỏi những lời cắt nghĩa; nhưng, cậu rùng rờ... Tại sao chúng không trở lại?... Buổi tối, cậu chờ một cách nôn nóng... Than ôi? Lại buổi tối, đôi mắt đen không tới, cả ngày hôm sau nữa, cả những ngày tiếp theo, chẳng bao giờ nữa.

Người ta đã đuổi đôi mắt đen. Người ta đã trả chúng về với bọn Trẻ lạc, nơi chúng bị giam lại trong bốn năm cho đến khi chúng lớn... Đôi mắt đen ăn trộm đường!...

Xin chào những ngày đẹp ở bệnh xá! Đôi mắt đen đã đi rồi, lại khổ thêm là bọn học sinh trở lại... Sao vậy? Đã tự trường ư... Ôi? Kỳ nghỉ ấy ngắn ngủi quá!

Lần đầu tiên từ sáu tuần nay, chú Nhóc xuống sân, xanh gầy bé hơn chú Nhóc bất cứ lúc nào...

Cả ngôi trường bùng dậy. Người ta lau chùi nó từ trên xuống dưới. Những hành lang nước chảy rờn rờn. Dữ tợn như mọi khi, chùm chìa khoá của ông Viot vung vẩy. Ông Viot thật khiếp, ông đã lợi dụng kỳ nghỉ hè để thêm vài điều khoản vào cái quy chế và vài chiếc chìa khoá vào cái chùm của mình. Chú Nhóc chỉ biết tự kiểm chế.

Mỗi ngày, có những học sinh đến... Lách! Cách! Trước cửa, người ta lại thấy những chiếc xe khách và xe hòm của kỳ phát thưởng... Một vài đĩa cũ vắng mặt lúc điểm tên, nhưng có những đĩa mới thay thế chúng. Những nhóm học sinh lại hình thành. Năm nay như năm trước, chú Nhóc sẽ có lớp bọn nhõ.

Viên thanh tra đã run rời. Sau hết, ai mà biết được? Bọn trẻ có lẽ sẽ kém quái ác hơn vào năm nay.

Buổi sáng hôm tựu trường, có dàn nhạc lớn ở nhà nguyện.

Đó là lễ Đức Chúa Thánh thần... Đức Chúa Thánh thần đã đến!...Này đây, ông Hiệu trưởng với tẩm áo đẹp màu đen và cành cọ nhỏ màu đen ở lỗ khuyết. Sau ông có ban lãnh đạo các thầy giáo mặc áo choàng nghi lễ: Ban khoa học có lông chồn màu cam; ban nhân văn lông chồn màu trắng. Thầy dạy lớp đệ nhị, một anh chàng lãng nhãng, mạo muội dùng tất tay màu nhạt và một cái mũ chụp kiểu lạ. Ông Viot vẻ không bằng lòng.

Đức Chúa Thánh thần đã đến ([27])...

Ở cuối Nhà thờ, lẫn với học sinh, chú Nhóc nhìn bằng một con mắt thêm thường những tẩm áo uy nghi và cành cọ bằng bạc... Bao giờ cậu cũng sẽ là thầy giáo?... Bao giờ cậu sẽ có thể dựng lại tổ ấm? Than ôi? Trước khi đến được đó còn biết bao thực hiện và công sức!

Đức Chúa Thánh thần đã đến!...

Chú Nhóc cảm thấy lòng mình buồn bã ; tiếng đại phong cầm khiến cậu muốn khóc... Bỗng dưng kia, trong một góc của đội hợp xướng, cậu nhận thấy một gương mặt biến dạng đang cười với mình... Nụ cười ấy tạo điều tốt cho chú bé Chose và lại được gặp Trưởng tu viện Germane nữa, ông thật là anh dũng và tươi tỉnh!

Đức Chúa Thánh thần đã đến!...

Hai ngày sau lễ Đức Chúa Thánh thần có tiếp những lễ lạt long trọng mới. Đó là ngày lễ của Hiệu trưởng... Ngày hôm ấy, từ ngày xưa ngày xưa - cả trường kỷ niệm thánh Theophile trên cỏ với rất nhiều thịt nguội và rượu Limoux ([28]). Lần này, như lệ thường, ông Hiệu trưởng không từ gì để gây tiếng tăm cho cái cuộc liên hoan gia đình nhỏ, làm thoả mãn bản tính hào hiệp của lòng ông, trong khi lại chẳng hại đến lợi ích của trường này. Từ sáng sớm, người ta nhét đầy tất cả - thầy và trò - trong những xe chở đồ trưng cở thành phố, rồi đoàn xe chạy nước kiệu, kéo theo nó trong những xe hàng khổng lồ, những giành rượu vang nổi bọt và những làn đồ ăn... Đi đầu, trên chiếc xe thứ nhất là những quan to và đội nhạc. Những cái kèn khoá chơi thật khoẻ, những chiếc roi kêu đen đét, nhạc ngựa vang lừng, những chông đĩa va vào ga-men bằng sắt tây... Cả Sarlande đội mũ ngủ ngó ra cửa sổ để xem điều qua cái lễ của Hiệu trưởng. Đồng cỏ là nơi lễ hội cần phải diễn ra. Vừa đến nơi, người ta trải khăn bàn lên cỏ và những đĩa trẻ cười vỡ bụng khi thấy các ngài giáo viên ngồi ở chỗ mát trong đám hoa tím như những học sinh thường... Những lát pa-tê chạy chuyên tay. Những cái nút chai nảy lên. Những con mắt rực lửa. Người ta nói nhiều... ở giữa sự ồn ào chung, duy chỉ chú Nhóc có vẻ lo lắng. Bỗng, người ta thấy chú đỏ mặt... ông Hiệu trưởng vừa mới đứng dậy, tay cầm một mảnh giấy:

- Thừa các ông, người ta vừa mới chuyển cho tôi vài câu thơ mà một nhà thơ giấu tên gửi cho tôi. Hình như Pindare ([29]) thông thường của chúng ta, ông Viot, năm nay có một người ngang hàng. Dù rằng những câu thơ này hơi quá nịnh đối với tôi, tôi cũng xin phép các vị được đọc các vị nghe.

- Phải, phải... Đọc đi!... Đọc đi!...

Và bằng cái giọng hay của lễ phát thưởng, ông Hiệu trưởng bắt đầu đọc.

Đó là một lời xưng tụng khá khéo diễn đạt, đầy những vần hay gửi ông Hiệu trưởng và tất cả các vị đó. Một bông hoa cho mỗi người. Chính bà tiên đeo kính cũng không bị quên. Nhà thơ

gọi bà là “Thiên thần của nhà ăn”, điều đó thật thú vị.

Người ta vỗ tay hồi lâu. Có vài tiếng hỏi tên tác giả. Chú Nhóc đứng dậy, đỏ như gấc và khiêm tốn nghiêng mình.

Tiếng hoan hô khắp lượt. Chú Nhóc trở nên vị anh hùng của cuộc lễ. Hiệu trưởng muốn hôn cậu. Có những thầy giáo già xiết tay cậu với một vẻ hiểu biết. Giáo sư lớp đệ nhị hỏi xin câu thơ để cho vào báo. Chú Nhóc rất hài lòng; tất cả lời khen ngợi đó bốc lên trong đầu cậu cùng với những kích thích của rượu Limoux. Duy có, và điều này hơi làm cậu tỉnh, cậu tưởng như nghe thấy Trưởng tu viện Germane thầm thì: “Đồ ngốc!” và những chiếc chìa khoá của đối thủ cậu rít lên dữ dội.

Niềm hào hứng đầu tiên đó lắng dịu, ông Hiệu trưởng vỗ tay để đòi im lặng.

- Bây giờ, Viot, đến lượt ông! Sau Nàng thơ bông đùa là Nàng thơ nghiêm nghị ([30]).

Ông Viot trịnh trọng rút khỏi túi mình một cuốn sổ tay đóng, nhiều hứa hẹn và bắt đầu vừa đọc vừa liếc nhìn cạnh chú Nhóc.

Tác phẩm của ông Viot là một bài thơ điền viên, một bài hoàn toàn theo phong cách Virgile ([31]) tôn vinh quy tắc. Học sinh Menalque và học sinh Dorilas đáp lại bằng những khổ thơ đan xen... Học sinh Menalque thuộc loại ở đó nảy nở quy tắc; học sinh Dorilas, một học sinh khác ở đó quy tắc bị ẩn...Menalque nói lên những thú vui khô khan của một kỷ luật khắc khe; Dorilas thì những niềm vui nghèo nàn của một cảnh tự do quá mức.

Cuối cùng, Dorilas bị đo ván. Nó đặt vào tay kẻ chiến thắng cái giải của cuộc thi đấu, rồi cả hai hoà giọng cất tiếng hát một bài ca ngợi cái vẻ vang của quy chế.

Bài thơ chấm dứt... Lặng như tờ... Trong lúc đọc bọn trẻ đã đem đĩa của chúng ra đầu kia của đồng cỏ và ăn patê của chúng; lặng lẽ, xa, thật xa học sinh Ménalque và Dorilas. Ông Viot từ chỗ của mình, nhìn chúng với một cú cười cay đắng...Các thầy giáo đã vững vàng, nhưng chẳng một ai có can đảm vỗ tay...Ông Viot thật bất hạnh! Đó là một sự bại hoại thật... Hiệu trưởng cố an ủi ông:

- Đề tài thật khô khan, thừa các vị, nhưng nhà thơ đã khéo xoay sở.

- Tôi thì tôi thấy bài ấy rất hay, chú Nhóc trâng tráo nói, người mà thắng lợi bắt đầu khiến cho sợ hãi.

Ông Viot không muốn được an ủi. Ông chịu thua chẳng trả lời và cứ giữ nụ cười cay đắng của mình... Suốt ngày, ông giữ nó và buổi tối, khi trở về, giữa tiếng hát của bọn học sinh, những tiếng lạc điệu của dàn nhạc và tiếng ồn của những xe chở đồ lăn trên đá lát của thành phố đã ngủ. chú Nhóc nghe thấy trong bóng tối gần mình chùm chìa khoá của kẻ địch thủ gầm lên với một vẻ dữ tợn: “Lạnh canh! Lạnh canh! Lạnh canh! Ông nhà thơ ạ, chúng ta sẽ trả miếng ông điều đó đấy!”

VỤ BOUCOYRAN

Với lễ Thánh Théophile, thế là kỳ nghỉ hè đã bị chôn vùi.

Những ngày tiếp theo thì buồn bã; một ngày sau của thứ ba ăn mặn ([32]) thực sự. Cả thầy lẫn trò, chẳng ai cảm thấy hào hứng. Người ta đang yên vị...Sau hai tháng nghỉ ngơi, ngôi trường khó nhọc lấy lại nhịp độ bình thường. Bộ máy hoạt động tồi khệnh khạng như cua, một chiếc đồng hồ cũ vậy mà từ lâu người ta đã quên lên dây. Tuy vậy, nhờ cố gắng của ông Viot, mọi chuyện dần dà lại đầu vào đấy. Mỗi ngày, vào cùng những giờ ấy, vào cùng tiếng chuông ấy, người ta thấy những cánh cửa nhỏ mở ra sân và những bài kinh cầu của trẻ nhỏ, bọn trẻ nhỏ cứng đờ như những chú lính bằng gỗ diễu từng đôi một qua dưới hàng cây; rồi tiếng chuông đều đều vang lên “ Bính! Boong! Bính! Boong! Dậy đi. Bính! Boong! Ngủ đi. Bính! Boong! Học đi! Bính! Boong! Chơi đi! Cứ thế suốt cả năm.

Ôi, sự chiến thắng của quy chế! Học sinh Ménalque đã sung sướng sống dưới uy quyền của ông Viot, trong cái trường Sarlande mẫu mực!

Chỉ có tôi, tôi gây lo lắng cho bức tranh tuyệt vời đó. Lớp học của tôi không ổn. Bọn nhõ khùng khiếp đến với tôi từ vùng cao, còn xấu hơn, còn tội nghiệp hơn, dữ hơn bao giờ hết. Phần tôi, tôi cau có; bệnh tật khiến tôi bản tính và dễ nổi xung; tôi chẳng thể chịu đựng gì cả... Năm ngoái, quá hiền lành; năm nay, tôi quá nghiêm khắc... Làm thế là tôi muốn khuất phục bọn vô lại quái ác, đối với mỗi chuyện điên rồ của bọn trẻ, tôi làm chúng choáng váng bằng những bài phát và việc giữ lại lớp. Cái cách đó không làm cho tôi đạt mục đích. Những sự trừng phạt của tôi, càng vung phí thì càng mất giá và cũng rẻ mạt như những tín phiếu của năm IV([33])...

Một hôm, tôi cảm thấy anh ách. Lớp học của tôi nổi loạn khắp nơi, còn tôi thì hết cả đạn dược để đương đầu với cuộc nổi dậy. Tôi thấy mình còn ở trong giảng đài, giãy giụa hung hãn lắm giữa những tiếng kêu, tiếng khóc, tiếng làu bàu, huýt sáo:

- Cút ra ngoài!...Cúc-cục-c u-cu!Xịt!...Xịt!...Đừng có mà bạo chúa!... Đó là một sự bất công!...

Rồi những lọ mực vãi như mưa, rồi giấy bắn lên bàn tôi, rồi tất cả bọn quái ranh ấy - lấy cái cơ khiêu nại - bu như sung ([34]) vào giảng đài của tôi mà hét như khỉ.

Đôi khi, không còn cách nào khác, tôi cầu cứu ông Viot. Ban thử nghĩ khiêm nhường biết bao! Từ Lễ Thánh - Théophile, con người có chùm chìa khoá thù oán tôi và tôi thấy hấn sung sướng vì cảnh khốn quẩn của tôi... Khi hấn đột ngột bước vào phòng học, chùm chìa khoá ở tay, như một viên đá ném xuống cái ao ếch nhái: Trong nháy mắt, tất cả mọi người lại vào chỗ ngồi, mũi chúi vào sách im lặng như tờ. Ông Viot dạo bước ngang dọc một lúc, lắc cái chùm sắt vụn của mình giữa cảnh im lặng sâu lắng; rồi ông mĩa mai nhìn tôi và rút lui chẳng nói gì.

Tôi rất khổ sở. Các thầy, đồng nghiệp của tôi, chế nhạo tôi. Hiệu trưởng, khi tôi gặp ông, tiếp tôi lạnh nhạt; có lẽ ông Viot tác động ở trong... Để kết liễu đời tôi, xảy đến vụ Boucoyran.

Ồ! Cái vụ Boucoyran ấy! Tôi chắc là nó vẫn còn trong những cuốn biên niên của trường và những người dân Sarlande ngày nay vẫn còn nói đến nó... Cả tôi nữa, tôi cũng muốn nói đến cái việc khùng khiếp ấy. Đã đến lúc công chúng phải biết sự thật...

Mười lăm tuổi, chân to, mắt to, tay to, không có trán và dáng dấp của một tên hầu ở trại: Đó là ông Hầu tước dễ Boucoyran, nổi khiếp sợ của cái sân bọn nhõ và vật mẫu duy nhất của giới quý tộc Cevennes ở Trường Trung học Sarlande.

Hiệu trưởng trông chờ nhiều vào người học sinh này, căn cứ vào nước sơn quý phái mà sự có mặt của nó tạo cho trường sở.

Trong trường, người ta chỉ gọi nó là “ông hầu tước”. Mọi người sợ nó; chính tôi cũng chịu ảnh

hưởng chung và tôi chỉ nói với nó một cánh gương nhẹ. Trong một thời gian nào đó, chúng tôi sống trong quan hệ khá tốt. Chỗ này chỗ khác, gã hầu tước quả thực có những cung cách hỗn xược nhìn hoặc đáp lại tôi, nó nhắc thật là quá lắm cái chế độ cũ, nhưng tôi vờ không hề coi chừng vì cảm thấy mình gặp đối thủ mạnh. Tuy vậy, một hôm, tên hầu tước dê hèn ấy dám đáp lại giữa lớp, với một vẻ hỗn xược đến nỗi tôi mất hết kiên nhẫn.

- Ông de Boucoyran - tôi vừa bảo nó vừa cố giữ bình tĩnh - hãy cầm lấy sách và đi ra ngay.

Đó là một việc làm độc đoán chưa từng biết đến đối với tên vô lại ấy. Nó ì ra sừng sốt nhìn tôi bằng đôi mắt to, không nhúc nhích khỏi chỗ.

Tôi biết là mình dẫn vào một việc gây cản mà mình đã tiến quá xa khó mà lùi lại được.

- Đi ra, ông de Boucoyran - Tôi lại ra lệnh.

Bọn học sinh chờ đợi, lo âu... Lần đầu tiên, tôi có được sự im lặng.

Lúc tôi ra lệnh lần thứ hai, như dứt khỏi cơn sừng sốt, tay hầu tước trả lời tôi, với cái vẻ xấc xược:

- Tôi sẽ không ra!

Trong khắp phòng học, có một tiếng xì xào thán phục.

Tôi tức giận đứng dậy gần giọng hỏi:

- Ông không ra, hử ông?... Thế thì để ta sẽ xem.

Rồi, tôi đi xuống...

Trời chứng giám cho tôi là vào lúc ấy là mọi ý nghĩ bạo lực rất xa lạ với tôi; tôi chỉ muốn dọa tay hầu tước bởi vẻ cứng rắn của thái độ tôi; nhưng, khi thấy tôi đi xuống khỏi giảng đài, nó bắt đầu cười khẩy một cách rất đáng ghét đến nỗi tôi có một cử chỉ tóm lấy cổ áo nó để khiến nó rời cái ghế dài.

Tên khốn nạn giấu dưới áo choàng một cái thước to bằng thép. Tôi vừa mới nhắc tay lên thì nó giáng vào cánh tay tôi một nhát khủng khiếp. Cái đau khiến tôi bật một tiếng kêu.

Cả phòng học vỗ tay.

- Hoan hô Hầu tước!

Lần này thì tôi mất bình tĩnh. Nhảy một cái, tôi đã ở trên bàn, cái nữa thì chồm lên tay hầu tước, và lúc đó, túm lấy hong nó, tôi làm khá tốt, bằng chân, bằng nắm tay, bằng răng, bằng tất cả mà tôi bứt nó khỏi chỗ và nó lăn ra khỏi lớp đến giữa sân... Đó là công việc trong một giây; tôi chưa bao giờ nghĩ là mạnh mẽ đến như vậy.

Bọn học sinh bàng hoàng. Người ta không kêu: "Hoan hô Hầu tước!" nữa. Người ta sợ. Boucoyran, kẻ mạnh trong những kẻ mạnh, bị viên thanh tra nhỏ bé kia bắt nghe theo. Mạo hiểm làm sao!... Tôi vừa mới đọc đoán thẳng điều mà tay Hầu tước mất về uy tín.

Khi tôi trở lên giảng đài, vẫn còn tái xanh và run lên vì xúc động, mọi gương mặt đều cúi nhanh xuống mặt bàn. Phòng học đã bị khuấy phục. Nhưng Hiệu trưởng, ông Viot, họ sẽ nghĩ thế nào về việc này? Thế nào! Tôi đã dám giơ tay đánh một học trò! Đánh Hầu tước De Boucoyran! Đánh nhà quý tộc De Boucoyran của trường? Vậy là tôi muốn bị đuổi!

Những suy nghĩ đó đến với tôi hơi muộn, khiến tôi rối trí trong niềm chiến thắng. Đến lượt mình, tôi đâm sợ. Tôi tự bảo:

"Chắc là tay Hầu tước đã đi kiện". Và từ lúc nọ đến lúc kia, tôi cứ chờ thầy Hiệu trưởng bước vào. Tôi run đến cuối buổi học; tuy vậy, chẳng có ai vào cả.

Lúc ra chơi, tôi rất lạ là thấy Boucoyran đang cười và chơi với bọn kia. Điều đó có phần làm tôi yên tâm; và vì suốt buổi diễn ra không trở ngại, tôi hình dung là tên vô lại của tôi sẽ lặng yên và tôi chỉ bị một phen sợ.

Khốn thay, ngày thứ năm tiếp sau là ngày ra ngoài. Buổi tối, gã Hầu tước không về phòng ngủ. Tôi như có một linh cảm và suốt đêm tôi không ngủ. Hôm sau, vào buổi học đầu, học sinh xì xào khi nhìn thấy chỗ Boucoyran vẫn trống. Tôi lặng người lo lắng mà không tỏ ra vẻ.

Vào quãng bảy giờ, cửa mở với một tiếng khô khốc. Tất cả bọn trẻ đứng dậy.

Tôi tuyệt vọng...

Hiệu trưởng bước vào trước, rồi ông Viot đằng sau, rồi cuối cùng một ông già to lớn mặc chiếc áo lễ dài, khuy cài tận cổ và thắt một cái cổ cồng cao bốn ngón. Ông này, tôi không biết nhưng tôi hiểu ngay đó là ông De Boucoyran cha, ông vắn vẹo cái bộ ria dài của mình và cằn nhằn trong mồm.

Tôi chẳng có ngay cả can đảm bước xuống giảng đài để nghênh đón các vị này; cả họ nữa, cũng chẳng chào tôi khi vào.

Cả ba họ án ngữ giữa lớp và cho đến lúc đi ra, cũng không một lần nhìn về phía tôi.

Chính Hiệu trưởng châm ngòi trước.

- Thừa các vị - ông vừa nói vừa ngó với học sinh, chúng tôi đến đây hoàn thành một nhiệm vụ nặng nề, rất nặng nề - Một trong những thầy giáo của các vị trở thành thủ phạm của một lỗi lầm rất nghiêm trọng khiến chúng tôi có nhiệm vụ buộc ông ấy phải chịu một sự khiển trách công khai.

Thế là ông bắt tôi chịu một sự khiển trách kéo dài ít nhất là một khắc đồng hồ bằng lời chỉ trích và phán xét. Mỗi sự việc đều bị bóp méo, tay Hầu tước là tên học sinh tốt nhất trường; tôi đã đối xử với nó tàn nhẫn một cách vô lý vô lối.

Cuối cùng, tôi thiếu sót trong mọi nhiệm vụ.

Trả lời thế nào với tất cả những lời buộc tội đó?

Thỉnh thoảng, tôi cố bảo vệ mình - Xin lỗi ông Hiệu trưởng!...

Nhưng, hiệu trưởng không nghe tôi và ông bắt tôi phải chịu khiển trách đến cùng.

Sau ông, ông De Boucoyran, người cha, phát biểu và bằng cách như thế nào? Một bản cáo trạng thật sự. Người cha khốn khổ! Hầu như người ta ám hại con ông. Người ta đã nhảy xổ vào con người bé nhỏ tội nghiệp, không chống cự như... như...ông ta nói thế nào nhỉ?... như một con trâu, như một con trâu rừng. Thằng bé nằm liệt giường hai ngày hôm nay. Từ hai hôm nay, mẹ nó, nước mắt đầm đìa, trông coi nó.

Ôi! Nếu có việc cần giải quyết với một người thì chính ông ta, ông De Boucoyran bố, người sẽ đảm nhiệm việc báo thù con ông! Nhưng, Người ta chỉ là một kẻ hỗn láo mà ông thương hại. Duy có điều người ta tin chắc là nếu có khi nào Người ta còn chạm đến một sợi tóc con ông thì Người ta sẽ bị xẻo tai thẳng thừng...

Trong khi nghe bài diễn văn hay ho đó, học sinh cười thầm và chùm chìa khoá của ông Viot rung lên thích thú. Đứng trên giảng đài của mình, tái xanh vì giận dữ, Người ta khốn khổ nghe tất cả những lời chửi rủa ấy, nghiền ngẫm tất cả những điều sỉ nhục ấy và khéo giữ không trả lời, đáng lẽ Người ta bị đuổi khỏi trường, và lúc ấy sẽ đi đâu?

Cuối cùng, sau một giờ, khi họ đã cạn tài hùng biện, ba vị ấy rút lui. Đằng sau họ, trong lớp học có một cảnh huyền ảo ghê gớm. Tôi cố để có được một chút im lặng, nhưng hoài công; bọn trẻ cười vào mũi tôi. Vụ Boucoyran đã giết chết hân uy quyền của tôi!

Ồ! Thật là một vụ khủng khiếp! Cả thành phố xúc động về việc ấy... ở Câu lạc bộ-nhỏ, ở Câu lạc bộ-lớn, trong những quán café, ở dàn nhạc, người ta chẳng nói chuyện gì khác. Những kẻ thạo tin nhất cho biết những chi tiết làm dựng tóc gáy. Cứ như cái ông Quản phòng học ấy là một con quái, một con quái. Hắn đã hành hạ trẻ bằng những trò tàn bạo tinh vi chưa từng nghe nói. Khi nói về hắn, người ta chỉ còn bảo "tên đao phủ".

Khi cậu Boucoyran chán nằm ở giường, bố mẹ đặt cậu lên một chiếc ghế dài, ở chỗ đẹp nhất trong phòng khách của họ và suốt tám ngày qua cái phòng khách này, có cả một cuộc diễu hành không dứt. Nạn nhân thú vị đó là đối tượng của mọi sự chăm sóc.

Nhiều lần liền, người ta bảo nó kể chuyện của mình và mỗi lần, tên khốn nạn lại nghĩ ra một chi tiết mới nào đó. Những bà mẹ rùng mình; những bà cô già gọi nó là "thiên thần khốn khổ" rồi tuôn cho nó kẹo. Tờ báo đối lập lợi dụng biến cố và tuôn ra chống nhà trường một bài báo khủng khiếp có lợi cho một cơ sở tôn giáo trong vùng...

Hiệu trưởng nổi giận; nếu ông không thả tôi, tôi chỉ còn trông vào sự bênh che của ông Trưởng khu giáo dục... Than ôi? Đối với tôi thà ông thả tôi ngay còn hơn. Cuộc sống ở trường đối với tôi trở nên không thể chịu nổi. Bọn trẻ không nghe tôi nữa; hơi nói một tí là chúng dọa tôi làm như Boucoyran, đi mách bố chúng. Cuối cùng tôi phải lờ chúng đi.

Giữa mọi chuyện ấy, tôi có một định kiến: trả thù nhà Boucoyran. Tôi vẫn gặp cái mặt xấc xược của lão Hầu tước và tai tôi vẫn còn đỏ vì lời đe dọa của chúng. Vả lại, tôi đã muốn quên những điều lằng nhục ấy mà đâu có làm được; hai lần mỗi tuần, những ngày đi dạo, khi những tốp học sinh đi qua trước quán cà phê Tòa Giám mục, tôi chắc chắn gặp ông De Boucoyran cha, đứng trơ trước cửa, giữa một nhóm sĩ quan đồn trú, tất cả đầu trần và tay cầm cán bi-a. Họ nhìn chúng tôi đi đến từ xa với những nụ cười giấu cợt; rồi, khi tốp học sinh đi qua ở tầm nghe thấy, ông hầu tước kêu rất to mà nhìn khinh bỉ tôi bằng một vẻ khiêu khích:

- Xin chào Boucoyran!

- Xin chào cha!

Thằng bé góm guốc gào lên giữa hàng.

Rồi, những sĩ quan, học sinh, con trai quán cà phê, mọi người cười...

Tiếng "Xin chào Boucoyran!" đã trở nên một cực hình đối với tôi mà chẳng có cách nào trốn tránh được. Để đi đến đồng cỏ, nhất thiết phải đi qua trước quán cà phê Tòa Giám mục và không một lần nào, kẻ bức hại tôi vắng mặt ở nơi chẳng hẹn mà gặp ấy. Đôi khi, tôi những muốn điên cuồng, đến gần ông ta mà khiêu khích; nhưng, có hai lẽ đã ngăn tôi: Trước hết, luôn sợ bị đuổi, rồi, chiếc gươm dài của ông Hầu tước, một con quỷ cái to đã gây biết bao nạn nhân khi ông còn ở trong lính cận vệ binh đoàn.

Tuy vậy, một hôm, bị đẩy đến chỗ bức, tôi bèn đi tìm ông thầy dạy quân sự Roger và đột nhiên tuyên bố với ông quyết định của mình muốn đọ sức với ông Hầu tước. Roger là người từ lâu tôi không nói đến, lúc đầu nghe tôi một cách ý tứ gì đó; nhưng, khi tôi đã nói xong, ông sôi nổi lên và nồng nàn siết chặt đôi bàn tay tôi.

- Hoan hô! Ông Daniel. Tôi, tôi biết điều đó lắm, ông không thể làm một kẻ mách lẻo được. Mà quỷ quái làm sao, ông lại cứ dính vào với cái lão Viot của ông thế? Cuối cùng, người ta mới thấy ông; tất cả bị lãng quên. Xin giúp ông một tay! Ông có một tấm lòng cao thượng! Bây giờ, nói đến việc ông nào! Ông đã bị lãng nhục ư? Được! Được! Rất Tốt! Rất tốt! Ông muốn tôi tránh cho ông khỏi bị lão ngốc ấy xiên vào người ư? Được lắm! Ông hãy đến phòng và trong sáu tháng, chính ông sẽ là người xiên người lão.

Cứ nghe cái tay Roger tuyệt vời ấy hăng hái theo mỗi hiềm khích của tôi với biết bao nồng cháy, tôi đỏ mặt vì thích thú. Chúng tôi thoả thuận về bài học, ba giờ mỗi tuần; chúng tôi cũng thoả thuận về giá sẽ là một giá ngoại lệ (quả thực ngoại lệ! Sau này, tôi mới biết người ta đã khiến tôi phải trả hai lần đắt hơn những người khác). Khi tất cả những giao ước ấy được quy định, Roger thân mật luồn bàn tay hằn xuống dưới tay tôi.

- Ông Daniel - hẳn nói với tôi - hôm nay học bài đầu tiên thì muộn mất rồi; nhưng, chúng ta bao giờ cũng có thể đi ký giao kèo ở quán cà phê Barbette... Nào! Để xem, không phải trò trẻ con đâu nhé! Hầy, có gì mà ông phải sợ, cái quán Barbette ấy?... Mẹ kiếp, đến nhé! Ông hãy thoát khỏi cái bát trộn rau của thầy đồ một chút, ông sẽ thấy ở đó những người bạn, những chàng trai tốt, mẹ kiếp! Những tấm lòng cao thượng và ông sẽ chóng rời bỏ cùng với họ những cung cách của kẻ nhu nhược kia đã làm hại ông.

Than ôi! Tôi đã để bị cám dỗ. Chúng tôi đi đến quán cà phê Barbette. Nó vẫn cứ thế, đầy tiếng nói; khói thuốc, những chiếc quần nhuộm đỏ; những chiếc mũ sáng ấy, những dây lưng ấy treo vào những cái mắc ấy. Những người bạn của Roger niềm nở đón tôi. Ông ta rất có lý, toàn là những tấm lòng cao thượng cả. Khi họ biết câu chuyện của tôi với ông hầu tước và quyết định mà tôi chọn, hết người nọ đến người kia, họ đến siết chặt tay tôi:

- Hoan hô, chàng trai. Rất tốt.

Tôi cũng vậy, tôi là một tấm lòng cao thượng. Tôi bảo đem lại một chai punch, người ta uống mừng chiến thắng của tôi và điều được quyết định giữa những tấm lòng cao thượng là tôi sẽ

giết ông Hầu tước De Boucoyran vào cuối năm học.

X

NHỮNG NGÀY XẤU

Mùa đông đã đến, một mùa đông khô, khủng khiếp và đen tối, như tiết trời vẫn vậy ở những xứ vùng cao này. Với những cây lớn trụi lá và đất bị băng giá cứng hơn đá, những lớp học ở trường trông phát buồn. Người ta dậy trước khi trời sáng, phải thắp đèn; trời lạnh; trong những chậu rửa có băng đóng... Học sinh cứ lần chần mãi; tiếng chuông buộc phải gọi chúng nhiều lần.

- Nhanh nữa vào, các vị! Những ông thầy vừa kêu vừa đi ngang dọc cho ấm.

Người ta im lặng sắp hàng, được chẳng hay chớ, rồi người ta đi xuống qua cái cầu thang lớn được chiếu sáng vừa đủ và những hành lang dài nơi những cơn gió bắc chết người đang thổi. Một mùa đông tồi tệ đối với chú Nhóc!

Tôi chẳng làm việc nữa. Trong phòng học, hơi nóng độc hại của cái lò khiến tôi buồn ngủ. Trong giờ học, thấy cái hầm mái của tôi quá lạnh, tôi chạy đi giam mình ở quán cà phê Barbette và chỉ ra vào lúc chót. Giờ đây, chính ở đó mà Roger dạy cho tôi những bài học của hắn; cái gay gắt của thời tiết đã đuổi chúng tôi khỏi phòng quân sự và chúng tôi vừa đấu kiếm với nhau giữa quán với những cán bi-a, vừa uống rượu. Những hạ sĩ quan xét đoán những nhát kiếm; tất cả những tấm lòng cao thượng đó đã dứt khoát tiếp nhận tôi trong tình thân của họ và mỗi ngày lại dạy tôi một đường kiếm ăn chắc mới để giết tay Hầu tước khốn kiếp De Boucoyran. Họ cũng dạy tôi người ta làm dịu một chén rượu ngải đắng như thế nào và khi những vị này chơi bi-a thì chính tôi là người ghi điểm...

Một mùa đông tồi tệ đối với chú Nhóc!

Một buổi sáng của mùa đông buồn ấy, khi bước vào quán Barbette - Tôi còn nghe thấy tiếng lục cục của bi-a và tiếng reo của cái lò to bằng sứ, - Roger vội đến với tôi: "Xin ông đôi lời, ông Daniel!" rồi kéo tôi vào căn phòng trong cùng bằng một vẻ hoàn toàn bí hiểm.

Số là một tâm sự về tình... Bạn nghĩ xem tôi tự hào ra sao khi đi nhận những lời tâm sự của một con người vóc dáng như thế; đều đó luôn làm tôi lớn thêm một chút. Đây là câu chuyện. Tên thầy dạy quân sự vô lại ấy đã gặp ngoài phố một người nào đó mà hắn si mê điên cuồng, ở một nơi nào đó mà hắn không tiện nêu tên. Ở Sarlande, người đó chiếm một địa vị khá cao - Chà! Chà! Bạn nghe rõ tôi chưa? - Cực kỳ khác thường nên ông thầy quân sự vẫn còn đang tự hỏi làm sao mình lại dám ngược mắt cao thế. Và mặc dù địa vị của con người - địa vị khá cao, khá...v.v... - ông không thất vọng mà ngại yêu và ngay cả ông nghĩ đã đến lúc buông vài lời bày tỏ bằng thư tín. Chẳng may, những ông thầy quân sự không khéo léo lắm trong việc dùng bút. Nếu chỉ là một cô thợ đóm đáng, thì còn được; đằng này với một con người ở một địa vị cực kỳ...v.v... thì đó không phải là chuyện bình thường, việc đó có nhờ ngay cả một nhà thơ giỏi cũng không phải là quá.

- Tôi thấy điều đó là thế nào rồi - Chú bé Chose nói với một vẻ am hiểu - ông cần người ta thảo quà tặng vài bức thư tình cho người ấy, nên ông đã nghĩ ra tôi chứ gì?

- Đúng vậy - ông thầy quân sự đáp lại.

- Thế thì, tôi là người của ông và chúng ta sẽ bắt đầu khi nào ông muốn; chỉ có điều, để cho

những bức thư của chúng ta không có vẻ vay mượn ở một tay thư ký hoàn hảo, phải cho tôi biết đôi điều về con người ấy...

- Đó là một cô tóc vàng ở Paris. Nàng thơm như một bông hoa và tên là Cécilia.

Ông ta không thể tâm sự với tôi hơn nữa vì hoàn cảnh của người ấy cực kỳ..v.v... - Nhưng những điều cho biết đó cũng đủ cho tôi và ngay tối đó - trong giờ học - tôi viết bức thư đầu tiên của mình cho cô tóc vàng Cécilia. Việc trao đổi thư từ đặc biệt đó giữa chú bé Chose và con người bí hiểm kia kéo dài gần một tháng. Trong một tháng, trung bình mỗi ngày, tôi viết hai lá thư tình tha thiết. Về những bức thư đó, cái thì âu yếm và bằng bạc như Lamartine nói về Elvire ([35]), cái thì rừng rực và gào thét như Mirabeau nói về Sophie. Cũng có những bức bắt đầu bằng những câu như: "Ôi Cécilia, đôi khi trên một mỏm đá hoang..." và tận cùng bằng: "Người ta bảo người ta chết vì nó mất... ta thử xem?" Rồi, thỉnh thoảng Nàng thơ cũng xen vào:

Ôi! Môi em, làn môi rực lửa!

Hãy cho anh, cho anh nữa nào!

Ngày nay, tôi vừa nói về điều đó vừa cười; nhưng, vào thời ấy chú Nhóc không cười, tôi xin thề với bạn và tất cả điều đó được làm rất nghiêm túc. Khi tôi đã viết xong một lá thư, tôi đưa nó cho Roger để hẩn chép lại bằng nét chữ đẹp của tay hạ sĩ; về phía mình, khi hẩn nhận được những bức thư trả lời (vì nàng trả lời mới khốn khổ chứ!), hẩn đem chúng đến cho tôi thật nhanh và tôi dựa vào đó mà định ra những hoạt động của mình.

Tóm lại, trò chơi của tôi thích thú; có lẽ, nó làm tôi hơi quá thích thú. Cô gái tóc vàng vô hình, ngát thơm như một bông hoa trinh trắng không rời khỏi tâm trí tôi nữa. Đôi khi, tôi hình dung là mình viết cho lợi ích của chính mình vậy; tôi hoàn thành những bức thư tâm tình của mình hoàn toàn riêng tư, những lời nguyện rửa của số mệnh, những kẻ xấu và ác mà tôi buộc phải sống giữa chúng: "Ôi! Cécilia, nếu em biết anh cần có tình yêu của em ra sao!"

Cũng có đôi khi Roger to lớn đến vừa bảo tôi vừa vờ rìa mép: "Cẩn câu đấy! Cẩn câu đấy!... tiếp tục đi". Tôi có những cơn bực mình ngầm và tôi nghĩ trong lòng mình: "Làm sao nàng có thể tin anh chàng Fanfan La Tulipe ([36]), cái kẻ to xác kia lại là người viết cho mình những bức tuyệt tác của lòng mê đắm và nỗi buồn ấy được?!"

Thế mà nàng tin điều ấy, nàng tin điều ấy khá chắc nên một ngày kia, ông thầy quân sự, đặc thăng, đưa lại cho tôi bức thư trả lời mà ông ta nhận được vừa rồi:

- Vào chín giờ tối nay, đăng sau quận lý!

Đó là do tài hùng biện của những bức thư của tôi hay chiều dài bộ rìa mép mà Roger có được kết quả của mình? Thừa các bà, tôi xin để các bà lo việc quyết định. Đêm đó, trong phòng ngủ buồn bã của mình, chú bé Chose vẫn cứ có một giấc ngủ rất thẳng thốt. Cậu mơ khi mình đã lớn, mình có bộ rìa và những phu nhân của Paris- chiếm giữ những địa vị hoàn toàn khác thường - hẹn gặp cậu đăng sau những quận lý...

Điều hài hước nhất, đó là hôm sau, tôi phải viết một lá thư biểu lộ lòng biết ơn và cảm ơn Cécilia về mọi niềm hạnh phúc mà nàng đã dành cho tôi: "Nàng tiên đã bằng lòng sống qua một đêm trên trần thế..."

Bức thư ấy, tôi xin thú thực, chú bé Chose viết nó với nỗi cuồng nhiệt trong lòng. May mắn là chuyện thư từ dừng lại ở đó và trong một thời gian, tôi không nghe nói đến Cécilia cũng như địa vị cao của nàng nữa.

ÔNG THẦY DẠY QUÂN SỰ NGƯỜI BẠN TỐT CỦA TÔI

Hôm đó, ngày mười tám tháng hai, vì ban đêm trời đổ nhiều tuyết, bọn trẻ không thể chơi ngoài sân. Ngay khi lớp học sáng chấm dứt, người ta đã cấm trại chúng; tất cả láo nháo chơi đùa trong phòng để tránh thời tiết xấu trong khi đợi giờ lên lớp.

Chính tôi trông coi bọn chúng.

Cái người ta gọi là phòng tập thể dục cũ của trường Hải quân. Bọn hãy hình dung bốn bức tường lớn, trần với những cửa sổ nhỏ có song; đây đó, những cái móc bị long một nửa, vết tích còn nhìn thấy của những cái thang và lủng lẳng ở dầm chính trên trần, một cái vòng sắt lớn ở đầu một sợi thừng.

Bọn trẻ có vẻ thích thú lắm khi nhìn tuyết ngập đường phố và những người đàn ông cầm xẻng xúc tuyết đổ vào những cái xe bò. Nhưng, tất cả cảnh ồn ào đó, tôi không nghe thấy nó.

Một mình trong một góc, nước mắt chạy quanh, tôi đọc một bức thư, và bọn trẻ làm loạn trong phòng tập thể dục mà tôi cũng chẳng nhận ra. Đó là một bức thư của Jacques mà tôi vừa nhận được; nó mang một con tem ở Paris, - Trời ơi! Phải, của Paris - Và đây là điều nó nói:

“Daniel thân mến,

Thư của anh sẽ làm em sửng sốt lắm. Em không ngờ được phải không? Là anh đã ở Paris từ mười lăm ngày nay. Anh đã rời Lyon mà chẳng nói với ai cả, một việc liều... - Biết làm thế nào được? Anh chán ở trong cái thành phố khủng khiếp, nhất là từ khi em ra đi.

“Anh đến đây với ba mươi quan và năm hoặc sáu lá thư của ông linh mục ở Thánh Nizier. May nhờ Thượng đế che chở và xui khiến nên anh được một lão hầu tước nhận vào làm thư ký. Bọn anh sắp xếp hồi ký của ông, anh chỉ việc viết theo lời ông đọc và anh kiếm được về việc đó một trăm quan mỗi tháng. Tuy công việc chẳng rạng rỡ nhưng, rất cuộc anh mong là có thể thỉnh thoảng gửi một chút gì về nhà trong những chỗ tiết kiệm của mình. “Ôi! Daniel thân mến, Paris này thật là một thành phố đẹp! Ít nhất ở đây, trời không phải lúc nào cũng mù sương; đôi khi, trời mưa nhiều, nhưng, đó là một trận mưa nhỏ vui vẻ, xen lẫn nắng và anh chẳng thấy như vậy ở đâu khác bao giờ. Nếu em biết, anh cũng hoàn toàn thay đổi! Anh chẳng còn khóc gì nữa, thật không tin được”.

Tôi đọc đến đó của lá thư thì phía dưới cửa sổ bỗng vang lên tiếng động đục của một chiếc xe lăn trong tuyết. Chiếc xe dừng lại trước cổng trường và tôi nghe thấy bọn trẻ kêu thất thanh:

- Ông Quận trưởng! Ông Quận trưởng!

Một cuộc viếng thăm của ông Quận trưởng tất nhiên báo trước một điều gì đó không bình thường. Ông đến Trường Trung học Sarlande khoảng một hai lần mỗi năm và lúc đó, thật là một sự kiện. Nhưng lúc này đây, điều khiến tôi quan tâm hơn cả, điều tha thiết với tôi hơn cả ông Quận trưởng Sarlande và hơn cả toàn bộ Sarlande, đó là lá thư của anh Jacques tôi. Cho nên, trong khi học sinh vui vẻ chen lấn nhau trước cửa sổ để xem ông Quận trưởng xuống xe, tôi quay lại cái góc của mình và tôi lại tiếp tục đọc.

“Daniel yêu quý của anh ạ, em sẽ biết là cha chúng ta ở Bretagne, nơi ông buôn bán rượu táo thay cho một công ty. Khi biết anh là thư ký của một hầu tước, ông đã muốn anh đặt vài thùng rượu táo ở nhà ông. Rủi thay, hầu tước chỉ uống rượu vang và là rượu vang Tây Ban Nha kia! Anh đã viết điều đó cho cha; em có biết ông đã trả lời anh thế nào không? “Jacques, mày là một con lừa!”. Dù sao vậy, Daniel thân mến ạ, sau cùng, ông yêu anh lắm.

“Còn về mẹ, em biết là giờ đây, bà chỉ có một mình. Em rất nên viết thư cho bà, bà phàn nàn về sự im lặng của em đấy.

“Anh đã quên nói với em một điều mà chắc chắn sẽ gây cho em điều lý thú nhất: anh có căn phòng ở khu Latin...ở khu Latin([37]) đấy! Em hãy thử nghĩ một chút xem!...Một căn phòng thực sự của nhà thơ như trong các tiểu thuyết, với một ô cửa sổ nhỏ và những mái nhà liên

miên. Chiếc giường không rộng, nhưng khi cần chúng ta có thể nằm sát bên nhau ở đó; và rồi trong một góc có một cái bàn làm việc, nơi rất tiện để người ta làm thơ.

“Anh tin chắc là nếu em biết điều đó, em sẽ muốn đến tìm anh ngay; anh cũng vậy, anh muốn có em ở gần, chứ anh không nói với em là một ngày nào đó, anh sẽ ra hiệu là đến với em.

“Trong khi chờ đợi, hãy luôn yêu anh nhiều và đừng làm việc nhiều quá kéo lẫn ra ốm đấy.

Anh hôn em; anh của em.

Jacques”.

Cái anh Jacques tử tế ấy, với lá thư của anh, anh vừa gây cho tôi một nỗi đau thật là dễ chịu! Cùng lúc, tôi vừa khóc vừa cười. Tất cả cuộc đời tôi trong những tháng gần đây, rượu, bi-a, quán Barbette, tạo cho tôi ấn tượng của một giấc mộng xấu và tôi nghĩ: “Nào! Thế là hết. Giờ đây ta sẽ làm việc, ta sẽ dũng cảm như Jacques vậy”. Vào lúc đó chuông điểm. Học sinh của tôi xếp vào hàng; chúng nói chuyện nhiều về ông Quận trưởng và chỉ trỏ cho nhau biết chiếc xe của ông đỗ trước cổng. Tôi trao chúng vào tay các thầy giáo; rồi, một khi được rảnh với chúng, tôi lao mình chạy trong cầu thang. Tôi rất nóng lòng được ở một mình trong phòng với lá thư của anh Jacques tôi!

- Ông Daniel, người ta đợi ông ở chỗ Hiệu trưởng.

Ở chỗ Hiệu trưởng?... Hiệu trưởng có thể cần nói với tôi điều gì?... Người canh cổng nhìn tôi với một vẻ lạ lùng. Bỗng ý nghĩ về ông Quận trưởng trở lại với tôi.

- Có phải ông Quận trưởng ở trên kia không? - Tôi hỏi.

Và lòng tôi khắp khởi hy vọng, tôi bắt đầu leo bốn bậc thang một. Có những ngày mà người ta như thế là điên vậy. Khi biết là ông Quận trưởng đợi mình, bạn có biết là tôi nghĩ gì không?

Tôi tưởng tượng là ông đã chú ý đến gương mặt phúc hậu của tôi ở lễ phát thưởng và ông cố ý đến trường để mời tôi ra làm thư ký cho ông. Điều đó tôi thấy là chuyện đương nhiên nhất trên đời. Lá thư của Jacques với những câu chuyện về lão Hầu tước của anh chắc đã làm tôi rối trí. Dù sao đi nữa, tôi càng leo cầu thang thì sự tin chắc của tôi càng to lớn hơn: Thư ký của Quận trưởng? Tôi chẳng cảm thấy vui...

Khi rẽ vào hành lang, tôi gặp Roger, ông ta tái mét mặt, ông ta nhìn tôi như thể ông ta muốn nói với tôi; nhưng tôi không đứng lại: ông Quận trưởng không có thời gian chờ đợi.

Khi tôi đến trước văn phòng Hiệu trưởng, tim tôi đập rất mạnh, tôi xin thề như vậy. Thư ký của ông Quận trưởng? Tôi phải đứng lại một lúc để lấy hơi; tôi chỉnh lại chiếc cravat, tôi lấy những ngón tay vân vê một chút những sợi tóc, rồi tôi xoay tay nắm cửa nhẹ nhàng.

Nếu tôi biết được điều gì đang chờ mình.

Ông Quận trưởng đang đứng, tựa hờ vào lớp đá hoa của cái lò mà cười thầm trong bộ râu vàng hoe. Ông hiệu trưởng, mặc áo trong nhà đứng bên ông một cách khiêm tốn, tay cầm cái mũ trùm đầu bằng nhung, còn ông Viot thì ẩn trong một góc.

Khi tôi vào thì ông Quận trưởng cất lời.

- Ông ấy, ông vừa nói vừa chỉ vào tôi, là người bốn cột để lôi cuốn những người đàn bà hầu phòng đây à?

Ông đã thốt lên câu này bằng một giọng rõ ràng, châm biếm mà không ngừng mỉm cười. Trước hết, tôi nghĩ ông muốn đùa bốn nên không trả lời gì, nhưng ông Quận trưởng không đùa; sau một hồi im lặng, luôn mỉm cười, ông lại tiếp:

- Có phải tôi có hân hạnh được nói với ông Daniel Eyssette, ông Daniel Eyssette là người đã dụ dỗ bà hầu phòng của vợ tôi không?

Tôi không biết có chuyện gì nhưng khi nghe nói cái tiếng bà hầu phòng mà người ta ném vào mặt tôi ấy lần thứ hai, tôi cảm thấy đỏ mặt vì xấu hổ và bực mình thực sự. Tôi kêu lên:

- Một bà hầu phòng, tôi ư!... Tôi chẳng bao giờ dụ dỗ bà hầu phòng.

Nghe câu trả lời đó, tôi thấy một thoáng khinh bỉ loé lên từ cặp kính ông Hiệu trưởng và tôi nghe thấy những chiếc chìa khoá lăm râm trong cái góc của chúng: “Thật là trơ tráo!” Ông Quận trưởng thì không ngừng mỉm cười, ông cầm trên cái mặt lò sưởi một gói giấy nhỏ mà thoát đầu tôi đã không nhận ra, rồi quay về phía tôi, mà dứ dứ:

- Ông ạ - ông nói - đây là những bằng chứng rất nghiêm trọng buộc tội ông. Đó là những bức thư mà người ta đã chộp được ở chỗ cái cô tôi đang nói đến. Chúng không được ký, quả vậy, và mặt khác, bà hầu phòng cũng không muốn nêu tên ai. Duy có, trong những bức thư này, thường nói về trường và không may cho ông là ông Viot đã nhận ra nét chữ và giọng văn của ông.

Đến đây, những chiếc chìa khoá rít lên một cách dữ tợn, còn ông Quận trưởng luôn mỉm cười, nói thêm:

- Ở Trường Trung học Sarlande, mọi người không phải là nhà thơ.

Nghe những lời này, một ý nghĩ thoáng vụt qua trí tôi: tôi muốn nhìn tận nơi những tờ giấy ấy. Tôi lao tới, ông Hiệu trưởng sợ một chuyện tai tiếng, nên làm một cử chỉ để ngăn tôi lại. Nhưng ông Quận trưởng chìa cho tôi tập hồ sơ một cách lạng lẽ.

- Nhìn đi! - Ông bảo tôi.

Trời ơi! Thư từ của tôi với Cécilia.

Chúng ở đây tất cả. Tất cả! Kể từ bức thư bắt đầu bằng: “Ôi!Cécilia, đôi khi trên mỏm đá hoang...cho đến bài Thánh ca về những biểu hiện lòng biết ơn: “Nàng tiên đã bằng lòng sống qua một đêm dưới trần...” Và hỏi là tất cả những bông hoa đẹp của tu từ học yêu đương, tôi đã đặt chúng dưới những bước chân của một bà hầu phòng!... Nói là con người ấy xuất thân từ một địa vị cực kỳ cao sang, cực kỳ v.v..., sáng nào cũng đi gặt bòn cho đôi guốc bà Quận trưởng!... Người ta có thể hình dung nổi tức giận, mối lúng túng của tôi.

- Thế nào! Ngài bảo sao, lãnh chúa Don Juan? - Ông Quận trưởng cười gằn sau một lúc im lặng - Những bức thư này có phải của ông không, có hay không?

Đáng lẽ trả lời, tôi lại cúi đầu. Một câu có thể giải tội cho tôi nhưng câu đó, tôi không thốt ra. Tôi sẵn sàng chịu đựng tất cả còn hơn là tố giác Roger... Vì bạn hãy lưu ý rõ là trong mỗi thảm họa này chú bé Chose chẳng hề có lúc nào nghi ngờ tính trung thực của bạn mình. Khi nhận ra những bức thư cậu tự bảo ngay: “Roger đã có cái lười không chép lại chúng, ông ta thích chơi thêm một ván bi-a hơn, nên gửi những bức thư của tôi đi”.

Chú bé Chose này, ngây thơ quá!

Khi ông Quận trưởng thấy tôi không thể trả lời, ông lại bỏ những lá thư vào túi mình, rồi quay lại Hiệu trưởng và tên cặp kè ông:

- Bây giờ, thưa các ông, các ông biết mình cần phải làm gì tiếp.

Đến đó, chùm chìa khoá của ông Viot rung lên với một vẻ thê lương còn ông Hiệu trưởng thì vừa nói vừa cúi gập sát đất... “rằng ông Eyssette xứng đáng bị đuổi ngay lập tức; nhưng cốt để tránh một vụ tai tiếng, người ta còn giữ ông ở lại trường tám ngày nữa”. Đúng thời gian để bảo một ông thầy mới đến thay.

Nghe cái tiếng “đuổi” khủng khiếp ấy, tôi hoàn toàn chán nản. Tôi chào mà chẳng nói gì và vội vã bước ra. Vừa ở bên ngoài, tôi ứa nước mắt... Tôi chạy một mạch đến tận phòng mình mà nén những tiếng nức nở trong chiếc khăn tay...

Roger đang chờ tôi; hắn có vẻ rất bồn chồn và bước xoạc cẳng đi dạo dọc ngang. Khi thấy tôi bước vào, hắn đi đến tôi:

- Ông Daniel!... - Hắn nói với tôi.

Và con mắt hắn dò hỏi tôi. Tôi để cho mình buông xuống một chiếc ghế chẳng trả lời gì.

- Khóc lóc là những trò trẻ con! Ông thầy quân sự nhắc lại bằng một giọng tàn nhẫn, tất cả những thứ đó chẳng chứng tỏ cái gì. Nào... mau lên?... Có gì đã xảy ra đấy?

Thế là tôi kể hắn nghe tỉ mỉ tất cả cái cảnh trong căn phòng.

Tôi càng nói, tôi thấy vẻ mặt Roger rạng rỡ ra, hắn không còn nhìn tôi với cái vẻ ngạo mạn và

cuối cùng khi hắn được biết như thế nào, để không phản lại hắn, tôi đã để bị đuổi khỏi trường, hắn chìa hai bàn tay mở cho tôi và chỉ bảo lời:

- Daniel, ông có một tấm lòng cao thượng.

Vào lúc này, chúng tôi nghe thấy tiếng xe lăn ngoài phố; đó là ông Quận trưởng ra đi.

- Ông có một tấm lòng cao thượng, người bạn tốt của tôi - ông thầy dạy quân sự vừa nhắc lại vừa siết chặt hai nắm tay tôi đến nỗi như làm chúng gãy mất - ông có một tấm lòng cao thượng, tôi chỉ biết nói vậy với ông... Nhưng, ông phải hiểu là tôi không cho phép ai hy sinh vì mình đâu nhé.

Cứ vừa nói, hắn vừa tiến lại gần cửa.

- Đừng khóc nữa, ông Daniel, tôi sẽ đi gặp ông Hiệu trưởng và tôi xin thề chắc với ông không phải ông là người sẽ bị đuổi.

Hắn ta còn bước thêm một bước để đi ra; rồi trở lại với tôi như thể hắn quên một cái gì:

- Có điều hắn nói thầm với tôi, hãy nghe rõ điều này, trước khi tôi ra đi... Tay Roger to xác không đơn độc trên đời đâu nhé; hắn có một người mẹ tàn tật ở một cái xó đâu đó... Một người mẹ... Một người đàn bà thánh đức khốn khổ... Ông hãy hứa với tôi là viết thư cho bà khi mọi chuyện xong xuôi đi.

Điều đó được nói ra một cách trịnh trọng, bằng một giọng rành rọt khiến tôi phát sợ.

- Nhưng, ông muốn làm gì? - Tôi kêu lên.

Roger chẳng trả lời; hắn chỉ mở hé cái áo khoác của mình và để cho tôi nhìn thấy trong túi hắn cái bóng bóng loáng của một khẩu súng sáu.

Quá xúc động, tôi lao về phía hắn.

- Khốn khổ, tự tử ư? Ông muốn tự tử à?

Còn hắn thì rất lạnh lùng:

- Bạn thân mến, khi tôi còn tại chức, tôi đã tự hứa nếu bao giờ vì một việc làm liều tồi tệ, tôi đi đến chỗ làm mình bị giáng cấp tôi sẽ không còn sống trong nỗi mất danh dự làm gì. Đã đến lúc tôi phải giữ lời hứa... Trong năm phút nữa, tôi sẽ bị đuổi khỏi trường, nghĩa là bị giáng cấp; một giờ sau thì xin chào! Tôi sẽ nuốt trôi viên cuối cùng.

Khi nghe thấy vậy, tôi vẫn cứ đứng trân trân trước cửa.

- Này, đừng. Roger, ông đừng ra đi... Tôi thà mất chỗ làm còn hơn là nguyên nhân dẫn tới cái chết của ông.

- Hãy để tôi làm nghĩa vụ của mình - Hắn ta nói với tôi bằng một vẻ hung hãn.

Và mặc cho những cố gắng của tôi, hắn vẫn mở hé được cánh cửa.

Lúc đó, tôi có ý nghĩ nói với hắn ta về bà mẹ hắn, về bà mẹ tội nghiệp mà hắn có ở đâu đó, trong một xó trời. Tôi chứng minh cho hắn ta là, hắn phải sống vì bà, rằng tôi, tôi có thể dễ dàng tìm một chỗ làm khác, rằng vả lại, dù sao, chúng tôi cũng còn tám ngày trước mắt và rằng ít nhất hãy đợi đến phút cuối cùng trước khi chọn một quyết định rùng rợn đến thế thì vẫn hơn... ý nghĩ cuối cùng này tỏ ra làm hắn ta động lòng. Hắn bằng lòng hoãn lại vài giờ cuộc viếng thăm hiệu trưởng của mình và điều đó phải làm liền.

Lúc ấy, chuông điểm, chúng tôi hôn nhau và tôi đi xuống trường.

Về chúng tôi thì như vậy! Tôi đã thất vọng bước vào phòng mình, tôi từ đó bước ra hầu như vui vẻ... Chú bé Chose khá tự hào đã cứu mạng cho người bạn tốt là ông thầy dạy quân sự.

Dù vậy, cần nói rõ điều đó, một khi ngồi vào giảng đài của mình và cơn phấn chấn qua rồi, tôi bắt đầu suy nghĩ.

Roger bằng lòng sống, thế là tốt; nhưng, chính tôi, tôi sẽ ra sao sau khi lòng tận tụy cao đẹp của mình đã đưa mình ra khỏi cổng trường? Tình hình chẳng có gì vui vẻ, tôi đã thấy tổ ấm đặc biệt bị nguy hại: mẹ tôi khóc lóc, còn ông Eyssette thì rất tức giận. May mà tôi nghĩ đến Jacques; bức thư của anh đã đến đúng buổi sáng, thật là một ý hay! Sau hết, thật là đơn giản,

anh chẳng đã viết cho tôi là trong giường anh, có chỗ cho hai người đó sao? Vả lại, ở Paris, người ta luôn tìm được cái gì để sống...

Ở đây một ý nghĩ khủng khiếp ngăn tôi lại: Để đi, phải có tiền; trước hết tiền đi tàu, rồi năm mươi tám quan mà tôi chịu của ông canh cổng, rồi mười quan mà một tên lớn đã cho tôi vay, rồi những món tiền lớn ghi vào tên tôi trong cuốn sổ thanh toán của quán cà phê Barbette. Cái cách để tự kiểm tất cả chỗ tiền ấy?

“Ô hay! Tôi tự nhủ khi nghĩ đến đó, tôi thấy mình thật thơ ngây mà hơi một tí đã lo lắng, Roger chẳng phải kia đấy thôi? Roger giàu có, ông ta mở các lớp ngoài phố và ông ta sẽ rất sung sướng cung ứng cho tôi vài trăm quan, cho tôi là người đã cứu mạng ông”.

Công việc của tôi thế là được giải quyết, tôi quên mọi tai biến trong ngày để chỉ nghĩ đến chuyến đi Paris to lớn của mình. Tôi rất vui, ông Viot đi xuống phòng học để tận hưởng nỗi thất vọng của tôi, ông ta có vẻ rất chững chạc khi nhìn thấy gương mặt vui tươi của tôi. Bữa ăn chiều, tôi ăn nhanh và khỏe.

Cuối cùng, giờ lên lớp đã điểm.

Điều gấp nhất là thăm Roger; thoát một cái, tôi đã ở phòng hắn ta; chẳng có ai ở trong phòng. “Tốt. - Tôi tự nhủ với chính mình - Chắc ông đã đi ra quán Barbette”, mà điều đó cũng chẳng khiến tôi sửng sốt trong những tình huống bi đát như thế.

Ở quán Barbette, chẳng còn ai cả.

- Roger đã ra Đồng cỏ với các hạ sĩ rồi - Người ta bảo tôi.

Họ có thể làm cái quái gì ở đó vào một thời tiết như vậy chứ? Tôi bắt đầu bồn chồn, chẳng thiết một ván bi-a mà người ta mời tôi. Tôi cắn gấu quần, lao ra tuyết chạy về phía Đồng cỏ, đi tìm người bạn tốt, ông thầy quân sự của tôi.

XII

CHIẾC VÒNG SẮT

Từ cổng thành Sarlande đến Đồng cỏ, có đến già nửa dặm đường; nhưng với cách đi của tôi hôm ấy, tôi phải mất non một khắc đồng hồ để vượt chặng đường. Tôi lo sợ cho Roger. Tôi e là mặc dù đã hứa, chàng trai tội nghiệp đã kể hết chuyện với Hiệu trưởng trong giờ học; tôi cứ tưởng như vẫn còn loé lên cái bóng khẩu súng ngắn của hắn ta. Cái ý nghĩ ảm đạm ấy chấp cánh cho tôi.

Tuy vậy, từng quãng một, tôi nhận thấy trên tuyết nhiều vết chân đi về phía Đồng cỏ, và cứ nghĩ là ông thầy quân sự không đơn độc, thì điều đó lại khiến tôi hơi vững lòng.

Thế là, vừa chạy chậm lại, tôi vừa nghĩ đến Paris, đến Jacques, đến chuyến ra đi của mình... Nhưng sau một lát, những nỗi sợ của tôi lại tiếp tục:

“Rõ ràng là Roger sẽ tự sát. Nếu không thì ông ta tìm đến cái nơi hoang vắng, xa thành phố này làm gì? Nếu ông ta dẫn theo bạn bè ở quán Barbette là để từ biệt họ, để uống chén tiễn đưa như họ nói... Ôi! Những quân nhân ấy!...” Và thế là tôi lại chạy hết hơi.

May mà tôi đến gần Đồng cỏ mà tôi đã nhận ra cái cây lớn chất đầy tuyết.

“Bạn khốn khổ, tôi tự nhủ, miễn là ta đến kịp!”

Vết chân dẫn tôi đến quán gió Espéron.

Cái quán này là một nơi ám muội và có tiếng xấu, nơi bọn sa đoạ ở Sarlande đến lợi lả. Tôi đã đến đó nhiều lần đi cùng những tấm lòng cao thượng, nhưng chẳng bao giờ tôi thấy nó có bộ mặt ảo não đến như hôm ấy. Vàng vọt và bẩn thỉu ở giữa cái vẻ trắng trong của đồng bằng, nó lẫn lút với cái cửa thấp, tường long vách lở và cửa sổ có kính lau dối, đằng sau một bãi cây du non. Căn nhà có vẻ xấu hổ về cái nghề xấu xa mà nó hành sự.

Khi tôi đến gần, tôi nghe thấy một tiếng ồn vui vẻ của tiếng nói, tiếng cười và tiếng cốc chạm nhau.

“Trời ơi! - Tôi rùng mình tự nhủ - Đó là chén tiền đưa”. Và tôi dừng lại để lấy hơi.

Lúc đó, tôi ở đằng sau quán; tôi đẩy một cánh cửa rào thưa và tôi đi vào trong vườn. Vườn gì thế này? Một hàng rào lớn trơ trụi, nhưng khóm hoa đình trệ lá, từng đồng rác rưởi trên tuyết và những giàn cây hình vòm trắng mua giống như lều dân Eskimo. Cảnh đó trông buồn đến phát khóc lên được.

Tiếng ồn ào đến từ căn phòng tầng trệt và cuộc chè chén lúc này hẳn phải sôi nổi vì mặc dù lạnh, người ta đã mở toang hai cửa sổ.

Tôi đặt chân lên bậc thứ nhất của cái tam cấp thì tôi nghe thấy một điều gì đó khiến tôi dừng phắt và lạnh toát người: Đó là tên tôi thốt lên giữa những trận cười phá. Roger nói về tôi và điều lạ lùng là mỗi lần cái tên Daniel Eyssette được nhắc đến thì những người kia cười ngặt nghẽo.

Bị thôi thúc bởi một sự tò mò đau xót, cảm thấy rõ là mình đi tìm hiểu một điều gì đó khác thường, tôi ngả người ra phía sau và chẳng bị ai nghe thấy, nhờ tuyết làm câm tiếng bước chân tôi như một tấm thảm, tôi tụt vào một trong những giàn cây hình vòm nằm đúng ngay dưới những ô cửa.

Tôi gập lại nó suốt đời mình, cái giàn cây ấy; tôi gập lại suốt đời mình, cái thảm xanh phủ kín nó, nền đất bùn lầy và bẩn thỉu của nó, cái bàn nhỏ sơn màu lục và những chiếc ghế bằng gỗ lênh láng nước... Qua lớp tuyết chất lên nó, ánh sáng hơi lọt qua; tuyết tan từ từ và rơi lên đầu tôi từng giọt một.

Chính ở đó, chính trong cái giàn cây hình vòm đen và lạnh như một nắm mồ ấy mà tôi biết con người có thể dữ dằn và hèn nhát biết bao; chính ở đó mà tôi biết ngờ vực, khinh bỉ, ghét bỏ... Ôi, bạn là người đọc tôi, mong Chúa giữ bạn đừng bao giờ bước vào trong cái giàn cây ấy!... Đứng đấy nín hơi thở, đỏ mặt vì tức giận và xấu hổ, tôi lắng nghe điều được nói ra.

Người bạn tốt, ông thầy dạy quân sự của tôi liền thoảng mồm miêng... Hẳn kể về cuộc dan díu của Cécilia, việc trao đổi thư tình, cuộc viếng thăm của ông Quận trưởng ở trường, tất cả những điều đó cùng với những sự thêm thắt và điệu bộ hẳn phải rất nực cười, theo xét đoán những rung cảm của cử tọa.

- Các bạn hiểu không, hỡi các bạn yêu quý - Y nói bằng cái giọng giễu cợt của mình - là người ta đã không diễn một cách vô ích hài kịch suốt ba năm trên sân khấu của bọn zuavor. Thật như tôi đang nói với các bạn đây này! Có lúc, tôi đã nghĩ cuộc chơi bị thất bại và tôi tự bảo là mình sẽ không còn đến uống với các bạn thứ rượu ngon của lão Espéron nữa... Chú bé Eyssette đã không nói gì, đúng vậy; nhưng, vẫn còn lúc để nói, riêng chúng ta với nhau, tôi nghĩ là hẳn chỉ muốn để cho tôi được vinh dự tự tố cáo mình. Thế là, tôi đã tự nhủ: “Hãy coi chừng và tiến tới một màn kịch lớn!”.

Đến đó, người bạn tốt, ông thầy quân sự của tôi bắt đầu diễn cái mà y gọi là màn kịch lớn, tức là những gì đã xảy ra buổi sáng trong phòng tôi giữa y và tôi. Ôi! Tên khốn nạn! Y chẳng quên cái gì cả... Y kêu lên: Mẹ tôi! Người mẹ khốn khổ của tôi! Với những chỗ nhấn giọng của kịch. Rồi y bắt chước giọng tôi nói: “Đừng, Roger, đừng, ông đừng đi ra!...”. Màn kịch lớn thực quả là một trò hề cao tay, nên tất cả cử tọa cười lẫn ra. Tôi thì tôi cảm thấy những giọt nước mắt lớn chảy dòng dòng dọc theo má, người tôi run lên, tai tôi ù, tôi đoán ra tất cả tấn trò bỉ ổi buổi sáng, tôi mơ hồ hiểu là Roger đã cố ý gởi những lá thư của tôi để tránh mọi cái rủi ro, là mẹ y, người mẹ khốn khổ của y, đã chết từ hai mươi năm nay và rằng tôi đã cho cái bao tẩu thuốc lá

của y là một cái bóng sừng ngắn.

- Thế còn cô nàng Cécilia? - Một lăm lòng cao thượng nói.
- Cécilia chẳng nói gì, nàng đã sắp khăn gói ra đi, đó là một cô gái tốt.
- Thế còn chú bé Daniel? Cậu ta ra sao?
- Úi chà! - Roger trả lời.

Đến đây, một cử chỉ khiến mọi người cười.

Trận cười phá lên khiến tôi phát điên. Tôi những muốn rời khỏi cái giàn cây và đường đột hiện ra giữa đám bọn họ như một con quái. Nhưng tôi nén mình: Tôi đã khá ngớ ngẩn.

Món thịt quay được đem tới, những chiếc cốc đụng nhau.

- Mừng Roger! Mừng Roger! - Người ta kêu lên.

Tôi không nén được nữa, tôi đau đớn lắm. Chẳng lo ngại có ai đó có thể nhìn thấy, tôi lao mình qua khu vườn. Nhảy phắt một cái, tôi băng ngang qua cái cổng rào thưa và tôi bắt đầu chạy thực mạng như một thằng điên.

Trời đổ tối, im lặng; và cánh đồng tuyết mênh mông kia, trong vẻ chạng vạng chiều tà, chẳng hiểu sao mang một nỗi buồn sâu xa. Tôi cứ chạy như vậy một lúc như một chú dê non bị thương; còn nếu những con tim tan nát và rỉ máu là điều khác hơn của những cách nói dùng cho những nhà thơ thì tôi xin thề với bạn là người ta có thể tìm thấy sau lưng tôi một vệt máu dài trên tuyết trắng.

Tôi cảm thay thất bại. Tìm đâu ra tiền? Ra đi làm sao? Gặp lại anh Jacques tôi như thế nào? Tổ cáo Roger cũng chẳng giúp được tôi cái gì cả... Y có thể chối, bây giờ Cécilia đã đi rồi.

Cuối cùng, bị dồn dập, kiệt sức vì mệt nhọc và đau đớn, tôi buông mình ngã vào tuyết dưới gốc một cây dẻ. Có lẽ tôi sẽ ở lại đó cho đến hôm sau, khóc lóc và chẳng có sức mà suy nghĩ thì bỗng ở khá xa, khá xa, phía Sarlande, tôi nghe thấy tiếng chuông vang lên. Đó là chuông ở trường. Tôi đã quên tất cả; tiếng chuông ấy nhắc tôi về cuộc sống: Tôi phải trở về và trông nom bọn học sinh ra chơi trong phòng... Khi nghĩ đến cái phòng, một ý nghĩ chợt đến với tôi. Lập tức, nước mắt tôi ngừng tuôn; tôi cảm thấy mạnh hơn, bình tĩnh hơn. Tôi đứng lên và từ cái bước thảnh thơi của con người vừa mới chọn một quyết định không đảo lại được, tôi lại theo con đường về Sarlande.

Nếu bạn muốn biết chú bé Chose vừa mới chọn quyết định không thể đảo ngược nào thì hãy theo chú đến Sarlande, ngang qua cái đồng bằng trắng xoá rộng lớn kia; hãy theo chú vào những đường phố tối tăm và bùn lầy của thành phố; hãy theo chú vào cái cổng trường; hãy theo chú vào phòng trong giờ ra chơi và hãy chú ý đến việc chú nhìn cái vòng sắt lung lẳng ở giữa với vẻ đặc biệt dai dẳng ra sao; hết giờ ra chơi, hãy theo cậu vào đến phòng học, cùng cậu leo lên giảng đài và đọc qua vai cậu lá thư đau xót mà cậu đang viết giữa tiếng ồn ào của bọn trẻ đang đồng thanh khích động này:

“Ông Jacques Eyssette, phố Bonaparte, Paris.

“Anh Jacques thân yêu, hãy tha thứ cho em nỗi đau mà em gây cho anh. Anh là người không khóc nữa, em lại khiến anh khóc một lần nữa; chà, sẽ là lần cuối cùng... khi anh nhận được lá thư này, Daniel khốn khổ của anh sẽ chết...”.

Đến đây, tiếng ồn ở phòng học tăng lên; chú bé Chose dừng lại và phân phối vài sự trừng phạt bên này và bên kia, nhưng nghiêm khắc, không giận dữ. Rồi, cậu tiếp tục:

“Anh thấy không! Jacques, em quá khổ sở. Em không thể làm thế nào khác hơn là tự tử. Tương lai của em mất rồi: người ta đã đuổi em khỏi trường. Chính vì một chuyện đàn bà, những chuyện quá dài để kể cho anh; rồi, em mắc nợ, em không biết làm việc nữa, em xấu hổ, em chán ngán, em ghê tởm, cuộc sống khiến em sợ... Em thích ra đi hơn...”.

Chú bé Chose lại buộc phải ngừng:

- Năm trăm câu thơ cho trò Soubeyrol! Fouqué và Loupi ở lại làm bài ngày chủ nhật!

“Từ biệt Jacques! Em còn nhiều điều phải nói với anh, nhưng em cảm thấy là anh sắp khóc,

còn bọn học sinh thì đang nhìn em. Hãy nói với mẹ rằng em bị sẩy chân từ trên cao một hòn đá khi đi dạo hoặc em bị chết đuối khi trượt băng. Sau cùng thì hãy bịa ra một câu chuyện, những mong là người đàn bà khốn khổ vẫn không biết sự thật!... Hãy hôn mẹ nhiều hộ em, người mẹ thân thiết ấy; hãy hôn cả bố chúng ta và cố dựng lại nhanh một tổ ấm tốt đẹp... Xin từ biệt! Em yêu anh. Hãy nhớ đến Daniel!”

Lá thư ấy viết xong, chú Nhóc lại bắt đầu ngay một bức khác cũng diễn đạt như thế:

“Thưa ngài Trưởng tu viện, tôi xin ngài gửi đến anh Jacques tôi bức thư mà tôi để lại cho anh ấy. Cùng lúc, ngài cũng cắt tóc của tôi, rồi ngài làm thành một gói nhỏ gửi cho mẹ tôi! Tôi xin lỗi ngài về nỗi đau mà tôi tạo cho ngài. Tôi đã tự tử vì ở đây, tôi quá khốn khổ. Chỉ có ngài thôi, ngài Trưởng tu viện ạ, ngài luôn tỏ ra rất tốt đối với tôi. Tôi cảm ơn ngài về điều đó. Daniel Eyssette”.

Sau đó, chú bé Chose đặt lá thư này và lá của Jacques vào cùng một phong bì to có dòng chữ: “Người tìm thấy xác tôi đầu tiên thì xin chuyển lá thư này đến tay Trưởng tu viện Germanel”. Rồi khi mọi việc đã xong, cậu lặng lẽ chờ hết giờ học.

Hết giờ học. Người ta ăn tối, người ta cầu kinh, người ta lên phòng ngủ. Học sinh đi nằm; chú Nhóc dạo ngang dọc, chờ chúng ngủ đi. Giờ đây, đến lượt ông Viot đi lượn quanh; người ta nghe tiếng lanh canh bí hiểm những chiếc chìa khoá của ông và tiếng động đôi dép nhẹ của ông trên sân.

- Xin chào ông Viot! - Chú Nhóc lầm rầm.

- Chào ông! - Ông giám thị thăm đáp lại.

Rồi ông đi xa, bước chân ông mất hút trong hành lang.

Chú Nhóc có một mình. Cậu từ từ mở cửa và dừng lại một lúc ở thềm nghỉ cầu thang để xem học sinh có thức giấc không; nhưng, tất cả đều im lặng trong phòng ngủ. Thế là cậu đi xuống, cậu trườn từng bước nhỏ, trong bóng những bức tường. Gió bắc rít buồn bã bên dưới những cánh cửa. Bên dưới cầu thang, khi đi qua trước hàng cột mặt nhà, cậu nhận ra cái sân trắng những tuyết giữa bốn khối nhà lớn xám xịt.

Trên kia, gần mái, chong chong một ngọn đèn: Đó là Trưởng tu viện đang làm việc cho một tác phẩm lớn của mình. Từ đáy lòng, chú bé Chose gửi một lời từ biệt cuối cùng thật chân thành đến ông Trưởng tu viện tốt bụng ấy; rồi, cậu đi vào trong phòng...

Phòng tập thể dục cũ của trường hải quân tràn ngập một bóng tối lạnh và ảm đạm. Qua những hàng song một cửa sổ, một chút ánh trăng soi xuống đến trùn hết lên cái vòng sắt to. - Ôi! Chiếc vòng ấy, chú bé Chose chỉ nghĩ đến nó hàng giờ nay - Lên cái vòng sắt to lấp lánh như bằng bạc vậy... Trong một góc phòng chiếc ghế đầu cũ im lìm. Chú Nhóc đi lấy nó, đem nó đến dưới cái vòng, rồi leo lên, cậu đã không lầm, đúng tầm cao cần thiết. Thế là cậu tháo chiếc cravat của mình, một chiếc cravat dài bằng lụa màu tím mà cậu đeo nhàu nát xung quanh cổ như một dải băng. Cậu vắt chiếc cravat vào cái vòng và thắt một nút thông lọng... Chuông điểm một giờ. Nào! Phải chết...

Với đôi bàn tay run rẩy, chú Nhóc mở cái nút thông lọng. Một kiểu sốt kích động cậu. Từ biệt Jacques! Từ biệt bà Eyssette!...

Bỗng có một bàn tay thép giáng vào người cậu. Cậu cảm thấy bị túm lấy giữa thân mình và đặt đứng xuống dưới chân ghế. Cùng lúc, một tiếng người chối tai và ranh mãnh mà cậu biết rõ, nói với cậu:

- Lại nảy ra ý nghĩ chơi xà vào giờ này cơ à!

Chú Nhóc sững sờ quay mình lại.

Đó là Trưởng tu viện Germane, Trưởng tu viện Germane không mặc áo dòng, mặc quần ngắn, với cái cổ bẻ phất phơ trên chiếc áo gilê. Gương mặt xấu mà đẹp của ông mỉm cười buồn bã, được ánh trăng chiếu sáng một nửa... Chỉ một tay của ông cũng đủ đặt kẻ tự tử xuống đất; bằng tay kia, ông còn cầm chiếc bình mà ông vừa mới lấy đầy nước ở máy ngoài sân.

Cứ nhìn gương mặt hốt hoảng và những con mắt đắm lệ của chú bé Chose, Trưởng tu viện

Germane cũng hết mỉm cười và ông nhắc lại, nhưng lần này bằng một giọng êm dịu và gần như âu yếm:

- Chơi xà vào giờ này thì thật là một ý nghĩ lạ lùng đấy, Daniel thân mến ạ!

Chú bé Chose mặt đỏ tía tai, im thít.

- Tôi không chơi xà, ngài Trưởng tu viện ạ, tôi muốn chết.

- Sao cơ?... Chết à?... Thế, cậu buồn phiền lắm à?

- Ồ! - Chú bé Chose đáp lại với những giọt nước mắt lớn nóng hổi lăn trên má.

- Daniel, cậu hãy đến với tôi - Trưởng tu viện nói.

Chú bé Chose ra hiệu là không và chỉ cái vòng sắt cùng với chiếc cravat... Trưởng tu viện Germane lấy tay cầm nó:

- Nào! Lên phòng tôi, nếu cậu muốn tự tử, thế thì cậu sẽ tự tử trên kia: có lửa đấy, tốt lắm.

Nhưng, chú Nhóc chống lại:

- Hãy để tôi chết, ngài Trưởng tu viện ạ. Ngài không có quyền ngăn tôi chết.

Một thoáng giận dữ đảo qua mắt ông linh mục:

- Ồi! Đến thế cơ à? - Ông nói.

Bỗng vừa nắm lấy chú Nhóc bằng thắt lưng, ông vừa mang chú đi như một cái gói, mặc cho chú chống lại và van xin...

Giờ đây thì chúng tôi đang ở nhà Trưởng tu viện Germane: một ngọn lửa to rực sáng trong lò sưởi; gần lửa, có chiếc bàn với ngọn đèn thấp sáng, những cái tẩu và những đồng giấy đầy chữ gà bới.

Chú Nhóc ngồi ở góc lò. Chú rất bồn chồn, chú nói nhiều, chú kể về đời mình, những nỗi khổ của mình và tại sao chú lại muốn chấm dứt nó. Trưởng tu viện vừa nghe chú vừa mỉm cười; rồi, khi đứa trẻ đã nói nhiều, khóc nhiều, xả hết cội lòng bệnh hoạn khốn khổ của mình, người đàn ông tử tế cầm lấy hai bàn tay chú và nói với chú rất bình thản:

- Tất cả những điều ấy chẳng xá gì hết, con trai ạ, và con đã ngốc nghếch ghê gớm khi đi chết vì một chuyện không đâu như vậy. Câu chuyện của con rất đơn giản: người ta đã đuổi con khỏi trường - Tiếc thế, điều đó lại là một điều may lớn cho con... - Vậy thì! Phải đi, đi ngay, chẳng đợi cái tám ngày của con nữa... Mẹ kiếp, con không phải là một bà nấu bếp!...Chuyển đi của con, những khoản nợ của con, đừng lo lắng gì cả! Cha sẽ đỡ dần con... Tiền bạc mà con muốn vay ở thằng đều ấy, chính cha sẽ cho con vay. Ngày mai, chúng ta sẽ giải quyết tất cả những việc ấy... Bây giờ thì không nói gì nữa!

Cha cần làm việc, còn con thì cần ngủ... Có điều, cha không muốn con trở lại cái phòng ngủ gớm guốc của con nữa: Con lạnh, con sợ; con đi mà ngủ trong giường của cha, có những chăn nệm trắng đẹp mới trải sáng nay!... Cha thì sẽ viết suốt đêm: Còn nếu cha buồn ngủ, cha sẽ ngã người trên chiếc ghế dài... Xin chào! Đừng nói gì nữa.

Chú Nhóc nằm xuống, cậu chẳng cự nự gì... Tất cả những điều đã xảy đến với cậu tạo cho cậu cảm giác của một giấc mơ. Biết bao sự kiện trong một ngày! Đã khá gần cái chết, rồi lại ở đây một chiếc giường êm ấm trong căn phòng lạng lẽ và ấm áp này!... Chú Nhóc thật là dễ chịu... Thỉnh thoảng, khi mở mắt, chú thấy dưới ánh sáng dịu của cái chao đèn, ông Trưởng tu viện tốt bụng Germane cứ vừa hút thuốc vừa lia cái bút của mình kêu se se chạy từ trên xuống dưới những tờ giấy trắng.

Ngày hôm sau, tôi được ông Trưởng tu viện đập vào vai đánh thức. Khi ngủ, tôi đã quên tất cả... Điều đó khiến cho người cứu vớt tôi cười nhiều.

- Nào! Con trai - ông bảo tôi - chuông đã điểm, mau lên con; sẽ chẳng có ai nhận ra cái gì cả, hãy đi ra nhận học sinh như bình thường; trong giờ nghỉ ăn bữa trưa, cha sẽ đợi con ở đây để nói chuyện.

Trí nhớ trở lại với tôi ngay lập tức. Tôi muốn cảm ơn ông; nhưng thực ra, ông Trưởng tu viện tốt bụng đã đẩy tôi ra ngoài cửa.

Nếu đường như tôi thấy buổi học kéo dài, thì tôi cũng chẳng cần nói với bạn chuyện ấy làm gì... Bọn học sinh còn chưa ra ngoài sân thì tôi đã gõ cửa nhà ông Trưởng tu viện Germane. Tôi thấy ông ngồi trước bàn giấy của mình, những cái ngăn kéo mở toang, đang bận đếm những đồng tiền vàng mà ông sắp cẩn thận thành từng đồng nhỏ.

Nghe tiếng tôi vào, ông quay đầu lại, rồi vẫn tiếp tục công việc của mình, chẳng nói gì với tôi cả; khi ông đã xong, ông đóng ngăn kéo và ra hiệu cho tôi bằng tay kèm một nụ cười thân thiện:

- Tất cả chỗ này là phần con. Cha đã tính toán cho con rồi. Đây là để đi đường, đây là cho ông canh cổng, đây là cho quán Barbette, đây là cho cậu học sinh cho con vay mười quan... Cha đã để riêng chỗ tiền này để làm cái thế chân cho Cadet; nhưng Cadet thì mười năm nữa mới rút thăm ([38]) và từ đây đến đấy, chúng ta sẽ gặp lại nhau.

Tôi muốn nói, nhưng con người quái gở ấy không để cho tôi thời gian:

- Bây giờ, con ta ạ, con hãy từ biệt ta... lớp của cha đánh chuông rồi đấy và khi ta đi ra, ta không muốn thấy con ở đây nữa. Cái không khí ngục Bastille ([39]) này không đáng giá gì với con cả... Con hãy chuồn nhanh đi Paris, hãy làm việc tốt, hãy cầu Chúa, hãy hút thuốc và cố làm một con người. Vì con có thấy không? Daniel bé bỏng của ta, con hẳn còn là một đứa trẻ và ta cũng còn sợ là suốt đời con vẫn là một đứa trẻ.

Đến đó, ông dang cánh tay với tôi kèm một nụ cười tuyệt trần; còn tôi thì tôi gieo mình xuống đầu gối ông mà nức nở.

Ông nâng tôi dậy và hôn tôi vào hai má.

Chuông điểm tiếng thứ nhất.

- Thôi! Ta chậm rồi đấy - ông vừa nói vừa vội vã thu nhặt sách vở của mình.

Khi ông sắp đi ra ông còn ngoái lại phía tôi:

- Ta nữa, ta cũng có một ông anh ở Paris, một ông linh mục, người tử tế mà ta có thể đi thăm... Nhưng, chà chà, nửa khôn nửa dại như con, con chỉ có mà quên địa chỉ của ông ta thôi...

Rồi chẳng nói gì hơn nữa, ông bắt đầu gấp bước đi xuống thang. Cái áo dòng phất phơ đằng sau ông; ông cầm chiếc mũ chòm bằng tay phải, còn cánh tay trái thì cắp một gói to giấy và sách cũ... Trưởng tu viện Germane tốt bụng! Trước khi ra đi, tôi đảo mắt lần cuối xung quanh căn phòng ông; tôi ngắm một lần cuối cái tủ sách lớn, chiếc bàn nhỏ, ngọn lửa leo lét, chiếc ghế bành mà tôi đã từng khóc, chiếc giường nơi tôi đã ngủ khá ngon giấc; và, khi nghĩ đến cuộc sống bí hiểm trong đó tôi đoán được biết bao sự dũng cảm, lòng tốt thầm kín, lòng tận tụy và chịu nhịn, tôi không thể ngăn mình đỏ mặt vì những nỗi hèn nhát của mình và tôi tự thề luôn nhớ Trưởng tu viện Germane.

Trong khi chờ đợi, thời gian cứ qua đi... Tôi phải gói ghém đồ đạc, trả nợ, giữ chỗ ở xe ngựa khách... Lúc ra đi, tôi nhận thấy trên một góc lò sưởi nhiều cái tẩu cũ đen kịt. Tôi lấy một cái cũ nhất, đen nhất, ngắn nhất và đút nó vào trong túi như một di vật; rồi, tôi đi xuống.

Ở dưới, cánh cửa của phòng tập thể dục cũ vẫn còn hé mở.

Tôi không thể dừng đảo mắt vào đó một cái khi đi qua và điều mà tôi nhìn thấy khiến tôi rùng mình.

Tôi nhìn thấy căn phòng rộng tối và lạnh, chiếc vòng sắt loé sáng và chiếc cravat màu tím với cái nút thông lọng của nó đang lung lẳng trong gió lùa bên trên cái ghế đầu bị lật.

CHÙM CHÌA KHOÁ CỦA ÔNG VIOT

Khi tôi bước chân ra khỏi ngôi trường, vẫn còn xúc động về cảnh tượng khủng khiếp mà tôi vừa nhìn thấy, cái chòi của ông canh cửa bỗng mở ra và tôi nghe thấy người ta gọi tôi:

- Ông Eyssette! Ông Eyssette!

Đó là ông chủ quán cà phê Barbette và người bạn xúng đáng của y, ông Cassagne, vẻ hoảng hốt, gần như xấc xược.

Ông chủ quán nói đầu tiên:

- Có thật là ông ra đi không, ông Eyssette?

- Phải, ông Barbette ạ - Tôi lẳng lặng trả lời - tôi đi ngay hôm nay.

Ông Barbette nẩy người lên một cái, ông Cassagne cũng nẩy một cái; nhưng cái nẩy của ông Barbette mạnh hơn của ông Cassagne nhiều vì tôi nợ tiền của y nhiều hơn.

- Thế nào? Ngay hôm nay!

- Ngay hôm nay, tôi chạy đi giữ chỗ ở xe ngựa khách bây giờ đây.

Tôi nghĩ là họ nhảy lên bóp cổ tôi mất.

- Thế còn tiền của tôi? - Ông Barbette nói.

- Của tôi nữa? - Ông Cassagne rít lên.

Chẳng trả lời, tôi bước vào trong chòi và trịnh trọng rút ra đầy tay những đồng tiền vàng đẹp của Trường tu viện Germane, tôi bắt đầu đếm chúng lên đầu bàn chòi tôi nợ cả hai người.

Thật là một sự đổi cảnh bất ngờ! Hai gương mặt cau có nở nang ra cứ như có phép thần thông vậy... Khi họ đã nhận tiền rồi, hơi xấu hổ về nỗi sợ họ đã lộ ra với tôi và cả mừng vì đã được trả, họ tuôn ra những lời hỏi thăm chia buồn và cam kết bè bạn:

- Ông Eyssette, ông bỏ chúng tôi thật à?...Ồ? Tai hại quá! Thật là thiệt cho nhà hàng!

Và rồi những tiếng “Ồ?!, “À?!, “Chao ôi?!” , những tiếng thở dài, những cái bắt tay, những giọt nước mắt bị nén lại...

Hôm qua, tôi còn có thể để mình bị mồi chài về những vẻ ngoài bè bạn ấy; nhưng giờ đây, tôi đã bị đóng đinh chống trượt trên những vấn đề tình cảm. Khắc đồng hồ trái qua dưới giàn cây đã dạy cho tôi biết những con người - ít nhất là tôi tin như vậy - Và những tay chủ quán gớm guốc kia càng tỏ ra nhã nhặn thì họ càng khiến tôi ghê tởm. Cho nên, cắt ngang những biểu lộ nực cười của họ, tôi ra khỏi trường và bỏ đi thật nhanh để giữ chỗ ở chuyển xe khách có bốn phận đưa tôi rời xa tất cả những con quái ấy. Khi từ văn phòng hãng vận tải trở về, tôi đi qua trước quán cà phê Barbette, nhưng tôi không vào; chốn ấy khiến tôi phát khiếp. Không biết, bị thôi thúc bởi tính tò mò độc hại nào đó, tôi nhìn qua cửa kính... Quán đầy người; đó là ngày đầu vòng bi-a. Qua khói tẩu thuốc, người ta thấy rực lên những túp len mũ sang trọng và những cái đai lưng treo lấp lánh trên mắc.

Những tấm lòng cao thượng đủ mặt cả, chỉ thiếu ông thầy dạy quân sự.

Tôi nhìn một lúc những gương mặt đỏ mà những tấm kính càng làm tăng thêm, rượu ngải đắng lung linh trong những chiếc cốc, những cái bình con rượu trắng mề hết ở trên miệng; rồi cứ nghĩ là mình đã sống trong cái vũng lầy ấy, tôi thấy đỏ mặt... Tôi thấy lại chú Nhóc lẫn lộn xung quanh bàn bi-a, ghi điểm, trả tiền rượu, bị rẻ rúng, bị khinh miệt, ngày càng đòi bại và nhai đi nhai lại giữa hai hàm răng một cái ống điếu hoặc một điệp khúc trại lính... ảo ảnh ấy còn khiến tôi phát sợ hơn là cái tôi thấy trong phòng tập thể dục khi nhìn cái cravat nhỏ màu tím đu đưa. Tôi chạy trốn...

Thế mà khi tôi theo đường về phía trường có kèm một người của nhà xe để đem cái hòm của tôi đi, tôi thấy ông thầy dạy quân sự lạnh lợi, tay cầm cái gậy ngắn, mũ phớt đội xụp xuống tai, đang soi bộ ria mảnh của mình vào đôi ủng đẹp láng bóng... Từ xa, tôi ngưỡng mộ nhìn y mà tự

nhủ: “Thật là tiếc cho một con người khá bảnh bao mà lại mang một tâm địa xấu đến thế!...”. Về phía y, y cũng đã nhận ra tôi và đi đến với tôi, miệng cười tươi rất chân thật và dang rộng hai cánh tay to...Ồi! Cái giàn cây!

- Tôi tìm ông... - Y nói với tôi - Tôi được tin gì nào? Ông...

Y dừng phắt. Ánh mắt tôi nhìn khiến những câu y nói dỗi tắc lại trên môi. Và trong cái nhìn khiến y sững người đó, ngay trước mặt, tên khốn nạn hẳn phải đọc rõ mọi điều vì tôi thấy y bỗng tái người, lắp bắp, bối rối; nhưng đó chỉ là việc một chốc lát: Y lấy lại ngay cái vẻ hào nhoáng, đôi mắt y lạnh lùng và long lanh như thép nhìn dán vào mắt tôi, rồi thọc hai tay vào túi bằng một vẻ kiên quyết, y vừa lánh xa vừa lầm bầm rằng những kẻ nào không bằng lòng thì cứ việc mà đến nói với y...

Đồ vô lại, liệu hồn?

Khi tôi bước vào trường, bọn học sinh ở trong lớp. Chúng tôi leo lên cái tầng mái của tôi. Người đàn ông chất cái hòm lên vai và đi xuống. Tôi ở lại một lúc trong căn phòng lạnh lẽo đó, nhìn những bức tường trần bần, cái bàn viết màu đen nhám nhờ và qua ô cửa sổ chật hẹp, những cây tiêu huyền ở các sân phô những cái ngon phủ đầy tuyết... Trong lòng mình, tôi từ biệt tất cả cái thế giới ấy. Vào lúc đó tôi nghe thấy một giọng nói vang như sấm oang oang trong lớp học; đó là tiếng Trưởng tu viện Germane.

Nó sưởi ấm lòng tôi và làm rung rung trên mi vài giọt nước mắt lớn.

Sau đó, tôi từ từ đi xuống, chăm chú nhìn xung quanh mình, như để mang theo trong mắt hình ảnh, tất cả hình ảnh ở những nơi mà mình chẳng còn bao giờ được thấy lại nữa này.

Chính như vậy mà tôi đi qua những hành lang dài có cửa sổ cao có lưới sắt, nơi đôi mắt đen đã hiện ra với tôi lần đầu. Cầu trời che chở người, đôi mắt đen thân mến của ta!... Tôi cũng bước qua văn phòng Hiệu trưởng, có cửa kép bí hiểm; rồi, xa hơn vài bước, trước văn phòng ông Viot... ở đó, tôi đột ngột dừng lại...Ồi mừng rỡ, ôi vui thú! Những chiếc chìa khoá, những cái chìa khổng khiếp treo ở ổ và gió làm chúng rung rinh nhẹ nhẹ. Tôi nhìn chúng với một kiểu sợ hãi kính cẩn; rồi, bỗng một ý nghĩ trả thù nảy ra với tôi. Một cách nghịch phản, với một bàn tay phạm thượng, tôi rút chìa khoá khỏi ổ và giấu nó vào chiếc áo lễ của mình, tôi đi xuống thang bốn bước một.

Ở đầu cái sân của bọn nhõ, có một cái giếng rất sâu. Tôi chạy một mạch đến đó... Vào giờ này, cái sân vắng vẻ; bà tiên đeo kính còn chưa vén rèm. Mọi điều tạo thuận lợi cho tội ác của tôi. Thế là, lôi chìa khoá ra khỏi gấu áo, những chiếc chìa khoá khốn nạn đã làm tôi khổ sở biết bao ấy, tôi lấy hết sức ném chúng xuống giếng... Lạnh canh! Lạnh canh! Lạnh canh! Tôi nghe thấy chúng lao xuống, nảy va vào thành, rồi nặng nề rơi xuống nước chìm ngấm; tội ác đó phạm xong, tôi mỉm cười lánh xa.

Dưới cái cổng trường, khi đi ra, người cuối cùng tôi gặp là ông Viot, nhưng một ông Viot không chìa khoá, nhón nhác, hốt hoảng, chạy ngược chạy xuôi. Khi ông qua gần tôi, ông lo lắng nhìn tôi một lúc. Con người khốn khổ muốn hỏi tôi xem liệu lôi có trông thấy chúng. Nhưng, ông không dám... Vào lúc đó, người canh cửa kêu ông từ trên cầu thang ngó mình xuống:

- Ông Viot, tôi không tìm thấy chúng đâu cả.

Tôi nghe thấy con người mang chìa khoá khế thì thầm:

- Ồi! Trời ơi!

Rồi, ông đi tìm như một thằng điên.

Tôi đã sung sướng thưởng thức lâu hơn cái cảnh ấy, nhưng tiếng kèn xe ngựa khách đang vang trên Quảng trường Bình khí và tôi không muốn người ta ra đi không có mình.

Và giờ thì từ biệt mãi mãi, ngôi trường lớn ám khói được làm bằng sắt cũ và đá đen; từ biệt bọn trẻ xấu xa! Từ biệt quy chế tàn bạo! Chú bé Chose cất cánh bay và không trở lại nữa. Còn mi, Hầu tước de Boucoyran, mi cứ tự cho là sung sướng: Người ta ra đi mà không cho mi nhát gươm nổi tiếng trù tính bấy lâu với những tấm lòng cao thượng của quán cà phê Barbette...

Hỡi bác đánh xe, hãy ra roi! Kèn kia, hãy thổi vang! Hỡi chiếc xe cũ kỹ tốt lành, hãy chạy hăng

cả bốn bánh, hãy đưa chú bé Chose đi nhanh bằng ba con ngựa của mi... Hãy đem chú đi thật nhanh về thành phố quê hương để chú ôm hôn mẹ ở nhà cậu Baptiste và để rồi chú đi về hướng Paris và gặp lại nhanh nhất Eyssette (Jacques) trong căn phòng của anh ở khu latinh!...

XIV

CẬU BAPTISTE

Cậu Baptiste, em trai bà Eyssette, ấy là một loại người đặc biệt! Chẳng tốt, chẳng dở, sớm lấy một người đàn bà to lớn hắc tính, keo kiệt khiến cho ông sợ, ông chỉ có một nỗi ham mê ở đời: Ham mê tô màu. Từ khoảng bốn mươi tuổi, ông sống giữa những lọ, bút, màu và thời gian tô hình những tờ báo có minh họa. Nhà ông đầy những tờ Minh Hoạ cũ! Những tờ Tiếng Ôn cũ! Những tờ Cửa Hàng Ngoại Mục cũ! Những bản đồ địa lý! Tất cả những thứ ấy được tô sẫm màu.

Ngay cả trong những ngày thiếu thốn, khi bà dì từ chối ông tiền mua báo có hình thì cậu tôi đi đến chỗ tô màu sách.

Điều này là chuyện có thật: Tôi đã giữ trong tay một cuốn ngữ pháp tiếng Tây Ban Nha mà cậu tôi đã tô màu từ đầu đến cuối, tính từ thì màu xanh, thể từ thì màu hồng, v.v...

Chính giữa ông già gàn dở ấy và bà vợ dữ tợn của ông là bà Eyssette buộc phải sống âm thầm từ sáu tháng nay.

Người đàn bà khốn khổ để hết ngày hết buổi ở trong phòng ông em, ngồi bên ông và tìm cách để cho có ích. Bà lau bút, cho nước vào những cái lọ... Điều đáng buồn nhất, đó là kể từ khi chúng tôi bị phá sản, cậu Baptiste khinh bỉ O. Eyssette và từ sáng đến tối, người mẹ tội nghiệp bị buộc phải nghe nói: "Eyssette không nghiêm túc! Eyssette không nghiêm túc!". Ôi! Ông già ngốc nghếch! Phải thấy cái vẻ trịnh trọng và tin chắc ra sao khi ông vừa nói điều đó vừa tô màu cuốn ngữ pháp tiếng Tây Ban Nha của mình! Từ đó, trong đời tôi thường gặp những người được gọi là rất nghiêm nghị - để thời gian tô màu những cuốn ngữ pháp tiếng Tây Ban Nha và cho những người khác là không nghiêm túc.

Tất cả những chi tiết đó về cậu Baptiste và cuộc sống buồn thảm mà bà Eyssette trải qua ở nhà ông, chỉ sau này tôi mới biết; tuy nhiên, ngay khi tôi đến ngôi nhà, tôi cũng hiểu là dù bà nói thế nào, mẹ tôi chắc cũng không được sung sướng... Khi tôi bước vào, người ta vừa mới ngồi vào bàn để ăn chiều. Bà Eyssette nẩy người lên vì mừng khi nhìn thấy tôi và ban cứ thử tưởng tượng xem, bà đã ôm hôn chú Nhóc hết sức mình. Tuy vậy, người mẹ khốn khổ có vẻ ngượng ngịu; bà nói ít vẫn cái giọng nói nhỏ nhẹ và run run của bà, mắt nhìn vào đĩa mình ăn. Bà khiến cho người ta mỉm lòng khi thấy bà mặc chiếc áo chật hẹp và đen tuyền.

Sự đón tiếp của cậu và dì tôi thì rất lạnh nhạt. Dì hỏi tôi với một vẻ e ngại xem tôi đã ăn chiều chưa. Tôi vội vã trả lời là rồi... bà dì thở phào; bà run sợ một lúc về bữa ăn chiều của mình. Bữa chiều hay gồm! Một ít đậu và cá tuyết.

Cậu Baptiste thì hỏi tôi xem chúng tôi đã nghỉ hè chưa...

Tôi trả lời là tôi rời bỏ giáo giới và đi Paris gặp anh Jacques, người đã tìm cho tôi một chỗ làm tốt. Tôi bịa ra điều ấy để làm yên lòng bà Eyssette tội nghiệp về tương lai của mình và cũng là tạo ra một vẻ nghiêm chỉnh trước con mắt cậu tôi.

Khi biết chú Nhóc có một chỗ làm tốt, dì Baptiste mở to mắt.

- Daniel ạ - Bà nói - phải cho mẹ cháu đến Paris thôi...Người đàn bà thân thiết khốn khổ buồn

chán vì xa các con; và rồi, cháu biết không, đó là một gánh nặng đối với chúng ta, còn cậu thì không thể cứ là con bò sữa của gia đình mãi.

- Có điều - Cậu Baptiste nói, mồm ngậm đầy - cậu lại là con bò sữa.

Cái cụm từ con bò sữa đã làm ông rất thích và ông nhắc lại nó nhiều lần với cùng vẻ trịnh trọng...

Bữa chiều kéo dài như thế giữa những người già. Mẹ tôi ăn ít, ngỏ với tôi vài lời và lén nhìn tôi; bà dì canh chừng bà.

- Ông hãy nhìn bà chị kia! Bà nói với chồng, niềm vui thấy lại Daniel khiến bà ấy ăn mất ngon. Hôm qua, bà ấy cầm bánh hai lần, hôm nay chỉ một lần thôi.

Ôi! Bà Eyssette thân mến! Tối hôm ấy, tôi muốn đem bà đi quá, tôi muốn dứt bà ra khỏi cái con bò sữa nhần tâm và người vợ của ông biết bao; nhưng, than ôi! Chính tôi cũng đang bị lang thang, chỉ đúng có chỗ tiền độ đường và tôi nghĩ đúng là căn buồng của Jacques chẳng đủ rộng để chứa được cả ba người. Lại nữa, nếu tôi có thể nói với bà, hôn bà thoả thích; nhưng không! Người ta chẳng để cho chúng ta riêng tư một phút nào... Bà có nhớ: Ngay sau bữa chiều, ông cậu tiếp tục với cuốn ngữ pháp tiếng Tây Ban Nha, bà dì lau chùi đồ đạc và cả hai người, họ nhìn bà bằng khoé mắt... Giờ ra đi đã đến mà chúng tôi chẳng thể nói với nhau điều gì.

Cho nên, chú bé Chose đau buồn lắm khi chú đi ra khỏi nhà cậu Baptiste; và vừa đi một mình trong bóng tối của con đường lớn dẫn ra chỗ đường sắt, cậu vừa tự thề hai - ba lần rất long trọng là từ nay sẽ ăn ở như một người lớn và chỉ nghĩ đến dựng lại tổ ấm.

PHẦN HAI

I

ĐÔI GIÀY CAO SU CỦA TÔI

Khi tôi cũng sống lâu như cậu Baptiste của tôi, người mà vào lúc này, hẳn cũng già như một cây bao bao ([40]) già ở Trung Phi thì tôi cũng sẽ chẳng bao giờ quên được chuyến đi đầu tiên của mình đến Paris bằng toa hạng ba.

Đó là vào những ngày cuối tháng Hai; trời còn rất lạnh.

Bên ngoài, một bầu trời xám, gió, mưa đá nhỏ, những đồi trọc, đồng cỏ ngập nước, từng hàng dài cây nho chết; bên trong thì những thủy thủ say đang hát, những người dân quê to xù đang ngủ, mồm họ ra như những con cá chết, những hà già nhỏ bé với những chiếc làn của mình, những đứa trẻ, người loắt choắt, những vú em, tất cả đồ lè của toa những người nghèo với cái mùi tàu thuốc, rượu trắng, dòi có tỏi và rơm mốc. Tôi cứ nghĩ mình vẫn còn ở đó.

Khi đi, tôi đến ngồi trong một góc, gần cửa sổ để xem trời; nhưng cách nhà chúng tôi hai dặm, một quân y sĩ chiếm chỗ của tôi, vin vào có là ngồi trước mặt bà vợ; thế là chú Nhóc, quá rụt rè không dám ca cẩm, buộc phải trải qua hai trăm dặm ngồi giữa con người xấu xa to xác xông mùi hạt dẻ ấy và một bà đội trưởng quân nhạc to lớn vùng Champagne lúc nào cũng ngáy trên vai mình.

Chuyến đi kéo dài hai ngày. Tôi trải qua hai ngày ấy ở cùng một chỗ, bất động giữa hai tên đao phủ của mình, đầu yên chỗ và răng cắn chặt vì tôi không có tiền, cũng chẳng có thức ăn trữ, tôi chẳng ăn gì suốt chẳng đường. Hai ngày chẳng ăn gì, thật là dài! Tôi còn lại đúng một đồng bốn mươi xu, nhưng tôi giữ nó một cách cẩn thận cho trường hợp đến Paris, tôi không gặp ông bạn Jacques ở nhà ga; vì thế, mặc dù đói, tôi vẫn cố dùng khí không đụng đến nó. Quái quỷ là xung quanh tôi, trong toa người ta ăn nhiều. Dưới chân tôi, có một cái dành oái ăm là to và rất nặng, từ đó người y sĩ bên cạnh cứ rút các loại thịt khác nhau ra mà ông chia nhau với phu nhân của mình.

Việc ngồi cạnh cái dành đó khiến tôi rất khổ sở, nhất là ngày thứ hai. Tuy vậy, không phải cái đói đã làm tôi khốn khổ nhất trong chuyến đi khủng khiếp ấy. Tôi đã ra đi từ Sarlande không giày, chỉ có ở chân đôi giày cao su nhỏ rất mỏng, ở đó tôi dùng để đi tuần trong phòng ngủ. Rất xinh, chiếc giày; nhưng về mùa đông, ở toa hạng ba... Trời ơi! Tôi lạnh quá! Đến phát khóc mất. Ban đêm, khi mọi người ngủ cả, tôi nhẹ nhàng lấy bàn tay áp chân và giữ chúng hàng giờ liền để cổ sưởi ấm chúng. Ôi! Nếu bà Eyssette nhìn thấy tôi.

Than ôi! Mặc dù cái đói thắt bụng lại, mặc dù cái rét dữ dần khiến cậu rớt lệ, chú Nhóc rất sung sướng và ở đời chẳng dễ gì cậu nhường cái chỗ, cái nửa chỗ mà cậu chiếm giữa người đàn bà vùng Champagne và viên y sĩ. Sáu tất cả những nỗi đau khổ đó, có Jacques, có Paris.

Trong đêm ngày thứ hai, khoảng ba giờ sáng tôi bất tỉnh dậy. Tàu vừa mới dừng: Cả toa náo động.

Tôi nghe thấy viên y sĩ bảo vợ:

- Chúng ta đến rồi đấy.
- Ở đâu thế ạ? - Tôi vừa hỏi vừa dụi mắt.
- Tất nhiên là Paris rồi!

Tôi vội đi tới cửa xe. Không có nhà. Chỉ có một cánh đồng trống, một vài cái đèn khí và đó đây từng đồng than đá lớn; rồi đằng kia, ở nơi xa, một ánh sáng lớn màu đỏ và một tiếng ì ầm mờ hồ giống như tiếng động của biển vậy. Đi từ cửa xe nọ đến cửa xe kia, một người đàn ông vừa cầm chiếc đèn lồng vừa kêu:

- Paris! Paris! Cầm vé ra!

Dù không muốn, tôi rút đầu vào bằng động tác sợ hãi. Đó là Paris. Ôi! Thành phố lớn dữ tợn, chú bé Chose thật là có lý để mà sợ mi!

Năm phút sau, chúng tôi đi vào nhà ga. Jacques đã có ở đó được một tiếng. Tôi nhận ra anh từ xa với vóc người dài hơi gù và những cánh tay to điện báo viên của anh đang làm hiệu cho tôi đằng sau hàng rào song. Thoắt một cái, tôi đã ở bên anh.

- Jacques! Anh của em!...
- Ôi! Em bé thân yêu!

Và hai con người chúng tôi lấy hết sức mạnh của đôi cánh tay mà ghì lấy nhau. Rủi thay những nhà ga lại không được tổ chức để dành cho những cái ghì đẹp đẽ ấy. Có phòng hành lý; nhưng, không có phòng tình cảm dào dạt, không có phòng của những cõi lòng. Người ta chen lấn chúng tôi, người ta giẫm lên chúng tôi.

- Đi đi! Đi đi! Những người sở thuế quát chúng tôi.

Jacques bảo nhỏ tôi:

- Chúng ta đi đi. Ngày mai, anh sẽ cho người đi tìm hòm Rôi, khoác tay nhau thân mật, nhẹ như những túi tiền của mình, chúng tôi bắt đầu lên đường về khu Latinh.

Từ đó, tôi vẫn cố nhớ lại ấn tượng đúng mà Paris đêm đó đã gây cho mình: Nhưng, vật cũng như người, lần đầu mà chúng ta nhìn thấy chúng, mang một vẻ mặt rất đặc biệt mà về sau, ta không thấy ở chúng nữa. Cái Paris của chuyến tôi đến, tôi chẳng bao giờ có thể dừng lại nó nữa. Đó là một thành phố mù sương mà tôi đã qua khi còn rất bé, đã bao năm rồi và từ đó chẳng còn quay lại nữa.

Tôi nhớ đến một con ngòi có cầu bằng gỗ bắc qua, rồi một cái bến rộng vắng và một khu vườn mênh mông nằm dọc bên ấy. Chúng tôi dừng lại một lúc trước một khu vườn. Qua những cái song vây lấy nó, người ta lơ mơ nhìn thấy những cái lều, thảm cỏ, vùng nước, cây cối ánh lên sương giá.

- Đó là Vườn bách thảo - Jacques bảo tôi - ở đó có một số đáng kể gấu trắng, khỉ, trăn, trâu nước...

Quả thực, cái đó toát lên vẻ dã thú và thỉnh thoảng, một tiếng kêu chói tai, một tiếng gầm khàn thoát ra từ bóng tối ấy.

Tôi thì nép vào ông anh, tôi căng mắt nhìn qua những chấn song và hoà lẫn trong cùng một tình cảm về nỗi sợ cái Paris lạ lẫm, nơi tôi đến vào ban đêm ấy với khu vườn bí hiểm này,- tôi thấy như mình vừa mới cập vào một cái hang lớn đen ngòm, đầy thú dữ sắp sửa vồ lấy mình vậy. May mà tôi không đơn độc: Tôi có Jacques để che chở mình... Ôi! Jacques! Jacques! Tại sao em không có anh mãi?

Chúng tôi còn đi xa, xa mãi, qua những phố tối đen bất tận; rồi bỗng, Jacques dừng lại trên một Quảng trường nhỏ nơi có một ngôi Nhà thờ.

- Bây giờ, chúng ta đang ở Thánh Germain des Prés - Anh bảo tôi - Căn phòng của chúng ta ở trên kia.

- Sao? Jacques!... Trên gác chuông à?...

- Trong chính gác chuông... Thật là rất tiện để biết giờ.

Jacques hơi cường điệu một chút. Anh ở trong một ngôi nhà bên cạnh Nhà thờ, một cái hầm mái nhỏ ở tầng năm hoặc sáu và cửa sổ của anh mở về gác chuông Nhà thờ Thánh Germain, ở đúng tầm cao của mặt đồng hồ.

Khi bước vào, tôi thốt ra một tiếng kêu vui mừng:

- Có lửa? Sung sướng làm sao?

Rồi, lập tức, tôi chạy đến lò sưởi hơ chân vào lửa, suýt nữa làm chảy mất giày cao su. Thế mà chỉ có Jacques là nhận ra vẻ khác thường của chiếc giày tôi. Điều đó khiến anh cười mãi.

- Em thân mến - Anh bảo tôi - Có khối người nổi tiếng đã đến Paris bằng guốc mà họ vẫn huênh hoang về chuyện đó. Em thì em có thể nói là mình đã đến đó bằng giày cao su: Thật độc đáo hơn nhiều. Tạm thời, em hãy đi đôi giày vải này, rồi chúng ta bắt đầu ăn bánh patê.

Vừa nói điều đó, Jacques tốt bụng vừa vờ ra trước lửa một chiếc bàn nhỏ đã dọn sẵn đang chờ trong một góc.

II

THAY MẶT CHA XỨ Ở SAINT NIZIER

Trời ơi! Thật là dễ chịu nếu đêm đó ở trong căn phòng của Jacques. Những ánh phản chiếu rõ lò sưởi hắt lên khăn bàn chúng tôi thật là vui vẻ biết bao! Còn thứ rượu vang ngon cũ ấy, dường như nó toả mùi hoa tím vậy! Rồi cái bánh patê ấy, bạn có cái vỏ bằng vàng nhuộm nâu mới đẹp làm sao! Ôi! Những cái bánh patê ấy, ngày nay người ta không còn làm nữa; anh chẳng còn bao giờ uống những thứ rượu ấy nữa, anh Jacques khổ khổ của em.

Từ đầu kia bàn, ở trước mặt tôi, đứng trước mặt tôi, Jacques rót cho tôi uống; và, cứ mỗi lần tôi ngước mắt, tôi lại thấy ánh mắt anh trĩu mến như ánh mắt một người mẹ dịu dàng đang cười với tôi vậy. Tôi thì rất sung sướng mà ở đó đến nỗi tôi thực sự bị sốt. Tôi cứ nói, cứ nói...

- Ăn đi, nào - Jacques vừa nói với tôi vừa lấy đầy đĩa cho tôi.

Nhưng, tôi cứ nói mà chẳng ăn gì cả. Thế là để cho tôi im lặng, anh bắt đầu nói huyền thuyên và tả cho tôi nghe dài dòng mà chẳng lấy hơi tất cả những gì anh đã làm từ hơn một năm lúc chúng tôi không gặp nhau.

- Khi em đi rồi - Anh nói với tôi, - và những điều buồn nhất, anh hay kể với nụ cười nhẩn nhục thần tình của mình, - Khi em đi rồi, ngôi nhà trở nên hoàn toàn ảm đạm. Cha không làm việc nữa; lúc nào ông cũng ở trong cửa hàng mà nguyên rửa những người cách mạng và quát anh rằng anh là một con lừa, điều đó khiến công việc chẳng tiến triển gì cả. Sáng nào cũng những chứng tử bị cự tuyệt, mồ toà xuống hàng ngày! Mỗi tiếng chuông giật lại làm thót tim. Ôi! Em ra đi thật đúng lúc.

Sau một tháng sống khủng khiếp đó, cha đi Bretagne theo ý công ty rượu nho và bà Eyssette ở nhà cậu Baptiste. Anh xếp cả hai người lên tàu. Em thử nghĩ xem anh đã rơi biết bao nước mắt... Đứng sau họ, tất cả đồ đạc nghèo nàn của chúng ta đều đem bán, phải, em thân yêu ạ, bán ở ngoài đường, trước cửa nhà chúng ta, dưới mắt anh; thôi thì thật là nặng nề mà nhìn tổ ấm của mình ra đi từng cái một như vậy. Người ta không thể hình dung được là tất cả những thứ bằng gỗ hoặc vải mà chúng ta có trong nhà đã thuộc về chính chúng ta biết bao. Này! Khi người ta khênh đi cái tủ quần áo, em biết không, cái mà trên những tấm ván có những thần ái tình màu hồng cầm đàn, anh cứ muốn chạy theo người mua mà kêu thật to: "Dừng lại!" - Em hiểu điều đó chứ, phải không?

Trong tất cả đồ đạc của chúng ta, anh chỉ giữ lại một chiếc ghế, một cái đệm thường và một cái chổi; cái chổi đó rất có ích với anh, em sẽ thấy. Anh bày những của nả đó trong một góc của ngôi nhà chúng ta ở phố Lanterne, mà tiền nhà vẫn còn trả cho hai tháng nữa và thế là anh chiếm cho riêng mình cái căn hộ lớn tràn trề lạnh lẽo, không rèm che đó. Ôi! Bạn thân mến, thật là buồn! Cứ đến tối khi anh từ văn phòng trở về, thì đó là một nỗi đau buồn mới và như một điều sùng sốt thấy mình tro bụi giữa bốn bức tường ấy. Anh đi từ phòng nọ đến phòng kia, đóng cửa thật mạnh để gây tiếng động. Đôi khi, hình như anh thấy người ta gọi mình ra cửa hàng, nên anh kêu lên: "Tôi ra đây!"

Khi anh vào chỗ mẹ chúng ta, anh vẫn cứ nghĩ là mình sắp thấy bà đang buồn bã ngồi đan trong chiếc ghế bành của mình, gần cửa sổ...Khổ thêm là những con gián lại hiện ra. Những con vật nhỏ bé khủng khiếp mà chúng ta đã tốn bao công để chống trả khi đến Lyon ấy, chắc là biết mọi người ra đi, nên toan tính một cuộc đánh chiếm mới, còn đáng sợ hơn lần đầu nhiều.

Thoạt đầu, anh cố chống lại. Những buổi tối, anh ở trong bếp, một tay cầm nĩa, tay kia cầm chổi để đánh như một con sư tử, nhưng vẫn cứ vừa khóc. Không may, anh chỉ có một mình và anh đã cố nhún mình lên, chẳng còn như cái thời già Annou. Vả lại những con dán, chúng cũng vậy, đến với số đông hơn. Anh chắc là tất cả gián ở Lyon - Mà có Trời biết là chúng có trong cái thành phố to lớn ảm đạm này đã nổi dậy từng đàn để đến vây hãm nhà chúng ta. Nhà bếp đen kịt, anh buộc phải bỏ mặc chúng đấy. Đôi khi, anh sợ hãi nhìn chúng qua lỗ khoá. Có hàng ngàn, hàng tỷ... Có lẽ em nghĩ là những con vật đáng nguyên rửa đó dừng lại ở đó? Ôi! Làm quá đấy! Từ căn bếp, mặc cho cửa khoá, chúng chuyển sang phòng ăn, nơi anh đã đặt giường mình ngủ. Anh chuyển nó vào cửa hàng, rồi ra phòng khách. Em cười à? Anh muốn cho em thấy.

Từ phòng nọ sang phòng kia, những con gián chết tiệt đẩy anh đến tận căn phòng nhỏ cũ của chúng ta ở tận cùng hành lang. Ở đó, chúng để cho anh nghỉ ngơi hai, ba ngày; rồi, một buổi sáng, khi thức dậy, anh nhận thấy có đến một trăm con đang lăng lẽ leo dọc cái chổi trong khi một quân đoàn khác đang tiến rất trật tự về phía giường. Bị tước mất vũ khí, bị dồn vào những góc nhà cuối cùng, anh chỉ còn cách chạy trốn. Đó là điều anh làm. Anh bỏ mặc cho bọn gián với đệm giường, ghế, chổi, rồi anh trốn khỏi căn nhà khủng khiếp phố Lanterne ấy để mà chẳng quay lại nữa.

Anh còn ở Lyon vài tháng nữa, nhưng thật là dài, đen tối và rớt nước mắt. Ở văn phòng anh,

người ta chỉ còn gọi anh là Thánh bà Madeleine. Anh chẳng đi đâu cả. Anh chẳng có một người bạn. Trò vui duy nhất của anh là những bức thư của em... Ôi! Daniel của anh, em có cách hay để mà nói đến mọi chuyện thật đấy! Anh chắc là em sẽ có thể viết trên báo nếu em muốn. Không phải như anh. Em hãy hình dung xem, nhờ có viết theo lời đọc mà anh đi đến chỗ cũng gần tinh khôn như một cái máy khâu. Chẳng thể tìm được gì ở chính anh, ông Eyssette rất có lý mà bảo anh: “Jacques, mày là một con lừa”. Dù sao thì làm một con lừa cũng chẳng phải là quá tệ. Lừa là những con vật dững cảm, nhẩn nại, mạnh mẽ, siêng năng, có tấm lòng tốt và cái lưng vững chãi... Nhưng, ta hãy trở lại câu chuyện của anh.

Trong tất cả những lá thư của em, em có nói với anh về việc dựng lại tổ ấm và nhờ có tài miệng lưỡi, cũng như em, anh cũng thấy hăng hái vì cái ý nghĩ lớn lao đó. Rủi thay, cái anh kiếm được ở Lyon chỉ vừa đủ để cho anh sống thôi. Chính vì thế mà anh nảy ra ý nghĩ lên tàu đi Paris. Anh thấy dường như ở đó, anh sẽ có thể giúp đỡ gia đình được nhiều hơn và anh sẽ tìm thấy mọi vật liệu cần thiết cho công cuộc dựng lại sự nổi tiếng của chúng ta. Thế là chuyến đi của anh được quyết định; chỉ có điều, anh thận trọng. Anh không muốn rơi vào những đường phố Paris như một con chim sẻ trụi lông. Thật là tốt cho em, Daniel của anh ạ: Có những ân huệ của nhà nước đối với những chàng trai xinh xắn; nhưng mà anh thì chỉ là một kẻ đại nhè?

Thế là anh đi xin vài lá thư giới thiệu ở người bạn của chúng ta, cha xứ Saint Nizier. Đó là một con người rất được đề cao ở vùng Thánh Germain. Ông cho anh hai lá thư, một bức gửi một bá tước, bức kia gửi một công tước. Như em thấy đấy, anh đã bắt đầu tốt hơn. Tự do, anh lo tìm một ông thợ may mà bằng vào vẻ mặt phúc hậu của anh, đã bằng lòng bán chịu cho một cái áo đẹp màu đen cùng với những thứ phụ, gilê, quần, vãn vãn. Anh để những bức thư giới thiệu trong cái áo, cái áo trong một cái cặp và thế là anh lên đường với ba lu-i ([41]) trong túi: ba mươi lăm quan cho chuyến đi và hai mươi lăm để thấy mình đến nơi.

Hôm sau ngày đến Paris, từ bảy giờ sáng, anh đã ở ngoài đường, áo màu đen và tất tay màu vàng. Theo cách xử sự của em, Daniel bé bỏng ạ, thì những gì anh làm đó là rất kỳ cục.

Vào bảy giờ sáng ở Paris, tất cả những cái áo đen còn đang ngủ và phải như vậy. Anh thì anh không biết điều đó; và cảm thấy hãnh diện với cái của mình trong những đường phố lớn ấy mà khua những chiếc giày ban mới. Anh cũng nghĩ là khi ra ngoài từ sớm, mình sẽ có nhiều cơ may để gặp Thần tài. Lại một sai lầm nữa: Thần tài ở Paris không dậy sớm. Thế là anh cứ long tong khắp vùng Thánh Germain với những lá thư giới thiệu trong túi.

Thoạt đầu, anh đến nhà ông Bá tước, phố Line; rồi nhà ông Công tước, phố Thánh Guillaume. Ở hai nơi, anh thấy những người phục vụ đang cọ sân và lau bóng lốp đồng của những cái chuồng. Khi anh nói với bọn hèn mọn đó là mình đến nói chuyện với chủ của chúng thay mặt cha xứ Saint Nizier thì chúng cười vào mũi anh vừa hắt cho anh những xô nước vào mũi. Em nghĩ sao, em thân mến? Đó cũng là lỗi anh, chỉ có những người sửa bàn chân mới đến nhà người ta vào giờ này. Anh không nói gì nữa.

Theo như anh biết em, em ạ, anh tin chắc là ở địa vị anh, em sẽ không bao giờ dám trở lại những ngôi nhà ấy và đương đầu với những ánh mắt giễu cợt của bọn tôi tớ. Vậy mà anh thì anh đã quay lại đấy, ngang nhiên ngay hôm ấy, vào buổi chiều và như buổi sáng, anh bảo bọn người phục vụ dẫn mình đến gặp ông chủ chúng, vẫn cứ thay mặt cha xứ Saint Nizier.

Nhiều người đã cho là anh dững cảm: Hai ngài ấy có thể gặp được và anh được dẫn vào ngay. Anh thấy hai người và hai cách đón tiếp rất khác nhau. Ông bá tước phố Line tiếp anh rất lạnh nhạt. Bộ mặt dài gày guộc của ông, nghiêm nghị đến mức trịnh trọng khiến anh e ngại lắm và anh không tìm được đến bốn câu để nói với ông. Về phía ông cũng chỉ nói với anh vừa đủ. Ông nhìn bức thư của cha xứ Saint Nizier, để nó vào trong túi, bảo anh để lại địa chỉ cho ông, rồi cho anh lui bằng một cử chỉ giá lạnh mà bảo:

- Ta sẽ bận tâm đến anh; anh chẳng cần trở lại nữa. Nếu ta thấy có điều gì thì ta sẽ viết thư cho anh.

Con người thật quái quỷ! Anh ra khỏi nhà ông, tê tái đến tận xương tủy. May mắn, sự tiếp đón mà người ta dành cho anh ở phố Thánh Guillaume có cái gì sưởi ấm lòng anh. Ở đó, anh thấy ông công tước mừng rỡ, hớn hờ, bề thế, có duyên nhất trên đời. Và ông quý cha xứ Saint Nizier

của ông ấy biết bao! Và mọi người từ đó đến sẽ chắc chắn được đón tiếp thật là tốt ở phố Thánh Guillaume... Ôi! Con người thật là tốt! Ông công tước thật là tử tế! Các anh là bạn ngay lập tức. Ông mời anh một nhúm thuốc sợi thơm, véo mép tai anh, rồi cho anh về với một cái phát vào má và những lời tuyệt vời:

- Ta sẽ lo việc cho anh; ít lâu nữa, ta sẽ có điều anh cần. Từ đây đến đó, nếu anh muốn thì cứ đến thăm ta luôn.

Anh vui mừng bỏ đi.

Qua ba ngày, anh không trở lại đó vì dè dặt. Chỉ đến ngày thứ ba anh tiếp tục đi đến toà nhà phố Thánh Guillaume. Một người to dùng màu lam và vàng hỏi tên anh. Anh đáp bằng một vẻ hờn hĩnh:

- Ông cứ nói là thay mặt cho cha xứ Saint Nizier.

Một lát sau, ông trở lại:

- Ngài Công tước đang rất bận. Ngài mong ông thứ lỗi và vui lòng lại vào một ngày khác.

Em thử nghĩ, anh mà lại đi thứ lỗi cho ngài, cái ông Công tước khổ khổ ấy sao?

Hôm sau, anh trở lại cũng vào giờ ấy. Anh thấy cái ông to dùng màu lam hôm trước, vắt vẻo như một con vẹt trên bậc thềm. Từ xa, ông nhận ra anh, ông trịnh trọng nói với anh:

- Ngài Công tước đi mất rồi.

- Ôi! Được lắm! - Anh trả lời - tôi sẽ trở lại. Tôi mong ông bảo với ngài là có người thay mặt cho cha xứ Saint Nizier.

Hôm sau, anh lại đến; những ngày tiếp sau cũng thế.

Nhưng vẫn cứ một thất bại. Một lần, công tước đang tắm, lần khác đi xem lễ, một hôm đang chơi bóng quần, hôm khác thì bận khách. - Bận khách! Một cách nói đấy. Vậy thì còn anh, thể anh không phải là khách à!

Cuối cùng, anh thấy mình khá nực cười với cái câu muôn thuở của mình: “Thay mặt cha xứ Saint Nizier”, đến nỗi anh không dám nói thay mặt ai mà đến nữa. Nhưng, cái con vẹt to màu xanh ở thềm nhà chẳng bao giờ để cho anh đi mà không kêu lên với anh bằng một vẻ trịnh trọng điềm nhiên: “Chắc ông là người đến thay mặt cho cha xứ Saint Nizier?”

Và điều đó khiến cho những con vẹt xanh khác đang lững thững trong sân đằng kia cười nhiều. Một đồng vô lại! Nếu như anh có thể phang cho bọn chúng mấy gậy thay mặt mình, chứ chẳng cha xứ Saint Nizier nào cả.

Anh ở Paris được khoảng mười ngày thì vào một buổi tối, khi cúp tai trở về sau một chuyến đến thăm phố Thánh Guillaume, - Anh đã thề với mình là đi đến đó cho đến khi người ta tổng mình ra khỏi cửa, - Anh thấy ở chỗ ông canh cửa một lá thư nhỏ. Em hãy đoán xem của ai?... Một lá thư của ông Bá tước, em thân mến ạ, của Bá tước phố Line hứa với anh giới thiệu không chậm trễ ở chỗ bạn ông, Hầu tước d’Hacqueville. Người ta cần tìm một viên thư ký... Em thử nghĩ, vui làm sao! Và cũng thật là một bài học! Con người lạnh lùng và khô khan mà anh trông chờ rất ít ấy, chính ông ta lại là người bận lòng đến mình, trong khi ông kia, khá đon đả, khiến anh phải chờ rông rã mất tám ngày trên thềm nhà, cũng như ông cha xứ ở Saint Nizier, phơi ra làm trò cười xấc xược của những con vẹt màu xanh và vàng... Đời là thế, em thân yêu ạ, và ở Paris, người ta nhanh chóng học được điều đó.

Không để mất một phút, anh chạy đến nhà Bá tước d’Hacqueville. Anh thấy một ông già nhỏ bé, năng động, khô khan, đầy khí lực, hoạt bát và vui tính như một con ong. Em sẽ thấy là một người tốt như thế nào. Một gương mặt quý tộc, thanh tú và nhợt nhạt, những sợi tóc thẳng như những cây chông [\[42\]](#) và chỉ có một mắt, mắt kia bị chết vì một nhát kiếm đã lâu rồi. Nhưng, mắt còn lại thì khá sáng, sống động, nói nhiều, dò hỏi đến nỗi người ta không thể bảo ông Hầu tước bị chột. Có hai con mắt trong một con, tất cả là như vậy.

Khi anh đến trước ông già nhỏ bé, lạ lùng ấy, anh bắt đầu bằng việc tuôn ra những điều tầm thường về hoàn cảnh; nhưng, ông hăm ngay anh:

- Đừng dài lời nữa! - Ông bảo anh. Ta không thích thế. Này, ta vào việc đi. Ta đã tiến hành viết

hồi ký của ta. Không may là ta thực hiện hơi muộn và ta chẳng còn thời gian để mà mất khi bắt đầu đã quá già. Ta tính toán là nếu dùng mọi lúc, ta cũng còn phải mất ba năm làm việc mới xong được tác phẩm của mình. Ta đã bảy mươi tuổi, bắp chân rã rời cả; nhưng, cái đầu vẫn chưa nhúc nhích. Nên, ta có thể mong là con tiến hành được ba năm và kết thúc tốt đẹp cuốn hồi ký. Duy có điều, ta không dư được hơn một phút; và bởi vì tay thư ký của ta không hiểu. Cái tay ngu xuẩn ấy - Một chàng trai, ta nói thật, là rất sáng dạ mà ta thấy mừng - Đã vương chuyện yêu đương và muốn lấy vợ. Đến đó thì cũng chẳng có gì là xấu. Nhưng, sáng nay, số là tay vô lại của ta lại đến xin nghỉ hai ngày để làm lễ cưới. Ôi! Được thôi! Hai ngày nghỉ! Chẳng còn một phút.

- Nhưng, thưa ngài Hầu tước...

Chẳng có “nhưng, thưa ngài Hầu tước...gì hết. Nếu anh muốn bỏ đi hai ngày thì anh sẽ đi luôn một thể.

- Tôi đi đây, thưa ngài Hầu tước.

- Chúc lên đường may mắn?

Thế là tên vô lại của ta bỏ đi... chính là con, con trai thân mến của ta ạ, mà ta trông vào để thay thế hẳn. Những điều kiện là như sau: Thư ký đến nhà ta buổi sáng vào tám giờ; hẳn đem theo bữa trưa. Ta đọc cho viết đến buổi trưa. Buổi trưa, thư ký ăn cơm hoàn toàn một mình vì ta không bao giờ ăn trưa cả. Sau khi thư ký ăn trưa, phải là rất ngắn, ta lại tiếp tục công việc. Nếu ta ra ngoài, thư ký đi theo ta; hẳn có cái bút chì và giấy. Ta cứ đọc cho viết: Trên xe, khi đi dạo, khi viếng thăm khắp nơi. Buổi chiều, thư ký ăn với ta. Sau bữa chiều, chúng ta đọc lại những gì ta đã đọc viết trong ngày. Ta đi ngủ vào tám giờ và thư ký được tự do đến hôm sau. Ta trả cho một trăm quan mỗi tháng và bữa chiều. Chẳng lợi lộc gì đâu; nhưng, trong ba năm, hồi ký viết xong, sẽ có một món quà, và một món quà để vương, d’Haqueville xin nói thật! Cái ta yêu cầu, đó là người ta phải chính xác, người ta không lấy vợ và người ta biết viết nhanh theo lời đọc. Anh biết viết theo lời đọc chứ?

- Ồ? có ạ, thưa ngài Hầu tước, anh đáp lại mà chỉ những muốn cười.

Quả thực, thật là rất nực cười, số phận cứ bám riết để khiến anh suốt đời phải viết theo lời đọc...

- Vậy thì, anh ngồi kia - ông Hầu tước lại nói - Đây là giấy và mực. Chúng ta sẽ làm việc ngay. Ta đang ở chương XXIV: Những cuộc cãi cọ của tôi với de Villele. Viết đi...

Và thế là ông bắt đầu đọc cho anh viết bằng một cái giọng lí nhí ve kêu, vừa nháy từ đầu nọ đến đầu kia của căn phòng.

Chính vì vậy, Daniel của anh ạ, mà anh đã bước vào nhà con người kỳ quặc, suy cho cùng lại là một con người tuyệt vời ấy. Cho đến nay, chúng tôi rất bằng lòng với nhau; tối hôm qua, khi biết tin em đến, ông đã muốn bảo anh đem cho em chai rượu vang cũ này. Ngày nào vào bữa chiều, người ta cũng dọn cho anh một chai như vậy, điều đó để nói với em là người ta ăn ngon biết mấy. Chẳng hạn, buổi sáng, anh đem theo bữa trưa; và em sẽ cười thấy anh ăn hai xu fômat Ý trong một cái đĩa Moustier tinh xảo, trên một cái khăn bàn có gia huy. Điều mà ông lão làm, không phải là vì keo kiệt; mà để tránh cho người đầu bếp già, ông Pilois, nổi một phải sửa soạn bữa trưa cho anh...Tóm lại, cuộc sống mà anh trải qua chẳng khó chịu lắm.

Hồi ký của ông Hầu tước rất bổ ích, anh học được ở ông Decazes và ông De Villele ([43]) vô số điều không thể không dùng cho mình một ngày nào đó. Vào tám giờ tối, anh được tự do.

Anh đi đọc báo trong một phòng đọc, hoặc còn đi chào anh bạn Pierrotte của chúng ta... Em có nhớ anh bạn Pierrotte không? Em biết không? Pierrotte vùng Cévennes, người em cùng vú nuôi với mẹ ấy. Bây giờ, Pierrotte chẳng còn là Pierrotte nữa: Đó là ông Pierrotte to thế này này. Ông có một cửa hàng đồ sành sứ khang trang trên đường đi Saumon; và vì ông rất quý Bà Eyssette, anh đã thấy nhà ông rất mến khách. Trong những buổi tối mùa đông, đó là một cứu cánh... Nhưng giờ đây đã có em, anh chẳng còn gì phải vất vả nữa vào những buổi tối... Cả em cũng thế, phải không em bé bỏng? Ô! Daniel, Daniel của anh, anh thật hài lòng! Chúng ta sẽ được sung sướng thôi!...

III

BÀ MẸ JACQUES CỦA TÔI

Jacques đã chấm dứt câu chuyện du ký của anh, bây giờ đến câu chuyện tôi. Lửa tắt đã ra hiệu cho chúng tôi: “Các con đi ngủ đi, các con ta ạ”, những ngọn nến kêu hoài: “Lên giường! Lên giường! Chúng tôi cháy đến tận đĩa rồi”.

- Người ta không nghe bọn mi đâu, Jacques vừa cười vừa bảo chúng.

Và chúng tôi tiếp tục thức.

Bạn có biết? Những gì tôi kể khiến anh tôi rất thích. Đó là cuộc sống của chú bé Chose ở ngôi trường Sarlande; cuộc sống buồn bã ấy mà chắc bạn đọc còn nhớ. Đó là những đứa trẻ xấu xí và dữ tợn, những sự bức hại, mối thù, khinh miệt, chum chìa khoá của ông Viot luôn nổi giận, căn phòng nhỏ dưới hầm mái, nơi người ta phát ngột, những sự phản trắc, những đêm đầm lệt; và rồi, - vì Jacques khá tốt, - Nên người ta có thể nói hết với anh, - Còn cả những sự đòi bại của quán cà phê Barbette, rượu ngải đắng với bọn hạ sĩ, những món nợ, sự buông thả chính mình, sau rồi thì đến chuyện tự tử và câu nói khủng khiếp của Trưởng tu viện Germane: “Con sẽ là một đứa trẻ suốt đời!”

Tỳ khuỷu trên bàn, tay ôm lấy đầu, Jacques nghe trọn lời tự thú của tôi mà không ngắt lời... Thỉnh thoảng, tôi thấy anh rung mình và tôi nghe anh nói: “Tội nghiệp thằng bé! Tội nghiệp thằng bé!”

Khi tôi nói xong, anh đứng dậy, nắm lấy tay tôi và nói với tôi bằng một giọng dịu dàng run rẩy:

- Trưởng tu viện có lý. Em thử xem! Daniel, em là một đứa trẻ, một đứa trẻ bé bỏng không đủ sức một mình đi trên đời và em đã xử sự đúng khi đến trú mình bên anh. Kể từ ngày hôm nay, em không chỉ là em anh mà còn là con anh nữa và vì mẹ chúng ta ở xa, chính anh sẽ thay thế bà. Em muốn thế không, hãy nói đi, Daniel? Em có muốn anh là bà mẹ Jacques của em không? Em sẽ thấy, anh chẳng làm em chán ngán đâu. Tất cả những gì anh đòi hỏi ở em, đó là để anh luôn bước bên cạnh em mà cầm tay em. Với điều ấy, em có thể yên lòng và nhìn đời trước mặt như một người lớn, nó không ăn thịt em đâu.

Thay cho mọi câu trả lời, tôi nhảy lên bá cổ anh:

- Ôi mẹ Jacques của em, mẹ thật là tốt!

Và thế là tôi khóc nức nở không thể kìm lại được, hoàn toàn như Jacques trước đây ở Lyon vậy. Jacques bây giờ không khóc nữa; bồn chứa đã cạn khô, như anh nói. Dù có xảy ra điều gì thì anh cũng không bao giờ khóc nữa.

Vào lúc này, bảy giờ đã điểm. Những cửa kính bừng sáng.

Một ánh sáng nhợt nhạt lọt vào phòng lung linh.

- Sáng rồi đấy, Daniel ạ! - Jacques nói - Đến lúc ngủ rồi. Đi nằm mau... Em cần phải thế.

- Còn anh, Jacques?

- Ô! Anh, anh không có hai ngày đi tàu ngang hông... Vả lại trước khi đến nhà ông Hầu tước, anh phải đem theo vài cuốn sách đến phòng đọc và anh không để mất thời giờ... Em biết là cái ông d'Hacqueville không đùa đâu... Tối nay, tám giờ, anh sẽ trở về... Còn em, khi em đã lại sức

thì em ra ngoài một tí. Nhất là, anh khuyên em...

Đến đây, “mẹ Jacques” bắt đầu cho tôi một lô lời khuyên rất quan trọng đối với một kẻ mới xuống tàu như tôi; rủ cho tôi trong khi anh nói, tôi đã nằm dài trên giường và không thật sự ngủ thì tôi cũng đã chẳng còn những ý nghĩ rõ rệt lắm. Cái mệt, chiếc bánh patê, những giọt nước mắt... Tôi thiếp ngủ đến ba phần tư... Tôi nghe một cách mơ hồ có ai đó nói với mình về một quán ăn rất gần đây, về tiền trong áo gilê của mình, về những cái cầu phải băng qua, những đại lộ cần đi theo, những cảnh sát cần hỏi thăm và về tháp chuông Thánh Germain-des- Pres coi như điểm tập hợp. Trong cơn chập chờn, chính tháp chuông Thánh Germain đã gây ấn tượng cho tôi hơn cả. Tôi thấy hai, năm, mười tháp chuông Thánh Germain sắp hàng xung quanh giường tôi như những cái cọc chỉ đường. Giữa những tháp chuông ấy, có ai đi đi lại lại trong phòng cời lửa, khập rèm cửa sổ, rồi đến gần tôi, đặt một chiếc áo khoác lên chân tôi, hôn tôi vào trán rồi nhẹ nhàng tránh xa với một tiếng kẹt cửa..

Tôi ngủ được vài giờ và tôi nghĩ là mình đã ngủ đến lúc “mẹ Jacques” của mình trở về thì một tiếng chuông khiến tôi chột tỉnh. Đó là tiếng chuông ở Sarlande, tiếng chuông khủng khiếp bằng sắt đang vang lên như trước đây: “Bính boong! Dậy đi! Mặc quần áo vào!”. Nhảy phắt một cái, tôi đã ở giữa phòng, miệng há ra để kêu như ở phòng ngủ nội trú: “Nào, các vị!”.

Rồi, khi tôi nhận ra là mình đang ở nhà Jacques, tôi bật ra một trận cười to và tôi bắt đầu nhảy cuồng lên trong phòng. Điều tôi cho là tiếng chuông ở Sarlande, đó là tiếng chuông một xưởng thợ bên cạnh, vang lên khô khốc và dữ dằn như thể ở đằng kia vậy. Tuy vậy, tiếng chuông của ngôi trường còn có phần dữ tợn và ghê gớm hơn. May mà nó ở cách hai trăm dặm; và dù nó vang lên khá mạnh, tôi cũng khỏi phải nghe thấy nó.

Tôi đi đến cửa sổ và mở nó ra. Tôi cứ ngỡ là thấy ở bên trên mình cái sân bộn lớn với những gốc cây buồn thiu và con người có chùm chìa khoá di sát những bức tường...

Vào lúc tôi mơ, khắp nơi vang tiếng chuông trưa. Cái tháp lớn Nhà thờ Thánh Germain thánh thót đầu tiên mười hai tiếng của bài kinh Đức Bà ([44]), sau đó, hầu như trong tai tôi. Qua cửa sổ mở, những nốt nhạc lớn nặng nề rơi vào nhà Jacques cứ ba tiếng một, vừa rơi vừa vỡ như những cái bong bóng âm vang và tràn ngập tiếng động khắp căn phòng. Nghe kinh Đức Bà của Nhà thờ Thánh Germain, những kinh Đức Bà khác của Paris đáp lại ở những âm sắc khác nhau... Tôi đứng ở đó một lúc để nhìn óng ánh trong ánh sáng những mái vòm, chóp tháp, ngọn tháp... Bên dưới, Paris ỉ ảm, không nhìn rõ; rồi bỗng, tiếng động của thành phố vọng lên đến chỗ tôi, đến với tôi không biết một nỗi khao khát cuồng nhiệt nào đó đắm mình vào, lẫn lộn vào cái tiếng ồn ấy, đám đông ấy, cuộc sống ấy, những đam mê ấy và tôi say sưa tự nhủ: “Nào, đi thăm Paris!”.

IV

CUỘC THẢO LUẬN VỀ NGÂN SÁCH

Ngày hôm ấy, buổi tối khi trở về nhà mình, nhiều người dân Paris ngồi vào bàn, hẳn phải nói: “Hôm nay, ta đã gặp một cậu bé thật là lạ mắt!”. Số là với bộ tóc quá dài, chiếc quần quá ngắn, đôi giày cao su, đôi tất màu lam - Tinh hoa tỉnh lẻ của cậu và vẻ trịnh trọng của dáng đi đặc biệt ở tất cả những người quá bé, chú bé Chose hẳn là phải nực cười lắm.

Đó đúng là một ngày cuối đông, một trong những ngày ấm và sáng mà ở Paris, thường còn tiết xuân hơn chính tiết xuân vậy. Có nhiều người ở ngoài trời. Hơi lơ đãng về việc đi lại ồn ào ngoài phố, tôi rút rè cầm cúi đi dọc những bức tường. Người ta chen lấn tôi, tôi nói “xin lỗi!” mà cứ đỏ mặt bừng lên. Vì thế, tôi rất giữ gìn khi dừng lại trước những cửa hàng và không đời nào tôi lại hỏi đường. Tôi đi theo một phố, rồi đi phố khác, cứ thẳng đường. Người ta nhìn tôi. Điều đó khiến tôi ngượng lắm.

Có những người quay lại ngay sau gót tôi và những con mắt cười khi đi sát tôi; một lần tôi nghe thấy người đàn bà này nói với bà kia: “Này nhìn cái anh chàng kia kìa.”

Điều đó khiến tôi bước hụt... Điều cũng làm tôi lúng túng nhiều là con mắt soi mói của cảnh sát. Ở mọi góc phố, con mắt quỷ quái ấy lảng lảng tò mò hướng về phía tôi; và khi tôi đã đi qua, tôi còn cảm thấy nó dõi theo tôi khá xa và khiến tôi canh cánh trong lòng. Thực ra là tôi hơi bứt rứt.

Tôi cứ đi như vậy gần một tiếng đồng hồ đến tận một đại lộ trồng những cái cây mảnh khảnh. Ở đó thật là nhiều tiếng ồn, nhiều người, nhiều xe, đến nỗi hầu như tôi hốt hoảng dừng lại.

“Mình rút ra khỏi chỗ này như thế nào đây? Tôi nghĩ trong lòng. Về nhà làm sao đây? Nếu tôi hỏi thăm gác chuông Thánh Germain-des-Pres, người ta sẽ chế giễu tôi. Tôi có vẻ một tên thộn, ngày lễ Phục Sinh, từ Rome bị lạc trở về”.

Thế là để cho mình thời gian chọn một quyết định, tôi dừng lại trước những tờ quảng cáo nhà hát, vẻ bận rộn của một người duyệt tiết mục biểu diễn buổi tối. Không may, những tờ quảng cáo rất lý thú cũng chẳng cho tôi lời chỉ dẫn nhỏ nào về gác chuông Nhà thờ Thánh Germain và tôi có nguy cơ phải ở lại đó cho đến tiếng kèn vang lừng của cuộc phán xử cuối cùng thì bỗng nhà mẹ Jacques của tôi hiện ra ở bên cạnh.

Anh cũng sững sốt như tôi vậy.

- Thế nào? Em đấy à, Daniel! Trời ơi, em làm gì đấy?

Tôi đáp lại bằng một vẻ hơi hờ hững:

- Anh thấy đấy? Em đi dạo mà.

Cái anh chàng Jacques tốt bụng đó nhìn tôi thán phục:

- Là vì người ta đã là người Paris rồi đấy, phải không nào?

Thật ra, tôi rất sung sướng được có anh và tôi choàng vào cánh tay anh với một niềm vui con trẻ, như ở Lyon, khi ông Eyssette cha đến tìm bọn tôi trên con tàu vậy.

- May mà chúng ta gặp nhau! - Jacques nói với tôi - ông Hầu tước của anh bị mất giọng và may vì ông không thể đọc bằng cử chỉ, nên đã cho anh nghỉ đến mai... Chúng ta sẽ tranh thủ để làm

một cuộc đi dạo lớn.

Nói rồi anh kéo tôi; và thế là chúng tôi đi ở Paris, người nọ áp sát người kia và rất tự hào được cùng bước.

Bây giờ, vì có anh bên mình, đường phố không còn khiến tôi sợ nữa. Tôi đi, đầu ngẩng cao, với vẻ vững tin của anh lính kèn, và coi chừng kẻ nào dám cười đầu tiên! Tuy nhiên có một điều khiến tôi áy náy, Jacques vừa đi vừa nhìn tôi với vẻ thương hại nhiều lần. Tôi không dám hỏi anh tại sao.

- Em có biết là đôi giày cao su của em rất dễ ưa không - Một lúc sau anh bảo tôi.

- Thật hử, Jacques?

- Ừ, thật đấy! Rất dễ ưa - Rồi, mỉm cười anh nói thêm:

- Dù sao thì khi nào giàu, anh sẽ mua cho em một đôi giày tốt để đi. Jacques thân mến thật tội. Anh đã nói như vậy chẳng ác ý gì; nhưng không được làm tôi bối rối nữa. Thế là tất cả những nỗi xấu hổ của tôi lại trở về. Trên cái đại lộ lớn tràn trề nắng sáng này, tôi cảm thấy nực cười với đôi giày cao su của mình và mặc dù Jacques có thể nói với tôi điều tử tế có lợi cho đôi giày của tôi, tôi vẫn muốn về ngay lập tức.

Chúng tôi trở về. Người ta ngồi xuống bên góc lửa và phần còn lại trong ngày trôi qua vui vẻ để mà nói chuyện với nhau như đôi chim sẻ mang nước vậy... Xế chiều, người ta gõ cửa nhà chúng tôi. Đó là người đầy tớ của ông Hầu tước mang chiếc hòm đến.

- Rất tốt! “Mẹ Jacques” của tôi nói. Chúng ta xem xét quần áo của em một chút nào.

Tội nghiệp! Quần áo của tôi!...

Việc xem xét bắt đầu. Phải nhìn vẻ mặt của tôi buồn cười một cách thảm hại khi làm cái việc kiểm kê nghèo nàn đó.

Jacques, quỳ gối trước cái hòm của tôi, lôi đồ vật hết cái nọ đến cái kia và công bố theo nhịp.

- Một từ điển... một cravat... một từ điển nữa... Này? Một tẩu thuốc... em hút à?... Lại một cái tẩu nữa... ôi Chúa nhân từ! Bao nhiêu là tẩu! Nếu em cũng có từng ấy bí tất... Còn quyển sách to này, cái gì thế?... Ôi?... Ôi!... Sổ trường giới... Boucoyran, năm trăm đồng... Soubeyrol, bốn trăm đồng... Boucoyran, năm trăm đồng... Boucoyran... Boucoyran... Đồ chết giẫm! Em không gượng nhẹ cái tên Boucoyran ư?... Dù sao, hai ba tá somi sẽ làm cho công việc của chúng ta tốt hơn. Đến đoạn này cuộc kiểm kê, “bà mẹ Jacques” của tôi thốt lên một tiếng kêu sừng sốt:

- Trời ời? Daniel... cái gì thế này? Thơ à? Thơ này... Em vẫn làm à?... Bí mật gì? Tại sao em chẳng bao giờ nói với anh về chuyện đó trong thư? Dù vậy, em biết rõ anh không phải là một tay ngoại đạo... Cả anh nữa, anh đã làm thơ, vào cái thời... Em còn nhớ bài *Đạo giáo! Đạo giáo! Trường ca gồm mười hai khúc?*... Thế đấy, ông nhà thơ trữ tình ạ, ta xem thơ ông một chút nào?...

- Ôi! Đừng, Jacques, em xin anh. Chẳng phải tội.

- Những nhà thơ ấy, cũng thế thôi, Jacques vừa nói vừa cười. Nào em đứng kia, rồi em đọc thơ của em đi; nếu không, anh sẽ đọc lấy và em biết anh đọc dở thế nào rồi đấy!

Điều đe dọa đó khiến tôi quyết định; tôi bắt đầu đọc.

Đó là những vần thơ tôi đã làm ở Trường Trung học Sarlande, dưới những cây dẻ của Đồng cỏ vừa trông nom bọn học trò... Hay hoặc dở? Tôi chẳng nhớ lắm nhưng, đọc chúng lên thì thật cảm động!... Bạn thử nghĩ xem những bài thơ mà người ta chẳng bao giờ đưa cho ai xem... Và rồi, tác giả của Đạo giáo! Đạo giáo! Không phải là một quan toà bình thường.

Ngộ nhỡ anh chế giễu tôi? Tuy vậy, tôi càng đọc thì nhạc điệu các vần khiến tôi say sưa và giọng tôi chắc chắn hơn. Ngồi trước cửa sổ, Jacques thản nhiên nghe tôi. Đằng sau anh, ở chân trời, đang lặn một mặt trời đỏ to làm cho những cửa kính rực lên. Trên gờ mái, một con mèo gày đang ngáp và vừa duỗi mình vừa nhìn chúng tôi; nó có vẻ cau có của một hội viên hội nghệ sĩ Đoàn kịch nước Pháp đang nghe một vở bi kịch... Tôi nhìn thấy tất cả những điều đó bằng khoé mắt mà vẫn không ngừng việc đọc của mình.

Thắng lợi ngoài mong ước? Tôi vừa đọc xong, Jacques hào hứng rời chỗ ngồi đến nhảy lên quảng cổ tôi:

- Ôi! Daniel? Hay lắm! Hay lắm!

Tôi nhìn anh hơi ngờ ngợ.

- Thật không, Jacques, anh thấy thế à?...

- Tuyệt vời, em thân mến, tuyệt vời!... Em thử nghĩ xem, em có tất cả những cái ấy trong hòm mà em chẳng bảo anh gì hết! Không thể tưởng tượng được!...

Và thế là “mẹ Jacques” của tôi đi xoạc bước trong phòng, vừa nói một mình vừa làm điệu bộ. Bỗng anh dừng lại nói bằng giọng long trọng:

- Chẳng còn chần chừ gì nữa: Daniel, em là nhà thơ, em vẫn phải là nhà thơ và kiếm sống qua lĩnh vực đó.

Ôi! Jacques, thật khó lắm. Nhất là lúc bắt đầu. Người ta kiếm được ít lắm.

- Ái chà! Anh sẽ kiếm cho hai đừa, đừng sợ.

- Còn tổ ấm Jacques ạ, tổ ấm mà chúng ta muốn gây dựng lại?

- Tổ ấm? Anh sẽ lo... Anh thấy mình đủ sức dựng lại nó một mình. Em, em sẽ làm rạng danh nó và em nghĩ xem cha mẹ chúng ta sẽ tự hào ra sao được ngồi trong một tổ ấm nổi tiếng!...

Tôi còn cố bác bẻ vài lời; nhưng, Jacques đã ứng đối hết.

Vả lại, phải nói là tôi chỉ chống trả một cách yếu ớt. Mỗi tình nồng anh em bắt đầu chinh phục tôi. Lòng tin thì ca thúc đẩy tôi rất nhanh và tôi đã cảm thấy khắp người một chứng ngứa Lamartine... Có một điểm chẳng hạn mà Jacques và tôi, chúng tôi chẳng hiểu nhau gì cả. Jacques muốn là năm ba mươi lăm tuổi, tôi sẽ vào Viện Hàn lâm Pháp. Tôi thì tôi mạnh mẽ từ chối. Viện Hàn lâm mà làm gì? Thật là già nua, lỗi thời, Kim tự tháp Ai Cập quá lắm.

- Thêm lý do nữa để mà vào, Jacques bảo tôi. Em sẽ đặt vào đó một ít dòng máu trẻ trong mạch, vào tất cả những ông già Cung-Mazarin ([45]) kia... Và rồi bà Eyssette sẽ rất sung sướng, nghĩ mà xem! Trả lời sao đây với điều đó? Tên bà Eyssette là một lý lẽ không bẻ lại được. Phải cố chịu khoác cái áo màu lục. Hãy hành động vì Viện Hàn lâm! Nếu những đồng nghiệp quá chán ta, ta sẽ làm như Merimée ([46]), ta sẽ không đi họp nữa.

Trong lúc tranh luận như vậy thì đã xấm tối, chuông Nhà thờ Thánh Germain đổ hồi vui vẻ như để mừng Daniel Eyssette vào Viện Hàn lâm Pháp.

- Ta đi ăn chiều thôi. - “Mẹ Jacques” của tôi nói. Và tự hào vì được ra mắt với một viện sĩ, anh đưa tôi đến một hiệu ăn ở phố Thánh Benoit.

Đó là một tiệm ăn nhỏ của người nghèo với chiếc bàn những người ăn tháng ở trong cùng dành cho khách quen.

Chúng tôi ăn ở phòng đầu tiên, giữa những con người rất xác xơ, rất đói bụng đang lảng lạng cào những cái đĩa của họ.

- Đó hầu hết là những con người của văn chương, Jacques nói nhỏ với tôi. Trong lòng tôi không thể ngăn mình có vài suy nghĩ buồn về vấn đề đó; nhưng, tôi rất giữ gìn không cho Jacques biết sợ làm nguội lạnh mối tình nồng của anh ấy.

Bữa chiều rất vui. Ông Daniel Eyssette (ở Viện Hàn lâm Pháp) tỏ ra rất hào hứng và còn ăn ngon nữa. Ăn xong, người ta vội vã lên lại cái gác chuông; và trong khi ông viện sĩ ngồi vắt chân trên cửa sổ hút tẩu thì Jacques ngồi vào bàn vui đầu vào một công việc lớn lao về những con số dường như khiến anh bứt dứt lắm. Anh gặm móng tay, bồn chồn cựa quậy trên ghế tính toán trên ngón tay, rồi bỗng đứng dậy đắc thắng kêu:

- Hoan hô!...Ta làm được rồi.

- Được gì, hử Jacques?

- Thảo ra ngân sách của chúng ta, em thân yêu ạ. Và anh xin trả lời em rằng đó không phải là một chuyện nhỏ đâu. Em hãy nghĩ xem! Sáu mươi quan mỗi tháng để nuôi sống cả hai!...

- Thế nào! Sáu mươi ư?... Em nghĩ là anh kiếm được một trăm quan ở chỗ ông Hầu tước.

- Phải. Nhưng trong đó có bốn mươi quan mỗi tháng phải gửi cho bà Eyssette để dựng lại tổ ấm... Vậy là còn lại sáu mươi quan. Chúng ta có mười lăm quan tiền phòng; như em thấy, không phải là đắt; có điều anh phải tự dọn lấy giường nằm.

- Em, em cũng sẽ làm thế, Jacques ạ.

- Không, không. Đối với một Viện sĩ, điều đó sẽ không hợp. Nhưng, ta hãy trở lại với ngân sách... Vậy là, mười lăm quan tiền phòng, năm quan tiền than, - Chỉ năm quan thôi - Còn lại bốn mươi quan. Ta hãy để ba mươi quan cho ăn uống. Em ăn chiều ở quán, nơi ta vừa đến chiều nay, mười lăm xu không trắng miệng đấy, mà em thấy cũng chẳng tồi lắm. Em còn lại năm xu cho bữa trưa. Đủ chưa?

- Em tin thế lắm.

- Chúng ta còn mười quan. Anh tính bảy quan tiền giặt...Tiếc là anh không có thời gian! Tự anh sẽ xuống tàu... Còn lại ba quan anh dùng như sau: ba mươi xu cho bữa trưa... em biết chứ! Anh thì ngày nào cũng ăn một bữa ngon ở nhà ông hầu tước nên anh không cần một bữa trưa cũng có chất như của em. Ba mươi xu cuối cùng là những món vặt, thuốc hút, tem thư và những chi phí khác ngoài dự kiến. Thế là mất đúng sáu mươi quan của chúng ta... Hử? Em cho là đã chi li chưa?

Rồi hăng hái, Jacques bắt đầu nhảy nhót trong phòng; bỗng sau đó, anh dừng lại và lấy một vẻ rùng rờ:

- Thôi, chết! Ngân sách phải làm lại rồi... Anh đã quên vài điều.

- Gì thế?

- Còn nển!... Buổi tối, em sẽ làm thế nào để làm việc, nếu em không có nển? Đó là một khoản chi không thể thiếu được và một khoản chi chỉ ít năm quan mỗi tháng... Ta có thể vất ở đâu ra năm quan ấy đây? Tiền của tổ ấm là thiêng liêng và không được vi phạm... Ôi! Tất nhiên, anh có công việc của chúng ta. Giờ đây sắp là tháng ba và cùng với nó là mùa xuân nắng ấm.

- Thế sao? Jacques!

- Thế đấy! Daniel. Khi trời ấm, than không cần nữa: vậy năm quan than thì chúng ta sẽ chuyển thành năm quan nển; và thế là vấn đề được giải quyết... Chắc là anh sinh ra để làm bộ trưởng tài chính... Em thấy thế nào? Lần này thì ngân sách đứng vững rồi và anh nghĩ chúng ta chẳng quên cái gì cả... Hẳn là còn vấn đề giày và quần áo, nhưng anh biết điều anh sẽ làm... Ngày nào anh cũng rảnh từ tám giờ, anh sẽ tìm một chỗ làm người giữ sổ sách ở một nhà buôn nhỏ. Chắc là anh bạn Pierrotte sẽ dễ dàng tìm cho anh chân ấy.

- À vậy? Jacques, thế anh rất gần bó với anh bạn Pierrotte à? Anh có đến đấy luôn không?

- Phải, luôn luôn. Buổi tối, người ta chơi nhạc.

- Này! Pierrotte là nhạc sĩ à?

- Không, không phải anh ta; con gái anh ta cơ.

- Con gái ta anh?... Thế, anh ta có một cô con gái à?... Ờ! Ờ! Jacques...Cô ta có xinh không. Cô Pierrotte ấy?

- Ô? Một lần mà em hỏi nhiều quá đấy, Daniel bé bỏng của anh ạ... Một ngày kia anh sẽ trả lời em. Bây giờ, muộn rồi; ta đi ngủ thôi.

Và để che giấu sự lúng túng mà những câu hỏi của tôi gây nên, Jacques bắt đầu chủ động dọn giường với tính cẩn thận của một cô gái già.

Đó là một cái giường có một chỗ bằng sắt, giống hệt như cái mà cả hai chúng tôi ngủ ở Lyon, phố Lanterne.

- Jacques, anh còn nhớ cái giường nhỏ của chúng ta ở phố Lanterne khi chúng ta đọc tiểu thuyết giấu và ông Eyssette quát chúng ta từ tận trong giường ông với cái giọng hầm dọa nhất: "Tắt đèn mau, không tao dậy bây giờ?"

Jacques nhớ chuyện ấy và còn nhiều chuyện khác nữa... Từ chuyện nọ sang chuyện kia, nửa

đêm đã điểm ở Nhà thờ Thánh Germain mà người ta vẫn còn chưa nghĩ đến ngủ.

- Nào?... Ngủ ngon nhé! - Jacques kiên quyết bảo tôi.

Nhưng, sau năm phút, tôi lại nghe thấy anh phì cười dưới tấm chăn.

- Anh cười cái gì thế, Jacques?...

- Anh cười ông Trưởng tu viện Micou, em biết không, ông Trưởng tu viện Micou ở trường dạy hát thơ... Em nhớ ông ta không?...

- Tất nhiên...

Thế là chúng tôi lại cười cười, nói nói... Lần này thì chính tôi người biết điều và nói:

- Phải ngủ thôi.

Nhưng, một lúc sau, tôi lại tiếp tục hăng hơn:

- Còn Rouget, Jacques ạ. Anh có nhớ không?...

Đến đó, lại những trận phá lên cười và chuyện gẫu đến không dứt...

Bỗng một tiếng đấm mạnh làm rung vách tường ở phía tôi, phía khe giường.

Rụng ròi hết cả.

- Coucou-Blanc đấy - Jacques nói thầm vào tai tôi.

Coucou-Balanc?... Thế là thế nào?

- Suyt, đừng to quá...! Coucou-Blanc là cô hàng xóm của chúng ta... Chắc là cô phàn nàn về việc chúng ta không cho cô ngủ.

- Jacques, nói xem! Sao cô hàng xóm chúng ta lại có cái tên ngộ thế?... Coucou-Blanc! Cô ta còn trẻ không?...

- Em có thể tự xét đoán lấy, em thân mến ạ. Hôm nào đó, em sẽ gặp nhau ở cầu thang... Nhưng tạm thời thì ngủ mau... Kéo Coucou-Blanc rất có thể còn nổi giận nữa.

Nói đến đó thì Jacques tắt đèn và ông Daniel Eyssette (ở Viện Hàn lâm Pháp) thiếp ngủ trên vai anh mình như lúc cậu lên mười vậy.

V

COUCOU-BLANC VÀ PHU NHÂN Ở TẦNG MỘT

Trên Quảng trường Nhà thờ Thánh Germain-des-prés, trong góc Nhà thờ, bên trái và sát mép mái, có một cửa sổ nhỏ khiến tôi đau lòng mỗi lần tôi nhìn lên nó. Đó là cửa sổ căn phòng cũ của chúng tôi; và ngay đến bây giờ, khi đi qua, tôi vẫn hình dung là cái cậu Daniel trước đây vẫn còn ở trên ấy, ngồi vào cái bàn kê sát cửa sổ và cậu mỉm cười thương cảm khi thấy ngoài phố Daniel ngày nay buồn bã và đã còm cõi.

Ôi! Chiếc đồng hồ của Nhà thờ Thánh Germain, biết bao giờ phút đẹp dễ mi đã điểm khi ta còn ở trên cao kia với “bà mẹ Jacques”... Lẽ nào mi, không thể còn điểm cho ta một vài trong số những giờ phút hào hùng và trẻ trung ấy? Thời đó, ta đã khá sung sướng!... Ta đã khá sẵn sàng mà làm việc!...

Buổi sáng, người ta dậy cùng ánh sáng trời. Jacques lo việc nội trợ ngay. Anh đi lấy nước, lau chùi căn phòng, sắp xếp chiếc bàn của tôi. Tôi thì tôi không có quyền đụng đến cái gì hết. Nếu tôi bảo anh:

- Jacques, anh có muốn em giúp anh không?

Jacques cất tiếng cười:

- Em đừng nghĩ đến chuyện ấy, Daniel ạ, còn phu nhân ở tầng một?

Với hai câu đầy bóng gió ấy, anh đã khoá mồm tôi lại.

Thì đây tại sao.

Trong những ngày đầu cuộc sống hai chúng tôi, chính tôi đảm. nhận việc xuống sân lấy nước. Vào một giờ khác trong ngày, có lẽ tôi đã không dám! Nhưng, buổi sáng, cả nhà còn ngủ và tính kiêu của tôi không có nguy cơ bị bắt gặp trong cầu thang đang cầm ở tay một cái hũ. Khi thức dậy, vừa mặc quần áo xong, tôi đi xuống. Vào giờ ấy, sân vắng người. Đôi khi, người coi ngựa mặc áo khoác đỏ, lau chùi bộ yên cương bên cái bơm. Đó là người đánh xe của phu nhân tầng một, một cô da trắng để ở thuộc địa rất có duyên mà trong ngôi nhà, người ta để ý nhiều. Sự có mặt của người đàn ông ấy cũng đủ làm tôi ngượng; khi anh ta ở đó, tôi thấy xấu hổ, tôi bơm nhanh rồi tôi trở lên với cái hũ voi một nửa. Một khi ở trên cao, tôi thấy mình rất nực cười, điều đó cũng chẳng ngăn tôi lại ngượng ngày hôm sau, nếu tôi nhận ra cái áo khoác đỏ dưới sân... Thế mà một buổi sáng, tôi có may mắn tránh được cái áo khoác khủng khiếp đó, tôi trở lên nhanh với cái hũ đầy ắp thì ở độ cao tầng một, tôi thấy mình đối mặt với một phu nhân đang đi xuống. Đó là phu nhân ở tầng một...

Thẳng người kiêu hãnh, đôi mắt cúi xuống một quyển sách, nàng từ từ đi trong một cơn sóng vải mượt mà. Thoạt nhìn, tôi thấy nàng xinh, mặc dù hơi tái; điều lưu lại trong tôi về nàng nhất, đó là một cái sẹo nhỏ màu trắng mà nàng có ở một khoé mép. Khi đi qua trước mặt tôi, phu nhân ngược mắt.

Tôi đứng áp vào tường, tay cầm chiếc hũ, đỏ bừng mặt và rất xấu hổ. Ban thử nghĩ! Bị bắt chọt như vậy giống một người xách nước thuê, đầu tóc bù xù, ướt át, cái cổ trần, áo sơmi bật cúc. Nhục nhã làm sao! Tôi những muốn lẩn vào tường... Phu nhân nhìn thẳng vào mặt tôi khá lâu bằng cái vẻ của một bà hoàng độ lượng, với một nụ cười hé, rồi nàng đi qua... Khi tôi trở lên, tôi tức điên người. Tôi kể lại chuyến phiêu lưu của mình với Jacques, người đã chế giễu tôi nhiều về tính kiêu của tôi; nhưng hôm sau, anh chẳng nói chẳng rằng cầm lấy chiếc hũ và đi xuống. Từ đó, sáng nào anh cũng xuống như vậy; còn tôi, mặc dù hối hận, tôi cứ để anh làm: tôi quá sợ lại gặp phu nhân ở tầng một.

Xong việc nội trợ, Jacques đi đến nhà ông hầu tước và tôi chỉ gặp lại anh vào buổi tối. Tôi sống suốt ngày suốt buổi chỉ có một mình, mặt đối mặt với Nàng thơ hoặc cái mà tôi gọi là Nàng thơ. Từ sáng đến tối, cửa sổ vẫn để mở với chiếc bàn trước mặt và trên cái bàn ấy, từ sáng đến tối, tôi gieo vần.

Thỉnh thoảng một chú chim sẻ đến uống nước ở ống máng nhà tôi; nó nhìn tôi một lúc với vẻ trâng tráo, rồi nó đi nói với những con khác việc tôi đang làm và tôi nghe thấy cái tiếng động khô mà những cái chân nhỏ của chúng gại trên đá đen...

Tôi cũng có những tiếng chuông Nhà thờ Thánh Germain đến thăm tôi nhiều lần trong ngày. Tôi rất thích khi chúng đến thăm mình. Chúng ồn ã vang vọng qua cửa sổ và tràn ngập căn phòng những tiếng nhạc. Đôi khi những tiếng chuông nguyện tẩm tối, ủ ê mà những nốt nhạc rơi từng nốt một như những giọt nước mắt. Rồi, tôi có những hồi chuông cầu Đức Bà: Hồi chuông trưa, một tổng thiên thần mặc áo màu nắng bước qua nhà tôi, rực rỡ ánh sáng; hồi chuông chiều, một thiên thần thượng đẳng buồn bã giáng xuống trong một tia sáng trắng và làm cho khắp phòng ẩm ướt khi vẩy những chiếc cánh lớn...

Nàng thơ, những con sẻ, những tiếng chuông, tôi chẳng bao giờ đón những cuộc viếng thăm khác. Ai sẽ đến thăm tôi nào? Chẳng ai quen tôi cả. Ở hiệu ăn phố Thánh Benoit, tôi luôn cẩn thận ngồi vào một chiếc bàn nhỏ cách xa mọi người; tôi ăn nhanh, mắt cắm vào cái đĩa của mình; rồi, khi xong bữa, tôi lén cầm chiếc mũ và ba chân bốn cẳng trở về nhà. Chẳng bao giờ có một trò giải trí, chẳng bao giờ có một cuộc đi dạo; chẳng có ngay cả nghe âm nhạc ở vườn Luxembourg. Tính bẽn lẽn bệnh hoạn ấy mà tôi giống ở bà Eyssette lại còn được tăng thêm bởi bộ cánh tồi tàn và đôi giày cao su khốn khổ mà người ta không thể thay thế được. Phở xá khiến tôi sợ và làm tôi xấu hổ. Tôi chẳng bao giờ muốn xuống khỏi cái gác chuông của mình.

Tuy nhiên đôi khi, vào những buổi tối đẹp, ấm của những mùa xuân Paris, khi ở hiệu ăn trở về, tôi gặp những bầy sinh viên vui tính và cứ nhìn họ khoác tay nhau mà đi, đội những chiếc mũ lớn, ngậm tẩu, cùng những cô nhân tình, điều ấy gợi ý cho tôi... Thế là tôi trở lên thật mau năm tầng gác, tôi thấp nền lên và tôi bắt tay vào làm việc điên cuồng cho đến khi Jacques về. Khi Jacques về, căn phòng thay đổi bộ mặt. Nó vui vẻ, ồn ào hoạt động hẳn. Người ta hát, người ta cười, người ta hỏi nhau tin tức trong ngày.

- Em làm việc tốt chứ? - Jacques bảo tôi - Bài thơ của em tiến triển chứ?

Rồi anh kể cho tôi một vài sáng kiến mới của ông Hầu tước kỳ quặc, rút từ trong túi ra những keo bánh tráng miệng để phần cho tôi và thích thú nhìn tôi nhai ngon lành. Sau đó, tôi quay về cái bàn thơ của những vần thơ. Jacques đi quanh hai ba vòng trong phòng và khi anh thấy tôi thật hăng say thì lẩn đi mà bảo tôi:

- Vì em làm việc, anh đi ra đằng kia một lát.

Đằng kia, có nghĩa là nhà Pierrotte; và nếu bạn chưa đoán ra tại sao Jacques đi luôn đến đằng kia thì chỉ vì bạn chưa khéo.

Tôi thì tôi hiểu tất cả ngay từ ngày đầu, ngay việc nhìn anh chải mượt mái tóc trước cái gương trước khi ra đi và thất đi thất lại cái nút cravat ba bốn lần; nhưng, để khỏi khiến anh ngượng, tôi làm ra vẻ chẳng nghĩ ngò gì cả và cứ bằng lòng cười thầm khi nghĩ đến mọi chuyện...

Jacques đi rồi, những vần thơ hãy tiến lên? Vào giờ ấy, tôi chẳng còn mảy may tiếng động nào; những chú chim sẻ, những tiếng chuông cầu, bạn bè tôi đều ngủ cả. Đối mặt trọn vẹn với Nàng thơ... Khoảng chín giờ, tôi nghe thấy tiếng lên cầu thang, - Một chiếc thang nhỏ bằng gỗ nối với cái lớn. - Đó là cô Coucou-Blanc, hàng xóm của chúng tôi, trở về. Kể từ lúc đó, tôi không làm việc nữa. Đâu óc tôi trơ trên phiêu du sang nhà cô hàng xóm và không nhúc nhích nữa... Liệu cô ta có thể là người thế nào, cái cô Coucou-Blanc bí hiểm ấy?... Không thể có chút tin tức gì ở chỗ cô... Nếu tôi nói điều đó với Jacques, anh hơi có vẻ thâm thúy mà bảo tôi:

- Sao!... Em vẫn chưa gặp cô ta, cô hàng xóm lộng lẫy của chúng ta à?

Nhưng, chẳng bao giờ anh nói rõ gì hơn. Tôi thì nghĩ: “Anh không muốn cho tôi biết cô ta... Hẳn đó là một cô thợ làm đóm ở khu Latinh”. Và ý nghĩ ấy khiến đầu tôi háo hức. Tôi hình dung một cái gì là tươi trẻ, vui vẻ, - Sao, một cô thợ đóm đáng ư? Đến cái tên Coucou-Blanc đó, tôi thấy chẳng có gì là không đầy hương vị, một trong những tên lóng tình nhân hay hay, cũng như Musette hoặc Mimi Pinson ([47]). Dù sao, đó cũng là một Musette rất ngoan ngoãn và rất nền nếp, cô hàng xóm của tôi, một Musette vùng Nante, cứ tối tối trở về vào cùng một giờ và luôn luôn đơn độc. Tôi biết điều đó vì đã nhiều ngày liền, vào giờ nàng về đến nơi, áp tai mình vào vách... Không suy xuyến, đây là điều tôi nghe được: Trước hết, một tiếng nút chai người ta mở và đây nhiều lần; rồi sau một lúc, bịch! Tiếng rơi của một tấm thân nặng xuống sàn; và hầu như tức khắc, một giọng nói nhỏ nhẹ lạnh lạnh, rất cao, một giọng dế ốm, bắt giọng một điệu nhạc gồm ba nốt buồn đến phát khóc mà tôi không biết vì sao. Dựa trên điều ấy, có lời mà tôi không phân biệt được, tuy vậy trừ những vần khó hiểu sau đây:

“Tolocototignan!... Tolocototignan!...”. Thỉnh thoảng lặp đi lặp lại trong bài hát như một điệp khúc có nhấn nhá so với phần còn lại. Điệu nhạc lạ lùng đó kéo dài khoảng một tiếng; rồi, ở tiếng “Tolocototignan” cuối cùng thì giọng hát bỗng dừng; và tôi chỉ nghe thấy một tiếng thở chậm và nặng... Tất cả điều đó khiến tôi suy nghĩ lắm.

Một buổi sáng, bà mẹ Jacques vừa mới đi lấy nước về, mạnh mẽ bước vào nhà với một vẻ đầy bí hiểm và đến sát tôi nói nhỏ:

- Nếu em muốn gặp cô hàng xóm của chúng ta... suýt!... Cô ấy kia kìa!

Thoắt một cái, tôi đã ở trên thềm nghĩ... Jacques đã không nói dối tôi... Coucou-Blanc đang ở trong phòng mình cửa mở toang; và cuối cùng, tôi có thể ngắm nàng... Ôi! Trời ơi? Chỉ là một ảo tưởng; nhưng ảo tưởng nào?... Bạn hãy hình dung một căn hầm mái nhỏ hoàn toàn trần trụi, dưới đất một cái ổ rơm, trên lò sưởi một chai rượu trắng, bên trên ổ rơm một chiếc móng lừa to và bí ẩn treo trên tường như một âu nước thánh.

Giờ đây, ở giữa cái ổ chó đó, bạn hãy tưởng tượng một cô da đen khủng khiếp với đôi mắt đục trắng to, bộ tóc ngắn, như len và xoắn như một bộ lông cừu đen, còn quần áo thì chỉ có một cái áo ngủ ngắn bạc màu và một cái váy bông cũ màu đỏ. Chẳng có gì khác.

Vậy là hiện ra với tôi lần đầu tiên cô hàng xóm Coucou- Blanc, cô Coucou-Blanc trong mộng của tôi, chị em với Mimi Pinson và Bernerette... ôi tỉnh lẻ mơ mộng, mong điều này dạy cho mi một bài học!...

- Thế nào? - Jacques bảo tôi khi thấy tôi vào - Thế nào? Em thấy cô ta thế nào...

Anh chưa nói hết câu thì trước vẻ mặt tiu nghỉu của tôi bèn phá lên một trận cười lớn. Tôi cũng thấy làm như anh là hợp, thế là chúng tôi cười hết sức mình, người nọ trước mặt người kia mà chẳng nói được gì. Vào lúc này, qua cánh cửa hé mở, một cái đầu đen to thò vào trong phòng và biến mất hầu như ngay tức khắc mà kêu với chúng tôi: “Da trắng nhạo da đen, không hay.”

Bạn thử nghĩ xem, chúng tôi lại càng cười hăng hơn ra sao...([48]).

Khi niềm vui của chúng tôi hơi dịu thì Jacques cho tôi biết là cô da đen Coucou-Blanc phục vụ phu nhân tầng một; trong ngôi nhà, người ta tố cáo cô hơi phù thủy, bằng có là cái móng lừa, biểu tượng thờ Vaudoux treo bên trên cái ổ rơm.

Người ta cũng nói chiều chiều, khi bà chủ đã đi khỏi, Coucou- Blanc giam mình trong tầng hầm mái, uống rượu trắng cho đến khi say bí tỉ lăn ra và hát những bài hát da đen hết một phần đêm. Điều này cắt nghĩa cho tôi tất cả những tiếng động bí hiểm đến từ cô láng giềng của mình: Tiếng chai mở nút, tiếng ngã trên sàn nhà và điệu nhạc đều đều gồm ba nốt. Còn về tiếng “Tolocototignan” hình như đó là một loại từ tượng thanh rất phổ biến ở những người da đen của tỉnh Cap ([49]), đại loại như lon, lan, la của chúng ta; những bài của Pierre Dupont ([50]) bằng tiếng da mun đã đưa tất cả những cái đó vào những bài hát của họ.

Kể từ hôm nay tôi có phải nói đến điều đó nữa không?

Việc ở cạnh Coucou-Blanc chẳng còn tạo cho tôi sự vui thú ấy. Buổi tối, khi nàng đi lên, con tim tôi chẳng còn rộn lên nhanh đến thế nữa; chẳng bao giờ tôi còn mất công đi áp tai vào vách... Tuy vậy đôi khi, trong cảnh lặng lẽ ban đêm, những tiếng *tolocotolignan* văng đến tận cái bàn của tôi và tôi cảm thấy không biết một thứ khó chịu mơ hồ nào đấy khi nghe khúc điệp buồn bã này; người ta nói là tôi linh cảm thấy vai trò mà nó sẽ đóng trong cuộc đời tôi...

Lúc đó thì “mẹ Jacques” của tôi tìm được một chỗ làm giữ sổ sách năm mươi quan mỗi tháng ở nhà người buôn sắt nhỏ, nơi lối nào anh cũng phải đến khi ra khỏi nhà ông hầu tước.

Anh chàng khốn khổ báo tin cho tôi biết điều tốt đẹp đó, nửa bằng lòng nửa tức tối.

- Anh sẽ làm thế nào để đi đến đó? - Tôi hỏi anh ngay.

Anh trả lời tôi, mắt đắm lệ:

- Anh có ngày chủ nhật.

Và từ đấy như anh đã nói, anh chỉ đến đó vào ngày chủ nhật, nhưng tất nhiên, điều ấy khiến anh khổ tâm.

Vậy cái khá cuốn hút khiến cho “mẹ Jacques” của tôi hết lòng quan tâm là cái gì vậy?... Tôi không lấy làm phiền lòng được biết điều ấy. Chẳng may, người ta không bao giờ bảo tôi đi theo cả; còn tôi thì khá kiêu để mà đòi hỏi điều đó. Vả lại, đấy là cách để đi đây đó với đôi giày cao su của mình ư?... Tuy vậy, một chủ nhật, vào lúc đi đến nhà Pierrotte, Jacques bảo tôi đượm một chút lúng túng:

- Em không có ý muốn theo anh đi đến đó à, Daniel bé bỏng? Chắc chắn là em sẽ làm cho họ vui nhiều.

- Nhưng, anh thân mến, anh đùa đấy à...

- Phải, anh biết lắm... Phòng khách của Pierrotte không phải là nơi cho một nhà thơ... ở đó, họ là một đồng da thỏ cũ...

- Ồ! Không phải như vậy đâu, Jacques ạ, chỉ vì bộ cánh của em thôi.

- Này! Thực ra... Anh cũng không nghĩ đến điều ấy, Jacques nói.

Rồi, anh ra đi, như mừng vì đã có một lý do đúng để khỏi kèm tôi đi. Vừa xuống dưới chân cầu thang thì, kìa anh đã lại trở lên và hỗn hển mà đến bảo tôi.

- Daniel, anh nói, nếu em có đôi giày và một cái áo jaket trông được thì em có theo anh đến nhà Pierrotte không?

- Tại sao không?

- Này! Thế thì lại đây... Anh sẽ mua cho em tất cả những gì em cần, chúng ta sẽ đi lại đó.

Tôi sững sốt nhìn anh.

- Hiện là cuối tháng, anh có tiền - Anh nói thêm để thuyết phục tôi.

Tôi khá hài lòng về ý nghĩ có những quần áo cũ mới mua đến nỗi không nhận thấy nỗi cảm động của Jacques cũng như cái giọng đặc biệt mà anh nói. Chỉ về sau tôi mới nghĩ đến tất cả những điều đó. Lúc này thì tôi nhẩy lên cổ anh và chúng tôi đi đến nhà Pierrotte qua lối Cung-vua ([51]), nơi tôi ăn mặc mới ở nhà một người buôn đồ cũ.

VI

PIERROTTE

Khi Pierrotte hai mươi tuổi, nếu người ta nói một ngày kia anh sẽ nối nghiệp ông Balouetle trong việc buôn đồ sứ, là anh sẽ có hai trăm ngàn quan ở chỗ ông công chứng - Pierrotte, một ông công chứng ư? - Và một cái quán ở góc đường lối đi Saumon, người ta sẽ rất lấy làm lạ.

Pierrotte, lúc hai mươi tuổi, không bao giờ ra khỏi làng, đi đôi guốc gỗ thông vùng Cévennes to, chẳng biết một chữ Pháp nào và kiếm được một trăm êcu ([52]) mỗi năm về nuôi tằm; và lại là một người bạn bền chắc, một người nhẩy điệu burê ([53]) đẹp, thích cười và ca ngợi vinh quang, nhưng vẫn một vẻ chân thật và không làm thiệt chủ quán rượu. Cũng như mọi gã cùng tuổi, Pierrotte có một cô bạn tốt mà anh đến đợi lúc tan kinh chiều ngày chủ nhật để dẫn đi nhẩy điệu gavotte ([54]) dưới những cây dâu.

Cô bạn tốt của Pierrotte tên là Roberte, cô Roberte to lớn. Đó là một chị nuôi tằm mười tám tuổi, mồ côi như anh, nghèo như anh, nhưng biết đọc và viết rất giỏi mà ở những làng vùng Cévennes còn hiếm hơn là một món hời môn. Rất tự hào về cô Roberte của mình, Pierrotte tính cưới cô ngay khi rút thăm.

Nhưng đến ngày rút, chàng trai Cévennes khốn khổ - mặc dù anh đã ba lần nhúng bàn tay mình vào nước thánh trước khi đi đến hòm phiếu - đã đem về số 4... Phải ra đi. Thất vọng làm sao!... May mắn thay, bà Eyssette được mẹ Pierrotte nuôi, hầu như dạy dỗ nữa đã đến cứu cậu em cùng vú nuôi và cho anh mượn hai ngàn quan để mua cho mình một người. - Hồi ấy nhà Eyssette còn giàu! - Thế là, Pierrotte may mắn không phải đi và có thể cưới cô Roberle của mình; nhưng vì những con người tử tế đó tha thiết trước hết đến việc trả lại tiền cho bà Eyssette, và còn ở lại quê thì họ sẽ chẳng bao giờ đạt được, họ có can đảm rời quê và đi Paris để cầu may ở đó.

Trong vòng một năm, người ta không nghe nói đến những người dân mạn ngược của chúng ta nữa. Rồi, một buổi sáng đẹp, bà Eyssette nhận được một lá thư cảm động, ký tên "Pierrotte và vợ" có chứa ba trăm quan, kết quả tiết kiệm đầu tiên của họ. Năm thứ hai, một lá thư nữa của

“Pierrotte và vợ” với món tiền gửi là năm trăm quan. Năm thứ ba, chẳng có gì. - Chắc hẳn công việc không chạy. - Năm thứ tư, lá thư thứ ba của “Pierrotte và vợ” với món gửi cuối cùng là một nghìn quan cùng những lời cầu chúc cho cả nhà Eyssette. Chẳng may, khi lá thư đó đến nhà chúng tôi thì chúng tôi đang lụn bại: Người ta vừa mới bán xưởng thợ và cả chúng tôi nữa, chúng tôi cũng sắp tha hương... Trong nỗi đau của mình, bà Eyssette quên trả lời “Pierrotte và vợ”. Từ đó, chúng tôi chẳng có tin gì nữa: cho đến cái ngày mà Jacques khi đến Paris, đã tìm anh Pierrotte tốt bụng - than ôi, Pierrotte không có vợ! - Dọn trong quầy hàng của ngôi nhà Lalouette cũ.

Chẳng có gì kém thợ mộng, chẳng còn gì cảm động hơn câu chuyện của vận mệnh ấy. Khi đến Paris, vợ Pierrotte bắt đầu làm ăn tăn tiện. Ngôi nhà đầu tiên đứng là nhà Lalouette.

Họ Lalouette là những nhà buôn giàu có keo kiệt và gàn dở, chẳng bao giờ muốn thuê một người chào hàng cũng như một cô sen, tất cả đều tự làm lấy (“Ông ạ, đến năm mươi tuổi, tôi vẫn may lấy quần đùi.” Bác Lalouette tự phụ nói như vậy.) và chỉ về già mới tự cho mình xa hoa lộng lẫy bằng việc thuê một bà nội trợ mười hai quan mỗi tháng. Có Trời mới biết được là mười hai quan đó, công việc có xứng lắm không! Cửa hàng, phần sau cửa hàng, một phòng ở tầng bốn, hai thùng nước phải đổ đầy cho nhà bếp mỗi sáng. Phải từ vùng Cévennes tới để mà chấp nhận những điều kiện như vậy. Nhưng, chao ôi! Cô gái Cévennes trẻ trung, nhanh nhẹn, hùng hục trong công việc và cái lưng vững vàng như một con bò cái tơ; thoắt một cái, cô đã xoay xong mớ công việc bề bộn ấy và trên hết, lúc nào cũng phô ra với hai người già bằng nụ cười tươi xinh của mình mà chỉ riêng nó cũng đáng giá hơn mười hai quan... Chỉ có vui tính và dũng mãnh, cô gái vùng cao đảm đang ấy cuối cùng đã lôi cuốn nhà chủ. Người ta quan tâm đến cô; người ta bảo cô nói chuyện; rồi, một ngày đẹp trời, tự nhiên, - Những tấm lòng khô khan nhất đôi khi cũng có những sự nảy nở không ngờ của lòng tốt, - ông già Lalouette bảo với Pierrotte cho vay một ít tiền để anh có thể mở một hiệu buôn theo ý mình.

Đây là ý nghĩ của Pierrotte: Anh kiếm một con ngựa già, một chiếc xe, rồi đi suốt từ đầu nọ đến đầu kia mà hết sức kêu:

- Hãy vứt bỏ những gì làm bạn vương vớ!

Cái anh chàng láu lỉnh vùng Cévennes của chúng ta không bán mà anh ta mua... cái gì?... tất cả... Bình vỡ, sắt cũ, giấy vụn, mảnh chai, đồ đạc thải bỏ chẳng bỏ đem bán, những đồ cũ mà những nhà buôn không thèm, tất cả những thứ gì chẳng còn giá trị và người ta giữ trong nhà vì thói quen, vì chảnh mắng, bởi vì người ta chẳng biết làm gì với nó, tất cả những thứ gì làm vương vớ!... Pierrotte chẳng chê gì hết, anh mua tất hoặc ít nhất là chấp nhận tất; vì thường, người ta không bán, người ta cho anh, người ta rũ bỏ. *Hãy vứt bỏ những gì làm bạn vương vớ!*

Trong khu Montmartre, anh chàng Cévennes rất được biết tới.

Cũng như mọi nhà buôn nhỏ đi rong không muốn gây địa vị trong cảnh ồn ào đường phố, anh đã chấp nhận một khúc ngâm riêng và lạ mà những bà nội trợ biết rõ...

Trước hết, đó là gào to cái câu nổi tiếng:

- Vứt bỏ những gì làm bạn vương vớ!

Rồi, bằng một giọng chậm và rên rỉ, những bài nói dài gấn với con lừa cái của mình, con Ahastagille như anh gọi nó. Anh tưởng là nói Anastasi.

- Nào? Lại đây, Anastagille; nào! Lại đây, con ta...

Và con Anastagille ngoan ngoãn đi theo, đầu cúi thấp, men theo vỉa hè với một vẻ buồn bã; và từ tất cả những ngôi nhà, người ta kêu lên:

- Xịt! Xịt! Anastagille!...

Cái xe được xếp đầy, cẩn thận đấy! Khi nó thật đầy, Anastagille và Pierrotte đi đến Montmartre đổ chuyển hàng ở nhà người mua buôn đồng nát đã trả tiền ra trò tất cả những thứ, vứt bỏ những gì làm bạn “vương” ấy mà người ta chẳng mất gì hoặc hầu như chẳng mất gì để có.

Bằng cái nghề đặc biệt ấy, Pierrotte không làm nên giàu có, nhưng anh ta kiếm sống mà lại dồi dào nữa. Ngay năm đầu, người ta trả tiền nợ nhà Lalouette và người ta gửi ba trăm quan

cho Cô, - Pierrotte gọi Bà Eyssette như vậy vào thời bà ta còn con gái mà từ đây, anh không bao giờ có thể quyết định gọi bà khác đi. - Năm thứ ba chẳng hạn, không được may mắn. Đó là giữa cái năm 1830([55]). Pierrotte kêu hoài: “Vứt bỏ những thứ làm bạn vương!” Những người dân Paris đang bận vứt bỏ một ông vua già làm mình vương, nên không nghe thấy những tiếng kêu của Pierrotte và để cho anh chàng Cévennes gào rất hòng ngoài phố; và cứ chiều chiều, chiếc xe nhỏ trở về rỗng không. Khổ thêm là Anastagille lại chết. Chính lúc ấy, vợ chồng Lalouette già bắt đầu không còn tự làm lấy tất cả được nữa, bèn đề nghị Pierrotte đến nhà họ làm phụ cửa hàng. Pierrotte chấp nhận, nhưng anh không giữ lâu các chức vụ khiêm nhường đó. Từ khi đến Paris, cứ tối tối, vợ anh dạy anh đọc và viết; anh đã biết xoay sở lấy một bức thư và diễn đạt bằng tiếng Pháp một cách dễ hiểu. Khi vào nhà Lalouette, anh càng cố gắng, đi theo một lớp người lớn học tính và học khá đến nỗi sau vài tháng, anh có thể phụ quầy ông Lalouette gần như hoá mù và việc bán của Bà Lalouette mà những bắp chân già đã phản lại tấm lòng cao thượng. Lúc đó, cô Pierrotte ra đời và từ đó, vận may của anh chàng Cévennes cứ tăng tiến mãi. Lúc đầu tham gia vào việc buôn bán với nhà Lalouette, về sau anh trở thành người chung vốn; rồi một ngày kia, lão Lalouette, sau khi đã mù hẳn, thôi việc buôn bán và nhường vốn cho Pierrotte, anh trả lão bằng niên kim. Khi đã rảnh tay anh chàng Cévennes mở mang công việc như vậy nên trong ba năm, anh đã trả hết nhà Lalouette và thoát khỏi mọi khoản trả góp, thấy mình đứng đầu một cửa hàng đẹp, đầy ắp hàng... Đúng vào lúc đó, như thể cô đợi để chết vì chồng mình không cần đến mình nữa, cô Roberte to lớn lâm bệnh và kiệt sức mà chết.

Đó là câu chuyện về Pierrotte như Jacques kể cho tôi tối cái hôm chúng tôi đi đến lối đi Saumon; và vì còn đường dài - người ta đã chọn con đường dài nhất để khoe với những người dân Paris cái jaket mới của tôi, - Tôi biết anh chàng Cévennes của mình cận kề trước khi đến nhà anh. Tôi biết là Pierrotte tốt bụng có hai thần tượng không được đụng đến: Con gái anh và ông Lalouette. Tôi cũng biết là anh hơi bẻm mép và nghe anh thì mệt vì anh nói chậm, tìm câu mình nói, lắp bắp và không thể nói ba tiếng liền mà không nói thêm vào: “Thật là đúng lúc để mà nói...”. Điều này gắn với một chuyện: Dân Cévennes không bao giờ quên được tiếng chúng ta. Tất cả những điều anh nghĩ đến đầu môi bằng thổ ngữ Languedoc, anh bị buộc phải chuyển dần tiếng Languedoc đó sang tiếng Pháp và những tiếng “Thật là đúng lúc để mà nói...”, mà anh điểm vào những câu chuyện của mình tạo cho anh thời gian làm tròn trong đầu cái công việc nhỏ ấy. Như Jacques nói, Pierrotte không nói mà anh dịch... Còn về cô Pierrotte, tất cả những gì tôi có thể biết, đó là cô mười sáu tuổi và tên cô là Camine, chẳng có gì hơn; về cái khoản ấy, Jacques của tôi cứ im như thóc ([56]).

Vào khoảng chín giờ thì chúng tôi bước vào ngôi nhà của Lalouette. Người ta sắp đóng cửa. Đinh ốc, cánh chớp, thanh sắt, cả một bộ đồ rào, chần nằm thành đồng trên vỉa hè, trước cánh cửa mở hé... Đèn khí đã tắt và cả cửa hàng chìm trong bóng tối trừ cái quầy, trên đó đặt một ngọn đèn bằng sứ rọi sáng những cọc đồng ê quy và một gương mặt đỏ to đang cười.

Trong cùng, ở buồng sau quầy, ai đó đang chơi sáo.

- Xin chào, Pierrotte!... - Jacques đứng ngạo nghễ trước quầy kêu lên - (Tôi ở bên cạnh anh, chỗ ánh sáng đèn...) Xin chào Pierrotte!

Pierrotte, đang kiểm tiền, ngược mắt theo tiếng nói của Jacques; rồi, vừa nhận ra tôi, anh thốt lên một tiếng, chấp tay lại và thần thờ đứng đó, miệng há hốc mà nhìn tôi.

- Thế nào - Jacques nói bằng một giọng đặc thẳng - em đã bảo với anh thế nào?

- Ôi! Lạy Chúa! Lạy Chúa! - Pierrotte tốt bụng lăm bắm - Hình như là tôi... Thật là đúng lúc để mà nói... Hình như là tôi được gặp cô.

- Nhất là đôi mắt - Jacques tiếp lời - Anh hãy nhìn đôi mắt ấy, Pierrotte ạ.

- Cái cằm nữa, ông Jacques ạ, cằm có cai lúm - Pierrotte trả lời - mà để nhìn cho rõ hơn, đã nhắc cái chụp ra khỏi đèn.

Tôi thì tôi chẳng hiểu gì cả. Cả hai người đang đứng kia mà nhìn tôi, mà nháy mắt, mà ra hiệu với nhau... Bỗng, Pierrotte đứng dậy, ra khỏi quầy và dang tay đến với tôi:

- Xin phép ông, ông Daniel, tôi phải hôn ông mới được...Thật đúng là dịp để mà nói. Tôi cứ

nghĩ là được hôn cô đấy.

Câu sau cùng này đã cắt nghĩa cho tôi tất cả. Vào độ tuổi này, tôi giống Bà Eyssette lắm và đối với Pierrotte, người đã không gặp cô từ khoảng hai mươi năm nay thì sự giống này còn lạ lùng hơn. Con người tử tế không thể ngại tay siết lấy tôi, hôn tôi, nhìn tôi mà cười bằng đôi mắt nhắm lại; anh bắt đầu nói tiếp về mẹ chúng tôi, về hai ngàn quan, về Roberte của mình, về Camine, về Anastagille và điều đó với biết bao dài dòng, nhiều giai đoạn, - Thật đúng là dịp để mà nói, - Đến nỗi chúng tôi sẽ cứ phải đứng trong cửa hàng mà nghe anh, nếu Jacques không nói với anh bằng một giọng sốt ruột:

- Anh kiểm tiền đi, Pierrotte!

Pierrotte dừng ngay lại. Anh hơi ngượng ngịu vì đã nói nhiều:

- Ông có lý đấy, ông Jacques ạ, tôi bẻm mép... tôi bẻm mép... Và rồi con bé... thật là đúng dịp để mà nói... con bé sẽ cần nhân tôi vì lên muộn.

- Camine có ở trên ấy không ạ? - Jacques hỏi với một vẻ hơi lãnh đạm.

- Có đấy, có đấy, ông Jacques ạ... con bé ở trên ấy đấy... Nó mong mỗi... Thật đúng là dịp để mà nói... Nó mong mỗi được biết ông Daniel lắm đấy. Các cậu lên thăm nó đi... Tôi kiểm tiền đây, rồi tôi sẽ lên theo các cậu... thật đúng là dịp để mà nói - chẳng còn nghe gì thêm nữa. Jacques cầm lấy cánh tay tôi và vội kéo tôi vào phía trong cùng, nơi người ta đang chơi sáo...

Cửa hàng của Pierrotte rộng lớn và ngồn ngộn. Trong bóng tối.

Người ta thấy lấp lánh cái bụng của bình, bầu mắt mèo, ánh vàng hung của những chiếc cốc Bohême ([57]). Cốc lớn có chân bằng pha lê, những cái liễn tròn trĩnh. Rồi bên phải bên trái, từng chồng đĩa đĩa cao lên đến trần. Cung điện nằng tiên đồ Sứ nhìn về đêm. Ở phòng sau cửa hàng một cái đèn khí mở nửa đời vẫn còn leo lét, để nhú lên một cái đầu lưỡi nhỏ xíu với một vẻ uể oải. Chúng ta cứ việc đi qua. Ở đấy có một anh chàng to lớn tóc vàng ngồi trên mép một cái ghế làm giường, đang chơi sáo một cách buồn bã. Khi đi qua, Jacques nói một tiếng "Xin chào" khô khốc mà chàng trai tóc vàng cũng trả lời bằng hai tiếng sáo cộc lốc, điều đó hẳn là cách chào nhau giữa những cây sáo đang giận nhau.

- Đó là anh chào hàng... Jacques bảo tôi khi chúng tôi lên cầu thang. Anh ta quấy rầy bọn mình, cái anh chàng to lớn tóc vàng ấy, bằng cách chơi sáo hoài như vậy... Em có thích sáo không, Daniel?

Tôi cứ muốn hỏi anh: "Thế còn cô bé, cô ấy có thích không?" Nhưng, tôi sợ làm phiền anh, nên tôi trả lời anh rất nghiêm túc:

- Không. Jacques ạ, em không thích sáo.

Căn phòng của Pierrotte ở tầng bốn, trong cùng một ngôi nhà với cửa hàng. Cô Camine, rất quý phái khó mà lộ mặt dưới cửa hàng, nên cứ ở trên gác và chỉ gặp bố mình lúc ăn cơm.

- Ô em sẽ thấy! Vừa leo lên Jacques vừa bảo tôi, thật hoàn toàn ngang với một dòng họ lớn. Camine có một bà bạn kèm; bà goá Tribou chẳng bao giờ rời cô... Anh không biết lắm cái bà Tribou ấy ở đâu đến, nhưng Pierrotte biết bà và khoe rằng đó là một bà rất có tài... Giật chuông đi, Daniel, chúng ta đến rồi đó!

Tôi kéo chuông; một bà Cévennes đội mũ lớn đến mở cửa, mỉm cười với Jacques như một người quen cũ mà dẫn chúng tôi vào phòng khách.

Khi chúng tôi vào: cô Pierrotte đang chơi dương cầm. Hai bà già hơi đẩy người, bà Lalouette và bà goá Tribou, người đàn bà rất có tài, đang chơi bài trong một góc. Khi thấy chúng tôi, mọi người đứng dậy. Có một lúc bối rối và xôn xao; rồi trao đổi những câu chào, những lời giới thiệu. Jacques mời Camine - anh gọi Camine cộc lốc- cứ ngồi vào đàn; còn người đàn bà rất có tài thì tranh thủ lời mời để tiếp tục ván bài của mình với bà Lalouette. Chúng tôi đã ngồi xuống, Jacques và tôi, mỗi người một bên cô Pierrotte vừa làm nháy nhót những ngón tay trên cây đàn vừa nói cười với chúng tôi. Tôi nhìn cô trong khi cô nói. Cô không xinh. Trắng hồng, cái tai nhỏ, tóc mảnh nhưng má đầy và đôi dào sức vóc; dù thế nào, tay cũng đỏ và những vẻ duyên dáng của một cô học sinh nội trú nghĩ hè hơi lạnh lùng. Đúng là con gái của Pierrotte, một bông hoa núi lớn lên trong tủ kính của đoạn đường đi Saumon.

Ít nhất, đó là ấn tượng ban đầu của tôi; nhưng bỗng nghe một câu mà tôi nói với cô, cô Pierrotte mà đến lúc đó đôi mắt vẫn cúi thấp, từ từ ngược lên nhìn tôi, và như có ma thuật, cái cô thị dân biến mất; tôi chỉ nhìn thấy đôi mắt của cô: đôi mắt to đen ngời sáng mà tôi nhận ra ngay.

Ôi kỳ diệu! Đó cũng là những con mắt đen đã loé lên khá dịu dàng với tôi ở đằng kia trong những bức tường lạnh của ngôi trường cũ, những con mắt đen của bà tiên đeo kính, cuối cùng là những con mắt đen... Tôi cứ nghĩ mình mơ. Tôi muốn kêu lên với chúng: “Đôi mắt huyền đẹp xinh, có phải chính mi đấy không? Có phải chính mi mà ta thấy trên một khuôn mặt khác?”. Và nếu bạn biết được là chính chúng đấy! Không thể nhầm lẫn được. Cũng hàng mi ấy, cái ánh rạng ấy, ngọn lửa lòng màu đen và bị dần lại. Có điên mới nghĩ là trên đời này có hai cặp mắt như vậy! Và vả lại, chúng có là đúng chính những con mắt đen ấy, chứ không phải những con mắt đen khác giống chúng, chính chúng cũng nhận ra tôi nữa và hẳn là chúng tôi sắp tiếp tục một trong những cuộc trò chuyện côm hay hay trước đây thì tôi nghe thấy sát gần mình, hầu như trong tai mình, tiếng nhấm nhắt của những răng chuột nhỏ. Nghe thấy cái tiếng ấy, tôi quay đầu lại và nhận ra ở góc cây dương cầm, trong một chiếc ghế bành, một nhân vật mà tôi không để ý đến... Đó là một ông già khô khan và nhợt nhạt với một cái đầu chim, trán hót, mũi nhọn hoắt, những con mắt tròn và không sức sống, quá xa mũi, gần như ở thái dương... Không có miếng đường mà ông già cầm ở tay và thỉnh thoảng lại gặm thì người ta đã bảo là ông ngủ. Hơi lúng túng vì sự hiện hình ấy tôi bèn chào con ma già, nó không đáp lại...

- Ông ấy không trông thấy em... Jacques nói với tôi. Đó là một ông mù... đó là bác Lalouette...

“Ông ấy biết giữ thanh danh của mình...”, trong lòng tôi nghĩ vậy. Và để khỏi nhìn thấy ông già khủng khiếp có cái đầu chim, tôi quay thật mau về phía đôi mắt đen; nhưng than ôi! Nét duyên đã hỏng, đôi mắt đen đã biến mất, ở chỗ của chúng, chỉ có một cô thị dân nhỏ cứng đờ trên chiếc ghế đàn. Vào lúc đó cửa phòng khách mở ra và Pierrotte ồn ào bước vào. Anh chàng thối sáo theo sau, tay cắp chiếc sáo. Khi nhìn thấy hẳn Jacques trút lên hẳn một cái nhìn choáng người có thể hạ thủ một con trâu; nhưng hẳn anh đã hụt: người chơi sáo không động đậy.

- Nào! Con ơi - Cévennes vừa nói vừa hôn khắp má đứa con gái - con có bằng lòng không? Vậy là người ta đã đưa cậu ấy đến, Daniel của con ấy... Con thấy cậu thế nào? Cậu ngoan lắm, phải không? Thật là đúng dịp để mà nói... cứ như *Cô* vậy.

Và thế là cái anh Pierrotte tốt bụng lại bắt đầu cái màn kịch ở cửa hàng và lôi tôi ra giữa phòng khách cho mọi người có thể thấy đôi mắt của *Cô*... cái mũi của *Cô*, cái cảm có lúm của *Cô*... Cuộc trưng bày đó làm tôi ngượng. Bà Lalouette và người đàn bà có tài thì ngưng ván bài của họ. ngả người trong chiếc ghế bành, ngắm tôi bình tĩnh hơn bao giờ hết, lớn tiếng bình phẩm hoặc ca tụng phần nọ hoặc phần kia con người tôi, hết như thể tôi là con gà con nuôi bằng thóc đem bán ở chợ Vallée vậy. Nói riêng với nhau, chứ người đàn bà tài ba có vẻ khá thông thạo về gà vịt non. May mà Jacques đến chấm dứt cho nỗi khổ của tôi khi bảo với cô Pierrotte chơi cho chúng tôi một cái gì.

- Đúng thế, ta hãy chơi một cái gì đi. - Chàng chơi sáo ngó người ra, chiếc sáo giơ lên, hăng hái nói.

Jacques kêu lên:

- Không... không... đừng song tấu, đừng chơi sáo!

Nghe vậy, chàng chơi sáo phóng một ánh mắt xanh sáng, có độc như một mũi tên của dân vùng Caribê vậy; nhưng, anh chàng kia điềm nhiên tiếp tục kêu lên:

- Đừng chơi sáo!...

Cuối cùng thì chính Jacques thắng hẳn và cô Pierrotte chơi một trong những khúc láy rất quen thuộc mà người ta gọi là *Giấc mộng của Rosellen*... Trong khi cô chơi, Pierrotte phát khóc vì ngưỡng mộ. Jacques đắm mình ngây ngất; lặng im những tiếng sáo kè vào răng, chàng chơi sáo đánh nhịp bằng vai và thổi thầm.

Xong khúc Rosellen, cô Pierrotte quay mình về phía tôi:

- Còn ông, ông Daniel - Cô vừa bảo tôi vừa chúi mắt xuống- có phải chúng tôi không hiểu được

ông không?... Ông là nhà thơ, tôi biết mà.

- Mà nhà thơ hay đấy..., Jacques nói.

Cái anh chàng Jacques hớ hênh này. Thôi thì bạn cứ cho là điều đó chẳng dụ được tôi đọc thơ trước tất cả những người Amélites này ([58]). Còn như nếu đôi mắt đen vẫn ở đó; nhưng không! Từ một giờ nay, đôi mắt đen đã tắt và tôi cứ tìm hoài xung quanh mình... Cũng còn phải thấy tôi đã trả lời cái cô Pierrotte ấy với cái giọng đĩnh đạc như thế nào:

- Thừa cô, xin thứ lỗi cho tôi chiều nay, tôi không đem theo chiếc thụ cầm của mình.

- Lần sau, cậu đừng quên đem nó theo - Anh Pierrotte tốt bụng bảo tôi - người cho lỗi ẩn dụ đó là đúng nghĩa.

Con người tội nghiệp tin rất thành thực rằng tôi có một chiếc thụ cầm và tôi chơi như tay chào hàng chơi sáo vậy... ôi! Jacques đã bảo trước tôi đúng là anh dẫn tôi đến một giới người thộn mà!

Quãng mười một giờ, người ta dọn nước chè. Cô Pierrotte đi lại trong phòng khách, đưa đường, rót sữa, nụ cười trên môi, ngón út hểnh lên. Chính vào lúc này của tối vui, tôi gặp lại đôi mắt đen. Chúng bỗng hiện ra trước tôi, rạng rỡ và ấm lòng, rồi lại khuất đi trước khi tôi nói được với chúng... Chỉ lúc đó, tôi mới nhận ra một điều. đó là cô Pierrotte, có hai con người rất khác nhau; trước hết, là cô Pierrotte, một cô thị dân nhỏ có mái tóc dẹt vẫn quanh trán, rất hợp để nổi bật trong ngôi nhà cổ Lalouette; và rồi, đôi mắt đen, đôi mắt to thơ mộng ấy mở ra như hai bông hoa bằng nhung và chỉ có hiện ra để làm đổi dạng cái nội tâm của những người bán ngũ kim quá lỗ. Cô Pierrotte thì chẳng đời nào tôi muốn cả; nhưng. đôi mắt đen... Ôi! Đôi mắt đen!...

Cuối cùng, giờ ra về đã đến. Chính là bà Lalouette ra hiệu.

Bà cuộn ông chồng trong một chiếc khăn tã tăng lớn và bê ông đi, cặp trong cánh tay như một cái xác ướp xưa quấn những dải băng. Đằng sau họ, Pierrotte còn giữ chúng tôi lâu trên thềm nghỉ để thuyết với chúng tôi những bài nói vô tận:

- À thế này, ông Daniel ạ, bây giờ ông biết nhà rồi, tôi mong là ông sẽ lại chơi. Chúng tôi không bao giờ có khách thượng lưu nhưng vẫn là khách chọn lọc... thật đúng là dịp để mà nói... Trước hết là ông và bà Lalouette, những vị chủ cũ của tôi; rồi bà Tribou, người đàn bà tài nhất mà ông có thể nói chuyện rồi anh chào hàng của tôi, một anh chàng tốt bụng thỉnh thoảng chơi sáo cho chúng tôi nghe... thật đúng là dịp để mà nói... Cả hai các ông sẽ chơi song tấu. Thế thì hay lắm.

Tôi rụt rè viện cớ là mình rất bận nên có lẽ tôi không thể đến luôn như mình muốn được.

Điều đó khiến anh ta cười:

- Thôi nào? Bạn gì, ông Daniel... Người ta biết những chuyện bạn của ông rồi, trong cái khu Latinh ấy... thật đúng là dịp để mà nói... chắc lại có cô thợ đóm đáng nào đó rồi chứ gì.

Số là Jacques cũng vừa nói vừa cười, cô Coucou-Blanc...nào đâu kém phần lôi cuốn.

Cái tên Coucou-Blanc đó khiến Pierrotte cười ngất.

- Ông Jacques, ông bảo tên ấy thế nào?... Coucou-Blanc à? Cô là tên Coucou-Blanc... Hề! Hề! Hề! Ông có thấy cái cậu kia... vào tuổi cậu ta...

Anh ta im bặt khi nhận thấy là cô con gái nghe mình nói; nhưng chúng tôi ở dưới chân cầu thang mà chúng tôi vẫn còn nghe tiếng cười to của cô làm rung cái tay vịn...

- Thế nào? Em thấy họ thế nào? - Jacques bảo tôi, ngay khi chúng tôi ra ngoài.

- Anh ạ, ông Lalouette xấu quá, nhưng cô Pierrotte thì tuyệt.

- Thật không? - Chàng si tình khốn khổ hỏi tôi với một vẻ nhanh nhẹn mà tôi không nén được cười.

- Này! Jacques, anh bị lộ rồi - Tôi vừa cầm tay vừa nói với anh.

Tối hôm ấy, chúng tôi đi dạo thật muộn dọc các bến. Theo bước chân chúng tôi, con ngòi lặng lẽ và tối đen cuộn cuộn như những hạt ngọc của cả ngàn ngôi sao nhỏ. Dây buộc những con tàu lớn kêu ken két. Đi nhẹ nhẹ trong bóng tối mà nghe Jacques nói với mình về tình yêu thì thật là

thú vị... Anh yêu với hết lòng mình; nhưng, người ta không yêu anh, anh rất biết là người ta không yêu anh.

- Thế thì, Jacques ạ, đó là vì chắc rằng cô ta yêu một người khác.
- Không, Daniel ạ, anh không cho là trước tối nay, cô ta lại yêu một ai được.
- Jacques, anh muốn nói gì? Trước tối nay ư!
- Chứ lại! Đó là vì mọi người yêu em, em ấy, Daniel ạ... và cô ta có thể cũng rất yêu em.

Jacques thân yêu khốn khổ! Phải thấy được anh nói điều đó với cái vẻ buồn bã và chịu nhin như thế nào. Tôi thì để làm anh yên lòng, tôi cất tiếng cười âm lên, to hơn cả lòng mình muốn.

- Ừ nhỉ? Anh thân mến, tùy anh thôi... Vậy mà, tôi rất khó cưỡng, hay cô Pierrotte rất dễ yêu... Không đâu! Anh cứ yên lòng, “me Jacques” của tôi ạ. Cô Pierrotte cũng cách xa lòng tôi như tôi đối với cô vậy; chắc là không phải vì tôi mà anh phải sợ.

Khi nói như vậy là tôi nói thật lòng đấy. Cô Pierrotte không phải là sống để cho tôi... Nếu là đôi mắt đen thì lại khác.

VII

BÔNG HỒNG ĐỎ VÀ ĐÔI MẮT HUYỀN

Sau cuộc viếng thăm đầu tiên ngôi nhà cũ Lalouette ấy, một dạo tôi không trở lại đằng ấy nữa, Jacques thì tiếp tục một cách trung thành những cuộc hành hương ngày chủ nhật của mình và mỗi lần, anh lại nghĩ ra một kiểu nút cravat mới đầy lộn cuồn... Thật là cả một bài thơ, chiếc cravat của Jacques, một bài thơ tình nồng cháy và bị dằn lại, một cái gì đó giống như một bó hoa phương Đông, một trong những bó hoa biểu trưng mà những quần thần tặng cho người tình của họ mà họ biết cách làm bộc lộ mọi sắc thái của nội si mê.

Nếu tôi là đàn bà, chiếc cravat của Jacques với hàng ngàn nút mà anh biến đổi đến vô cùng còn làm tôi cảm động hơn là một lời tỏ tình. Nhưng, biết nói sao với bạn đây, những người đàn bà không hiểu chuyện ấy... Chủ nhật nào trước khi đi, anh chàng si tình khốn khổ cũng không quên bảo tôi:

- Anh đến đằng ấy, Daniel... em đi không?

Còn tôi thì tôi vẫn trả lời:

- Không! Jacques ạ! Em làm việc...

Thế là anh bỏ đi thật nhanh. Còn tôi ở lại một mình, hoàn toàn một mình, gò người trên cái bàn thợ thợ.

Về phần tôi, đó là một quyết định đã chọn, mà chọn một cách nghiêm chỉnh, là không đến nhà Pierrotte nữa. Tôi sợ những con mắt đen. Tôi tự bảo: “Nếu mi gặp lại chúng mi sẽ hỏng việc”. Tôi giữ đúng không gặp lại chúng..., nhưng chúng vẫn không thoát ra khỏi đầu óc tôi, những con mắt đen to quỷ quái ấy. Tôi thấy lại chúng khắp nơi. Tôi luôn nghĩ đến chúng, khi làm việc, khi ngủ. Trên tất cả những quyển vở của tôi bạn sẽ thấy từng con mắt to vẽ bằng bút với những hàng mi dài như thế này này. Đó là một sự ám ảnh.

Ôi! Khi bà mẹ Jacques của tôi, mắt sáng lên gì vui thích vừa đi vừa nhảy nhót đến lối đi Saumon, với một cái nút cravat mới lạ thì có Trời biết là tôi phát cuồng lên vì những muốn

chạy xuống thang theo anh mà kêu lên: “Chờ em với!” Nhưng không! Có điều gì đó ở đáy lòng báo cho tôi biết đi đến đó sẽ là xấu và dù sao tôi cũng có can đảm ở lại với cái bàn thờ của mình... và nói: “Không, cảm ơn, Jacques ạ. em làm việc.

Điều đó Còn kéo dài một thời gian như vậy. Về lâu về dài.

Có nàng thơ giúp, chắc là tôi sẽ xua đuổi được đôi mắt đen khỏi đầu óc. Khốn thay, tôi lại rất cần gặp lại chúng một lần nữa. Thế là hết! Đầu óc tôi, con tim tôi, cũng phải chịu hết. Thì đây là trong những tình huống nào.

Kể từ cuộc tâm sự bên bờ nước, “bà mẹ Jacques” của tôi chẳng còn nói với tôi về những mối tình của anh nữa; nhưng tôi thấy rõ qua dáng điệu của anh là điều đó không tiến triển như anh mong muốn... Ngày chủ nhật, khi anh từ nhà Pierrotte trở về, anh thường buồn bã. Ban đêm, tôi nghe thấy anh cứ thở dài... Nếu tôi hỏi anh: “Anh làm sao thế, Jacques?” Anh bỗng trả lời tôi: “Anh chẳng sao cả”. Nhưng tôi biết anh có một điều gì đó, chỉ bằng vào cái giọng mà anh nói ra. Một người khá tốt, khá nhẩn nại, giờ đây với tôi, anh có những cơn bực. Đôi khi, anh nhìn tôi như thể chúng tôi giận nhau. Bạn nghĩ xem, tôi ngờ là ở đó có một nỗi buồn tình lớn nào đó; nhưng vì Jacques không chịu nói điều đó với tôi, tôi cũng không dám nói đến nữa. Dù vậy, có chủ nhật, anh trở về ủ ê hơn bình thường, tôi muốn biết rõ ràng đích xác.

- Này, Jacques, anh làm sao thế? - Tôi vừa nắm tay vừa nói với anh - ở đó, vậy là không ổn à?

- Vậy là không, việc ấy không ổn... - Chàng trai khốn khổ trả lời bằng một vẻ nản lòng.

- Mà này, có điều gì xảy ra thế? Pierrotte có nhận thấy điều gì à? Anh ấy ngăn cản anh chị yêu nhau à?...

- Ồ! Không! Daniel ạ, không phải Pierrotte ngăn cản anh chị... mà vì cô ấy không yêu anh, cô ấy không bao giờ yêu anh cả.

- Thật là điên rồ, Jacques ạ! Làm sao anh có thể biết được là cô ta không bao giờ yêu anh... Chỉ có anh nói với cô ta là yêu cô thôi à?... Không phải chứ?... Vậy thì làm sao...

- Người mà cô ta yêu thì không nói; anh ta không cần phải nói để mà được yêu...

- Jacques, có thật anh cho là cậu chơi sáo không?

Jacques không có vẻ nghe thấy câu hỏi của tôi. “Người mà cô ta yêu thì không nói”, anh nói lần thứ hai.

Và tôi chẳng biết gì hơn về việc đó.

Đêm hôm ấy, trong gác chuông Nhà thờ Thánh Germain, người ta không ngủ được mấy.

Hầu như lúc nào Jacques cũng cứ đứng ở cửa sổ nhìn sao trời mà thở dài. Tôi thì tôi nghĩ: “Nếu ta đi đến đó, nhìn thấy sát tận nơi mọi chuyện... Dù sao, Jacques có thể nhầm. Chắc là cô Pierrotte đã không hiểu tất cả những gì giống như tình yêu trong những nếp gấp của cái cravat ấy... Vì Jacques không dám nói đến nỗi si mê của mình, có lẽ tôi sẽ nói điều đó hộ anh ấy thì tốt... Phải, thế đấy, tôi sẽ đi, tôi sẽ nói với cái cô gái tầm thường kia, rồi ta sẽ thấy”.

Hôm sau, không nói trước với “mẹ Jacques” của tôi, tôi đưa dự án tốt đẹp đó vào thực thi. Chắc có Trời chứng giám là khi đi đến đó, tôi không hề có một ẩn ý nào. Tôi đi đến đó vì Jacques, chỉ vì Jacques mà thôi... Tuy vậy, khi tôi nhận ra ở góc lối đi Saumon ngôi nhà cũ Lalouette với nước sơn màu lục và hàng chữ *Đồ sứ và Pha lê* trước cửa hàng, tôi cảm thấy con tim nhẹ đập hẳn đã báo trước cho tôi biết... Tôi bước vào. Cửa hàng trống trơ: ở trong cùng người thối sáo đang ăn; ngay cả khi ăn, hẳn giữ chiếc sáo trên khăn bàn bên cạnh mình. Camine mà có thể lưỡng lự giữa chiếc sáo lang thang kia và “mẹ Jacques” của tôi ư, đó là điều không thể được..., vừa leo thang tôi vừa tự nhủ. Cuối cùng thì để ta xem...

Tôi thấy Pierrotte ngồi ở bàn cùng với con gái và người đàn bà có tài. Đôi mắt đen không có ở đấy, thật là may. Khi tôi bước vào, có tiếng thốt lên sững sốt.

- Cuối cùng thì cậu ấy kia rồi! - Pierrotte tốt bụng kêu lên bằng cái giọng sấm vang của anh. Đúng là dịp để mà nói - Cậu ấy đến uống cà phê với chúng ta.

Người ta mời tôi ngồi. Bà có nhiều tài đi tìm cho tôi một cái tách đẹp có hoa vàng và tôi ngồi cạnh cô Pierrotte... Hôm ấy, cô ta rất ngoan ngoãn, cô Pierrotte ấy. Trong mái tóc trên vành tai

một chút - ngày nay, người ta không để như thế nữa, - cô đã gài một bông hồng đỏ nhỏ, nhưng rất đỏ, rất đỏ. Giữa chúng tôi với nhau, tôi cho bông hồng nhỏ màu đỏ đó là hoa tiên, nó tô điểm cô bé tầm thường nhiều lắm.

- À ra thế! Ông Daniel - Pierrotte nói với tôi kèm một nụ cười trêu mếu thật to - Thế là xong, thế ra ông không muốn đến thăm chúng tôi nữa ư?...

Tôi cố xin lỗi và nói về những công trình văn học của mình.

- Phải, phải, tôi biết chuyện ấy, cái khu Latin... - Anh chàng Cévennes nói.

Rồi, anh cất tiếng cười to hơn mà nhìn cái bà nhiều tài đang ho húng hắng bằng một vẻ hiểu biết và hích chân tôi dưới gầm bàn. Đối với những người tử tế này, khu Latin, điều đó có nghĩa là những cuộc chè chén, đàn vĩ cầm, mặt nạ, pháo nổ, bình vỡ, những đêm điên dại và còn nữa. Ôi! Nếu như tôi kể cuộc đời khổ hạnh của mình trên cái gác chuông Nhà thờ Thánh Germain, tôi sẽ khiến họ rất mực sùng sốt. Nhưng, bạn biết đấy! Khi người ta còn trẻ, người ta không giận vì bị xem là một con người xấu. Trước những lời buộc tội của Pierrotte, tôi chọn một cái vẻ hơi khiêm tốn và tôi chống chế một cách yếu ớt:

- Không đâu, không đâu! Tôi xin cam đoan với các vị...không phải như các vị nghĩ đâu.

Nhìn thấy tôi, Jacques sẽ cười chết.

Khi chúng tôi uống cà phê xong, một điệu sáo nhỏ vọng lên ở dưới sân. Đó là người ta gọi đến Pierrotte ở dưới cửa hàng. Anh vừa quay lưng đi, cái bà lắm tài đến lượt bỏ đi đọc kinh nhật tụng cùng với bà nấu bếp. Nói riêng với nhau, tôi cho là cái tài lớn nhất của bà, ở người đàn bà ấy đó là trang bài thật khéo...

Khi tôi thấy người ta để tôi một mình với bông hồng nhỏ màu đỏ, tôi nghĩ: "Đã đến lúc!" Và tôi đã sẵn có tên của Jacques trên môi. Nhưng, cô Pierrotte không cho tôi thời gian để nói, hạ giọng, không nhìn tôi, bỗng cô bảo tôi:

- Có phải cô Coucou-Blanc ngăn ông đến chơi nhà bạn bè không ?

Trước hết, tôi nghĩ là cô cười; nhưng không! Cô không cười. Cô còn tỏ ra rất cảm động, cứ nhìn màu hồng của đôi má và những cái đập nhanh của chiếc áo mặc trong. Hẳn là người ta đã nói về Coucou-Blanc trước mặt cô và cô hình dung mơ hồ mọi chuyện không có. Tôi đã muốn làm cô tỉnh ngộ bằng một câu; nhưng không biết làm sao cái tính huênh hoang đại dốt lại giữ lại... Thế là, khi thấy tôi không trả lời, cô Pierrotte quay mình về phía tôi và khi ngược hàng mi tò mò mà cô vẫn để cúi thấp cho đến lúc đó; cô nhìn tôi... Tôi nói sai. Không phải là cô nhìn tôi; mà đôi mắt đen ướt đẫm nước mắt và chất chứa những lời trách cứ dịu dàng. Ôi! Đôi mắt đen thân mến, những niềm vui thú của hồn tôi! Chỉ là một sự hiển hiện. Hàng mi dài cụp xuống hầu như tức thì, đôi mắt đen biến mất và tôi chỉ còn ở bên mình có cô Pierrotte. Mau, mau, không chờ đợi một sự hiện hình mới, tôi bắt đầu nói về Jacques. Tôi bắt đầu bằng việc nói anh tốt bụng, chân thật, tử tế, rộng rãi như thế nào. Tôi kể đến lòng tận tụy không biết chán, cái tình mẹ luôn tỉnh táo ấy khiến một người mẹ thật sự phải phát ghen. Chính Jacques nuôi tôi, cho tôi ăn mặc, làm nên cuộc đời tôi, có Trời biết là phải trả bằng bao lao động và thiếu thốn. Không có anh thì tôi vẫn còn ở đẳng kia, trong cái nhà tù đen tối ở Sarlande mà tôi đã bao đau khổ... bao đau khổ...

Đến đoạn ấy của bài nói, cô Pierrotte tỏ ra mềm lòng và tôi nhìn thấy một giọt nước mắt to lăn dọc má cô. Tình thực, tôi thì tôi cứ tưởng đó là cho Jacques và tôi tự hào trong lòng: Nào? Thế là tốt đấy. Đến đó, tôi càng hùng biện. Tôi nói về những nỗi buồn của Jacques và về tình yêu sâu nặng thần bí đang dấm dứt lòng anh. Ôi! Sẽ ba, bốn lần sung sướng người đàn bà mà...

Đến đây, bông hồng đỏ nhỏ mà cô Pierrotte cài trong mái tóc không biết sao lại tuột xuống và rơi vào chân tôi. Đúng lúc đó tôi tìm một cách tế nhị để làm cho cô Camine hiểu cô là người đàn bà ba, bốn lần sung sướng mà Jacques đã say mê.

Khi rơi, bông hồng nhỏ màu đỏ đã tạo cho tôi cái cách ấy. - Khi tôi nói với bạn rằng nó là bông hoa tiên, cái bông hồng nhỏ màu đỏ ấy. - Tôi nhanh chóng nhặt nó lên, nhưng tránh trả lại.

- Sẽ là để cho Jacques, thay mặt cô - Tôi nói với cô Pierrotte kèm theo nụ cười tinh tế nhất của mình.

- Để cho Jacques; nếu ông vui lòng - Cô Pierrotte vừa trả lời vừa thở dài.

Nhưng, cũng lúc ấy, đôi mắt đen hiện ra và nhìn tôi trù mến có vẻ như muốn nói: “Không! Không phải cho Jacques mà cho anh đấy!” Và nếu bạn thấy được điều chúng nói rõ như thế nào đó, với vẻ chân thành nồng nàn ra sao, với nỗi đam mê kín đáo và khó cưỡng ra sao! Dù vậy, tôi còn ngập ngừng, nên chúng buộc phải nhắc lại với tôi hai ba lần liền: “Phải!... cho anh... cho anh!”. Thế là tôi hôn bông hồng nhỏ màu đỏ, rồi tôi đặt nó vào ngực mình.

Tối hôm đó, khi Jacques trở về, anh thấy tôi như lệ thường gặp người trên bàn thợ thợ và tôi làm cho anh tin rằng mình không ra ngoài trong ngày. Không may, khi cởi quần áo bông hồng nhỏ màu đỏ mà tôi đã giữ trong ngực lần ra đất dưới chân giường: Tất cả những bà tiên ấy đều đầy trò tinh quái. Jacques trông thấy nó, nhặt nó lên rồi nhìn nó hồi lâu. So bông hồng với tôi không rõ ai đỏ hơn ai.

Anh nhận ra nó - Anh bảo tôi - đó là bông hoa của cây hồng ở đằng ấy, trên cửa sổ phòng khách.

Rồi anh vừa đưa trả tôi vừa nói thêm:

- Với anh thì cô ấy chẳng bao giờ cho.

Anh nói điều đó khá buồn đến nỗi mắt tôi rung lệ.

- Jacques, bạn Jacques của em, em xin thề với anh là trước tối nay...

Anh dịu giọng ngắt lời tôi:

- Đừng xin lỗi. Daniel ạ, anh chắc là em chẳng làm gì để mà phản lại anh... Anh biết điều đó, anh biết là chính em mà cô ta yêu. Em còn nhớ điều anh đã nói: Người cô ta yêu thì không nói, anh ta không cần phải nói để mà được yêu...

Đến đó, chàng trai khốn khổ bắt đầu bước ngang dọc trong phòng. Tôi thì nhìn anh, bất động, tay cầm bông hồng.

- Cái gì đến cần phải đến - Một lúc sau, anh nói tiếp- Anh thấy trước tất cả điều đó từ lâu rồi. Anh biết là nếu cô ta gặp em, cô ta sẽ không còn muốn anh nữa... Cho nên tại sao anh đã để chậm rất lâu việc đưa em đến đó. Anh ghen với em từ trước cơ. Hãy tha thứ cho anh, anh yêu cô ta biết bao?... Sau hết, một hôm, anh muốn thử và anh để cho em đến. Hôm ấy, em thân mến, anh đã hiểu thế là hết. Sau năm phút, cô ta nhìn em như thể chưa bao giờ cô ta nhìn thấy ai vậy. Chính em cũng nhận ra điều đó. Ôi? Em đừng dối nữa, em đã nhận ra điều ấy. Bằng chứng là em để hơn một tháng không quay lại đấy; nhưng, thật tội! Điều đó chẳng giúp gì cho anh mấy... Đối với những tấm lòng như cô ta, kẻ vắng mặt chẳng bao giờ có lỗi, ngược lại...

Mỗi lần anh đi đến đó, cô ta chỉ làm mỗi việc là nói với anh về em và với biết bao lòng tin và tình yêu... Thật là một khổ hình. Giờ đây thế là hết... Anh thích thế hơn.

Jacques nói với tôi như vậy hồi lâu với cùng một vẻ dịu dàng, cùng một nụ cười nhin nhục. Tất cả những điều anh nói khiến tôi vừa đau lòng vừa thích thú. Đau lòng vì tôi cảm thấy anh khốn khổ; thích thú vì tôi thấy qua mỗi lời anh nói, đôi mắt đen rang rõ với tôi, đầy những cái tôi. Khi anh nói xong, tôi lại gần anh, hơi xấu hổ, nhưng không rời bông hồng nhỏ màu đỏ:

- Jacques, thế bây giờ, anh sẽ còn yêu em nữa không?

Anh mỉm cười và vừa áp tôi vào lòng:

- Em ngốc lắm, anh càng yêu em hơn.

Đó là một sự thật. Câu chuyện về bông hồng đỏ chẳng thay đổi gì đến tình âu yếm của “mẹ Jacques” tôi, cả tính tình anh nữa. Tôi nghĩ là anh đau đớn lắm, nhưng anh không để cho thấy điều đó bao giờ. Không một hơi thở dài, chẳng một lời than vãn, chẳng gì hết cả. Cũng như trước, anh tiếp tục đến đằng ấy ngày chủ nhật và niềm nở với mọi người. Chỉ còn lại những cái nút cravat của những kẻ bị phế bỏ. Vả chẳng luôn bình tĩnh và tự tin, làm việc đến kiệt sức và dừng cảm bước đi trong cuộc đời, hai mắt đắm đắm vào một mục đích duy nhất việc dựng lại tổ ấm... Ôi! Jacques! “Bà mẹ Jacques” của tôi!

Về phần tôi, từ cái ngày mà tôi có thể yêu đôi mắt đen một cách tự do; không ân hận, tôi lao hết mình vào niềm say mê của tôi. Tôi không rời khỏi nhà Pierrotte nữa. Tôi đã thu phục tất cả

những trái tim. Trời ơi, với giá của bao điều hèn hạ? Dem đường cho ông Lalouette, làm một ván với bà lăm tài, chẳng có gì thiệt cho tôi cả. Trong ngôi nhà đó, tôi tên là *Muốn làm Vừa lòng*... Nói chung, Muốn làm Vừa lòng đến vào giữa buổi. Vào giờ đó, Pierrotte ở dưới cửa hàng và cô Camine có một mình ở trên gác, trong phòng khách, với bà lăm tài. Ngay khi tôi đến, đôi mắt đen hiện ra thật nhanh và hầu như tức thì, bà lăm tài để cho chúng tôi được một mình. Người đàn bà quý phái mà cái anh Cévennes đã trao cho con gái mình như bà bạn kèm, tự cho là mình rũ được khỏi mọi nhiệm vụ khi bà nhìn thấy tôi. Mau, mau đi cầu kinh với bà nấu bếp, rồi bài bạc trên hết. Tôi không phàn nàn gì điều đó, bạn cứ nghĩ xem, được mặt đối mặt với đôi mắt đen...

Trời ơi! Những giờ phút tốt đẹp mà tôi đã sống trong cái phòng khách nhỏ màu vàng chanh. Hầu như lúc nào tôi cũng mang một quyển sách; một trong những nhà thơ ưa thích của mình và tôi đọc ở đây những đoạn cho đôi mắt đen đang ngẩn lệ hoặc bừng sáng lên, tùy chỗ. Trong lúc đó, cô Pierrotte ngồi đàn những chiếc giày vải cho cha hoặc chơi cho chúng tôi nghe những giấc mơ muôn thuở của Rosellen; nhưng, tôi xin cam đoan với các bạn là chúng tôi để cho cô thật lặng yên. Tuy nhiên, đôi khi, ở chỗ bi thương nhất của sách đọc, cô thì dân nhỏ bé đó nói tưởng lên một suy nghĩ la lung như: “Em phải bảo thợ so dây đàn đến...” hoặc nữa: “Em làm quá mất hai mũi trên chiếc giày”. Thế là, hờn dỗi, tôi gấp quyển sách và tôi không muốn đi xa hơn; nhưng đôi mắt đen có một cách nào đó để nhìn tôi khiến tôi dụi đi ngay lập tức và tôi tiếp tục.

Chắc là thật rất bất cần mà cứ bỏ chúng tôi một mình như vậy trong cái phòng khách nhỏ màu vàng chanh. Bạn hãy nghĩ đến hai chúng tôi - đôi mắt đen và Muốn làm - Vừa lòng - chúng tôi chưa đến ba bốn mươi tuổi... May mà cô Pierrotte không bao giờ bỏ chúng tôi và đó là một giám thị rất sáng suốt, rất chín chắn, rất tỉnh táo như việc trông coi kho thuốc đạn cần phải có... Tôi còn nhớ, - Có một hôm, chúng tôi đang ngồi, đôi mắt đen và tôi trên một chiếc ghế dài của phòng khách, vào một buổi chiều ấm áp của tháng năm, cửa sổ hé mở, những tấm rèm lớn hạ xuống và rủ đến đất. Hôm ấy, người ta đọc Faust ([59])!... Đọc xong, cuốn sách tuột khỏi tay tôi; chúng tôi ngồi nguyên như vậy một lúc, người nọ trước mặt người kia chẳng nói gì trong cảnh im lặng và tranh tối tranh sáng... Nàng đặt đầu tựa vào vai tôi. Qua tấm áo cộc để hé, tôi thấy những tấm ảnh tượng bằng bạc lấp lánh ở cuối cái hòng nhỏ... Bỗng, cô Pierrotte hiện ra giữa chúng tôi. Phải thấy cô đã đẩy thật xa tôi về phía đầu kia của chiếc ghế, - và lời quả trách mới to tát làm sao!

- Những điều các con làm đấy là rất xấu, các con thân yêu ạ Cô nói với chúng tôi - Các con lạm dụng lòng tin mà người ta để lộ với các con... Phải đi nói với bố về những dự định của các con mới được... Nào, Daniel, khi nào ông nói với ông ấy?

Tôi hứa là sẽ nói với Pierrotte nay mai thôi, ngay khi tôi làm xong bài trường ca của mình. Lời hứa này làm dịu chút ít bà giám thị của chúng tôi; nhưng, dù sao từ hôm ấy, cấm đôi mắt đen không được ngồi trên ghế dài bên cạnh Muốn làm Vừa lòng.

Ôi! Đó là một con người trẻ tuổi rất cứng cỏi, cái cô Pierrotte ấy. Bạn thử hình dung là, trong thời gian đầu, bà không muốn cho phép đôi mắt đen viết thư cho tôi; tuy nhiên, cuối cùng, bà bằng lòng vậy, với điều kiện dứt khoát là người ta sẽ cho bà xem mọi lá thư. Không may là những lá thư tuyệt vời đó đầy những đắm say mà đôi mắt đen viết cho tôi, cô Pierrotte không đành lòng đọc lại chúng; cô tuần vào đó những câu tự mình nghĩ ra, chẳng hạn như thế này:

“ Sáng nay em buồn lắm. Em thấy một con nhện trong tủ của mình. Nhện gặp bạn mai, buồn hoài suốt buổi”.

Hoặc lại nữa: “Người ta không đi cưới xin với những hạt đào...”

Và rồi, khúc điệp muôn thuở: “Phải nói với cha về những dự định của ông...”

Mà tôi vẫn cứ trả lời: “Khi tôi làm xong bài trường ca của mình!...”

VIII

MỘT BUỔI ĐỌC SÁCH Ở LỐI ĐI SAUMON

Cuối cùng thì tôi viết xong nó, bài thơ nổi tiếng ấy. Tôi đi đến đầu đến đũa sau bốn tháng làm việc và tôi nhớ là khi đến những vần thơ cuối cùng tôi không còn có thể viết được nữa, sao mà tay tôi run lên vì say mê, kiêu hãnh, thích thú, nôn nóng.

Trong gác chuông Nhà thờ Thánh Germain, thật là một sự kiện. Vào dịp này, Jacques lại trở về. Jacques trước đây trong một ngày, Jacques của việc bồi bìa và những lọ hồ nhỏ. Anh đóng cho tôi một quyển vở đẹp trên đó anh muốn chép lại bài trường ca của tôi bằng chính tay mình; và ở mỗi câu thơ, đó là những tiếng kêu ngưỡng mộ, những cái dậm chân hứng thú...

Tôi thì tôi ít có lòng tin đối với tác phẩm của mình. Jacques yêu tôi lắm; tôi đâm ngờ anh.

Tôi đã muốn bảo đọc bài thơ của mình cho ai đó không thiên vị và vững vàng. Quái lạ là tôi không quen ai cả.

Tuy vậy, ở quán ăn, tôi không thiếu dịp làm quen. Từ khi chúng tôi được giàu có, tôi ăn ở chiếc bàn ăn cơm tháng, trong căn phòng tận cùng; ở đó có hàng chục chàng trai trẻ, những nhà văn, họa sĩ, kiến trúc sư hoặc nói cho đúng hơn hạt nhân của tất cả bọn họ. - Ngày nay hạt nhân đã tăng lên: một vài người trong số những anh chàng đó đã trở nên nổi tiếng và khi tôi thấy tên họ trên báo điều đó khiến tôi đau lòng, tôi thì chẳng là cái gì cả - Khi đến bàn ngồi, tất cả đám trẻ đó dang rộng tay đón tôi; nhưng, vì tôi rất rụt rè để mà tham gia vào những cuộc tranh luận nên người ta quên tôi ngay và tôi cũng chỉ có một mình giữa cả bọn như tôi vẫn ở chiếc bàn nhỏ trong căn phòng chung. Tôi nghe; tôi chẳng nói gì...

Mỗi tuần một lần, chúng tôi phải ăn chiều với một nhà thơ rất nổi tiếng mà tôi không còn nhớ tên; nhưng thấy những vị đó gọi là Baghavat, theo đề của một trong những bài thơ của ông.

Những ngày đó, người ta uống vang Bordeaux giá mười tám xu; rồi đến lúc tráng miệng; Baghavat vĩ đại đọc một bài thơ Ấn Độ. Đó là chuyên khoa của ông, những bài thơ Ấn Độ ấy. Ông có một bài đề là Lakcamana, một bài khác Dacaratha, một bài nữa Kalatcala, một bài nữa Bhagiratha và rồi Cudra, Cunocepa, Vicvamitra...; nhưng, hay nhất trong tất cả, còn có Baghavat.

Ôi! Khi nhà thơ đọc Baghavat, tất cả phòng trong cùng rung chuyển. Người ta hò hét, người ta giậm chân, người ta leo lên trên bàn. Bên phải tôi, có một nhà kiến trúc nhỏ, người có mũi đỏ khóc nức nở ngay từ câu thơ đầu, và lúc nào cũng lau nước mắt bằng chiếc khăn ăn của tôi... Tôi bị lôi cuốn, tôi cũng kêu to hơn tất cả mọi người; nhưng nói cho cùng, tôi không say mê Baghavat. Nói tóm lại những bài thơ Ấn Độ đó giống nhau tất cả. Vẫn cứ là một bông hoa sen, một con kền kền, một con voi và một con trâu; đôi khi, để thay đổi sen được gọi là súng; nhưng, ngoài dị bản đó, tất cả những bài về này là ngang nhau: chẳng có mê say, sự thật, phóng tác gì cả. Vẫn điệu đà lên vần điệu. Một sự phỉnh phờ... Đó là những gì tôi nghĩ trong lòng về Baghavat vĩ đại, và có lẽ, tôi đã xét đoán ông ít khắt khe hơn nếu đến lượt mình, người ta đòi hỏi tôi vài vần thơ. Nhưng người ta chẳng đòi hỏi tôi gì cả và điều đó khiến tôi thật nhẩn tâm...Vả lại, tôi không phải là người duy nhất theo ý kiến mình về nền thi ca Ấn Độ. Tôi có một ông ngồi bên trái cũng không mắc vào đó...Ông ngồi bên trái tôi, thật là một nhân vật lạ lùng: Bôi dầu, sòn rách, bóng nhẫy, có một vàng trán hói lớn và một bộ râu dài, ở đó luôn lỏng thòng vài sợi miến. Đó là ông già nhất ở bàn và cũng còn sáng suốt nhất nữa. Như tất cả những trí tuệ lớn, ông nói ít, không phí sức mình. Ai cũng kính trọng ông.

Người ta nói về ông: "Ông ta rất giỏi... thật là một nhà tư tưởng."

Tôi thì khi thấy vẻ nhẩn nhó giễu cợt làm méo mó cái miệng ông khi nghe những câu thơ của

Baghavat vĩ đại, tôi đã hiểu ông ngồi bên trái quan điểm cao cả nhất. Tôi nghĩ “Thật là một người có óc nhận xét. Giá như ta ngâm bài thơ của ta cho ông!”.

Một buổi tối - khi người ta đứng dậy khỏi bàn - tôi bảo đem lại một bình rượu trắng và tôi mời nhà tư tưởng nâng một chén nhỏ với mình. Ông nhận lời, tôi biết cái tật của ông. Cứ vừa uống tôi vừa dẫn câu chuyện về Baghavat vĩ đại và tôi bắt đầu nói nhiều cái dở, về hoa sen, kền kền, voi và trâu - Đó là sự táo tợn. những con voi khá là hiềm thù?... - Trong khi tôi nói nhà tư tưởng tự rót lấy rượu mà chẳng bảo gì.

Thỉnh thoảng, ông mỉm cười và vừa lắc lắc cái đầu tán thưởng vừa nói:

- Ủa... Ủa...

Được làm thêm mạnh dạn với thắng lợi bước đầu đó, tôi thú thực với ông là mình cũng có soạn một trường ca lớn và tôi muốn trình ông.

- Ủa... Ủa...- Nhà tư tưởng lại nói mà chẳng cau mày.

Khi thấy con người của mình khá vui, tôi tự bảo: “Đúng lúc rồi!” và tôi rút bài thơ của mình từ trong túi ra. Chẳng xúc động, nhà tư tưởng rót cho mình một chén nhỏ thứ năm, lẳng lặng nhìn tôi mở bản thảo ra.

Nhưng, vào lúc tuyệt đỉnh, ông đặt bàn tay của kẻ nghiện lỗi đời lên cánh tay áo tôi:

- Nói một câu trước khi bắt đầu, chàng trai ạ... Tiêu chuẩn của anh là gì?

Tôi bần chồn nhìn ông.

- Tiêu chuẩn của anh! - Nhà tư tưởng khùng khiếp cao giọng nói - Tiêu chuẩn của anh là gì?

Than ôi! Tiêu chuẩn của tôi?... Tôi không có, tôi không bao giờ nghĩ đến điều đó, tình huống ấy hiện ra ở ánh mắt sừng sốt, nổi lúng túng của tôi.

Nhà tư tưởng bất bình đứng dậy:

- Sao? Chàng trai khốn khổ, anh không có tiêu chuẩn à?...Thế thì đọc thơ của anh cho tôi là vô ích... Tôi biết trước nó giá trị ra sao rồi.

Nói đến đó, ông tới tấp rót cho mình hai ba chén nhỏ còn lại ở đáy chai, cầm lấy mũ và vừa đi ra vừa đảo những con mắt dữ tợn.

Buổi tối, khi tôi kể câu chuyện ấy cho anh Jacques nghe, anh nổi giận dưng dưng.

- Nhà tư tưởng của em là một thằng ngốc... - Anh bảo tôi - Phải có một tiêu chuẩn là thế nào?... Những người Bengale ([60]), họ có không?... Một tiêu chuẩn? Thế là thế nào?...Ở đâu làm ra nó? Người ta chẳng bao giờ thấy có đâu!... Ai bán tiêu chuẩn, thôi đi!...

Jacques tử tế của tôi! Anh rung rung nước mắt về điều lằng nhục mà tuyệt tác của tôi và tôi vừa phải chịu.

- Nghe này, Daniel! - Một lúc sau anh nói - Anh có một ý kiến... Vì em muốn ngâm thơ của mình, giá như em ngâm nó ở nhà Pierrotte, một chủ nhật chẳng?...

- Ở nhà Pierrotte?...Ồ! Jacques?

- Tại sao không?... Chứ lại! Pierrotte không phải là một con đại bàng, nhưng cũng chẳng phải là một con chuột chũi.

Anh ta có giác quan rất tinh, rất thẳng... Camine, cả cô nữa, sẽ là một quan toà tuyệt vời, dù cho hơi có thành kiến... Cái bà lẩm tài đã đọc nhiều... Chính cái con chim già Lalouette cũng không quá kín đáo như cái ông làm ra vẻ... Vả lại ở Paris, Pierrotte biết những con người rất nổi tiếng mà người ta có thể mời cho buổi tối đó... Em thấy thế nào? Em có muốn anh nói với anh ta về chuyện đó không?...

Cái ý nghĩ đi tìm những vị quan toà ở lối Saumon không hợp ý tôi lắm; dù vậy, tôi ngứa ngáy đọc thơ mình đến nỗi sau khi hơi cau có, tôi chấp nhận đề nghị của Jacques. Ngay ngày hôm sau, anh nói với Pierrotte. Mong sao Pierrotte tốt bụng hiểu đúng điều muốn nói, đó là việc rất đáng ngờ; nhưng, khi anh thấy đó là một dịp dễ chịu cho bọn con của Cô. Con người tử tế nói “được” không chần chừ và ngay lập tức người ta phát giấy mời.

Chưa bao giờ phòng khách nhỏ màu vàng chanh lại có buổi hội hè như vậy. Để làm vinh dự cho tôi, Pierrotte đã mời những nhà ưu tú trong giới sành sỏi. Buổi tối hôm đọc sách, ngoài chỗ người quen, chúng tôi có ông và bà Passajon cùng con trai họ nhà thú y, một trong những học sinh xuất sắc của trường Alfort; Ferrouillat út, hội viên Tam điểm ([61]), nói giỏi, vừa mới thắng tất cả những gã ở hội quán Grand-Orient; rồi nhà Fougeroux với sáu tiểu thư sắp thành những ống đàn và cuối cùng Ferouillat cả, một thành viên của hội Caveau ([62]). Khi thấy mình đối mặt với cái hội đồng bác học ấy, bạn thử nghĩ xem tôi cảm động như thế nào. Vì người ta nói là họ có mặt ở đó để phán xét một thi phẩm, tất cả những con người tử tế đó cũng tưởng phải giữ bộ mặt hợp tình huống, lạnh lùng, thản nhiên, không cười đùa. Họ nói thầm với nhau và nghiêm trang mà lắc lư cái đầu như những quan toà. Pierrotte, người không đặt vào đó nhiều điều huyền bí đến như vậy thì nhìn tất cả bọn họ với một vẻ sùng sốt. Khi mọi người đã đến, người ta tự xếp chỗ. Tôi ngồi, lưng tựa vào đàn; cử tọa ngồi thành hình nửa tròn xung quanh tôi, trừ lão Lalouette đang nhấm nháp miếng đường ở chỗ thường ngày.

Sau một lúc ồn ào thì im lặng và bằng một giọng cảm động, tôi bắt đầu bài thơ của mình...

Đó là một vở kịch thơ, lấy đề một cách khoa trương là *Hài kịch đồng nội*... Trong những ngày đầu tù túng ở trường trung học Sarlande, chú Nhóc kể đùa cho học trò của mình những câu chuyện kỳ khôi, đầy những蝶, bướm, cùng những súc vật nhỏ khác. Chính với ba trong số những câu chuyện nhỏ đó được chuyển thành thể đối thoại và thơ mà tôi đã làm vở *Hài kịch đồng nội*. Trường ca của tôi được chia làm ba phần; nhưng tối đó, ở nhà Pierrotte, tôi chỉ đọc cho họ có phần đầu. Tôi xin phép được chép ra đây cái đoạn trích của *Hài kịch đồng nội* này không phải như một đoạn văn tuyển mà chỉ như những giấy chứng minh đính kèm vào câu chuyện của chú Nhóc. Bạn đọc thân mến của tôi, bạn có hình dung một lúc rằng mình đã ngồi thành vòng trong phòng khách nhỏ màu vàng chanh và Daniel Eyssette cứ run rẩy đọc trước mặt bạn.

Những cuộc phiêu lưu của một chú bướm xanh.

Sân khấu biểu diễn đồng quê. Vào lúc sáu giờ tối; mặt trời đã khuất. Lúc mở màn, một con Bướm xanh và một con Bọ rùa đực non đậu vắt trên một ngọn dương xỉ nói chuyện. Chúng đã gặp nhau buổi sáng và cùng nhau sống cả ngày. Vì đã muộn, Bọ rùa ra vẻ muốn lui.

Bướm: Vậy ư?... Bạn đã đi rồi?...

Bọ rùa: Chứ sao? Tôi phải về thôi; muộn mà!

Bướm: Hãy chờ một chút, chà chà!

Chẳng bao giờ muộn về nhà mình thôi...

Nhà tôi thật chán mớ đời;

Cửa đi, tường chắn lối thôi tù mù.

Ngoài kia nắng sáng, sương thu,

Hoa mỹ nhân mọc, gió đùa thênh thang.

Nếu hoa ấy, bạn chẳng màng,

Thì tôi xin lỗi...

Bọ rùa: Khoan khoan! Chịu rồi.

Bướm: Đồ ngốc hỡi, hãy ở chơi;

Khí trời mát dịu, bạn tôi vui đùa.

Bọ rùa: Nhưng mà...

Bướm: (Đẩy nó vào trong cỏ) Đừng có phân bua.

Bọ rùa: (Giãy giụa) Không, không! Hãy để tôi thưa đã nào.

Bướm: Im! Bạn có nghe?

Im.

Bọ rùa: (Sợ) Sao?

Bướm: Vườn nho, vọng tiếng bạn nào say sưa...

Chao ôi? Bài hát đồ đưa,

Thật là hay tuyệt, cảnh vừa chuyển đêm!...

Bọ rùa: Nhưng thôi...

Bướm: Im lặng.

Bọ rùa: Không nên.

Bướm: Có người đang tới. (Người đi qua).

Bọ rùa: (Sau một lúc im lặng).

Ác hiên?

Bướm: Rất hung.

Bọ rùa: Tôi luôn sợ chúng đi lưng.

Lấy chân giẫm chết, nghe rùng rợn thay...

Anh tuy bé, nhưng biết bay;

Thật là quá xá.

Bướm: Này, này! Bạn thân,

Một khi họ đến gần, Lưng tôi, hãy chịu khó lần leo lên;

Thân tôi mạnh khoẻ, chớ phiền!

Đâu như loài mối, cánh tiên dập dờn([63]),

Tung trời, một mạch bay luôn

Đến nơi bạn muốn.

Bọ rùa: Tôi đâu dám...

Bướm: Dễ gì hơn là trèo lên đó?

Bọ rùa: Nhưng còn...

Bướm: Trèo lên!

Bọ rùa: Bạn đưa tôi trở về liền; Nếu không...

Bướm: Đâu dám bay chuyền nhón nhơ.

Bọ rùa: (Trèo lên lưng bạn).

Chúng tôi quỳ trước bàn thờ.

Cầu kinh buổi tối.

Bướm: ờ ờ... Ngồi yên!

Bây giờ cất cánh bay lên.

(Vút! Chúng bay lên; cuộc trò chuyện tiếp tục trên không).

Bạn ơi, thật tuyệt! Có phiền gì đâu.

Bọ rùa: (Sợ) ôi, ôi...

Bướm: Sao hử?

Bọ rùa: Đau đầu; Cho tôi xuống với. Mau mau...

Bướm: Yên nào.

Váng đầu, mắt nhắm nghiền vào.

Nhắm chưa?

Bọ rùa: (Nhắm mắt). Rồi đấy...

Bướm: Thấy sao?

Bộ rùa: (Cố gắng) Khá rồi.

Bướm: (Cười thầm) Giống nhà kém chịu đẩy thôi.

Bộ rùa: Ờ! Ờ!! Chí phải...

Bướm: Biết rồi tại sao.

Phải đâu người lái khí cầu.

Bộ rùa: Ồ! Không...

Bướm: Đã đến, xin hầu quý ông.

(Nó đậu xuống một bông hoa chuông).

Bộ rùa: (Mở mắt) Nhưng...nhà tôi ở đằng đông ([64]).

Bướm: Biết rồi; còn sớm, ta cùng rong chơi.

Đây là nhà bạn Chuông tôi.

Ta ngồi nhấm nháp vài hồi - được không...

Bộ rùa: Ô! Trời đã muộn...

Bướm: Thì xong...

Bộ rùa: Còn tôi, tôi chẳng thuộc dòng thượng lưu...

Bướm: Lại đây! Tôi sẽ nhận liền.

Anh em ta cả...([65])

Bộ rùa: Có điều sợ khuya.

Bướm: Sợ gì! Nghe tiếng ve kia...

Bộ rùa: (Hạ giọng) Mà... Tôi rỗng túi...

Bướm: (Kéo nó vào) Vào kìa? Bạn khao.

Chúng đi vào nhà hoa Chuông.

Màn hạ.

Vào hồi hai, khi màn kéo lên, trời gần đêm... Người ta thấy đôi bạn ra khỏi nhà hoa Chuông...

Bộ rùa hơi chệnh choáng.

Bướm: (Chìa lưng ra) Giờ thì ta trở về nào!

Bộ rùa: (Dũng cảm trèo lên) Lên đường, thẳng tiến!

Bướm: Nghĩ sao bạn mình?

Bộ rùa: Cậu Chuông, người rất thân tình;

Chén thù chén tạc. Lưu Linh ([66]) phải gồm...

Bướm: (Nhìn trời).

Hằng Nga, át ráng chiều hôm ([67]);

Phải mau về gấp...

Bộ rùa: Vội chuồn, tại sao?

Bướm: Tưởng rằng bạn phải về mau?...

Bộ rùa: Miễn là tôi kịp về cầu kinh đêm...

Vả chẳng, nhà cũng gần bên.

Bướm: Bạn còn chẳng vội thì phiền chi tôi.

Bộ rùa: (Lòng dào dạt) Bạn thật là tốt, chao ơi!...

Người ta cứ nói bạn hoài:

“Rằng tên cứng cổ? Rằng loài lẳng nhăng!...”.

Bướm: Kể nào bầy bạ nói năng?

Bọ rùa: Trời ơi? Chính nó là thằng Cánh cam...

Bướm: Cái tên bụng phệ tham lam,

Mà còn đi gọi ta thằng lông bông.

Bọ rùa: Nhưng đâu chỉ nó...

Bướm: Nói mau!

Bọ rùa: Thế thì, cả bọn Sâu rau cùng thù ([68]),

Lại thêm Kiến, Bò cạp ư?

Bướm: Thật không?

Bọ rùa: (Tâm sự) Đừng có thả tơ Nhện vàng;

Nó đang khiếp bạn rõ ràng.

Bướm: Người ta đã nói điều xằng nó nghe.

Bọ rùa: Chà!... Loài Sâu róm cùng phe...

Bướm: Chuyện này đã rõ?... Còn về phía ta,

Đâu từ Sâu róm mà ra,

Họ cho ta cũng chỉ là?...

Bọ rùa: Không đâu?

Bọn choai quý bạn hàng đầu;

Lớp già thì nói chung hầu hết chê.

Bướm: (Buồn bã) Ra ta, chẳng mấy kẻ mê.

Thôi thì...

Bọ rùa: Cũng khổ! Nói về Tầm ma,

Cóc anh, Dế cũng theo đà,

Thấy đều gọi bạn Bướm là: “Lông bông! “

Bướm: Phải chẳng bạn cũng một lòng?

Bọ rùa: Không?... Tôi quý bạn đã bằng tôi lên!

Rồi thì những chuyến chơi đêm([69]).

Thật là vui thú!... Có phiền bạn chẳng,

Hay là ta lại loăng quăng,

La cà đâu đó... Bạn rằng nghĩ sao?

Bướm: Bạn hơi nặng đấy, xem nào.

Bọ rùa: (Chỉ những hoa Chuông).

Vậy thì ta hãy tạt vào đây chơi.

Bướm: A hay?... Lại bạn Chuông rồi.

(Hạ một giọng lả lơi).

Hay là bên cạnh...

Bọ rùa: (Đỏ mặt tía tai).

Ôi trời, Hồng nhung?...

Ồ! Không...

Bướm: (Kéo nó vào).

Vào? Nhỡ ai trông.

Chúng lén vào nhà Hồng nhung.

Màn hạ.

Vào hồi ba...

Bạn đọc thân mến, nhưng tôi không muốn lam dụng lâu hơn nữa lòng kiên nhẫn của bạn. Theo thời gian trôi đi, những vần thơ không có được tư chất làm cho vui thích, tôi biết lắm.

Vậy nên, tôi ngừng trích dẫn ở đó và tôi sẽ vui lòng kể sơ lược chỗ còn lại bài trường ca của mình.

Đến hồi ba, trời tối hẳn... Cả hai bạn cùng ra khỏi nhà Hồng nhưng... Bướm muốn đưa Bọ rùa về nhà bố mẹ; nhưng, con này từ chối; nó say mềm, lộn nhào trong cỏ và kêu những tiếng phản đối... Bướm buộc phải đem nó về nhà mình. Người ta chia tay nhau ở cửa, hứa sớm gặp lại nhau... Thế là, Bướm ra đi một mình trong đêm. Nó cũng hơi ngà ngà; nhưng cơn say của nó thì buồn: Nó nhớ lại những điều tâm sự của Bọ rùa và cay đắng tự hỏi tại sao nhiều kẻ ghét mình là người chẳng bao giờ làm hại ai...Bầu trời không trăng, gió thổi, cánh đồng đen ngòm... Bướm sợ, nó lạnh; nhưng, nó tự an ủi khi nghĩ là bạn mình đang yên ổn trong tận cùng cái ghế ngủ thật ấm... Trong khi đó, người ta thoáng thấy trong bóng tối những con chim ăn đêm to lặng lẽ bay qua sân khấu. Chớp loé sáng. Có những con thú dữ phục kích dưới những tảng đá, vừa cười khẩy vừa trỏ con Bướm, bảo nhau:

- Chúng ta bắt nó nhé!

Và trong khi kẻ xấu số đi lảo đảo, đầy sợ hãi, thì một cây Cúc gai qua đêm nó nhiều nhất kiếm lớn, một con Bọ cạp phanh bụng nó bằng những cái răng cửa, một con Nhện to lông lá xé của nó một vạt áo choàng bằng sa-tanh màu lam và để kết liễu một con Dơi lấy cánh xé ngang lưng nó. Con Bướm lăn ra tử thương... Trong khi nó khò khè trên cỏ, những cây Tầm ma vui mừng và những con Cóc nói:

- Thật đáng đời!

Đến rạng sáng, những con Kiến đem theo giày guốc và bầu nước đi làm thì thấy cái xác bên vệ đường. Chúng nhìn qua nó và tránh xa không buồn chôn. Bọn Kiến không làm cái việc mà chẳng được gì... May mà một bầu đoàn Bọ xạ vừa đến đó. Như bạn biết, đó là những con vật nhỏ bé màu đen đã nguyện chôn những kẻ chết... Một cách thành kính, chúng xúm quanh con Bướm chết và kéo nó về nghĩa địa... Một đám tò mò đổ xô đến lối chúng đi qua và mỗi con lại lớn tiếng nói những điều nhận xét. Những con Đế nhỏ màu nâu ngồi ngoài nắng trước cửa nhà, nghiêm nghị nói:

- Nó thích hoa lắm!

- Nó chạy nhiều ban đêm - Những con Sên nói thêm.

Còn những con Cánh cam to bụng thì đi lặc lè trong những chiếc áo vàng rực mà làu bàu:

- Quá giang hồ! Bướm chuộng lối sống giang hồ!

Trong cả cái đám đông ấy, chẳng có một lời tiếc thương cho kẻ chết khốn khổ; duy có ở những đồng bằng xung quanh, những bông loa kèn đã khép và những chú ve không kêu nữa.

Hồi sau cùng diễn ra trong nghĩa địa loài Bướm. Sau khi những con Bọ xạ làm xong phần việc, một con Bọ đã trình trọng đi theo đoàn xe, đến gần cái hố, leo lên trên và bắt đầu bài tụng ca kẻ chết. Chẳng may nó bị quên; nó ì ra đó, huơ chân lên không, làm điệu bộ trong vòng một tiếng và lẩn quẩn trong những đoạn văn của nó... Khi diễn giả nói xong, ai cũng rút lui và lúc đó trong nghĩa địa vắng vẻ, người ta thấy chú Bọ rùa của những hồi đầu, bước ra từ đằng sau một nấm mồ. Khóc thảm thiết, nó quỳ trên đất mới của cái hố và đọc một bài kinh cảm động cho người bạn nhỏ khốn khổ nằm đó.

CẬU BÉ BÁN ĐỒ SÚ

Nghe câu thơ cuối cùng bản trường ca của tôi, Jacques say sưa, đứng dậy kêu hoan hô; nhưng, anh dừng phắt ngay lại khi nhìn thấy bộ mặt hốt hoảng của tất cả những con người tử tế này.

Sự thật, tôi cho là con ngựa lửa của ngày Tân thế nhảy bổ vào giữa cái phòng khách nhỏ màu vàng chanh cũng không gây nên nổi sùng sờ hơn là con bướm xanh của tôi.

Nhà Passajon, nhà Fougeroux, tất cả hăm hực về những điều họ vừa nghe, nhìn tôi với đôi mắt tròn to; hai anh em Forrouillat ra hiệu cho nhau. Chẳng ai thốt lên lời nào. Bạn thử nghĩ xem, tôi thật là dễ chịu.

Bỗng giữa cảnh im lặng và mọi người rung rờ, một tiếng nói - mà tiếng nào vậy! - Không ngữ điệu, tẻ nhạt, lạnh lùng, không âm sắc, một tiếng ma, thoát ra từ đằng sau chiếc dương cầm, và khiến tôi rùng mình trên ghế.

Thần Tình yêu thường được biểu thị một cách phúng dụ hoặc tượng trưng.

Đó là lần đầu, kể từ mười năm nay, người ta nghe con người có cái đầu chim ông Lalouette được tôn kính, nói:

- Tôi rất hài lòng là người ta đã giết con bướm... - ông già lạ lùng vừa nói vừa nhăm nháp miếng đường với một vẻ dữ dằn : - Tôi, khi tôi không thích bướm!...

Mọi người cười ồ và cuộc tranh cãi nổi lên về bài trường ca của tôi.

Thành viên của hội Caveau thấy tác phẩm hơi quá dài và xúi tôi giản lược thành một hai khúc hát ngắn, thể loại chủ yếu của Pháp. Cậu học sinh trường Alfort, nhà vạn vật học uyên bác, lưu ý tôi là loài bọ rùa có cánh, điều đó tước mất mọi vẻ xác thực ở cốt truyện của tôi. Ferrouillat út đoán chắc đã đọc tất cả những điều ấy ở đâu đó rồi.

- Đừng có nghe họ - Jacques nói nhỏ với tôi - Đó là một kiệt tác.

Pierrotte thì anh chẳng nói gì; anh tỏ ra rất bận. Có lẽ, con người tử tế, ngồi cạnh con gái mình suốt lúc đọc, có lẽ cũng cảm thấy trong tay mình run rẩy một bàn tay nhỏ quá nhạy cảm hoặc bắt gặp thoáng qua một ánh mắt quá đen nồng cháy; phải chăng hôm đó - *đúng là dịp để mà nói* - Pierrotte luôn có một vẻ rất lạ lùng là suốt tối, anh cứ dán sát vào tấm khăn khoác cô tiểu thư của mình, đến nỗi tôi không thể nói một lời nào với đôi mắt đen, nên tôi rút rất sớm, chẳng muốn nghe một khúc hát nhỏ mới của thành viên hội Caveau: mà hẳn không bao giờ tha thứ cho tôi.

Hai ngày sau việc đọc đáng nhớ đó, tôi nhận được thư của cô Pierrotte: “Đến mau, cha em biết cả rồi”.

Và ở dưới, đôi mắt đen thân mến của tôi đã ký: “Em yêu anh”.

Tôi hơi lúng lúng, tôi xin thú thực vì cái tin lớn lao đó. Từ hai ngày nay, tôi chạy các nhà xuất bản với cái bản thảo, nên tôi chú tâm đến đôi mắt đen không bằng bài trường ca của mình. Rồi ý nghĩ về một sự cắt nghĩa với cái anh chàng to lớn Pierrotte vùng Cévennes kia không hợp với tôi lắm... Vậy nên, mặc dù lời đôi mắt đen gọi gấp, tôi vẫn ỳ ra một thời gian không quay lại đằng ấy mà tự nhủ với chính mình để trấn tĩnh về những ý định của mình: “Khi nào ta bán được bản trường ca của mình.” Chẳng may, tôi không bán được nó.

Vào thời đó, - Tôi chẳng biết là liệu ngày hôm nay cũng vẫn thế không, các ông nhà xuất bản là những người rất hiền lành, lịch sự, hào hiệp, cởi mở, nhưng, họ có một thiếu sót chính: Người ta không bao giờ thấy họ ở nhà. Cũng như một số ngôi sao quá nhỏ, chỉ hiện lên ở những chiếc kính lớn của đài Thiên văn, đối với quần chúng, các vị ấy không phải là dễ thấy.

Bất cứ lúc nào bạn đến, người ta cứ bảo bạn là đến nữa...Trời! Tôi đã chạy biết bao chốn ấy, tôi đã quay biết bao núp cửa lợp kính, tôi đã dùng biết bao lần trước những quây sách, lòng

hồi hộp mà tự hỏi: “Ta vào chẳng, hay là không vào?” Bên trong, ấm áp, ở đó bốc lên mùi sách mới. Có đầy những con người nhỏ bé đầu hói, rất bận rộn, trả lời bạn từ đằng sau một quầy tít trên cao một chiếc cầu thang đôi. Còn ông xuất bản thì không thấy đâu cả... Mỗi buổi tối, tôi trở về nhà, buồn, mệt, bức.

- Can đảm lên! - Jacques bảo tôi - Em sẽ gặp may, hơn ngày mai.

Và hôm sau, tôi lại ra trận, được trang bị bằng bản thảo của mình! Càng ngày tôi càng cảm thấy nó trở nên nặng hơn, bất tiện hơn. Trước hết tôi cặp nó dưới cánh tay, tự hào như một chiếc ô mới; nhưng, cuối cùng tôi xấu hổ vì nó và tôi để nó vào trong ngực, với chiếc áo lễ cài khuy cẩn thận lên trên.

Tám ngày trôi qua như vậy. Đến ngày chủ nhật. Theo thói quen, Jacques đi ăn chiều ở nhà Pierrotte; nhưng, anh đến đó một mình. Tôi khá mệt mỏi về cuộc săn đuổi những ngôi sao khó thấy, nên tôi cứ nằm suốt ngày... Buổi tối, khi trở về, anh đến ngồi ở mép giường tôi và mắng nhẹ tôi:

- Nghe này, Daniel! Em rất sai là không lại đằng ấy. Đôi mắt đen khóc, đau buồn; chúng đến chết vì không gặp em mất... Chúng ta đã nói về em suốt tối... Ôi! Đồ bất lương, cô ấy yêu em biết bao nhiêu?

Khi nói điều đó, “mẹ Jacques” khốn khổ rung rung nước mắt.

- Còn Pierrotte? - Tôi bẽn lễn hỏi - Pierrotte, anh ấy bảo sao?...

- Chẳng bảo gì... Anh ấy chỉ tỏ ra rất sùng sốt vì không thấy em... Phải đi đến đó, Daniel của anh ạ; em sẽ đi, có phải không?

- Ngay ngày mai, Jacques ạ; em hứa với anh.

Trong khi chúng ta nói chuyện, Coucou-Blanc vừa mới về nhà, đang bắt đầu cái bài hát vô tận của mình... Tolocototignan!Tolocototignan!...

Jacques cất tiếng cười:

- Em không biết chứ - Anh hạ giọng nói với tôi - Đôi mắt đen ghen với cô hàng xóm của chúng ta. Chúng tưởng cô ta là tình địch của chúng... Anh đã nói mãi sự thể ra sao, người ta chẳng muốn nghe anh...

- Đôi mắt đen ghen với Coucou-Blanc? Thật là nực cười, phải không?

Tôi giả vờ cười như anh; nhưng trong lòng mình, tôi những xấu hổ khi nghĩ rằng đúng là lỗi ở mình nếu đôi mắt đen lại ghen với Coucou-Blanc.

Hôm sau, vào buổi trưa, tôi đi theo lối đến Saumon. Tôi đã muốn lên thẳng tầng bốn và nói chuyện với đôi mắt đen trước khi gặp Pierrotte; nhưng anh chàng Cévennes rình tôi ở cổng lối đi, nên tôi không thể tránh anh. Phải vào trong cửa hàng và ngồi bên cạnh anh, đằng sau cái quầy. Thỉnh thoảng, một điệu sáo nhỏ kín đáo đến với chúng tôi từ đằng sau cửa hàng.

- Ông Daniel ạ! - Anh chàng Cévennes nói với tôi bằng một lối nói tin chắc và cách diễn đạt lưu loát mà tôi chưa từng biết ở anh - Điều tôi muốn biết ở ông thì rất đơn giản và tôi không vòng vo làm gì. Đúng là lúc để mà nói thật... con bé yêu ông vì tình. Còn ông, ông có thật sự yêu nó không?

- Hết lòng mình, ông Pierrotte ạ.

- Thế thì ổn cả. Đây là điều tôi cần đề nghị với ông... ông còn quá trẻ và con bé cũng vậy để mà cưới nhau trong vòng ba năm. Vậy là trước mắt ông có ba năm để làm nên một chỗ đứng. Tôi không biết liệu ông có định cứ ở mãi trong cái việc buôn bán những con bướm xanh không; nhưng, tôi rất biết những gì mình sẽ làm ở địa vị ông...Thật đúng là dịp để mà nói, tôi sẽ để đây những chuyện vặt, tôi sẽ bước vào ngôi nhà cũ Lalouette, tôi sẽ theo sát cái nếp nhỏ nhỏ của nghề sành sứ và tôi sẽ thu xếp để, trong ba năm, Pierrotte già đi, có thể tìm thấy ở mình một người chung sức như là một chàng rể. Hử? Ông thấy điều đó thế nào, chú mình?

Nói đến đó, Pierrotte hích mạnh cho tôi một cái và cất tiếng cười, nhưng để mà cười... Hẳn là anh nghĩ rằng khiến tôi vui ngất, con người tội nghiệp ấy, khi bảo tôi bán đồ sứ bên cạnh anh. Tôi không có can đảm mà giận cũng chẳng có can đảm mà trả lời; tôi bị đo ván...

Những cái đĩa, những cái cốc vẽ hình, những cái bầu đèn trắng nuốt, tất cả nhảy múa xung quanh tôi. Trên một cái giá, trước mặt quầy hàng, các cô cậu chần chiến bằng sứ mộc màu nhạt nhìn tôi bằng một vẻ ranh mãnh và dường như nói với tôi khi huơ những chiếc gậy của họ: “Cậu sẽ bán đồ sứ!”. Xa hơn một chút, những tượng sứ Tàu mặc áo màu tím lắc lư những cái đầu đáng kính của họ, như để xác nhận điều những chàng chần cừu nói: “Phải... phải... Cậu sẽ bán đồ sứ!...” Còn ở kia, trong tận cùng, cây sáo chầm biếm và xảo trá đang khê thoĩ: “Cậu sẽ bán đồ sứ... Cậu sẽ bán đồ sứ...” cứ loạn cả lên.

Pierrotte cho là sự xúc động và niềm vui đã khiến tôi ghen lòi.

- Tối nay, chúng ta sẽ nói chuyện ấy - Anh bảo tôi để tuý tôi hoãn lại - Bây giờ thì hãy lên với con bé đi... Thật đúng là dịp để mà nói... hơn nó phải thấy thời gian là dài.

Tôi lên với con bé mà tôi thấy ngồi trong căn phòng khách màu vàng chanh đang thêu những chiếc giày vải muôn thuở cùng với cái bà lẩm tài... Mong Camine thân mến tha thứ cho tôi. Chẳng bao giờ tôi thấy cô Pierrotte như hôm ấy; chẳng bao giờ cái cách lặng lẽ rút kim và cao giọng đếm mũi thêu lại khiến tôi bức đến thế. Với những ngón tay nhỏ màu đỏ, cái má tươi rói, dáng điệu bình thản, cô giống như một trong những cô gái chần chiến bằng sứ mộc pha màu vừa mới kê với tôi một cách khá xác xược: “Cậu sẽ bán đồ sứ!”. May mà đôi mắt đen đang ở kia, cả chúng nữa cũng hơi mờ, hơi buồn, nhưng vui vẻ một cách khá ngây thơ khi gặp lại tôi, nên tôi cảm thấy rất xúc động. Điều đó chẳng kéo dài được lâu. Hầu như theo gót tôi, Pierrotte bước vào. Chắc rằng anh cũng chẳng còn tín nhiệm cái bà lẩm tài nữa.

Kể từ lúc đó, đôi mắt đen biến mất và trên khắp chiến tuyến, đồ sứ chiến thắng, Pierrotte rất vui vẻ, rất bẻm mép, không thể chịu nổi những câu “thật là đúng dịp để mà nói” mưa mau hạt hơn mưa rào. Bữa ăn chiều ồn ào, quá kéo dài...

Khi ra khỏi bàn ăn, Pierrotte kéo tôi ra riêng một chỗ để nhắc tôi về đề nghị của mình. Tôi đã có thì giờ để trì hoãn và tôi bảo với anh khá bình tĩnh là câu chuyện đòi hỏi suy nghĩ và tôi sẽ trả lời anh trong vòng một tháng.

Anh chàng Cévennes chắc rất lấy làm la về việc tôi thiếu vội vã chấp nhận những lời anh dạm, nhưng anh có tác phong tốt là chẳng để lộ cái gì.

- Thôi được - Anh bảo tôi - Một tháng nữa nhé.

Thế là chẳng còn vấn đề gì nữa... Mặc kệ! Mục đích đã đạt. Suốt buổi tối, cái câu thê thảm và khó tránh “Cậu sẽ bán đồ sứ” vang lên bên tai tôi. Tôi nghe thấy nó trong tiếng gặm đường của cái đầu chim vừa mới bước vào cùng với bà Lalouette và ngồi xuống góc chiếc bàn, tôi nghe thấy nó trong những tiếng ngân của người chơi sáo, trong giấc mộng của Rosellen mà cô Pierrotte không quên chơi; tôi đọc được nó trong những cử chỉ của tất cả những con rối thị dân để trong kiểu cắt quần áo của họ, trong hình vẽ của thảm dệt, trong lối phúng dụ của chiếc đồng hồ quả lắc, - Thần Vệ Nữ hái một bông hồng từ đó bay lên một thần Tình yêu ([70]) bị tróc lớp mạ vàng, - Trong dáng dấp đồ đạc, trong những chi tiết nhỏ mọn của cái phòng khách màu vàng chanh khủng khiếp này, nơi tối tối cũng những con người ấy nói cùng những chuyện ấy, nơi tối tối cũng chiếc đàn ấy chơi cùng một bản giấc mơ ấy và vẻ đồng bộ của tất cả các buổi tối làm cho giống một bức tranh có nhạc vậy. Căn phòng khách màu vàng chanh là một bức tranh có nhạc?... Vậy thì mi ẩn ở đâu, hỡi đôi mắt đen.

Khi từ buổi tối buồn chán ấy trở về, tôi kể cho “mẹ Jacques” tôi những dự định của Pierrotte, anh còn bất bình hơn tôi:

- Daniel Eyssette mà đi bán đồ sứ!... Chà, anh ham điều đó lắm đấy!

Anh chàng tử tế, đỏ gay vì giận dữ, nói. Cứ như thể người ta đề nghị Lamartine bán những hộp diêm hoặc Sainte- Beuve ([71]) đi giao lẻ những cái chổi lông nhỏ - Pierrotte già nua, lẩm cẩm, thôi đi!... Dù sao, cũng không được giận anh ấy; anh ấy không biết, con người tội nghiệp ấy. Khi nào anh thấy cuốn sách của em thành công và các báo đầy những tên em, anh ấy sẽ đổi giọng cho mà xem.

- Hẳn rồi, Jacques ạ; nhưng, để cho báo chí nói về em thì quyển sách của em phải ra mắt mà em biết rõ là nó sẽ không ra... Tại sao?... Anh thân mến ạ, vì em không thể bắt được một nhà

xuất bản và những con người ấy chẳng bao giờ ở nhà tiếp những nhà thơ. Chính Baghavat vĩ đại cũng buộc phải in thơ của mình bằng vốn của mình nữa là.

- Vậy thì!...Chúng ta sẽ làm như ông ấy, Jacques vừa nói vừa đấm tay xuống bàn; chúng ta sẽ in bằng vốn của chúng ta.

Tôi sững sờ nhìn anh:

- Bằng vốn của chúng ta...

- Ừ, em bé ạ, bằng vốn của chúng ta...Đúng lúc đó, ông hầu tước cho in tập đầu tiên cuốn hồi ký của mình... Anh gặp người in của ông hàng ngày... Đó là một người xứ Alsace có cái mũi đỏ và cái vẻ hiền hậu. Anh tin là ông ta sẽ tạo điều kiện cho chúng ta... Đúng vậy! Chúng ta sẽ trả cho ông chừng nào tác phẩm của em bán ra... Nào. Thế là xuôi nhé; ngay ngày mai, anh sẽ đi gặp người của anh.

Tất nhiên ngày hôm sau, Jacques đi tìm nhà in và trở về mừng rỡ:

- Xong rồi - Anh nói với tôi bằng một vẻ đắc thắng - Ngày mai, người ta đưa sách của em đi in. Việc ấy tốn của chúng ta chín trăm quan, một chuyện vặt ấy mà. Anh sẽ làm những tờ bạc ba trăm quan, trả được cứ ba tháng một. Bây giờ, hãy theo dõi kỹ cách lập luận của anh. Chúng ta bán mỗi cuốn ba quan, chúng ta in ra một ngàn bản; vậy là cuốn sách của em phải đem lại cho chúng ta ba ngàn quan... Em nghe rõ anh nói chứ, ba ngàn quan. Khoản đó, chúng ta trả nhà in, thêm khoản bớt giá một quan mỗi bản cho nhà sách bán tác phẩm, thêm khoản gửi cho các nhà báo... Rõ ràng là chúng ta còn một khoản lãi một ngàn một trăm quan. Hử? Khởi đầu, như thế là được đấy chứ.

Thật là khá, tôi tin chắc thế!... Chẳng còn phải săn đuổi những ngôi sao khó thấy nữa, chẳng còn nhục nhĩ dừng lại ở cửa những nhà sách và trên hết là một ngàn một trăm quan dành để dựng lại tổ ấm... Vì vậy hôm đó, thật vui sướng biết bao trong cái gác chuông Nhà thờ Thánh Germain! Biết bao dự kiến, biết bao giấc mộng! Và rồi, những ngày tiếp sau biết bao niềm sung sướng nhỏ được nhấm nháp từng giọt một, đi đến nhà in, chữa bản in thử, tranh cãi về màu sắc bìa sách, thấy tờ giấy còn âm nguyên ra khỏi máy in có những ý nghĩ của bạn được in bên trên, chạy hai lần, ba lần đến nhà thợ đóng bìa, rồi cuối cùng, trở về với bản sách mà người ta vừa run vừa lấy đầu mấy ngón tay mở... Này! Phải chăng ở đời lại chẳng còn gì thú vị hơn?

Bạn hãy nghĩ là bản sách đầu tiên của vở *Hài kịch Đồng nội* tất nhiên trở về với đôi mắt đen. Ngày tối hôm đó, tôi mang đến cho chúng; đi kèm là “mẹ Jacques” muốn hưởng cái thắng lợi của tôi. Chúng tôi bước vào trong phòng khách màu vàng chanh, tự hào và vui sướng. Mọi người đang ở đó.

- Ông Pierrotte ạ - Tôi nói với anh chàng Cévennes - cho phép tôi tặng tác phẩm đầu tiên cho Camine nhé.

Rồi, tôi đặt tác phẩm của mình vào bàn tay nhỏ nhắn thân thiết đang run rẩy vì hài lòng.Ồ! Nếu bạn thấy được lời cảm ơn hay hay mà đôi mắt đen trao cho tôi và chúng mới rạng rỡ làm sao khi đọc tên tôi trên bìa sách. Pierrotte thì kém hào hứng hơn. Tôi nghe thấy anh hỏi Jacques một tác phẩm như vậy có thể đem lại cho tôi bao nhiêu:

- Một ngàn một trăm quan - Jacques trả lời một cách tin chắc.

Đến đó, họ bắt đầu thì thầm trò chuyện hồi lâu, nhưng tôi không nghe họ nói. Tôi cứ vui nhìn đôi mắt đen nhúu hàng mi lụa trên những trang sách của tôi và ngược chúng lên phía tôi một cách ngưỡng mộ... Cuốn sách của tôi! Đôi mắt đen! Hai niềm sung sướng mà nhờ có “mẹ Jacques” tôi mới có...

Tối hôm đó, trước khi trở về, chúng tôi đi lượn trong những hành lang của rạp Odéon([72]) để phán đoán về hiệu quả mà vở *Hài kịch Đồng nội* gây nên ở quầy những nhà sách.

- Hãy chờ anh - Jacques bảo tôi - Anh sẽ đi xem họ đã bán được bao nhiêu quyển nào.

Tôi vừa đi dạo ngang dọc chờ anh vừa liếc mắt lên vài bìa sách màu lục có chỉ đen bày ở giữa quầy hàng. Một lúc sau, Jacques bắt kịp tôi, anh tái mặt xúc động.

- Em thân mến ạ - Anh bảo tôi - người ta đã bán được một quyển. Đó là điềm lành...

Tôi lặng lẽ siết chặt tay anh. Tôi quá xúc động không nói nên lời; nhưng về phần mình, tôi tự nhủ: “Có một ai đó ở Paris vừa mới rút ba quan khỏi hầu bao của mình để mua cái sản phẩm của bộ óc mi, có ai đó đọc mi, xét đoán mi... Ai đó là người nào? Ta rất muốn biết người đó...” “Than ôi! Không may cho tôi, tôi sắp biết ngay hắn, cái ai đó khủng khiếp ấy”.

Hôm sau việc ra mắt tác phẩm của tôi, tôi đang ăn trưa ở cái bàn khách ăn thán bên cạnh nhà tư tưởng dữ tợn thì Jacques mệt đứt hơi, bổ vào trong phòng:

- Một tin tày đình! - Anh vừa bảo tôi vừa kéo tôi ra ngoài - Chiều nay, lúc bảy giờ, anh sẽ đi với ông hầu tước... Các anh đi đến Nice thăm bà chị ông ấy đang hấp hối... Có lẽ, anh sẽ ở đó lâu. Em khỏi lo về cuộc sống của mình... ông hầu tước tăng gấp đôi lương cho anh. Anh có thể gửi cho em mỗi tháng một trăm quan... Em thấy thế nào? Em tái mét đi kìa. Nào. Daniel, chẳng phải chuyện trẻ con đâu. Em hãy vào trong ấy, ăn nốt bữa và uống nửa chai Bordeaux để tạo cho mình can đảm. Anh thì anh chạy đi từ biệt Pierrotte. báo trước cho nhà in, bảo đem các bản sách cho nhà báo... Anh chẳng còn phút nào cả... Năm giờ gặp nhau ở nhà.

Tôi thấy anh rảo bước đi xuống phố Thánh Benoit. Rồi tôi trở vào quán ăn; nhưng, tôi không thể ăn uống gì được và đó là nhà tư tưởng đã uống nửa chai Bordeaux. Ý nghĩ là trong vài giờ nữa, “bà mẹ Jacques” của tôi sẽ đi xa khiến lòng tôi thất lại.

Tôi cứ nghĩ hoài đến cuốn sách của mình, đến đôi mắt đen, chẳng gì có thể làm tôi khuây khoả cái ý nghĩ là Jacques sắp ra đi và tôi sẽ ở lại một mình, hoàn toàn một mình ở Paris, làm chủ lấy mình và chịu trách nhiệm về tất cả hành vi của mình.

Anh gặp lại tôi vào giờ đã nói. Dù cho chính mình rất xúc động, cho đến lúc cuối, anh vẫn giả vờ vui mừng khôn xiết.

Cũng cho đến phút cuối anh biểu lộ với tôi cái hào hiệp của lòng mình và vẻ nồng nàn đáng phục mà anh giành để yêu tôi. Anh chỉ nghĩ đến tôi, đến sự thoải mái, đến cuộc sống của tôi.

Lấy cơ sắp hòm cho mình, anh xem xét mừng mản, quần áo của tôi:

- Áo của em trong góc này, em thấy không, Daniel... khăn tay ở bên cạnh đằng sau những cái cravat.

Giữa lúc tôi bảo anh:

- Đó không phải là hòm của anh mà anh soạn, Jacques ạ, đó là cái tủ của em...

Tủ và hòm; khi tất cả đã sẵn sàng, người ta bảo đi tìm một chiếc xe và chúng tôi đi ra ga. Trên đường, Jacques dặn dò tôi.

Có đủ các loại điều: Viết thư cho anh luôn nhé. Tất cả những bài báo sẽ đăng về tác phẩm của em, hãy gửi cho anh, nhất là bài của Gustave Planche ([73]). Anh sẽ làm một quyển vở bìa cứng, rồi anh dán tất cả chúng vào. Đó sẽ là cuốn sổ vàng của gia đình Eyssette. À, em nên biết bà thợ giặt đến vào thứ ba... Nhất là em đừng để mình bị loá mắt vì thành công... Rõ ràng em sẽ còn một thành công rất lớn và những thành công ở Paris, thật là rất nguy hiểm. May mà Camine sẽ có mặt ở đó để giữ gìn em khỏi bị cám dỗ... Trên hết mọi chuyện Daniel của anh ạ, điều anh đòi hỏi em là đi đến đảng ấy luôn và đừng làm đôi mắt đen phải khóc.

Vào lúc này, chúng tôi đi qua trước Vườn Bách thảo.

Jacques phá lên cười.

- Em có nhớ, anh bảo tôi, một đêm, chúng mình đã qua đây bốn hay năm tháng rồi nhỉ?... Hử!... Thật là khác nhau giữa Daniel lúc ấy và Daniel ngày nay... Ôi! Em thật là tấn tới nhiều trong bốn tháng ấy!...

Đó là vì thực sự anh tin điều đó, Jacques tử tế của tôi, là tôi đã tấn tới nhiều, và cả tôi nữa, kẻ khờ khạo khốn khổ, tôi đã bị thuyết phục.

Chúng tôi đến nhà ga. Ông hầu tước đã ở đó rồi. Từ xa, tôi thấy con người nhỏ bé lạ lùng đó, với cái đầu nhím màu trắng, nhảy ngang nhảy dọc trong một phòng đợi.

- Mau, mau. Xin chào! - Jacques bảo tôi.

Rồi, ôm lấy đầu tôi trong những bàn tay to của mình, anh hôn tôi ba bốn lần cật lực, sau đó

chạy đi gập tên đao phủ của mình.

Khi anh khuất bóng, tôi thấy một cảm nghĩ đặc biệt. Bỗng, tôi thấy mình bé hơn, yếu hơn, rụt rè hơn, con trẻ hơn như thể anh tôi, khi bỏ đi, đã đem mất chất tuỷ của xương tôi, sức lực lòng táo tợn và một nửa tầm vóc tôi. Đám đông vây quanh mình khiến tôi sợ. Tôi lại trở về chú bé Chose...

Trời đổ tối. Chậm chạp, bằng con đường dài nhất, bằng những bến tàu vắng vẻ nhất, chú Nhóc trở về cái tháp chuông của mình. Ý nghĩ thấy mình trong căn phòng trống ấy khiến cậu buồn khủng khiếp. Chú những muốn ở lại bên ngoài cho đến sáng. Dù vậy, phải trở về.

Khi đi qua trước cái chòi, người canh cửa kêu lên với chú:

- Ông Eyssette, có cái thư này!...

Đó là một tấm thiệp nhỏ, trang nhã, thơm phức, bóng láng; nét chữ đàn bà mảnh mai hơn, yếu điệu hơn là của đôi mắt đen... cái đó có thể là của ai vậy?... Tôi nhanh nhẹn phá dấu niêm phong và đọc trong cầu thang dưới ánh đèn khi:

“Gửi ông hàng xóm của tôi.

Từ ngày hôm qua, vở *Hài kịch đồng nội* đã ở trên bàn của tôi; nhưng, vở đó còn thiếu một lời đề tặng.. Tối nay, ông đến dùng một tách trà mà đề vào thì quý hoá quá... ông biết đấy!

Chuyện nghệ sĩ chúng ta mà.

IRMA BOREL.

Còn ở dưới nữa:

Phu nhân tặng một!...

Khi chú Nhóc đọc chữ ký này, khắp người chú run lấy bầy. Chú thấy lại bà, như một buổi sáng, bà đã hiện ra với chú khi xuống thang trong một cơn lốc nhung lụa, đẹp dễ, lạnh lẽo, đường bệ, với cái sọc nhỏ màu trắng ở khoé mép. Và cứ nghĩ là một người đàn bà như vậy đã mua tác phẩm của mình, con tim chú rộn lên và kiêu hãnh.

Chú đứng đó một lúc, trong cầu thang, tay cầm lá thư, tự hỏi xem nên lên trên nhà hay dừng lại ở tầng một; rồi bỗng lời dặn của Jacques trở lại tâm trí chú: “Daniel ạ, nhất là đừng làm cho đôi mắt đen phải khóc Một dự cảm kín đáo báo cho chú biết là nếu chú đến nhà phu nhân tặng một thì đôi mắt đen sẽ khóc và Jacques sẽ đau lòng. Thế là chú kiên quyết bỏ lá thư vào túi mình, chú bé Chose ấy, và chú tự nhủ: “Ta không đi nữa.”

IRMA BOREL

Chính Coucou-Blanc đến mở cửa cho chú. - Vì năm phút sau khi đã xét mình sẽ không đi thì tôi cũng cần phải nói với bạn chứ? Chú Nhóc huênh hoang kéo chuông ở nhà Irma Borel.- Khi nhìn thấy cậu, cô da đen khổng khiếp nhả một nụ cười yêu tinh lúc vui tính và ra hiệu cho cậu: “Lại đây!” Bằng cái bàn tay bóng và đen. Sau khi đã qua hai ba phòng khách rất trắng lẹ, họ dừng lại trước một cánh cửa nhỏ bí hiểm mà qua đó người ta nghe thấy - đến ba phần tư bị nghẹt đi vì chiều dày của những thảm treo tường - những tiếng kêu khàn, tiếng nức nở, lời nguyên rủa, tiếng cười sằng sặc. Cô da đen đập cửa và chẳng đợi người ta trả lời, cứ dẫn chú Nhóc vào.

Một mình trong một phòng khách nữ sang trọng màu hoa cà bọc lụa và tràn trề ánh sáng, Irma Borel vừa xoay bước vừa ngâm thơ. Một chiếc áo choàng mặc nhà rộng màu xanh da trời phủ đăng ten bay phất phơ xung quanh bà như một đám mây.

Một trong những ống tay áo choàng xắn lên đến tận vai để lộ cánh tay trắng ngần một vẻ tinh khiết vô song, đang vung lên giả làm dao găm - Một con dao xén giấy bằng xà cừ. Bàn tay kia, lút trong đăng ten, cầm một cuốn sách để mở...

Chú Nhóc dừng lại, mắt loá. Chưa bao giờ, chú thấy phu nhân tăng một lại đẹp đến thế. Trước hết, bà đỡ xanh hơn lần đầu họ gặp nhau. Ngược lại tươi tắn và hồng hào, nhưng một màu hồng hơi mờ. hôm ấy bà có vẻ một bông hoa hạnh đẹp, còn vết sẹo màu trắng nhỏ ở khoé miệng thì dường như càng trắng thêm. Sau đến mái tóc mà lần đầu cậu chưa thể nhìn thấy còn tôn bà thêm đẹp, khi làm dịu bớt cái mà khuôn mặt có một chút gì là kiêu và gần như cứng nhắc, đó là mái tóc màu vàng hoe, một màu vàng xám tro, màu vàng thuốc súng và chúng thật tinh tế như có một đám mù bằng vàng xung quanh đầu bà vậy.

Khi bà thấy chú Nhóc, bà phu nhân dừng phắt việc ngâm nga. Bà ném lên chiếc ghế dài đằng sau mình con dao bằng xà cừ và quyển sách, thu về bằng một cử chỉ đáng quý cái ống tay của chiếc áo choàng và đến chìa bàn tay một cách sỗ sàng cho khách. - Xin chào ông hàng xóm! - Bà vừa nói với chú vừa tử tế mỉm cười - ông bắt gặp tôi giữa những nỗi kinh hoàng bí thảm! Tôi đang đọc bài Clytemnestre([74])... Thật là xúc động, có phải không?

Bà bảo chú ngồi trên chiếc ghế dài bên cạnh mình và câu chuyện bắt đầu.

- Bà chuyên chú về nghệ thuật kịch à, thưa bà?

Cậu không dám nói “thưa bà hàng xóm”.

- Ô! Ông biết đấy, một ý ngông thôi... vì tôi đã chuyên chú về điêu khắc và âm nhạc... Tuy vậy, lần này thì tôi tin là mình thật sự bị say mê... Tôi sắp vào nghề ở đoàn Kịch nghệ Pháp...

Vào lúc đó một con chim lớn có mào lông màu vàng bay đến với một tiếng đập cánh lớn đập xuống cái đầu xoắn của chú Nhóc.

- Xin đừng sợ - Người đàn bà vừa nói vừa cười về cái vẻ sợ sệt của chú - Đó là con vẹt mào của tôi... một con vật gan dạ mà tôi đã đem về từ đảo Marquises.

Bà tóm lấy con chim, vuốt ve nó, nói với nó hai ba tiếng Tây Ban Nha và đưa nó về một cái dàn đầu mạ vàng ở đầu kia phòng khách... Chú bé Chose mở to mắt. Cô da đen, con vẹt, đoàn Kịch Pháp, quần đảo Marquises...

“Thật là một người đàn bà lạ lùng!” Cậu ngưỡng mộ tự nhủ.

Người đàn bà trở lại ngồi bên cạnh cậu và câu chuyện tiếp tục. *Vở Hài kịch đồng nội* trước hết là tất cả đầu đề câu chuyện.

Người đàn bà đã đọc đi đọc lại nhiều lần từ hôm qua; bà còn thuộc lòng những câu thơ và say sưa ngâm nga chúng. Chưa bao giờ lòng kiêu hãnh của chú Nhóc lại thấy vui vẻ cho bằng.

Người ta muốn biết tuổi chú, quê hương chú, chú sinh sống ra sao, chú có tấn tới ở đời, chú có si tình... Với tất cả những câu hỏi đó, chú trả lời bằng cái vẻ thân thành rất mực; đến nỗi sau một tiếng đồng hồ, phu nhân tặng một hiểu thấu đáo về “mẹ Jacques”, lai lịch của nhà Eyssette và cái tổ ấm khốn khổ mà những đứa con đã thề phải dựng lại. Không một lời về cô Pierrotte. Chỉ nói đến một cô gái thuộc giới thượng lưu yêu chết mê chú Nhóc và một người cha thô lỗ - Tội nghiệp Pierrotte! - Đã đủ cản trở nỗi đam mê của họ.

Giữa những niềm tâm sự ấy, có ai bước vào phòng khách.

Đó là một ông già điêu khắc có bộ tóc dày trắng bạc đã dạy cho phu nhân những bài học thời kỳ bà nặn tượng.

- Tôi xin cựa - ông vừa hạ giọng nói với bà vừa nhìn chú bé Chose bằng một con mắt đầy ranh ma - Tôi xin cựa đó là thợ san hô ở Napoli của bà.

- Rất đúng - Bà vừa nói vừa cười.

Và quay về phía người thợ san hô dường như rất sững sốt nghe chỉ tên như vậy:

- Ông không nhớ - Bà bảo ông ta - Một buổi sáng mà chúng ta gặp nhau ư?... Ông đang đi, cổ trần, ngực phanh, tóc rối bù, tay cầm chiếc vò bằng sành... Tôi cho là gặp lại một trong những người mò san hô nhỏ bé mà người ta gặp trong vịnh Napoli... Còn buổi chiều, tôi nói điều đó với các bạn; lúc đó chúng tôi lại không ngờ là người thợ san hô nhỏ bé lại là một nhà thơ lớn và trong cái hũ sành, có vở *Hài kịch đồng nội*.

Tôi xin hỏi bạn liệu chú bé Chose có vui mừng đồng tình xử sự một cách khâm phục kính cẩn chăng. Trong khi cậu cúi xuống và mỉm cười với một vẻ khiêm tốn thì Coucou-Blanc lại dẫn vào một vị khách mới, chẳng ai khác là Baghavat vĩ đại, nhà thơ Ấn Độ của cái bàn khách ăn tháng. Khi vào Baghavat đi thẳng đến người đàn bà và chìa cho bà một quyển sách có bìa màu lục. Tôi đem đến những con bướm của bà đây - ông ta nói - Thật là một thứ văn chương nực cười...

Một cử chỉ của bà khiến ông dừng phắt. Ông hiểu là tác giả đang ở kia và nhìn bên cạnh mình với một nụ cười gượng.

Có một lúc im lặng và ngượng ngịu mà việc một nhân vật thứ ba đến làm phân tán đúng lúc. Ông này là giáo sư ngâm thơ; một người gù nhỏ bé góm ghieếc, mặt nhợt nhạt, độn tóc đỏ hung, nụ cười răng mọc thếch. Hình như là nếu không có cái bướu thì ông gù đó đã là diễn viên hài kịch lớn nhất thời đại mình, nhưng, sự tàn tật không cho phép ông lên sân diễn, ông tự an ủi bằng cách dạy học sinh và nói xấu tất cả những diễn viên cùng thời.

Ngay khi ông hiện ra, người đàn bà đã kêu với ông:

- Ông đã thấy mục Do Thái chưa? Tối nay mục đã tiến hành thế nào?

Mục Do Thái, đó là nữ diễn viên bi kịch Rachel vĩ đại, lúc đó đang độ đẹp nhất của vinh quang.

- Mục ta tiến hành ngày càng tồi... - ông giáo sư vừa nói vừa nhún vai - Đứa con gái ấy chẳng có gì cả... Đó là một con sếu, một con sếu thực sự.

- Một con sếu thực sự - Người học trò nói thêm.

Và sau bà, hai người kia nhắc lại một cách tin chắc:

- Một con sếu thực sự...

Một lúc sau, người ta bảo bà đọc một cái gì đó.

Không làm ra vẻ mời, bà đứng dậy cầm lấy con dao rọc giấy bằng xà cừ, xắn ống tay áo choàng lên và bắt đầu ngâm nga.

Hay hoặc dở? Chú Nhóc bắt buộc phải nói lên điều đó. Loá mắt vì cánh tay trắng muốt đẹp đẽ kia, bị mời chài bởi bộ tóc vàng rực đang vung vẩy một cách hăng hái, chú nhìn mà chẳng nghe thấy gì. Khi bà ta ngâm xong, chú vỗ tay mạnh hơn ai hết và đến lượt mình tuyên bố Rachel chỉ là một con sếu - một con sếu thực sự.

Suốt đêm, chú mơ đến cánh tay trắng muốt và đám mây vàng rực. Rồi đến một ngày kia, khi chú muốn ngồi trước cái bàn thợ thợ, cánh tay thần còn đến kéo tay áo chú. Thế là, không thể gieo vãi, chẳng muốn ra ngoài, cậu bắt đầu viết thư cho Jacques và nói với anh về người đàn bà tầng một.

“Ôi! Bạn của em, thật là một người đàn bà! Bà ta biết tất cả. Bà ta đã soạn những bản Sonate, bà ta đã vẽ những bức tranh. Trên lò sưởi của bà, có một cô Colombine xinh đẹp bằng đất nung là tác phẩm của bà. Từ ba tháng nay, bà diễn bi kịch và bà đã diễn hay hơn cô Rachel nổi tiếng nhiều. - Nhất định cô Rachel kia dường như chỉ là một con sếu. - Cuối cùng thì, anh thân mến ạ, một người đàn bà như chưa bao giờ anh mơ thấy. Bà đã biết tất cả, bà đã ở khắp nơi. Bỗng bà bảo anh: “Khi tôi còn ở Saint-Pétersbourg...”, rồi một lát sau, bà cho anh biết là bà thích vùng biển Rio hơn là vùng Napoli. Bà có một con vẹt mà bà đem từ đảo Marquises về, một cô da đen mà bà mua khi đi qua Port-au-Prince. Mà việc ấy, anh đã biết cô ta, cô da đen, chính là cô hàng xóm Coucou-Blanc của chúng ta. Mặc dù cái vẻ dữ dằn, Coucou-Blanc là một cô gái tuyệt vời, lạnh lẽ, kín đáo tận tụy và bao giờ cũng chỉ nói bằng tục ngữ như chàng Sancho ([75]) tốt bụng vậy. Khi mọi người trong nhà hỏi gạn cô về bà chủ, xem bà có chồng, xem có một ông Borel ở đâu đó, xem bà có giàu như người ta nói không thì Coucou-Blanc trả lời theo thổ ngữ của mình: *Việc sự sự biết, việc vãi vãi hay* ([76]); hoặc nữa: *Có ở trong chăn mới biết chăn có rận* ([77]). Cứ như vậy, cô có đến cả trăm những kẻ khéo chuyện chẳng bao giờ thắng cô cả... à, anh có biết em gặp ai ở nhà bà tầng một không?... Nhà thơ Ấn Độ của hai cái bàn khách ăn tháng, chính Baghavat vĩ đại. Ông có vẻ rất si mê bà và làm cho bà những bài thơ hay trong đó ông ví bà lần lượt với một con kèn kèn, một bông sen hoặc một con trâu; nhưng, người đàn bà không coi trọng những sự tôn kính của ông. Vả lại, bà phải làm quen với chuyện ấy: Tất cả các nghệ sĩ đến nhà bà - và em xin cam đoan với anh là còn có cả những người nổi tiếng nhất - cũng mê bà.

“Bà lại rất đẹp, đẹp lạ đẹp lòng!... Thực ra, em cũng sợ cho lòng mình, nếu nhớ nó cũng si mê. May mà đôi mắt đen lại có mặt ở đó để mà ngăn em... Đôi mắt đen thân mến. Hôm nay, em sẽ đi dự tối vui với chúng và chúng em luôn nói về anh, “mẹ Jacques” của em ạ”.

Khi chú Nhóc viết xong bức thư đó thì người ta gõ nhẹ vào cửa. Đó là của Coucou-Blanc, phu nhân tầng một gửi cho chú lời mời đến Nhà hát Kịch Pháp xem con sếu trong khoang ghế của mình. Chú đã vui lòng nhận lời: nhưng lại nghĩ mình không có áo mặc, nên buộc phải từ chối. Điều đó khiến chú rất bức bối. “Đáng nhẽ Jacques đã cắt cho ta một chiếc áo - cậu tự nhủ. Thật là không thể thiếu được... Khi những bài báo ra mắt ta phải đi cảm ơn những nhà báo... Làm thế nào nếu ta không có áo?..” Buổi tối, chú đi đến lối đi Saumon; nhưng cuộc viếng thăm đã không làm cậu vui. Anh chàng Cévennes cười nhiều; cô Pierrotte thì nâu đậm. Đôi mắt đen thì ra hiệu cho chú hoài và nhẹ nhàng bảo chú: “Yêu em đi!” trong cái tiếng nói bí hiểm của những ngôi sao, kẻ bội bạc thì chẳng muốn nghe thấy gì cả.

Sau bữa ăn chiều, khi nhà Balouette tới, chú ngồi buồn ủ ê trong một góc và trong khi bức tranh âm nhạc chơi những điệu nhạc nhỏ của nó, chú hình dung Irma Borel chễm chệ trong một khoang ghế hở, cánh tay trắng muốt mân mê chiếc quạt, đám mây vàng rực lấp lánh dưới ánh sáng của căn phòng: “Ta sẽ xấu hổ làm sao, nếu bà thấy ta ở đây?” Chú nghĩ.

Nhiều ngày trôi qua, không có gì mới xảy ra. Không thấy Irma Borel có động tĩnh gì. Giữa tầng một và tầng năm, dường như những mối liên lạc bị gián đoạn. Đêm đêm, chú Nhóc ngồi vào bàn thợ nghe tiếng lẩn đục của cỗ xe của phu nhân, tiếng “Mở cửa nào!” của người đánh xe. Ngay cả chú không thể nghe mà không xúc động tiếng cô da đen bước lên nhà cô; nếu dám, chú đã đi hỏi tin tức về bà chủ cô rồi... Tuy vậy, mặc cho tất cả, đôi mắt đen vẫn làm chủ vị trí. Chú Nhóc trải qua những giờ phút đằng đẵng bên chúng. Phần thời gian còn lại, chú tự giam mình ở nhà để tìm những vần thơ trước sự sùng sốt rất mực của bọn sẽ đến xem chú từ tất cả những mái nhà quanh vùng, vì bọn sẽ của xứ Latinh cũng giống như người đàn bà lăm tài và hay nảy ra những ý nghĩ lạ lùng trên những tầng mái của sinh viên. Ngược lại những cái chuông của Nhà thờ Thánh Germain - những cái chuông khốn khổ dâng lên Thượng đế và cấm cung suốt đời chúng như những tu sĩ dòng Carmen - vui mừng thấy bạn chúng, chú Nhóc vẫn cứ ngồi trước bàn mình. Và để động viên chú, chúng cử âm nhạc âm lên.

Lúc đó, người ta nhận được tin tức của Jacques. Anh đã ở Nice và cho biết nhiều chi tiết về

chỗ ở của mình...

“Miền đất đẹp, Daniel của anh ạ, còn biển kia thì ở ngay dưới cửa sổ của anh sẽ gọi húng cho em! Anh thì chẳng hưởng được mấy; chưa bao giờ, anh đi ra ngoài... Suốt ngày, ông hầu tước đọc cho viết. Con người quá quý, thôi đi! Đôi khi, giữa hai câu văn, anh ngẩng đầu lên, anh thấy một cánh buồm nhỏ màu đỏ ở chân trời, rồi quay lập tức, mũi lại dán xuống giấy...”

Cô d’Hacqueville vẫn cứ ồm nặng..., anh nghe thấy cô ở phía trên đang ho mãi, ho mãi... Chính anh, vừa mới đến nơi anh đã bị cảm nặng không muốn dứt.

Xa hơn một chút, khi nói về *phu nhân tầng một*, Jacques bảo:

“ Nếu em tin anh thì em đừng trở lại nhà người đàn bà ấy nữa. Bà ta sẽ rất rắc rối cho em; và ngay cả, có cần phải nói với em không nhỉ? Anh đoán thấy bà là một kẻ giang hồ... Này! Hôm qua, anh thấy trong bến một chiếc thuyền hai buồm Hà Lan vừa mới làm một chuyến đi quanh thế giới và trở về với những cột buồm Nhật Bản, những cây gỗ Chili, một bộ đồ sắc sảo như một tấm bản đồ địa lý vậy... Này! Em thân mến, anh thấy là Irma Borel của em cũng giống như con thuyền ấy vậy.

Một con thuyền đã đi nhiều thì tốt, nhưng đối với một người đàn bà thì khác. Nói chung: những bà nào đã thăm ngằn ấy nước thì cũng để cho nhiều người khác thăm... Đừng tin, Daniel ạ! Đừng tin. Và nhất là anh xin em, đừng làm cho đôi mắt đen phải khóc đấy...”

Những câu cuối này đi thẳng vào lòng chú Nhóc. Tính kiên trì của Jacques lo lắng đến hạnh phúc của người đã không muốn yêu anh tỏ rõ anh thật đáng ngưỡng mộ. “Ồ! không! Jacques ạ, đừng có sợ, em sẽ không làm cho cô ấy khóc đâu.

Cậu tự nhủ và lập tức, cậu lấy quyết tâm chắc chắn là không trở lại nhà *phu nhân tầng một* nữa... Bạn hãy tin chú Nhóc về những quyết định chắc chắn của cậu.

Tối đó, khi chiếc xe trần bốn bánh lăn phía dưới cổng, chú chỉ hơi để ý. Bài hát của cô da đen cũng không còn khiến chú đáng trí nữa. Đó là một đêm tháng chín, bão bùng và nặng nề...

Chú đang làm việc, cửa hé mở. Bỗng, chú nghĩ là nghe thấy cầu thang gỗ dẫn đến phòng mình rảng rặc. Chẳng mấy chốc, cậu nghe rõ tiếng chân bước nhẹ và tiếng áo sột soạt. Có ai lên, đứng rồi... nhưng ai kia?...

Coucou-Blanc đã về từ lâu rồi... Có lẽ, phu nhân tầng một đến nói gì với Cô da đen của mình...

Nghĩ vậy, chú bé Chose cảm thấy con tim mình đập mạnh; nhưng chú vẫn có can đảm ngồi lại trước bàn mình... Những bước chân vẫn cứ tiến lại. Đến trên thềm nghỉ, người ta dừng lại. Có một lúc im lặng; rồi một tiếng gõ nhẹ vào cửa cô da đen mà cô không trả lời. “Bà ấy đấy”, chú tự nhủ mà không nhúc nhích khỏi chỗ.

Bỗng một thứ ánh sáng ngát hương lan toả trong phòng.

Tiếng cửa kêu, có ai bước vào.

Thế là, chú bé Chose, đầu không ngoảnh lại. run run hỏi:

- Ai đấy?

XI

TRÁI TIM BẰNG ĐƯỜNG

Thế là Jacques đi đã được hai tháng và vẫn chưa đến lúc quay về. Cô d’Hacqueville đã chết. Ông hầu tước, có viên thứ ký đi theo, đem cái tang đi khắp nước Ý mà chẳng một ngày nào ngơi

cái việc đọc viết khủng khiếp cuốn hồi ký của mình.

Jacques kiệt sức, chỉ vừa kiếm được đủ thời gian viết cho em mình vài dòng đề ở Roma, Napoli, Pisa, Palermo. Nhưng, nếu còn tem của những lá thư đó thay đổi luôn, thì văn bản của chúng không thay đổi mấy... “Em có làm việc không?... Đôi mắt đen có khoẻ không?... Bài nào của Gustave Planche đã đăng chưa?... Em có trở lại nhà Irma Borel không?” Với những câu hỏi ấy, bao giờ cũng thế, chú bé Chose cứ trả lời là mình làm việc nhiều, là việc bán sách rất chạy, đôi mắt đen cũng thế; là mình không gặp lại Irma Borel cũng như nghe nói đến Gustave Planche.

Có cái gì thật trong tất cả những điều đó?... Một lá thư mới nhất mà chú bé Chose viết vào một đêm say sưa và sôi sục sẽ cho ta biết về điều đó.

Ông Jacques Eyssette ở Pisa.

Tối chủ nhật, lúc mười giờ.

Jacques ạ, em đã dối anh. Từ hai tháng nay, em chỉ có dối anh. Em viết cho anh là em làm việc, mà hai tháng nay, tráp bút của em khô khốc. Em viết cho anh là sách bán chạy, mà hai tháng nay, người ta chẳng bán được bản sách nào cả. Em viết cho anh là em không gặp lại Irma Borel nữa, mà hai tháng nay, em không rời bà ta. Còn về đôi mắt đen, than ôi!... Ôi! Jacques, Jacques, tại sao em đã không nghe anh? Tại sao em đã trở lại nhà người đàn bà ấy? Anh thật có lý, đó là một mù giang hồ, chẳng có gì hơn. Lúc đầu, em cứ nghĩ mù ta tài trí. Thật không đúng, tất cả những gì mù nói về mù là từ ai đó. Mù không có đầu óc, không có lòng dạ, mù giáo quyết, mù trơ trẽn, mù độc ác. Trong một cơn giận, em đã thấy mù đánh cho cô da đen một trận như tử bằng roi ngựa, quăng cô xuống đất, lấy chân đạp cô. Với những điều đó, một người đàn bà đầy đà, chẳng tin cả trời đất lẫn quỷ thần, nhưng mù quá chấp nhận những lời đoán trước của những kẻ mộng du và bã cà phê. Còn về cái tài nữ diễn viên bi kịch của mù, dù cho mù có theo những bài học của một tay còi có bướu và sống suốt ngày ở nhà với những viên đàn hồi trong mồm, em tin chắc là chẳng có một nhà hát nào thiết đến. Trong cuộc sống riêng, chẳng hạn, đó là một nữ diễn viên hài kịch kiêu kỳ.

Em đã rơi vào nanh vuốt của con người ấy ra sao, em là người yêu thích biết bao cái gì là tốt đẹp và cái gì là giản dị, quả thực, em chẳng biết gì, Jacques khổn khổ của em ạ; nhưng, điều em có thể thề với anh, đó là em đã thoát khỏi tay mù và giờ đây, tất cả đã hết, hết và hết... Nếu anh biết, em thật là hèn và cái điều mù đã gây cho em!... Em đã kể với mù tất cả lai lịch của mình: Em đã nói về anh, về mẹ chúng ta, về đôi mắt đen.

Em xin nói với anh, thật là chết vì xấu hổ... Em đã đem hiến cho mù tất cả lòng mình, em đã trao cho mù tất cả cuộc đời mình; nhưng về cuộc đời của mù chẳng bao giờ mù muốn trao gì cho em cả. Em chẳng biết mù là ai, em chẳng biết mù ở đâu đến. Một hôm, em đã hỏi mù xem mù đã lấy chồng chưa, mù cất tiếng cười. Anh biết chứ, cái sẹo nhỏ mà mù có trên môi, đó là một nhát dao mà mù đã nhận ở nơi kia, quê mù, ở Cuba. Em đã muốn biết ai gây nên chuyện ấy. Mù đã trả lời em rất đơn giản: “Một tên Tây Ban Nha, tên là Pacheco” và chẳng hơn một lời nào. Thật là ngốc, phải không? Em thì làm sao biết được cái tên Pacheco đó? Có phải mù không cần cắt nghĩa cho em một vài điều? Một nhát dao, đó không phải là chuyện đương nhiên, quý quá thật? Nhưng kia... Những nghệ sĩ vây quanh đã tạo cho mù cái sự nổi tiếng của người đàn bà lạ lùng và mù trông vào cái tiếng tăm đó... Ôi! Anh thân mến, những nghệ sĩ ấy em ghê tởm họ. Nếu anh biết những con người kia, mãi miết sống với những bức tượng và những bức tranh, họ đi đến chỗ tin là ở đời, chỉ có những thứ đó. Họ luôn nói với bạn về hình dáng, đường nét, màu sắc, nghệ thuật Hy Lạp, về Parthénon ([78]), về những chỗ phẳng, chỗ chùm. Họ nhìn mũi bạn, cánh tay bạn, cằm bạn. Họ tìm xem bạn có một điển hình, dáng dấp, tính cách không; nhưng về cái gì đang đập trong lồng ngực bạn, về niềm mê say, về những giọt nước mắt, những nỗi lo sợ của ta, họ cũng chỉ bận tâm đến như một con dê chết vậy. Em thì những con người tốt bụng đó đã thấy là nét mặt em có tính cách nhưng thơ em thì chẳng có gì cả. Họ đã động viên em hay góm, thôi đi!

Lúc đầu trong mối quan hệ, người đàn bà ấy đã tưởng tán được một chú bé thần đồng, một nhà thơ lớn ở tầng hai - mù đã hạ thủ em với cái hàm mái của mình chẳng! - Về sau, khi cái hội của mù đã chứng tỏ cho mù biết rằng em chỉ là một thằng ngốc thì mù đã giữ em vì tính cách

qua vẻ mặt. Tính cách đó, phải nói với anh rằng, nó thay đổi tùy theo người. Một trong những họa sĩ của mẹ thấy em là điển hình người Ý, bảo em ngồi để vẽ một người thối sáo; một người khác thì vẽ một người Algérie bán hoa tím; một người khác nữa... Em biết sao? Em rất thường hay ngồi cho vẽ ở nhà mẹ và để làm vui lòng mẹ, em phải giữ suốt ngày quần áo sơn trên người mình và phụ vai trông phòng khách của mẹ bên cạnh con vẹt. Chúng em đã trải qua nhiều giờ như vậy, em thì làm người Thổ Nhĩ Kỳ, hút những cái tẩu dài trong một góc của cái ghế dài, mẹ thì ở đầu kia ghế, ngâm nga với những viên đàn hồi trong miệng và ngắt quãng thỉnh thoảng để bảo em:

- Ông thật là có một vẻ mặt có tính cách, Dani-Dan thân mến ạ!

Khi em làm người Thổ Nhĩ Kỳ, em tên là Dani-Dan; khi em làm người Ý là Danielo; chẳng bao giờ là Daniel cả...Vả lại, em được hân hạnh có mặt dưới hai loại đó ở Triển lãm hội họa sắp tới: Người ta sẽ thấy trên cuốn sổ: "Chàng thối sáo ở nhà bà Irma Borel." "Chàng dân quê, ở nhà bà Irma Borel". Và đó sẽ là em... xấu hổ làm sao! Em dừng một lúc, Jacques ạ... Em đi mở cửa sổ và hóp một ít không khí ban đêm. Em ngọt ngọt... Em chẳng nhìn thấy nữa.

Mười một giờ. Không khí có lợi cho em. Cứ để cửa sổ mở, em có thể tiếp tục viết cho anh. Trời mưa, tối mịt, chuông rung. Căn phòng này thật là buồn! Căn phòng nhỏ thân thiết! Trước đây, em thích nó; bây giờ, em chán ở đó. Chính nó đã làm em hư; mẹ đã đến đó luôn luôn. Anh hiểu chứ, mẹ đã tóm được em ở đó, trong ngôi nhà; thật là tiện. Ôi! Không còn là căn phòng làm việc nữa... Dù em có mặt ở nhà hay không, bà ta cứ vào mọi lúc và lục lọi khắp nơi. Một buổi tối, em thấy bà ta soát một ngăn kéo, nơi em đựng những gì là quý giá nhất đời: những lá thư của mẹ chúng ta, của anh, của đôi mắt đen, những thứ ấy ở trong một cái hộp mạ vàng mà hẳn anh phải biết. Lúc em bước vào, Irma Borel cầm chiếc hộp đó và sắp mở. Em chỉ còn kịp lao vào và giằng nó ra khỏi tay mẹ.

- Bà làm gì đấy?... Em bực mình kêu lên.

Mẹ làm ra vẻ bi thảm nhất:

- Tôi tôn trọng những lá thư của mẹ ông; nhưng những lá này thuộc về tôi, tôi muốn có chúng... Hãy trả lại tôi cái hộp này.

- Bà muốn làm gì chúng?

- Đọc những lá thư đựng trong đó...

- Không bao giờ! - Em bảo mẹ. Em chẳng biết gì về cuộc đời mẹ còn mẹ thì biết tất cả đời em.

- Ôi! Dani-Dan! (Đó là ngày làm người Thổ Nhĩ Kỳ) Ôi! Dani-Dan, lẽ nào ông trách tôi về điều đó? Ông đã chẳng vào nhà tôi khi nào ông muốn đó sao? Tất cả những ai đến nhà tôi, ông chẳng đã quen đấy thôi?

Cứ vừa nói và bằng cái giọng mơn trớn nhất, mẹ vừa cố đoạt lấy cái hộp của em.

- Thôi được! - Em bảo mẹ. vì phải thế - Tôi cho phép bà mở nó; nhưng. với điều kiện...

- Điều kiện gì?

- Bà hãy nói cho tôi biết cứ sáng sáng từ tám giờ đến mười giờ bà đi đâu.

Bà tái mét mặt và nhìn thẳng vào mắt em... Em chưa bao giờ nói với mẹ về điều đó. Tuy vậy không phải em không muốn. Việc cứ sáng sáng ra đi bí hiểm đó khiến em tò mò, khiến em áy náy cũng như cái se, cũng như cái tay Pacheco và cả cái cung cách sống lạ lùng ấy. Em cứ muốn biết, nhưng lại cũng sợ được biết. Em cảm tưởng trong đó có điều bí mật ô nhục gì đó khiến mình phải chạy xa... Tuy vậy, hôm đó, em dám nói điều ấy, như anh thấy đấy. Điều đó khiến mẹ sững sốt lắm. Mẹ ngập ngừng một lúc, rồi mẹ cố nói với em bằng một giọng đục:

- Hãy đưa cho tôi cái hộp, ông sẽ biết tất.

Thế là em đưa cho mẹ cái hộp; Jacques ạ. thật là bỉ ổi, phải không? Mẹ vừa mở vừa run lên vì thích thú và bắt đầu đọc tất cả những bức thư. - Có đến hai chục lá. - chậm chạp, khe khẽ, không nháy một dòng. Một chuyện tình tươi tắn và chân chất hình như khiến mẹ quan tâm lắm. Em đã kể nó cho mẹ, nhưng theo cách của em khiến mẹ tưởng đôi mắt đen là một cô gái cao sang nhất mà bố mẹ đã từ chối gả cho cậu bé tiện dân Daniel Eyssette kia: anh thừa biết cái tính

kiêu kỳ lạ lùng của em là thế.

Thỉnh thoảng mẹ ngừng đọc lại để nói:

- Này! Hay đấy nhỉ!

Hoặc giả:

- Ôi! ôi! Đối với một cô gái quý phái...

Rồi cứ càng đọc mẹ lại càng dí sát chúng vào ngọn nến và nhìn chúng cháy với một nụ cười dữ dằn... Còn em cứ để cho mẹ làm; em muốn biết cứ sáng sáng, mẹ đi đâu từ tám đến mười giờ...

Thế mà, trong những lá thư ấy, có một cái viết trên giấy của nhà Pierrotte, giấy có phần đầu với ba cái đĩa nhỏ màu lục ở trên và ở dưới là: Đồ sứ và pha lê Pierrotte, người nổi nghiệp Lalouette... Đôi mắt đen tội nghiệp! Hẳn là có một hôm, ở cửa hàng, chúng cảm thấy cần viết cho tôi và đối với chúng, cứ tờ giấy nào đến tay cũng là tốt... Anh thử nghĩ xem, thật là một phát kiến đối với nữ diễn viên bi kịch! Cho đến lúc đó, mẹ vẫn tin vào câu chuyện của em về một cô gái quý phái và về bố mẹ lãnh chúa hơn; nhưng, khi mẹ đọc đến lá thư đó, mẹ hiểu hết và phá lên cười to mà bỏ đi:

- Ra cô ấy là thế, cái cô quý tộc ấy, viên ngọc của vùng quý phái ấy... cô ấy lên là Pierrotte và bán đồ sứ ở lối đi Saumon... Ôi! Bây giờ tôi mới biết tại sao ông không muốn đưa cho tôi cái hộp.

Rồi mẹ cứ cười, cười mãi...

Anh thân mến, em không biết là điều gì choán lấy lòng mình nữa; sự xấu hổ, nỗi ghê tởm, cơn lốc giận... Em không hiểu gì nữa. Em xấn vào mẹ để giăng những bức thư ra. Mẹ sợ, lùi lại một bước, vướng vào đuôi áo, ngã và kêu to lên một tiếng. Con da đen khủng khiếp của mẹ từ phòng bên cạnh chạy ngay đến, mình trần, đen xì. góm guốc, xù xọc. Em muốn ngăn nó vào. nhưng bằng một cái tát của bàn tay to bóng nhẫy, nó ấn em vào tường và đứng trấn giữa chủ nó và em.

Mẹ kia, trong lúc đó, đã đứng dậy mà khóc hoặc làm ra vẻ như vậy. Vừa khóc mẹ vừa tiếp tục lục trong hộp:

- Mà không biết ư? - Mẹ bảo con da đen của mình - mà không biết tại sao hẳn muốn đánh ta ư?... Bởi vì tao đã tìm ra là cô tiểu thư quý phái của hẳn chẳng phải là quý phái gì cả mà là cô ả bán đĩa ở một lối đi...

- Trông mặt mà bắt hình dong chứ, bà già nói dưới dạng châm ngôn mà.

- Này nhìn xem - Mẹ diễn viên bi kịch nói - hãy nhìn những bằng chứng tình yêu mà con bé bán quán của hẳn cho hẳn này... Bốn sợi của chiếc búi tóc và một bó hoa tím đáng một xu. Đem đèn lại đây, Coucou-Blanc. Con da đen đưa cái đèn lại gần; những sợi tóc và hoa bốc cháy xèo xèo. Em cứ để cho làm, em đã bị quy.

- A! A? Cái gì thế này? Mẹ diễn viên tiếp tục vừa nói vừa mở tờ giấy lụa... Một chiếc răng ư?... Không! Nó có vẻ bằng đường... ừ, đúng rồi... thật là của ngọt phóng dụ... một trái tim nhỏ bằng đường.

Ôi! Một hôm, ở hội chợ Les Prés-Gervais, đôi mắt đen đã mua trái tim nhỏ bằng đường đó cho tôi mà nói: "Em tặng ông trái tim của em."

Con da đen nhìn nó bằng con mắt thèm thuồng.

- Mà muốn nó hử! Coucou... - Mẹ chủ kêu lên với nó - Vậy thì! Bắt lấy... - Rồi mẹ ném cho nó vào mồm như một con chó vậy... Có lẽ, thật là nực cười, nhưng khi em nghe thấy tiếng đường lốc cốc trong cái cổ của con da đen, em đã rùng mình từ đầu đến chân. Em thấy như đó chính là trái tim đôi mắt đen mà con quái da đen kia nghiêng ngấu khá vui vẻ vậy.

Có lẽ, Jacques khốn khổ của em ạ, anh nghĩ là sau chuyện đó, giữa chúng em, tất cả đã chấm dứt ư? Thế mà! Anh thân mến ạ, nếu ngày hôm sau cái màn kịch ấy mà anh vào nhà Irma Borel. hẳn anh đã thấy mẹ đang nhắc lại vai Hermione ([79]) với tên gù, còn trong một góc, trên một cái chiếu, bên cạnh con vệt: anh sẽ thấy một chàng Thổ Nhĩ Kỳ ngồi xồm, với một ống điều lớn

bằng ba người cậu ôm... Cậu thật là có vẻ mặt có tính toán, Dani-Dan của ta ạ.

Nhưng ít nhất anh còn nói gì nữa, với giá của nỗi ô nhục anh đã biết điều anh muốn biết và mục ta ra sao cứ mỗi sáng từ tám đến mười giờ đây. Phải Jacques ạ, em biết thế nhưng chỉ sáng nay, tiếp theo cái màn kịch khủng khiếp - chà, màn cuối cùng - mà em sắp kể anh nghe đây... Nhưng suýt!... Có ai lên đây. Nếu là mục, nếu mục còn đến bám riết em?... Đó là điều mục rất có thể làm, ngay cả sau khi có điều đã xảy ra. Hãy hượm đã!... Em sẽ đóng cửa hai lần khoá... Mục sẽ không vào được, đừng sợ...

Không được để mục vào.

Nửa đêm.

Không phải mục; đó là con da đen của mục. Điều đó cũng khiến em sửng sốt; em đã không nghe thấy tiếng xe của mục về. Coucou-Blanc vừa mới đi ngủ. Qua cái vách, em nghe thấy tiếng ông ọc của cái chai và điệp khúc khủng khiếp... Tolocototignan... Giờ thì nó đang ngáy; người ta sẽ bảo đó là quả lắc của chiếc đồng hồ lớn.

Thì đây, những mối tình buồn của chúng ta đã chấm dứt như thế nào?

Gần ba tuần nay, tên gù dạy mục học tuyên bố là mục đã già dặn cho những thành công lớn về kịch và hẳn muốn làm cho mục hiểu cũng như một vài học trò khác của mình.

Thế là mục diễn viên bị kịch của em mừng rỡ... Vì người ta không có sẵn nhà hát trong tay, người ta thoả thuận biến xưởng thợ của một trong những vị đó thành phòng diễn và gửi lời mời đến tất cả những giám đốc nhà hát Paris... Còn vở kịch lúc đầu, sau khi đã tranh cãi hồi lâu, người ta quyết định là Athalie([80]) Trong tất cả những vở của bảng tiết mục đó là vở mà học sinh của tên gù thuộc nhiều nhất. Người ta chỉ cần tổ chức vài sự ráp nối và diễn tập chung. Vậy, đi mà xem Athalie... Vì Irma Borel là phụ nhân quá lớn khỏi sợ phiền nên những buổi diễn tập được tiến hành ở nhà mục. Mỗi ngày, tên gù đưa học sinh của mình đến, bốn hoặc năm cô gái lớn gầy guộc, trình trọng, khoác những chiếc khăn casomia Pháp giá mười ba quan rưỡi cùng ba hoặc bốn gã khốn khổ với những chiếc áo bằng giấy bồi đen và những vẻ mặt của kẻ chết trôi... Người ta diễn tập suốt ngày, trừ từ tám đến mười giờ; vì mặc dù những việc sắp trước cho buổi trình diễn, những chuyện ra ngoài bí ẩn vẫn không thôi. Irma, tên gù, các học sinh, mọi người làm việc như điên. Suốt hai ngày người ta quên cho con vẹt ăn. Còn chàng Dani-Dan, người ta chẳng bận tâm đến cậu nữa... Tóm lại, mọi việc tiến triển tốt; cái xưởng được trang trí, ráp hát được dựng lên, quần áo sẵn sàng, lời mời đã xong. Thế là ba bốn ngày trước buổi diễn, bé Eliacin - Cô bé mười tuổi, cháu gái tên gù - lăn ra ốm...Làm thế nào? Tìm đâu ra một bé Eliacin một đứa trẻ có thể học vai mình trong ba ngày?... Rung rờ tất cả. Bỗng Irma Borel quay về phía tôi: "Về việc ấy, Dani-Dan, nếu ông đảm nhiệm cho?".

- Tôi ư? Bà đùa đấy à... Vào tuổi tôi?...

- Lẽ nào người ta bảo đó là một người lớn... Nhưng em ạ, em có vẻ mười lăm tuổi; lên sân khấu, ăn mặc, hoá trang, em sẽ ra mười hai... Vả lại vai diễn hoàn toàn thuộc về tính cách khuôn mặt em.

Bạn thân mến của em ạ, em đã vùng vẫy hoài công. Như mọi khi, phải chịu theo ý mục. Em hèn quá...

Buổi diễn tiến hành... Ôi! Nếu em có lòng nào mà cười thì em đã làm anh vui biết bao với câu chuyện của ngày hôm ấy...

Người ta đã trông vào các ông giám đốc trường Thế dục và nhà hát kịch Pháp; nhưng hình như ông này bận việc nơi khác, và chúng em phải bằng lòng một ông giám đốc ở ngoại ô, được dẫn đến vào phút cuối. Tóm lại, cái cảnh gia đình nhỏ ấy chẳng quá lệch lạc... Irma Borel rất được hoan nghênh... Em thì em thấy là cô Athalie Cuba ấy quá khoa trương, là mục thiếu biểu cảm và nói tiếng Pháp như một...con chim chích Tây Ban Nha vậy. Nhưng, úi chà, những bạn nghệ sĩ của mục không nhìn thật sát vào đó. Quần áo là xác thực, mắt cá chân thanh, cái cổ rất bổ... Đó là tất cả những gì họ cần. Còn em, tính cách của vẻ mặt cũng đáng cho em một thành công rất lớn, tuy vậy không lớn bằng thành công của Coucou-Blanc trong vai vú nuôi câm. Thật quả là vẻ mặt con da đen còn giàu tính cách hơn là vẻ mặt em. Cho nên, đến hồi năm, nó hiện

ra, tay nắm con vệt to - Anh chàng Thổ Nhĩ Kỳ, con da đen, con vệt của mẹ, mẹ diễn viên bị kịch đã muốn là chúng em có mặt tất cả trong vở kịch, - Và đảo những con mắt trắng to rất dữ tợn bằng một vẻ sừng sốt thì cả phòng rộn lên những tiếng hoan hô khủng khiếp.

- Thật là thành công!... - Athalie rạng rỡ nói.

Jacques!...Jacques!...Em nghe thấy tiếng xe mẹ về. Ôi!

Người đàn bà khốn nạn. Mẹ ở đâu mà về muộn thế? Vậy là cái buổi sáng khủng khiếp của chúng em, mẹ đã quên nó; em thì còn run sợ nó!

Cửa đã được đóng lại... Bây giờ, miễn sao mẹ không lên nữa! Anh có thấy không, xóm giềng với một người đàn bà mà người ta ghê tởm thì thật là đáng sợ.

Một giờ.

Buổi diễn mà em vừa kể lại với anh xảy ra đã ba hôm nay.

Trong những ngày đó, mẹ đã vui vẻ, hiền dịu, trù mẫn, yêu kiều. Mẹ chawrng một lần đánh con da đen của mình. Nhiều lần, mẹ hỏi em về tin tức của anh, xem anh có ho luôn không; và mặc dù vậy, có Trời biết được mẹ có yêu anh không... Em vẫn có điều nghi hoặc.

Sáng nay, mẹ vào phòng em thì chuông đã điểm chín giờ.

Chín giờ!... Chẳng bao giờ em thấy mẹ vào giờ ấy... Mẹ đến gần em và vừa nói vừa cười:

- Chín giờ đấy.

Rồi bỗng, trở nên trịnh trọng:

- Ông bạn ơi! - Mẹ bảo em - Tôi đã lừa ông. Khi chúng ta gặp nhau, tôi không được tự do. Có một người đàn ông trong đời tôi khi ông bước vào đó; một người mà nhờ hắn, tôi có cảnh xa hoa, cảnh nhàn rỗi, mọi thứ tôi có được.

Em xin nói rõ với anh điều ấy, Jacques ạ, rằng có một cái gì nhục nhã dưới điều bí ẩn đó.

- Từ cái ngày mà tôi biết ông, mối gán bó đó đối với tôi đã trở nên ghê tởm... Nếu tôi chưa nói với ông thì đó là vì tôi hiểu ông rất kiêu hãnh để mà chịu chia sẻ tôi với một người khác. Nếu tôi không cắt đứt nó, đó là vì tôi khổ tâm mà chối bỏ với cuộc sống biếng nhác và xa hoa mà vì nó tôi đã sinh ra... Hôm nay, tôi không còn sống như vậy nữa... Điều dối trá đó đè nặng tôi, sự phản trắc thường ngày đó khiến tôi phát điên mất... Và nếu ông còn muốn tôi sau lời thú mà tôi vừa ngỏ với ông thì tôi sẵn sàng từ bỏ tất cả và sống với ông trong một góc trời mà ông muốn...

Những lời cuối “mà ông muốn” đó được nói thấp giọng, sát bên em, hầu như trên môi mình, để mê hoặc em...

Dù vậy em cũng có can đảm trả lời mẹ và ngay cả rất khô khốc là mình nghèo, là mình chưa kiếm sống được và mình không thể bảo anh Jacques mình nuôi mẹ.

Nghe câu trả lời đó, mẹ ngẩng đầu với một vẻ đắc thắng:

- Vậy thì! Nếu tôi tìm được cho hai chúng ta một cách đáng kính và chắc chắn để chúng ta kiếm sống mà không rời nhau thì ông nghĩ sao?

Nói đến đó, mẹ rút từ một cái túi ra một bài viết nguệch ngoạc, trên giấy có đóng dấu mà mẹ bắt đầu đọc cho em nghe. Đó là một cam kết dành cho hai chúng em một việc trong nhà hát ngoại ô Paris; mẹ với giá là một trăm quan mỗi tháng; em thì giá năm mươi. Tất cả đã sẵn sàng; chúng em chỉ còn việc ký.

Em hốt hoảng nhìn mẹ. Em cảm thấy mẹ lôi mình vào một cái hố và có một lúc em sợ vì không đủ mạnh để chống lại...

Đọc bản viết nguệch ngoạc xong, không để cho em có thời gian trả lời, mẹ bắt đầu nói hăng hái về những cái vinh quang của kịch nghệ và cuộc sống rạng rỡ mà chúng em sắp trải qua ở đằng kia, tự do, tự hào, xa lánh người đời, tất cả hiến cho nghệ thuật và tình yêu.

Mẹ nói nhiều, đó là một cái tật. Em có thời gian hồi lại, viện đến “mẹ Jacques” từ đáy lòng mình, và khi mẹ dứt đoạn trường thoại, em đã có thể lạnh lùng bảo với mẹ:

- Tôi không muốn là diễn viên hài...

Tất nhiên, mục không để bị mắc và lại tiếp tục những đoạn trường thoại hay của mình.

Toi công... Với tất cả những điều mục có thể nói với em, em chỉ một mực trả lời:

- Tôi không muốn là diễn viên hài...

Mục bắt đầu mất kiên trì.

- Vậy thì - Mục tái mặt đi mà bảo em - ông muốn là tôi quay lại đó từ tám giờ đến mười giờ và mọi chuyện vẫn như chúng vốn dĩ phải không...

Nghe vậy, em trả lời có phần kém lạnh lùng:

- Tôi chẳng thích gì cả... Tôi thấy rất đáng kính cho bà là muốn kiếm sống cho mình và đừng phải chịu ơn điều ấy ở những sự rộng lượng của một ông nào đó từ tám đến mười giờ... Tôi chỉ xin nhắc lại với bà rằng tôi không cảm thấy có chút năng khiếu kịch nghệ nào cả và tôi sẽ không phải là diễn viên kịch hài.

Lần này thì mục phá lên:

- À! Ra cậu không muốn là diễn viên... Vậy thì cậu sẽ là gì nào?... Cậu nghĩ mình là nhà thơ chắc?... Cậu cho mình là nhà thơ?... Cậu chẳng có cái gì ra hồn cả. Ôi diễn khủng khốn khố!... Tôi hỏi ông điều đó vì đã làm cho ông in một cuốn sách tôi mà chẳng ai thiết, thế mà ông cho mình là nhà thơ... Nhưng khốn nỗi, cuốn sách của cậu là ngốc nghếch, ai cũng nói rõ với tôi điều đó. Từ hai tháng nay, khi nó có bán, người ta chỉ bán được mỗi một bản, và đó là bản của tôi... Cậu mà là nhà thơ, thôi đi!... Chỉ có anh cậu mới tin vào một trò ngớ ngẩn như vậy. Lại thêm một tay thơ ngây cười với cái bài báo của Gustave Planche của hần... Trong khi chờ đợi, hần kiệt sức đi để cậu được sống; còn cậu, trong khi đó, cậu... cậu... thực ra, cậu làm gì? Cậu chỉ biết thế thôi ư?... Bởi vì về mặt cậu có một tính cách nào đó, thế là đủ cho cậu; cậu ăn mặc thành người Thổ Nhĩ Kỳ và cậu nghĩ tất cả là ở đó?... Trước hết, tôi xin báo trước với cậu là từ ít lâu nay, tính cách gương mặt cậu bị mất đi ghê gớm... cậu xấu, cậu rất xấu. Này! Cậu cứ nhìn mình xem...

Tôi chắc là nếu cậu quay lại với cái ả Pierrotte của mình thì ả cũng chẳng thiết cậu nữa... Và tuy vậy, các người ra dáng với nhau lắm... Cả hai các người được sinh ra để bán đồ sứ ở lối đi Saumon. Đó là việc của cậu còn tốt hơn là diễn viên hài nhiều...

Mục sùi bọt mép, mục chệt cổ. Chẳng bao giờ anh thấy một con điên như vậy. Em nhìn mục, chẳng nói năng gì. Khi mục nói xong, em đến gần mục - toàn thân em run lên, rồi em nói với mục thật lặng lẽ:

- Tôi không muốn là diễn viên hài.

Nói vậy em đi về phía cửa, em mở và chỉ nó cho mục.

- Tôi đi ra à... - Mục vừa cười gằn vừa nói - Ô! Chưa... tôi còn có nhiều điều để nói với ông.

Lần này thì em không chịu được nữa. Máu dồn cả lên mặt.

Em vớ lấy một trong những thanh gác lò sưởi và chạy bổ đến mục... Em xin thưa với anh là mục đã chuồn thẳng... Anh thân mến ạ, đến lúc đó, em mới biết tên người Tây Ban Nha Pacheco.

Đằng sau mục, em đã vớ lấy mũ và đi xuống dưới nhà. Em đã chạy suốt ngày, tứ phía, như một kẻ say vậy... Ôi! Nếu như anh có mặt ở đó... Có lúc, em có ý nghĩ đi đến nhà Pierrotte xụp xuống dưới chân nàng, xin đôi mắt đen gia ơn. Em đã đi đến cửa nhà hàng, nhưng em không dám vào... Thế là hai tháng rồi, em không đến đây nữa. Người ta đã viết thư cho em, chẳng có trả lời. Người ta đã đến thăm em, em đi trốn. Làm sao người ta có thể tha thứ cho em?... Pierrotte ngồi trên quầy. Anh có vẻ buồn... Em đã đứng áp mặt vào kính một lúc nhìn anh ta; rồi, em vừa chạy trốn vừa khóc.

Đến đêm, em trở về. Em đã khóc hồi lâu ở cửa sổ: sau đó, em bắt đầu viết cho anh. Em viết như vậy cho anh suốt đêm. Em thấy như anh đang ở kia, nên em nói chuyện với anh và điều đó tạo cho em điều tốt.

Mục đàn bà ấy thật là quái quỷ! Mục lại tin chắc vào em chứ! Mục cứ tưởng em là thứ đồ chơi, đồ vật của mục?... Anh có hiểu không? Đưa em đi diễn kịch vui ở ngoại ô!... Hãy an ủi em, Jacques ạ, em chán ngán, em đau đớn... Mục đã khiến em rất đau đớn: anh thấy không! Em không còn tin vào mình nữa. Em nghi ngờ, em sợ. Phải làm gì đây?... Làm việc ư?... Than ôi! Mục có lý, em

không phải là nhà thơ, sách của em không bán được. Còn để bán, anh sẽ làm thế nào?...Cả đời em hồng rồi. Em chẳng còn nhìn thấy gì ở đó, em chẳng biết nữa. Trời tối đen... Có những cái tên mang tính tiền định. Mụ tên là Irma Borel. Borel, ở quê ta, nó có nghĩa là đao phủ...Irma đao phủ ([81])...Cái tên đó thật hợp với mụ!...Em cứ muốn dọn nhà. Căn phòng này, em thấy bí ối... Và rồi, em dơ mặt ra mà gặp mụ ở cầu thang... Chẳng hạn, hãy cứ chắc là nhớ mụ lên... Nhưng, mụ sẽ không lên. Mụ đã quên em. Bọn nghệ sĩ đang ở kia để an ủi mụ...Ôi! Trời ơi! Em nghe thấy cái gì thế?... Jacques, anh của em, chính là mụ đấy. Em xin nói với anh rằng chính là mụ đấy. Mụ đến đấy; em nhận ra tiếng chân mụ... Mụ ở kia kìa, rất gần thôi. Em nghe thấy hơi thở của mụ... Mắt mụ đang dán vào ổ khoá nhìn em, hau háu nhìn em...

Bức thư đó không gửi đi.

XII

TOLOCOTOTIGNAN

Thế là tôi đi đến những trang đen tối nhất của lai lịch mình, đến những ngày khốn khổ và hổ thẹn mà Daniel Eyssette đã sống bên người đàn bà ấy, làm diễn viên hài ở ngoại ô Paris. Một điều lạ: Cái thời buổi ấy của đời tôi, sóng gió, ồn ã, quay cuồng, đã để lại nhiều nỗi ân hận hơn là kỷ niệm.

Cả cái góc ấy của trí nhớ tôi bị rối lên, tôi chẳng hiểu gì cả, chẳng gì cả...

Nhưng, xin hãy chờ!...

Tôi chỉ việc nhắm mắt lại và lầm rầm vài ba lần cái khúc điệp lạ và buồn này: Tolocototignan! Tolocototignan! Thì lập tức, như có phép thần, những kỷ niệm đã lịm đi của tôi sẽ tỉnh giấc, những giờ phút đã chết bước ra khỏi những năm mờ của chúng và tôi sẽ thấy lại chú bé Chose, như chú lúc ấy, trong một ngôi nhà mới, rộng lớn của đại lộ Monparnasse, giữa Irma Borel đang diễn tập các vai và Coucou-Blanc đang hát mãi:

- Tolocototignan! Tolocototignan!

Khiếp! Ngôi nhà khủng khiếp! Giờ đây, tôi thấy nó, tôi thấy nó với cả ngàn cửa sổ của nó, cái tay vịn màu lục và nhóp nhúa, những thanh chì há hoác, những cánh cửa đánh số, những hành lang dài màu trắng xông mùi sơn mới... còn mới mà đã vấy bẩn... Trong đó có một trăm lẻ tám phòng: Trong mỗi một phòng là một gia đình. Và gia đình thế nào!... Suốt ngày, đó là những cuộc cãi cọ, những tiếng kêu, tiếng loảng xoảng, giết chóc nhau; ban đêm trẻ con chí choé, tiếng chân trần đi trên gạch lát, rồi tiếng đu đưa đơn điệu và nặng nề của những cái nôi. Thỉnh thoảng, để thay đổi, có những cuộc khám nhà của cảnh sát.

Chính ở đó, trong cái sào huyệt gồm bảy tầng đó mà Irma Borel và chú bé Chose đến trú ngụ tình yêu của họ... Nơi ở buồn bã và rất thơm cho một chủ trọ như vậy...Họ đã chọn nó vì gần nhà hát của mình; và rồi, như trong tất cả những ngôi nhà mới, họ không phải trả đất. Mất bốn mươi quan - một cái giá của những người lau thạch cao - họ có hai phòng ở tầng hai có mép viền lan can trông ra đại lộ, căn hộ đẹp nhất của tòa nhà... Cứ tối tối họ trở về vào nửa đêm, khi tan rập. Thật là ảm đạm khi trở về bằng những đường phố lớn vắng vẻ, nơi lượn lờ những tấm áo choàng lạng lế, những cô gái đầu trần và những chiếc áo lễ lớn của đội tuần tra xám xịt ấy. Họ đi nhanh, giữa lòng đường. Khi trở về, họ thấy một chút thịt nguội trên một góc bàn và cô da đen Coucou-Blanc đang đợi... vì Irma Borel vẫn giữ Coucou-Blanc. Ông từ *Tám-đến-Mười* đã

lấy lại người đánh xe, đồ đạc, bát đĩa, cái xe. Irma Borel đã giữ cô da đen, con vẹt, vài đồ nữ trang và tất cả áo sổng của mình...

Tất nhiên, những thứ đó chỉ còn để dùng cho sân khấu, những cái đuôi áo nhung và nhiều không phải làm để mà quét lê những đại lộ bên ngoài... Chỉ dành cho chúng thôi thì những cái áo cũng chiếm một trong hai căn phòng rồi. Chúng ở đó, treo quanh khắp vào những cái mắc bằng thép và những cái nếp gấp lớn mượt mà của chúng mà sắc loè loét tương phản lạ lùng với gạch lát màu đỏ phai và bàn ghế bạc màu. Chính trong phòng này mà cô da đen ngủ. Cô ta đã đặt chiếc ổ rơm, cái móng lừa, chai rượu trắng của mình ở đó; duy có điều sợ cháy, người đã không để đèn cho cô. Vì thế, ban đêm, khi họ trở về, Coucou-Blanc ngồi xồm trên chiếc ổ rơm dưới ánh trắng đồng áo bí hiểm kia, có vẻ của một mục phụ thủy già được yêu Râu-xanh giao cho trông coi bảy người đàn bà chết treo...

Phòng kia, cái bé nhất, được dành cho họ và con vẹt, vừa chỗ cho một cái giường, ba cái ghế, một cái bàn và một sào dầu lớn có cọc mạ vàng.

Dù cho chỗ ở của họ buồn bã và chật hẹp, họ cũng chẳng bao giờ ra khỏi đó. Thời gian nhà hát dành cho họ, họ để ở nhà học vai và tôi xin thề với bạn đó là một sự hỗn độn khủng khiếp. Từ đầu nọ đến đầu kia của ngôi nhà, người ta nghe thấy những tiếng gầm rít kiểu kịch của họ:

- Con gái tôi, hãy trả tôi con gái tôi!

- Đây cơ mà, Gaspard!

- Tên của nó. Tên của nó; đồ khốn.

Át lên trên, những tiếng kêu xé tai của con vẹt và cái giọng cao vút Coucou-Blanc. không ngưng hát:

- Tolocototignan!... Tolocototignan!...

Irma Borel, mục thì sung sướng. Cuộc sống này khiến mục thích thú; điều khiến mục vui là được đóng vai trong một gia đình nghệ sĩ nghèo.

- Tôi chẳng nuôi tiếc gì cả, mục thường nói.

Mục tiếc cái gì? Cái ngày mà nổi khốn cùng làm mệt mình, cái ngày mà mục chán ngán việc tu rượu cả chai và ăn những suất cơm gớm guốc có nước chấm màu nâu mà người ta đưa lên cho họ từ một quán ăn tồi: cái ngày mà cho đến lúc đó mục có được nghệ thuật kịch của vùng ngoại ô, ngày ấy mục biết rõ là mình lấy lại được cuộc sống trước đây. Tất cả những gì mình đã mất, mục chỉ cần giơ một ngón tay lên để lấy lại nó.

Chính cái ý nghĩ thụt lùi đó tạo cho mục lòng can đảm và khiến mục nói: “Ta chẳng nuôi tiếc gì cả!” Mục chẳng tiếc gì đã vậy; còn chú, chú thì sao?...

Cả hai người, họ đã vào nghề trong vở Gaspardo, chàng dân chài, một trong những vở hay nhất của hài kịch thông tục. Trong đó, mục rất được hoan nghênh, chắc không phải vì tài. - Giọng nói dõ, điệu bộ nực cười, - Mà vì những cánh tay trắng muốt, vì những tấm áo nhung của mình. Công chúng đang kia không quen với những sự phô diễn xác thịt lồ lộ và áo xống tôn thêm giá bốn mươi quan mỗi thước. Trong phòng, người ta bảo: “Đó là một bà công tước!”, còn bọn trẻ ranh trâm trở hoan hô đến chối óc...

Chú không có cùng thành công. Người ta thấy chú quá bé; và rồi, chú sợ, chú xấu hổ. Chú nói bé quá, như lúc xưng tội vậy - To nữa lên! To nữa lên!

Nhưng, hòng cậu thất lại, ghen lời giữa chừng. Cậu bị huyết sáo... Đành vậy! Irma đã nói mãi, năng khiếu không phải là ở đó. Chung quy, khi người ta là một nhà thơ tồi thì đó không phải là một cái lý để làm một diễn viên hài tốt được.

Mục da trắng để ở thuộc địa hết sức an ủi chú:

- Họ không hiểu tính cách của nét mặt - Mục thường bảo chú.

Viên giám đốc thì không nhằm chuyện về tính cách của nét mặt chú. Sau hai buổi diễn sổng gió, ông nhấc chú đến phòng làm việc và bảo:

- Con ạ, kịch không phải là việc của con. Chúng ta đã nhằm. Ta hãy thử kịch vui. Ta tin là trong

những vai hài, con sẽ tiến hành rất tốt. Và ngày hôm sau, người ta thử kịch vui. Cậu diễn những vai hề trẻ đầu tiên, những công tử bột ngơ ngác mà người ta cho uống nước chanh Rôgê giả làm rượu sampa, vừa chạy khắp sân khấu vừa ôm lấy bụng, những chàng ngốc đội tóc giả màu hung khóc lóc như những con bê: “Hơ!... Hơ!... Hơ!...”, những cặp tình nhân vùng quê đảo những con mắt ngốc nghếch mà nói: “*Tiểu thư ơi, tôi yêu tiểu thư lắm!... Nào, thật đấy, tôi yêu tiểu thư nài náng!*”. Chú diễn vai những chàng ngốc, những kẻ nhát, tất cả những kẻ gây cười, và sự thật buộc tôi phải nói là chú xoay sở chẳng quá tồi. Kẻ khốn khổ đã thành công, chú gây cười.

Bạn hãy cắt nghĩa điều đó, nếu bạn có thể. Đó là, khi chú lên sân khấu, hoá trang, bôi bự phấn, trùm quần áo xờn rách thì chú nghĩ đến Jacques và đôi mắt đen. Chính giữa lúc đang nhắm mắt, mang dấu ấn một lời bông đùa ngớ ngẩn mà hình ảnh của tất cả những con người thân thiết mà chú đã phản bội một cách khá hèn hạ, bỗng hiển hiện trước mặt chú.

Hầu như tất cả những buổi tối, bọn trẻ ranh trong khu vực sẽ có thể khẳng định với bạn điều đó, có lúc chú đứng phắt giữa ngay một đoạn trường thoai và đứng đực ra chẳng nói năng gì, miệng há hốc mà nhìn căn phòng... Trong những lúc đó, hồn chú thoát khỏi, nhảy qua dây đèn rầm, chọc thủng trần nhà hát bằng một cái đập cánh và bỏ đi thật xa, để cho Jacques, cho bà Eyssette một nụ hôn, xin đôi mắt đen ban ơn mà than vãn cay đắng về cái nghề buồn bã mà người ta bảo chú làm.

- Nào! “*Thật đấy, tôi yêu tiểu thư nài náng!*”... - Bỗng giọng người nhắc vở nói.

Và thế là chú bé Chose khốn khổ bị lôi ra khỏi giấc mơ, rơi từ trên trời xuống, đảo quanh mình bằng những con mắt to sừng sốt, ở đó điểm một nỗi hốt hoảng khá tự nhiên, khá hài hước, đến nỗi các căn phòng rộ lên một trận cười lớn. Trong tiếng lóng sân khấu, đó là điều người ta gọi là ấn tượng. Không muốn mà cậu đã tìm thấy một ấn tượng.

Đoàn kịch mà họ tham gia phục vụ nhiều vùng. Đó là một gánh hát lưu động, biểu diễn lúc thì ở Grenene, Montparnasse Sevres, Sceaux, Saint-Cloud. Để đi từ một xứ nọ đến một xứ kia, người ta lên một cái xe khách của nhà hát, - Một chiếc xe khách cũ màu cà phê sữa do một con ngựa bị lao kéo. Trên đường đi, người ta hát, người ta chơi bài. Những ai không thuộc vai thì ngồi trong cùng mà xem lại những cuốn sách mỏng. Đó là cái chỗ của chú.

Chú ngồi đó, lì xì và buồn bã như những diễn viên hài lớn thường là thế, cụp tai với mọi điều tục tĩu vo ve quanh mình.

Dù cho chú đã rơi xuống khá thấp, cái trò diễn tồi lang bạt này vẫn còn ở dưới tầm chú. Chú thấy xấu hổ mà đánh bạn như vậy.

Những người đàn bà, là những tham vọng cũ đã tàn héo, che giấu, kiểu cách, trịnh trọng. Những người đàn ông, là những con người tầm thường, chẳng lý tưởng chẳng có phép chính tả, là con cái những ông thợ cạo hoặc những bà bán khoai tây rán, họ làm nghề diễn viên hề vì rồi việc, vì lười biếng, vì thích cái vỏ cái mẽ, để ra mắt trên sân diễn mà làm cho màu nhạt hợp với những cái áo lễ theo kiểu Souvorov ([82]), những chàng Sở Khanh ngoài bờ rào luôn bận bịu về ăn mặc, tiêu hết lương vào những kiểu uốn tóc mà nói với bạn bằng một vẻ tin chắc: “Hôm nay, ta đã làm việc tốt”, khi họ đã trải qua năm tiếng đồng hồ để làm cho mình một đôi ủng Louis XV bằng hai thước giấy lạng... Sự thật, cũng đáng công đi diễn cái phòng khách âm nhạc của Pierrotte rồi đến mắc kẹt vào cái xe tào này.

Vì cái vẻ ử dột và lòng tự phụ lạng lẽ của chú, bọn bạn không thích chú.

Người ta nói:

- Đó là một kẻ xảo trá.

Mụ da trắng, ngược lại, đã biết lấy lòng mọi người. Mụ ngự trong cái xe như một công chúa gặp may, cười xả lạng, ngất đầu ra sau phô cái cổ mảnh mai, nói năng thân mật với mọi người. gọi những người đàn ông là “lão”, những người đàn bà là “con” và buộc những tay ngổ ngáo nhất phải nói:

- Thật là một cô gái hiền.

Một cô gái hiền, nực cười làm sao!...

Cứ thế xe lăn, cười hoài, những trò đùa nhả, người ta đi đến nơi biểu diễn. Diễn xong, người ta

thay quần áo loáng một cái, rồi mau chóng lại lên xe để trở về Paris. Lúc đó, trời đã tối sập. Người ta thăm thì trò chuyện mà tìm nhau trong bóng tối bằng những đầu gối. Thỉnh thoảng, một tiếng cười bị nén... Ở sở thuế nhập thị của vùng Maine, chiếc xe dừng lại để đem cất. Mọi người đi xuống và đi thành nhóm tiễn Irma Borel đến tận cửa ngôi nhà ổ chuột lớn, nơi Coucou-Blanc say đến ba phần tư đang chờ họ với cái bài hát buồn của mình:

- Tolocototignan?... Tolocototignan?...

Cứ nhìn họ kết người nọ với người kia như vậy người ta có thể bảo là họ yêu nhau. Không, họ không yêu nhau. Họ biết nhau quá kỹ đối với điều ấy. Cậu thấy mẹ nói dối, lạnh lùng, thiếu tình cảm. Mẹ biết cậu mềm yếu đến hèn nhát. Mẹ tự bảo: “Một sáng kia anh cậu sẽ đến cướp mất cậu của ta để trả lại cho cửa hàng đồ sứ”. Chú thì tự bảo: “Hôm nào đó chán chường với cuộc đời mà mẹ sống, mẹ sẽ bay đi với một ông từ *Tám-đến-Mười*, còn ta, ta sẽ ở lại một mình trong cảnh ô trọc...”. Nỗi sợ muôn thuở mất nhau mà họ ấp ủ làm thành cái trong sáng nhất của mối tình họ. Họ không yêu nhau, tuy vậy họ vẫn ghen ghét.

Điều lạ lùng, có phải không? Rằng ở đâu không có tình yêu ở đó có thể có lòng ghen. Chao ôi! Như vậy đấy... Khi mẹ nói thân mật với ai đó ở nhà hát thì chú tái mặt đi. Khi chú nhận được một bức thư thì mẹ lao đến và đôi tay run run bóc niêm phong... Thường là một bức thư của Jacques. Mẹ vừa đọc đến hết vừa cười gằn, rồi rút nó lên một đồ đạc:

- Vẫn cứ cùng một chuyện - Mẹ khinh bỉ nói.

Than ôi! Phải, vẫn cứ cùng một chuyện, nghĩa là lòng tận tụy, độ lượng, quên mình. Thật đúng là vì thế mà mẹ ghét ông anh lắm lắm...

Jacques tử tế thì chẳng ngờ chuyện đó. Anh chẳng ngờ gì cả. Người ta viết cho anh rằng mọi việc tiến triển tốt, rằng vở *Hài kịch đồng nội* bán hết ba phần tư và đến hạn thanh toán của các phiếu thì người ta sẽ tìm thấy ở những nhà sách tất cả số tiền cần để đài thọ. Tin chắc và tốt bụng như vốn thường, anh tiếp tục gửi chỗ một trăm quan hàng tháng đến phố Bonaparte - nơi Coucou-Blanc sẽ đi lĩnh.

Với một trăm quan của Jacques và lương của nhà hát, tất nhiên họ có cái để sống, nhất là trong cái khu của những người cùng khổ này. Nhưng cả người nọ lẫn người kia, chẳng ai được biết, như những gì ta nói thế nào là tiền cả: Cậu thì vì cậu chẳng bao giờ có; mẹ thì vì mẹ lúc nào cũng có thừa. Vì thế thật là lãng phí. Từ ngày 5 hàng tháng, quỹ - một chiếc giày Java nhỏ bằng cọng ngô - đã rỗng. Trước hết có con vẹt mà chỉ nó không thôi cũng nuôi tốn bằng một người lớn bình thường. Tiếp đến, có phấn trắng, phấn đánh lông mày, bột gạo, chế phẩm thuốc phiện, chổi chân thỏ, tất cả bộ đồ của việc tô vẽ sân khấu. Rồi, những cuốn sách kịch quá cũ, quá bạc màu; phu nhân muốn có những cuốn mới. Mẹ cũng cần có hoa, nhiều hoa. Thà mẹ nhìn ăn còn hơn thấy thùng trồng hoa của mình bị trống.

Trong hai tháng, ngôi nhà nợ ngập đầu. Người ta thiếu của khách sạn, của quán ăn, của người canh cửa nhà hát.

Thỉnh thoảng, một người bán hàng đến làm ầm lên. Những ngày ấy, thất vọng mọi thứ, người ta chạy vội đến nhà người in vở *Hài kịch đồng nội* và người ta vay ông vài Lu-i thay mặt Jacques. Nhà in, có trong tay cuốn hồi ký nổi tiếng và biết Jacques vẫn là thư ký của O.d'Hacqueville thì tin tưởng mở hầu bao. Từ đồng Lu-i nợ đến đồng Lu-i kia, người ta đã đi đến chỗ vay ông bốn trăm quan mà gộp với chín trăm của vở *Hài kịch đồng nội*, làm cho món nợ của Jacques lên đến một ngàn ba trăm quan.

“Me Jacques” khốn khổ! Biết bao thảm họa chờ anh lúc trở về! Daniel biến mất, đôi mắt đen thì khóc, chẳng có tập sách nào bán được và một ngàn ba trăm quan phải trả. Anh sẽ xoay xở ra sao đây?... Mẹ da trắng thì chẳng áy náy lắm.

Nhưng chú, chú bé Chose, thì ý nghĩ đó chẳng bao giờ rời chú. Đó là một sự ám ảnh, một nỗi lo sợ triền miên. Chú đã tìm hoài cách để khuây khoả, làm việc như một tên khổ sai (mà việc gì chứ, hử Trời!), học những trò hề mới, tìm tòi những cái nhần mặt mới trước gương, tấm gương cứ hắt lại hình ảnh của Jacques, thay cho hình chú; giữa những dòng chữ vai diễn của mình, thay cho Langlumeau, Josias và những nhân vật khác của kịch vui, chú chỉ thấy có tên của Jacques. Jacques, Jacques, cứ Jacques hoài.

Mỗi buổi sáng, chú nhìn lịch mà sợ, rồi đếm những ngày gần cách chú với kỳ hạn đầu tiên của những tấm phiếu, chú rùng mình tự nhủ: “Chỉ còn một tháng, chỉ còn ba tuần”, vì chú biết rõ là lúc tấm phiếu đầu tiên bị cự tuyệt thì tất cả sẽ lộ ra, và nỗi thống khổ của anh chú bắt đầu từ ngày ấy. Cái ý nghĩ ấy theo đuổi chú đến tận giấc ngủ. Đôi khi cậu choàng tỉnh dậy, lòng thất lại, mặt mày đầm nước mắt, mơ hồ nhớ đến một giấc mơ khủng khiếp và lạ lùng vừa qua của mình.

Giấc mơ ấy, bao giờ cũng thế, trở lại hầu như mọi đêm.

Điều đó diễn ra trong một căn phòng lạ, nơi có một cái tủ lớn, với dây sắt lớn. Jacques ở đó, tái nhợt, tái nhợt một cách khủng khiếp, nằm duỗi trên chiếc ghế dài; anh vừa mới chết.

Camine, Pierrotte ở kia, cả *Cô* nữa, và đứng trước cái tủ, cố tìm cách mở nó để lấy vải liệm. Chỉ có điều là *Cô* không làm được; và cứ lần mò với chiếc chìa khoá xung quanh ổ, người ta nghe thấy *Cô* nói bằng một giọng ngao ngán:

- Tôi không thể mở được... Tôi đã khóc nhiều... Tôi chẳng thấy gì nữa cả...

Dù cho chú muốn chống lại điều đó, giấc mơ ấy khiến chú xúc động bên ngoài lý trí. Ngay khi chú nhắm mắt, chú lại thấy Jacques nằm dài trên chiếc ghế và Camine mù mắt trước cái tủ.. Tất cả những nỗi ân hận đó, tất cả những sợ hãi đó khiến cho chú ngày càng ủ dột, cáu kỉnh hơn. Mụ da trắng, về phía mình, chẳng còn chịu đựng được nữa. Vả lại, mụ mơ hồ cảm thấy chú tuột khỏi tay mình, - Và mụ chẳng biết do đâu, - Và điều đó khiến mụ bức tức. Bất cứ lúc nào cũng là những cuộc cãi vã khủng khiếp. những tiếng kêu, tiếng chửi cứ như trong một cái máng thợ giặt vậy.

Mụ bảo chú:

- Cút đi với con Pierrotte của cậu mà bảo nó cho những trái tim bằng đường.

Còn chú thì lập tức:

- Quay về với tay Pacheco của mụ mà bảo nó xẻ mồm ra.

Mụ gọi chú là:

- Đồ thị dân!

Chú trả lời mụ:

- Đồ vô lại!

Rồi họ khóc nức nở và rộng lượng tha thứ cho nhau để lại tiếp tục ngày hôm sau.

Họ sống như thế đấy. Không, họ cùng nhau chết gí, bị gắn vào cùng một miếng sắt, nằm lại ở cùng một nơi nhơ nhớp...

Chính là cái cuộc sống nhớp nhúa, chính những giờ phút thê thảm đó ngày ngày đang diễn qua trước mặt tôi, khi tôi lầm nhấm khúc điệp của cô da đen: cái tiếng lạ lùng và buồn bã:

- Tolocolotignan! Tolocototignan!

XIII

VỤ BẮT CỐC

Đó là một buổi tối khoảng chín giờ ở nhà hát Montparnasse, chú bé Chose diễn vở đầu tiên,

vừa mới xong và trở lên phòng của mình. Khi lên, cậu gặp Irma Borel sắp lên sân khấu. Mẹ ta choáng lộn, mặc toàn đồ lụa và đăng ten, chiếc quạt cầm ở tay như Célimène ([83]) vậy.

Mẹ bảo khi chú đi qua: “Tôi đang... tôi sẽ rất đẹp.”

Chú gấp bước đi về khoang ghế và cởi quần áo thật nhanh.

Phòng mà chú chung với hai người bạn, là một căn phòng không cửa sổ, thấp trần, sáng lên bằng đá phiến. Hai ba cái ghế rơm làm thành đồ đạc. Dọc tường treo những mẫu gương, những bộ tóc bị duỗi, những đồ tã có tráng kim, nhung bạc màu, vàng mạ xỉn; dưới đất, trong một góc, những cái bình son không nắp, những nùi thoa bột gạo trụi lông.

Chú bé Chose đã ở đó được một lúc, đang trút bỏ những đồ tã thì chú nghe thấy một người dàn cảnh gọi mình từ phía dưới:

- Ông Daniel! Ông Daniel!

Chú ra khỏi phòng trò và ngả người trên cái tay vịn gỗ ẩm ướt hỏi:

- Cái gì thế?

Rồi, khi thấy người ta không trả lời, chú đi xuống, cứ để vậy hầu như không ăn mặc, lem luốc màu trắng, màu đỏ, với bộ tóc giả lớn màu vàng rủ xuống mắt.

Dưới cầu thang, chú đụng phải ai đó.

- Jacques! - Chú vừa kêu vừa lùi lại.

Đó là Jacques... Họ nhìn nhau một lúc chẳng nói gì. Cuối cùng, Jacques nắm bàn tay lại với nhau và lăm bầm bằng một giọng dịu dàng đầy nước mắt:

- Ôi! Daniel!

Chỉ có thể thôi. Chú bé Chose, xúc động đến tận đáy lòng, nhìn xung quanh mình như một đứa trẻ sợ sệt và nói rất khẽ, khẽ đến nỗi anh cậu chỉ vừa đủ nghe thấy:

- Đem em đi khỏi đây đi, Jacques ơi.

Jacques run lên; rồi nắm lấy tay chú, anh kéo chú ra ngoài.

Một cái xe khách chờ ở cửa; họ leo lên đó.

- Phố các Bà, khu Batigholles! - “Mẹ Jacques” kêu lên.

- Đó là khu của tôi! - Người đánh xe trả lời bằng một giọng vui vẻ và chiếc xe rung lên.

Jacques đã ở Paris từ hai ngày nay. Anh từ Palermo, nơi một lá thư của Pierrotte cố đuổi theo anh từ ba tháng nay, cuối cùng đã tìm đến anh. Lá thư đó, ngắn và không câu cú, cho anh biết Daniel đã biến mất.

Khi đọc nó, Jacques đoán ra tất cả. Anh tự nhủ: “Thằng bé đang làm những điều đại dột... Ta phải đến đó mới được”. Và tức khắc, anh xin ông hầu tước cho nghỉ.

- Nghỉ à? - Con người hiền từ chồm lên nói - ông có điên không đấy?... Thế còn hồi ký của tôi?...

- Chỉ tám ngày thôi, ngài hầu tước ạ, thời gian cả đi và về; nó có liên quan đến cuộc sống của em tôi.

- Tôi xem thường em cậu lắm... Cậu có được báo trước khi vào làm không đấy? Cậu đã quên quy ước của chúng ta rồi à?

- Không, thưa hầu tước, nhưng...

- Không có nhưng gì cả. Cậu cũng như những người khác thôi. Nếu cậu rời chỗ làm của mình tám ngày thì cậu sẽ chẳng bao giờ trở lại nữa. Tôi xin cậu hãy suy nghĩ về điều đó. Này! Trong khi cậu suy nghĩ thì hãy ngồi kia. Tôi sẽ đọc cho cậu viết.

- Nghĩ hết cả rồi, thưa hầu tước. Tôi đi thôi.

- Cút đi cho rảnh.

Nói vậy, ông già cố chấp lấy mũ và đi đến toà công sứ Pháp để tìm hỏi một viên thư ký mới.

Jacques ra đi ngay tối hôm đó.

Khi đến Paris, cậu chạy ngay đến phố Bonaparte.

- Em tôi có ở trên ấy không? - Anh quát lên với người giữ cửa đang ngồi dạng háng trên cái máy nước hút tẩu.

Người giữ cửa cất tiếng cười:

- Cậu ấy chạy đã lâu rồi - ông ta nói một cách xảo trá.

Ông muốn ra vẻ kín đáo, nhưng một đồng một trăm xu đã cạy được răng ông. Thế là ông kể rằng từ lâu, cậu bé ở tầng năm và phụ nhân tầng một đã biến mất, rằng người ta không biết họ trốn ở đâu, trong một xó xỉnh nào đó của Paris, nhưng tất nhiên là cùng nhau, vì con da đen Coucou-Blanc thì tháng nào cũng đến xem có gì cho họ không. Ông ta nói thêm là ông Daniel khi đi đã quên bảo ông thôi thuê và người ta nợ của ông tiền nhà bốn tháng mà chẳng kể đến những món nợ mặt khác.

- Được rồi - Jacques nói - tất cả sẽ được trả.

Và không phí một phút, không có ngay cả thời gian giữ sạch bụi đường, anh bắt đầu đi tìm cậu bé của mình.

Trước hết anh đi đến nhà in; suy xét có lý rằng tổng kho của vở *Hài kịch Đồng nội* đặt ở đó, Daniel phải đến đó luôn.

- Tôi sắp sửa viết thư cho ông - Nhà in bảo anh khi thấy anh bước vào - ông biết rằng tín phiếu đầu tiên sẽ hết hạn trong bốn ngày nữa.

Jacques trả lời chẳng xúc động:

- Tôi đã nghĩ đến chuyện ấy... Từ ngày mai, tôi sẽ đi quanh những nhà sách. Họ có tiền trả tôi đấy. Bán rất chạy mà.

Nhà in trợn đôi mắt to màu xanh vùng Alsace:

- Sao cơ?...Bán chạy lắm à! Ai bảo ông thế?

Jacques tái mặt, linh cảm một thảm họa.

- Ông cứ nhìn vào góc này xem - ông người Alsace nói tiếp - Tất cả những tác phẩm chất đồng này này. *Hài kịch Đồng nội* đấy. Từ năm tháng nay đem bán, người ta chỉ bán được một quyển. Cuối cùng, những nhà sách đâm chán và đã gởi trả tôi những cuốn họ lưu kho. Bây giờ thì tất cả những thứ đó tốt nhất là đem bán cân. Thật là tai hại; nó đã được in cẩn thận.

Mỗi lời người đó nói giáng lên đầu Jacques như một nhát gậy cạp chì, nhưng điều khiến anh chết hẳn, đó là ông ta báo cho biết, Daniel nhân danh anh, đã vay tiền của nhà in.

- Mới đây - ông Alsace nhấn tâm nói - cậu ta đã phái một con da đen khủng khiếp đến hỏi vay tôi, nhưng, tôi đã từ chối thẳng. Trước hết vì tên môi giới có cái đầu kẻ nạo ổng khóí bí hiểm ấy chẳng gọi cho tôi lòng tin; và rồi, ông hiểu chứ, ông Eyssette, tôi thì tôi chẳng giàu có gì, mà tôi ứng cho em ông thế là quá bốn trăm quan rồi.

- Tôi biết - "Mẹ Jacques" trả lời tự tin - Nhưng ông đừng lo, tiền đó sẽ được trả sớm.

Rồi, anh bước ra thật nhanh, sợ để lộ nổi cảm động của mình. Ngoài phố, anh phải ngồi xuống một cột mốc. Anh nhũn cả chân. thằng bé của mình chạy trốn, chỗ mình làm bị mất, tiền của nhà in phải trả, căn phòng người canh cửa đến hạn vào ngày kia. Tất cả điều đó ong ong, quay cuồng trong đầu anh...

Bỗng, anh đứng dậy: "Trước hết, những món nợ anh tự nhủ, đó là chuyện gấp nhất". Và mặc cho cách xử sự hèn hạ của em mình đối với nhà Pierrotte, anh không chần chừ đi đến hỏi họ.

Khi bước vào cửa hàng của ngôi nhà cũ Lalouette, Jacques nhận ra đằng sau quầy một gương mặt to phệ màu vàng mà thoát đầu anh không nhận ra; nhưng có tiếng mở cửa, gương mặt to ngẩng lên và khi nhìn thấy ai bước vào thì thốt lên oang oang "*Thật đúng là lúc để mà nói*" mà người ta không thể nhầm được. Pierrotte khốn khổ! Nỗi buồn đau của con gái ông đã làm ông ra một con người khác. Anh Pierrotte trước đây, khá vui vẻ và hồng hào, không còn nữa. Nước mắt mà con gái ông đã đổ từ năm tháng nay đã làm đỏ mặt ông, làm má ông chảy ra. Trên đôi môi nhợt nhạt, nụ cười rạng rỡ ngày trước giờ đây nhường chỗ cho một nụ cười lạnh lùng lạnh

lẽ; nụ cười của những bà goá và những người tình bị bỏ rơi. Chẳng còn là Pierrotte nữa, mà là Ariane, là Nina. Vả lại trong cửa hàng ngôi nhà cũ Lalouette, chỉ có ông là thay đổi. Những cô chần chừ sắc sỡ, những ông Tàu bụng to màu tím vẫn cứ cười ngô nghê trên những cái giá cao, giữa những cái cốc Bohême và những cái đĩa có hoa to. Những cái liễn bầu bầu, những chiếc đèn Carcel (^[84]) bằng sứ vẽ hình, vẫn ánh lên từng chỗ đăng sau những tủ kính ấy và ở phòng sau quầy cũng vẫn cái sáo ấy cứ nổi non một cách kín đáo.

- Chính tôi, Pierrotte ạ - “Mẹ Jacques” vừa nói vừa dần giọng - Tôi đến cầu anh một việc lớn. Cho tôi vay một ngàn năm trăm quan.

Pierrotte, chẳng trả lời, mở quỹ, khua vài đồng ê quy; rồi đẩy ngăn kéo lại, ông lặng lẽ đứng lên.

- Ở đây tôi không có, ông Jacques ạ. Ông chờ tôi, tôi sẽ lên tìm trên kia.

Trước khi bước ra, ông nói thêm bằng một vẻ gượng gạo:

- Tôi không bảo ông lên; điều đó khiến cô ấy quá khổ sở.

Jacques thở dài:

- Ông có lý, Pierrotte ạ; tốt nhất là tôi không lên.

Năm phút sau, cái ông người Cévennes trở lại với hai tờ bạc một ngàn quan mà ông đặt vào tay anh. Jacques không muốn cầm chúng. Anh nói:

- Tôi chỉ cần một ngàn năm trăm quan.

Nhưng, ông người Cévennes nằn nì:

- Tôi xin ông, ông Jacques ạ, cứ giữ lấy tất cả. Tôi thiết tha với con số hai ngàn quan ấy. Đó là số mà Cô đã cho tôi vay trong thời gian để mua cho tôi một người. Nếu ông từ chối tôi, *đúng là dịp để mà nói*, tôi sẽ giận ông chết mất.

Jacques không dám từ chối; bỏ tiền vào trong túi mình và chìa tay cho ông người Cévennes, anh nói với ông rất sơ sài:

- Xin chào Pierrotte và cảm ơn!

Pierrotte cầm lấy tay anh.

Họ đứng lại một lúc như vậy, cảm kích và im lặng trước mặt nhau. Cả hai, họ có tên của Daniel trên môi, nhưng họ không dám thốt nó lên vì cùng tế nhị... Người cha và người mẹ ấy hiểu nhau khá rõ!... Jacques từ từ gỡ tay ra trước. Mắt anh rung rung; anh vội phải đi. Ông người Cévennes tiễn anh ra đến tận lối đi. Lúc đó, con người khốn khổ không thể chịu được lâu hơn nỗi đắng cay mà lòng mình chất chứa, nên ông bắt đầu bằng một giọng trách cứ:

- Ôi! Ông Jacques... ông Jacques... *đúng là dịp để mà nói!*...

Nhưng, ông quá cảm động để diễn đạt được hết ý mình, nên chỉ có thể nhắc lại hai lần liền: *Đúng là dịp để mà nói... đúng là dịp để mà nói...*

Khi rời Pierrotte, Jacques trở lại nhà ông thợ in. Mặc dù những lời cự lại của ông người Alsace, anh muốn trả ông ngay lập tức bốn trăm quan cho Daniel vay. Ngoài ra, để chẳng còn phải thắc thỏm, anh để cho ông chỗ tiền của ba tấm phiếu đến kì hạn; sau đó, cảm thấy lòng nhẹ nhõm hơn, anh tự nhủ: “Ta đi tìm cậu bé thôi”. Rủi thay, giờ đã quá muộn để mà lên đường ngay hôm ấy; vả lại, nỗi nhọc của chuyến đi, sự xúc động, cơn ho khan nhẹ kéo dài từ lâu khiến anh suy nhược, đã làm “mẹ Jacques” khốn khổ một nhòai, đến nỗi anh phải trở về phố Bonaparte để nghỉ chút ít.

Ôi! Khi anh bước vào căn phòng nhỏ và vào những giờ cuối cùng của một cái nắng cũ tháng mười, anh thấy lại tất cả những đồ đạc nói với mình về cậu bé: Chiếc bàn thợ thợ trước cửa sổ, cái cốc, lọ mực, những cái tẩu ống ngắn như những cái của Trường tu viện Germane; khi anh nghe thấy vang lên những tiếng chuông tốt lành của Nhà thờ Thánh Germain, hơi bị khàn vì sương mù, khi mà hồi kinh Đức Bà buổi chiều - hồi kinh buồn mà Daniel ưa thích biết bao ấy - đến đập cánh vào những tấm kính; điều mà “mẹ Jacques” đau đớn, chỉ có một người mẹ mới có thể nói lên được...

Anh đi hai ba vòng quanh phòng, nhìn khắp nơi, mở tất cả các tủ những mong tìm thấy ở đây một vật gì khiến anh nắm được dấu vết của kẻ chạy trốn. Nhưng, than ôi! Tủ rỗng không.

Người ta chỉ bỏ lại đây quần áo cũ, những đồ rách tả tơi. Cả phòng toát lên mối tai họa và sự bỏ bê. Không phải người ta ra đi mà người ta chạy trốn. Dưới đất, trong một xó, có một cái chân nến và trong lò sưởi, dưới một mẩu giấy bị cháy, một cái hộp màu trắng có chỉ vàng. Cái hộp ấy, anh nhận ra nó. Chính ở đó người ta đặt những lá thư của đôi mắt đen. Giờ đây, anh lại thấy nó trong tro. Thật là phạm thượng!

Khi tiếp tục những cuộc tìm kiếm của mình, anh thấy trong một cái ngăn của bàn thờ một vài mảnh giấy phủ kín một nét chữ không đều, bõn chồn nét chữ của Daniel khi cậu có hứng. “Chắc hẳn đó là một bài thơ”, “mẹ Jacques” tự nhủ khi tiến lại cửa sổ để đọc. Quả vậy, đó là một bài thơ, một bài thơ u buồn, bắt đầu thế này:

“Jacques, em đã dối anh. Từ hai tháng nay, em chỉ dối anh...”

Lá thư đó không được gửi đi. Nhưng, như người ta thấy dù sao nó cũng đến địa chỉ. Lần này, Thượng đế đã làm công việc của bưu điện.

Jacques đọc nó từ đầu chí cuối. Khi anh đọc đến đoạn mà lá thư nói về một lời cam kết với Montparnasse được đề nghị với biết bao khẩn khoản, bị từ chối với biết bao kiên quyết, anh nhảy lên vui vẻ:

- Ta biết nó ở đâu rồi! - Anh kêu.

Rồi, bỏ lá thư vào túi, anh đi nằm yên lặng hơn; nhưng, dù cho bải hoải vì mệt, anh không ngủ. Vẫn cứ cái cơn ho đáng nguyên rủa này... Khi ánh ban mai vừa ló, một buổi sớm thu lười biếng và lạnh lẽo, anh nhanh chóng trở dậy. Kế hoạch của anh đã vạch xong.

Anh thu gom chỗ quần áo cũ sót lại ở đáy tủ, bỏ chúng vào trong hòm, không quên chiếc hộp có chỉ vàng nhỏ, nói lời chào cuối cùng với cái tháp cổ Nhà thờ Thánh Germain, rồi ra đi, cứ để toang hoang, cửa đi, cửa sổ, tủ để cho chẳng có gì của cuộc sống tốt đẹp của họ còn lưu lại trong căn nhà mà từ nay, những kẻ khác sẽ ở. Dưới nhà, anh trả phòng, trả tiền thuê còn bị chậm; rồi, không trả lời những câu hỏi đánh lừa của người canh cửa, anh gọi một chiếc xe chạy qua và bảo đánh đến khách sạn Pilois, phố các Bà, khu Batignolles.

Khách sạn đó được một người em của bác Pilois, đầu bếp của ông hầu tước quản lý. Người ta chỉ cho trú ở đó từng quý một và những người có bảo đảm. Vậy nên trong khu, ngôi nhà có một tiếng tăm rất đặc biệt. Ở khách sạn Pilois, đó là một bằng chứng về cuộc sống lành mạnh, Jacques, người đã tranh thủ được lòng tin của Vatel nhà Hacqueville, nhân danh mình đem cho ông em một giành rượu Marsala.

Sự tiến cử đó là đủ và khi anh rụt rè xin dự phần nào những người thuê thì người ta không ngần ngại cho anh một căn phòng đẹp ở tầng trệt có hai cửa kính mở ra khu vườn của khách sạn, tôi thì bảo là của nhà tu. Khu vườn ấy không lớn: ba bốn cây keo, một ô vuông cây cỏ nghèo nàn, - cây cỏ khu Batignolles, - Một cây vả không có quả, một cây nho ốm yếu với vài gốc cúc làm nên tất cả những vẻ mát mẻ của nó; nhưng điều đó cũng đủ làm vui căn phòng, vốn hơi buồn và ảm...

Không để mất một phút, Jacques bày biện, đóng đinh, cất quần áo, đặt một giá cắm tẩu hút của Daniel, treo bức chân dung bà Eyssette ở đầu giường, cuối cùng cố gắng hết sức mình để xua đi cái không khí tầm thường làm nhơ bẩn những căn phòng cho thuê có đồ khi anh đã chiếm lĩnh chắc chắn, anh ăn trưa qua loa, rồi đi ra ngay sau đó. Khi đi qua, anh báo cho ông Pilois rằng tối đó, ngoại lệ có lẽ mình sẽ về hơi muộn và xin ông sắp sẵn trong phòng một bữa tối kha khá cho hai bộ đồ ăn và rượu cũ. Đáng lẽ vui mừng vì việc làm thêm đó, ông Pilois tốt bụng lại đỏ mặt tía tai như một vị phó linh mục năm đầu vậy.

- Là vì, ông nói với một vẻ lúng túng, tôi không biết... Nội quy khách sạn chống đối... chúng tôi có những thầy tu...

Jacques mỉm cười:

- A! Được thôi. tôi hiểu... Là vì hai bộ đồ ăn khiến ông sợ; ông yên tâm, ông Pilois thân mến ạ, không phải là một người đàn bà dâu.

Và trong đáy lòng mình. khi xuống Montparnasse, anh tự nhủ: “Tuy vậy, nếu đó là một người đàn bà, một người đàn bà thiếu can đảm, một đứa trẻ không biết nghĩ thì không bao giờ được để một mình”.

Bạn hãy nói tôi nghe xem tại sao “mẹ Jacques” của tôi lại tin chắc là tìm được tôi ở Montparnasse. Kể từ thời mà tôi viết cho anh bức thư khủng khiếp không gửi đi, rất có thể tôi đã rời nhà hát, có thể tôi đã không vào đó. Chao ôi! Không.

Linh tính người mẹ dẫn dắt anh. Anh tin chắc là tìm thấy tôi ở đó và đưa tôi về ngay buổi tối; có điều, anh nghĩ có lý: để bắt cóc nó, nó phải có một mình, rằng người đàn bà ấy không ngờ gì cả”. Đó là điều ngăn cản anh đến thẳng nhà hát hỏi thăm. Hậu trường rất bép xép; một lời nói có thể đánh động. Anh thực sự thích tờ quảng cáo nên mau chạy đi tham khảo chúng.

Những tờ quảng cáo biểu diễn ngoại ô được đặt ở cửa hàng rượu của quận, đằng sau cái lưới, gần giống như cáo thị kết hôn trong những ngôi làng ở Alsace. Khi đọc chúng, Jacques thốt lên một tiếng reo vui mừng.

Tối hôm đó, nhà hát Montpamasse diễn vở *Marie Janne*, kịch năm hồi do bà Irma Borel, Desiree Levrault, Guigne, v.v. đóng.

Mở đầu là: *Tình yêu và những quả mận khô*, kịch vui một màn của các ông Daniel, Antonin và cô Béontine.

“Mọi chuyện ổn cả, anh tự nhủ. Họ không diễn trong cùng một vở; ta tin chắc vào cái vở của mìnhl.

Rồi, anh bước vào một quán cà phê vườn Luxembourg để chờ giờ bắt cóc.

Tối đến, anh tới nhà hát. Màn biểu diễn đã bắt đầu. Anh đi dạo độ một tiếng dưới ban công trước cửa, cùng với cảnh sát.

Thỉnh thoảng, những tràng vỗ tay bên trong vắng đến tận chỗ anh như tiếng mưa đá ở xa và điều đó khiến anh đau lòng mà nghĩ rằng có thể đó là những cái nhần mặt thẳng bé của mình mà người ta vỗ tay như vậy... Khoảng chín giờ một làn sóng người ồn ào xô ra ngoài phố. Vở kịch vui vừa mới xong; có những người vẫn còn cười. Người ta huýt sáo, người ta gọi nhau: “Ô này!... Pilouitt!... Lala-itou!” tất cả những tiếng thốt lên của vườn thú Paris... Thế chứ! Không phải là tan rạp kịch Ý.

Anh còn chờ một lúc, mắt hút trong tiếng ồn ào đó rồi vào cuối buổi giải lao, khi mọi người trở vào, anh lén vào một lối đi tối om và dính nhóp bên cạnh nhà hát, - Lối vào của nghệ sĩ, - Và đòi nói chuyện với bà Irma Borel.

Không được, người ta bảo anh. Bà ấy đang trên sân khấu...

Thật là một kẻ thô lỗ đối với mưu mẹo, “mẹ Jacques” này!

Bằng cái vẻ lạng lẽ nhất, anh nói tiếp:

- Vì tôi không thể gặp bà Irma Borel, xin ông gọi giúp ông Daniel; ông ấy sẽ làm một việc tôi nhờ đến bà ta.

Một phút sau, “mẹ Jacques” đã lấy lại được thằng bé của mình và đem nó thật nhanh đến đầu kia của Paris.

XIV

GIẤC MƠ

- Hãy nhìn xem, Daniel - “Mẹ Jacques” nói với tôi khi chúng tôi bước vào căn phòng của khách sạn Pilois - Cứ như cái đêm em đến Paris vậy!

Quả thật như cái đêm ấy, một bữa ăn đêm vui vẻ đang chờ chúng tôi trên chiếc khăn trải bàn trắng muốt. Patê bốc mùi thơm, rượu có vẻ đáng kính, ngọn lửa sáng của những cây nến óng ánh dưới đáy cốc... Và dù vậy, không còn là như nhau. Có những niềm hạnh phúc mà người ta không làm lại.

Bữa ăn tối là như nhau; nhưng, ở đó thiếu hoa của những người cùng ăn cũ, những nỗi hăng hái tuyệt vời của chuyến đến, những dự kiến làm việc, những giấc mơ vinh hoa và lòng tin thiêng liêng làm cho cười và cho đói ấy. Than ôi, chẳng có lấy một! Chẳng có một người ăn khuya nào của thời trước lại muốn đến nhà ông Pilois. Tất cả họ đã ở lại trong gác chuông Nhà thờ Thánh Germain; ngay cả, vào lúc cuối, niềm thổ lộ, đã hứa với chúng tôi cổ mặt ở buổi lễ, lại bảo là nó không đến nữa.

Ồ! Không, chẳng còn phải là cũng chuyện ấy nữa. Tôi quá rõ điều ấy rằng đáng lẽ làm tôi vui, nhận xét của Jacques khiến mắt tôi trào lệ. Tôi dám chắc trong đáy lòng, anh cũng thế, anh rất muốn khóc; nhưng, anh có lòng can đảm nén lại và vừa bảo tôi vừa ra vẻ lạnh lợi - Nào! Daniel, khóc thế thôi! Em chỉ làm có mỗi việc ấy suốt nửa giờ nay (Trong xe, khi anh nói với tôi, tôi vẫn không thôi khóc trên vai anh). Một sự đón tiếp nực cười thật đấy. Em nhắc anh đích xác những ngày xấu nhất của lai lịch anh, cái thời những lọ hồ và câu: “Jacques, mày là một con lừa!”. Nào! Hãy lau khô nước mắt đi, anh chàng ăn năn ọ, và hãy nhìn vào gương mà xem, điều đó sẽ khiến em bật cười.

Tôi soi vào gương; nhưng, tôi không cười. Tôi làm mình xấu hổ... Tôi có bộ tóc giả màu vàng dán tịt vào trán, màu đỏ và trắng đầy má, mồ hôi, nước mắt nhem nhuốc... Thật là gớm guộc! Bằng một cử chỉ ghê tởm, tôi dứt bộ tóc của mình ra.

Nhưng vào lúc tôi ném nó đi, tôi suy nghĩ và đem treo nó lên chính giữa bức tường.

Jacques nhìn tôi rất sững sốt:

- Sao em để nó ở đấy, Daniel? Chiến lợi phẩm của kẻ chiến binh vô lại ấy, xấu lắm... Chúng ta có vẻ như đã lột da đầu Polichinelle ([85]) vậy.

Còn tôi thì trang nghiêm:

- Không! Jacques ạ, không phải là một chiến lợi phẩm. Đó là nỗi ăn năn của em, nỗi ăn năn sờ và thấy được mà em cứ muốn nó ở trước mắt mình.

Có bóng dáng một nụ cười cay đắng trên môi Jacques, nhưng ngay lập tức, anh làm ra mặt vui vẻ:

- Chà! Hãy để yên đấy. Bây giờ em hết nhem nhuốc rồi và anh lại thấy bộ mặt non choẹt thân yêu, ta hãy ngồi vào bàn, chàng tóc xoắn xinh xắn ạ, anh chết đói đây.

Không đúng đâu; anh không đói, cả tôi cũng thế. Trời đất ạ! Tôi cũng muốn có vẻ mặt tươi tỉnh trong bữa ăn, thì tất cả những gì tôi ăn lại nghẹn ở cổ họng và mặc dù tôi cố gắng để được bình tĩnh, tôi cứ âm thầm nhỏ lệ lên miếng patê của mình.

Jacques, người rình tôi bằng khoé mắt, một lúc sau bảo tôi:

- Tại sao em khóc?... Em tiếc là có mặt ở đây à? Có phải em giận anh đã bắt cóc em à?...

Tôi buồn bã trả lời anh:

- Nói gở đấy, Jacques ạ! Nhưng em cho anh cái quyền nói tất cả với em.

Chúng tôi còn tiếp tục ăn một lúc, hoặc đúng hơn là giả vờ ăn. Cuối cùng sốt ruột về tấn trò mà chúng tôi đóng với nhau, Jacques đẩy cái đĩa của mình và đứng dậy:

- Rõ ràng là bữa ăn không ổn; tốt nhất là chúng ta đi ngủ...

Chúng ta có một câu ngạn ngữ nói: “Lo thì khó ngủ.” Đêm ấy, tôi nhận ra điều đó. Mối lo của tôi, đó là nghĩ đến tất cả điều tốt mà “bà mẹ Jacques” đã làm cho tôi và tất cả những cái xấu mà

tôi đã đền đáp anh, là so sánh đời tôi với đời anh, tính ích kỷ của tôi và sự tận tụy của anh, tấm lòng trẻ con hèn nhát này với con tim anh hùng kia, đã lấy làm tôn chỉ: “Chỉ có một hạnh phúc ở đời, đó là hạnh phúc cho kẻ khác”. Cũng là tự nhủ: “Giờ đây, đời ta đã hỏng. Ta đã làm mất lòng tin của Jacques, tình yêu mắt đen, lòng quý mến của chính mình... Tôi sẽ ra sao đây?”.

Nỗi lo khủng khiếp đó bắt tôi thức chong chong đến tận sáng... Jacques cũng thế, không ngủ. Tôi nghe thấy anh quay phải quay trái trên chiếc gối của mình, rồi ho với một cơn ho khe khẽ khiến tôi cay mắt. Một lần, tôi hỏi anh thật khẽ:

- Anh ho à, Jacques? Anh có ốm không đấy?...

Anh trả lời tôi:

- Không sao... Ngủ đi...

Và bằng cái vẻ của anh, tôi hiểu là anh còn giận tôi hơn là anh không muốn tỏ ra. Ý nghĩ đó càng làm tăng nỗi đau khổ của tôi và tôi lại khóc một mình dưới tấm chăn, cứ thế đến nỗi cuối cùng tôi ngủ thiếp. Nếu nỗi lo ngăn giấc ngủ thì nước mắt là một chất thuốc ngủ.

Khi tôi tỉnh giấc trời đã sáng tỏ. Jacques không còn ở bên cạnh tôi nữa. Tôi cho là anh ra phố; nhưng khi vén rèm, tôi thấy anh ở đầu kia căn phòng, nằm trên một chiếc ghế dài và tái mét. Ôi! Tái mét... Tôi không biết có cái ý nghĩ khủng khiếp gì đó đã lướt qua đầu óc tôi.

- Jacques! - Tôi vừa kêu vừa lao về phía anh.

Anh ngủ, tiếng kêu của tôi không đánh thức anh. Chuyện lạ! Trong giấc ngủ, gương mặt anh có một cái vẻ đau buồn mà tôi chưa bao giờ thấy ở anh, mà vả lại đối với tôi cũng không phải là mới. Những đường nét của anh gầy đi, gương mặt dài ra, vẻ xanh xao của đôi má, vẻ trắng bệch của đôi bàn tay, tất cả điều đó khiến tôi nhìn thấy mà đau lòng, nhưng một nỗi đau đã cảm thấy trước.

Trong khi đó, Jacques chẳng bao giờ bị ốm. Trước đây, chẳng bao giờ anh có cái vòng tròn phớt xanh dưới đôi mắt ấy, gương mặt hốc hác ấy... Vậy trong cái thế giới nào trước đây, tôi có ảo ảnh về những chuyện đó?... Bỗng kỷ niệm về giấc mơ trở lại với tôi. Phải! Chính vậy, kìa chính là Jacques của giấc mơ, xanh xao, xanh xao khủng khiếp, nằm thượt trên chiếc ghế dài, anh vừa mới chết... Jacques vừa mới chết, Daniel Eyssette ơi, mà chính cậu đã giết anh ấy... Vào lúc đó, một tia nắng xám lẳng lẳng lọt vào cửa sổ, chạy như một con thằn lằn trên gương mặt xanh xao bất động kia... ôi dịu dàng! Thế là kẻ chết tỉnh giấc, dụi mắt và khi nhìn thấy tôi đứng trước mặt thì bảo với một nụ cười vui:

- Xin chào Daniel! Em ngủ có ngon không? Anh thì ho nhiều quá. Anh bèn nằm trên ghế kéo đánh thức em. Và mặc dù anh nói với tôi rất lạnh lẽ, tôi vẫn cảm thấy bắp chân mình còn run về ảo ảnh khủng khiếp mà tôi vừa có và tôi nói trong nơi kín đáo của lòng mình:

“Lạy Chúa Vĩnh hằng, hãy giữ gìn cho “mẹ Jacques” của con?”.

Mặc dù việc thức dậy buồn bã ấy, buổi sáng vẫn khá vui. Chúng tôi còn biết tìm lại một tiếng vọng qua những nụ cười sáng khoái xưa, khi vừa mặc quần áo, tôi vừa nhận thấy là tất cả quần áo, mình chỉ còn một chiếc quần cộc bằng vải fuyten, và một chiếc ghế màu đỏ có đuôi to, quần áo chải của sân khấu mà tôi có trên mình lúc bị bắt cóc.

- Chính thế, em thân yêu ạ! - Jacques bảo tôi - Người ta không nghĩ về tất cả. Chỉ có những tên Don Juan thiếu ý nhị mới nghĩ đến quần áo mang theo khi họ bắt cóc một người đẹp. Vả lại đừng sợ. Chúng ta sẽ làm cho em ăn mặc mới. Lại sẽ như lúc em tới Paris.

Anh nói điều đó để khiến tôi hài lòng, vì anh cảm thấy rõ như tôi rằng, không còn phải là cái chuyện ấy nữa.

- Nào! Daniel - Jacques tử tế của tôi vừa tiếp tục nói vừa nhìn gương mặt tôi, lại trở nên nghĩ ngợi - ta đừng nghĩ về quá khứ nữa. Đây là một cuộc sống mới đang mở ra trước mắt chúng ta; ta hãy bước vào không ân hận, không nghi kỵ và ta chỉ cố sao cho nó không xỏ ta cùng những cái vỏ như cuộc sống cũ... Điều mà từ nay em định làm, em ạ, anh không đòi hỏi em, mà anh thấy như nếu em muốn thực hiện một bản trường ca mới thì ở đây, địa điểm sẽ rất tuyệt để mà làm việc. Căn phòng yên tĩnh. Có chim hót trong vườn. Em đặt trước cửa sổ...

Tôi mạnh mẽ ngắt lời anh.

- Không! Jacques ạ, chẳng thơ ca, chẳng vần điệu gì nữa. Đó là những trò ngông tốn kém của anh quá. Điều em muốn bây giờ, đó là làm như anh, làm việc, kiếm sống và giúp anh hết sức mình để dựng lại tổ ấm.

Còn anh thì mỉm cười và bình tĩnh.

- Đó là những dự kiến đẹp, ông bướm xanh ạ; nhưng người ta không đòi hỏi ông điều đó. Không phải nói về việc kiếm sống của ông, mà nếu ông chỉ hứa... Nhưng, mặc kệ, chúng ta sẽ nói về chuyện đó sau. Hãy đi mua áo cho em đã.

Đến ra phố, tôi buộc phải khoác lên lưng một cái áo lễ của anh, nó rủ xuống đến tận gót và tạo cho tôi cái vẻ của một nhạc sĩ xứ Piemont ([86]), tôi chỉ thiếu có một cái đàn *hạc*. Vài tháng trước, nếu tôi phải chạy khắp phố với thứ quần áo lố lằng như vậy tôi đã chết vì xấu hổ mất; nhưng giờ đây, tôi còn biết bao chuyện xấu hổ đáng đánh hơn và những con mắt đàn bà có thể cười trên đường, tôi đi qua thì cũng không còn là cũng cái chuyện thời đôi giày cao su của tôi nữa...Ồ! Không, không còn là cũng cái chuyện ấy nữa.

"Giờ đây thì em đã là người theo đạo,- "me Jacques" nói với tôi khi ra khỏi nhà người bán quần áo cũ,- anh sẽ đưa em về khách sạn Pilois; rồi anh sẽ đi xem người bán đồ sắt mà anh giữ sổ sách trước khi anh đi có còn muốn cho anh làm việc không...Tiền của Pierrotte không lâu bền anh phải nghĩ đến nỗi hăm của chúng ta."

Tôi muốn nói với anh: "Này, Jacques, cứ đi đến nhà buôn sắt của anh đi. Em biết trở về nhà một mình đấy!"

Nhưng điều anh làm, tôi hiểu chứ, đó là để chắc chắn rằng tôi sẽ không quay trở lại Montpamasse. Ôi! Nếu anh có thể đọc được lòng tôi.

Để làm anh yên lòng, tôi mặc anh đưa mình về đến khách sạn; nhưng, anh vừa quay gót thì tôi đã ù té ra phố. Tôi cũng có những việc chạy phải làm chứ...

Khi tôi trở về thì đã muộn. Trong đám sương mù của thửa vườn, một cái bóng đen to bứt rứt đi lại. Đó là "me Jacques" của tôi.

- Em trở về thế là phải lắm, anh vừa bảo tôi vừa run lấy bầy. Anh sắp đi Montpamasse...

Tôi nổi cơn giận:

- Anh nghi ngờ em quá, Jacques ạ, thế là không rộng lượng... Lẽ nào chúng ta cứ thế mãi? Lẽ nào anh chẳng bao giờ gửi gắm lòng tin cho em? Em xin thề với anh về những gì em có là thân nhất ở đời, về việc em không từ nơi anh nghĩ đến, rằng người đàn bà ấy đối với em như đã chết... rằng em không bao giờ gặp lại mặt nữa, rằng anh đã đoạt lại em hoàn toàn và rằng quá khứ khủng khiếp mà tình thân thiết của anh đã bứt em ra ấy chỉ để lại cho em những mối hận chứ không một niềm tiếc thương... Còn phải nói với anh thế nào để anh tin? Ôi! Này, đồ độc ác. Em cứ phải phanh ngực cho anh xem thì anh mới thấy là em không nói dối chắc.

Điều anh trả lời không còn lưu lại trong tôi, nhưng tôi nhớ rằng trong bóng tối, anh buồn bã lắc đầu ra điều nói: "Chao ôi! Anh muốn tin em quá đi chứ...".

Và trong khi đó, tôi thành thật mà nói với anh như vậy. Hẳn là chỉ tôi thôi thì tôi chẳng bao giờ có can đảm bứt ra khỏi người đàn bà ấy, nhưng giờ đây, dây xích đã bị đứt, tôi cảm thấy một nỗi nhẹ mình khó tả. Cũng như những người cố làm mình chết bằng hơi than và hối hận vào phút cuối khi đã quá muộn và sự ngạt thở đã bóp lấy cổ họ và làm họ tê liệt thì bỗng những người hàng xóm đến, cánh cửa bung ra, không khí cứu nạn lưu thông trong phòng và những người tự tử khốn khổ uống lấy uống để, sung sướng còn sống và hứa chắc là không lặp lại nữa. Tôi cũng vậy, sau năm tháng ngột ngạt tinh thần, tôi hít đầy mũi không khí trong lành của cuộc sống lương thiện, tôi hít nó đầy lồng ngực và tôi xin thề có Chúa với bạn là tôi không muốn quay lại nữa... Đó là điều Jacques không muốn tin và tất cả những lời thề trên đời cũng không thuyết phục được anh về sự thành thật của tôi... Anh chàng khốn khổ!

Tôi đã khiến anh động lòng biết bao!

Chúng tôi sống cái tối đầu tiên ấy ở nhà mình, ngồi ở góc lửa như về mùa đông, vì căn phòng

ấm ướt và sương mù ngoài vườn thấu đến tận xương tuỷ chúng tôi... Rồi, bạn biết không. Khi người ta buồn, nhìn thấy một chút lửa dường như thật dễ chịu... Jacques làm việc, tính toán. Khi anh vắng mặt, người buôn sắt muốn tự mình giữ sổ sách và kết quả là quá ư nguếch ngoác, một sự lộn xộn về nợ đến nỗi giờ đây phải mất một tháng làm cật lực mới thu xếp công việc lại cho chỉnh. Như bạn nghĩ, tôi chẳng còn làm gì tốt hơn là xin giúp “mẹ Jacques” tôi trong hoạt động này. Nhưng, những con bướm xanh chẳng hiểu gì về số học cả; và sau một giờ trôi qua trên những cuốn vở buôn bán lớn vạch đỏ và đầy những điều khó hiểu lạ lùng tôi buộc phải ném bút cho chó nhá.

Jacques thì làm tuyệt vời cái công việc hóc búa ấy.

Đầu cúi xuống, anh tẩn công vào chỗ những con số dày đặc nhất, còn những cột lớn thì không làm anh sợ. Thỉnh thoảng, đang lúc làm việc, anh ngoảnh lại phía tôi và bảo tôi, lòng hơi áy náy về vẻ mơ màng lạng lẽ của tôi:

- Chúng ta tươm đấy, có phải không? Dù sao, em cũng không buồn chán đấy chứ?

Tôi không buồn chán mà tôi buồn khi thấy anh chuốc lấy bao nhọc nhằn, nên tôi nghĩ, đầy cay đắng: “Tại sao tôi ở trên trần thế này?... Tôi không biết làm gì với đôi cánh tay mình... Tôi trả giá cho cái chỗ của mình dưới ánh nắng cuộc đời. Tôi chỉ được cái dẫn dắt mọi người và làm những đôi mắt yêu mình phải khóc...”. Vừa tự nhủ điều ấy tôi vừa nghĩ đến đôi mắt đen và đau đớn nhìn cái hộp nhỏ có chỉ vàng mà Jacques đã đặt - có lẽ có ý đồ - lên cái chòm vuông của chiếc đồng hồ quả lắc. Cái hộp ấy, nó nhắc tôi biết bao điều! Biết bao chuyện nó đã nói với tôi từ trên cao cái đế bằng đồng của nó.

“Đôi mắt đen đã cho mi tấm lòng của chúng, mi đã làm gì nó?... Nó bảo tôi. Mi đã vớt nó cho bọn thú ăn... Chính Coucou-Blanc đã ăn nó”.

Còn tôi, vẫn giữ một cái mầm hy vọng dưới đáy lòng, tôi cố hồi sinh lại, sưởi ấm bằng hơi thở của tôi tất cả những niềm hạnh phúc cũ bị chính bàn tay tôi giết chết. Tôi nghĩ: “Chính Coucou-Blanc đã ăn thịt nó!... Chính Coucou-Blanc đã ăn thịt nó!”.

Cái buổi tối dài buồn bã ấy trôi qua trước lửa, để làm việc và mơ nghĩ lông bông, trình bày cho bạn khá rõ cuộc sống mới mà từ nay chúng tôi sẽ tiến hành. Tất cả những ngày tiếp sau cũng giống như buổi tối ấy... Hiển nhiên là không phải Jacques mơ nghĩ lông bông. Bạn còn cả mười giờ trên những cuốn sách lớn, vùi đầu ngập đến cổ trong những con số. Trong khi đó thì tôi cời lửa và vừa cời lửa, tôi vừa nói với cái hộp nhỏ có chỉ vàng: “Ta hãy nói một chút về đôi mắt đen, mày có muốn không?...”. Vì để nói chuyện ấy với Jacques, chẳng cần phải nghĩ ngợi. Vì một lý do này khác, anh cẩn thận tránh mọi cuộc trò chuyện về chủ đề này. Cũng chẳng ngại cả một lời về Pierrotte. Chẳng gì cả... Vậy nên, tôi trả thù với chiếc hộp nhỏ và những câu chuyện của chúng tôi không chấm dứt.

Vào giữa ngày, khi tôi thấy “mẹ tôi” thật sự túi bụi vào sổ sách, tôi đi nhón chân ra cửa, rồi nhẹ nhàng chuồn mất mà bảo:

- Tí nữa em về, Jacques nhé!

Chẳng bao giờ anh hỏi tôi đi đâu; nhưng tôi hiểu ở cái vẻ khổ sở, cái giọng đầy lo lắng mà anh bảo tôi: “Em đi hử?” chứng tỏ anh không tin tưởng ở tôi lắm. Ý nghĩ về người đàn bà đó luôn theo đuổi anh. Anh nghĩ: “Nếu nó gặp lại mẹ ta thì chúng ta thất bại?...”.

Còn ai mà biết được? Có thể anh có lý. Có lẽ là nếu tôi gặp lại mẹ, cái mẹ phù thủy, thì tôi còn chịu bùa mê mà mẹ tác động vào con người khốn khổ của tôi, với cái bờm vàng tái nhợt và cái dấu seo màu trắng ở mép... Nhưng, nhờ Trời! Tôi không gặp lại mẹ. Một ông từ *Tám-đến-Mười* nào đó hẳn đã khiến mẹ quên mất Dani-Dan của mình và chẳng còn bao giờ, chẳng bao giờ tôi còn nghe nói về mẹ cũng như về con da đen Coucou-Blanc của mẹ nữa.

Một buổi tối, khi từ một trong những chuyến đi bí hiểm của tôi trở về, tôi bước vào phòng với một tiếng reo vui:

- Jacques! Jacques! Một tin tốt lành. Em đã tìm được chỗ làm. Thế là mười ngày nay chẳng nói gì với anh, em đi bát phố với ý đồ đó. Cuối cùng thế là xong. Em có một chỗ làm... Ngay ngày mai, em vào làm tổng thanh tra trường Ouly ở Montmartre, gần ngay nhà chúng ta... Em sẽ đi

từ bảy giờ sáng đến bảy giờ tối...Sẽ mất nhiều thời gian sống xa anh nhưng ít nhất, em cũng kiếm sống và em có thể đỡ anh một phần.

Jacques ngẩng đầu khỏi những con số và trả lời tôi khá lạnh lùng:

- Nói thật! Em thân yêu ạ, em đến cứu anh được lắm...Cửa nhà sẽ quá nặng đối với một mình anh. Anh chẳng biết mình thế nào nữa, nhưng ít lâu nay, anh cảm thấy ốm yếu lắm.

Một cơn ho mạnh ngăn anh nói tiếp. Anh đánh rơi chiếc bút bằng một vẻ buồn bã và đến gieo mình lên cái ghế dài...

Thấy anh duỗi dài trên đó, tái xanh, tái xanh một cách khủng khiếp, ảo ảnh đáng sợ của giấc mơ cũ lại một lần nữa đi qua trước mắt, nhưng đó chỉ là một tia chớp... Hầu như lập tức, “mẹ Jacques” của tôi lại trở dậy và cất tiếng cười khi thấy vẻ mặt ngơ ngác của tôi:

- Chẳng sao cả, ngốc ạ! Chỉ hơi mệt... Mấy ngày gần đây, anh đã làm việc nhiều... Giờ đây, vì em đã có một chỗ làm, anh sẽ thấy dễ chịu hơn và trong tám ngày nữa, anh sẽ khỏi.

Anh nói điều đó khá tự nhiên bằng một gương mặt khá tươi cười đến nỗi những linh cảm buồn của tôi tan biến mất và trong hơn một tháng, tôi không còn nghe thấy trong đầu tiếng đập những đôi cánh đen của chúng nữa...

Ngày hôm sau, tôi bước vào trường Ouly.

Mặc cho tấm nhãn đề khoa trưởng, trường Ouly là một ngôi trường nhỏ làm trò hề, do một bà già có dải tóc thông hai bên cổ mà bọn trẻ gọi là “bạn tốt” quản lý. Trong đó có hai chục đứa trẻ ngây ngô, mà bạn biết chứ! Những đứa bé tí, những đứa đến lớp với một bữa quà chiều trong cái lẵng và bao giờ cũng có một mẫu áo dầy lên. Đó là học trò của chúng tôi. Bà Ouly dạy chúng những bài Thánh ca; còn tôi, tôi vỡ lòng cho chúng về những bí ẩn của bảng chữ cái. Ngoài ra, tôi cũng được giao trông coi giờ ra chơi trong một cái sân, nơi có những con gà mái và một con gà tây trống mà các vị này rất sợ. Cũng có đôi khi, lúc bà “bạn tốt” bị thống phong, chính tôi là người lau chùi lớp, công việc rất thiếu xứng đáng với một tổng thanh tra và mặc dù không ghê tởm, tôi vẫn cảm thấy sung sướng có thể kiếm sống cho mình... Buổi tối, khi trở về khách sạn Pilois, tôi thấy bữa tối đã dọn và “mẹ Jacques” đang chờ mình... Sau khi ăn, bước vội quanh vườn vài vòng rồi thức bên góc lửa... Đây là tất cả cuộc sống chúng tôi... Thỉnh thoảng, người ta nhận được một lá thư của ông hoặc bà Eyssette; đó là những biến cố lớn của chúng tôi. Bà Eyssette tiếp tục sống ở nhà cậu Baptiste; ông Eyssette thường đi xa cho Công ty rượu vang. Công việc chạy không đến nỗi tồi. Những món nợ ở Lyon đã trả được ba phần tư. Trong một hai năm, tất cả sẽ được thanh toán và người ta có thể nghĩ đến lại về tụ tập tất cả với nhau...Trong khi chờ đợi, tôi thì tôi có ý là bảo bà Eyssette đến khách sạn Pilois với chúng tôi, nhưng Jacques không muốn.

- Đừng! Chưa nên - Anh nói với một vẻ lạ - chưa nên... Ta hãy đợi!

Và câu trả lời đó, luôn như vậy, khiến tôi đau lòng. Tôi tự nhủ: “Anh ấy không tin mình... Anh ấy sợ mình còn làm một chuyện rồ dại nào đó khi bà Eyssette sẽ ở đây... Chính vì thế nên anh còn muốn đợi...”. Tôi nhầm... Không phải vì thế mà Jacques nói : “Ta hãy đợi!”

XV

GIẤC MƠ ĐÃ NÓI ĐÚNG

Hỡi bạn đọc, nếu bạn có một tinh thần mạnh mẽ, nếu những giấc mơ khiến bạn mỉm cười, nếu bạn chẳng bao giờ có trái tim bị cắn rứt - bị cắn đến phải kêu lên - vì linh cảm thấy những điều sắp tới, nếu bạn là một người thiết thực, một trong những cái đầu bằng mắt mà chỉ có

thực tế gây xúc động và không để vương một chút mê tín trong chất não chúng, nếu bạn không muốn bất cứ lúc nào tin vào cái siêu nhiên. Chấp nhận cái không cắt nghĩa được, thì không đọc hết hồi ký này. Điều tôi còn phải nói trong những chương cuối này là có thật như sự thực muốn thuở; nhưng, bạn sẽ không tin được.

Đó là ngày bốn tháng chạp...

Tôi từ trường Ouly về còn nhanh hơn lệ thường. Buổi sáng, tôi đã để Jacques đang kêu rất mệt ở nhà và tôi mong mỗi biết tin anh. Khi đi qua khu vườn, tôi lao vào chân ông Pilois, đứng bên cây vả và đang thăm thì trò chuyện với một nhân vật ngắn người và to chân, đang tỏ ra rất vất vả với công việc cài khuy tất tay.

Tôi muốn xin lỗi và bỏ đi, nhưng ông chủ khách sạn giữ tôi lại:

- Nói một câu, ông Daniel!

Rồi, quay về phía người kia, ông nói thêm:

- Đây là anh chàng đang nói đến. Tôi tin là ông nên báo trước cho cậu ấy...

Tôi đứng lại, rất muốn biết cái ông to lớn phúc hậu kia muốn báo trước cho tôi điều gì? Tất cả ông sao mà quá ngắn đối với những bàn tay? Tất nhiên, tôi thấy rõ điều đó!...

Có một lúc im lặng và ngượng ngịu, ông Pilois, mũi hếch lên trời, nhìn vào cây vả như để tin ở đó có những quả vả mà ở đó không có.

Người đàn ông có tất tay cứ kéo mạnh những cái khuyết...

Dù sao, cuối cùng, ông cũng quyết định nói; nhưng không rời cái khuy của mình, bạn đừng sợ nhé.

- Ông a - ông bảo tôi - đã hai mươi năm rồi, tôi là thầy thuốc của khách sạn Pilois, nên tôi dám khẳng định...

Tôi không để ông nói xong câu. Cái từ thầy thuốc ấy đã cho tôi hay tất cả.

- Ông đến chữa cho anh tôi? - Tôi vừa hỏi ông vừa run - Anh ấy ốm lắm, phải không?

Tôi không tin ông thầy thuốc đó là một người dữ tợn, nhưng vào lúc đó, nhất là chính đôi tất tay khiến ông bận bịu và chẳng nghĩ là mình nói với cậu bé của Jacques, không cố hăm bót cái vỏ đầu, ông tàn nhẫn trả lời tôi:

- Cậu ấy ốm quá? Tôi tin chắc...cậu ấy sẽ không qua được đêm nay.

Thật đúng là trời giáng, tôi xin trả lời bạn thế. Ngôi nhà, khu vườn, ông Pilois, người thầy thuốc, tôi thấy quay cuồng tất cả. Tôi buộc phải tựa vào cây vả. Ông ta có cái cổ tay thô, ông bác sĩ của khách sạn Pilois ấy!... Vả lại, ông chẳng nhận thấy cái gì, nên tiếp tục hết sức bình thản mà chẳng ngừng cài khuy tất tay:

- Đó là một trường hợp làm chết ngay của lao tẩu mã...Chẳng còn gì để làm cả, vả lại, chẳng còn gì nghiêm trọng...Hơn nữa, người ta đã báo cho tôi quá ư chậm trễ, như vẫn thế.

- Đó không phải là lỗi của tôi, bác sĩ a - ông Pilois tốt bụng cứ cố chăm chú tìm kỹ những quả vả, một cách cũng như những người khác để giấu nước mắt, nói: - “Đó không phải là lỗi của tôi. Tôi biết từ lâu rằng ông ấy ốm, cái ông Eyssette tội nghiệp ấy, nên tôi vẫn khuyên ông ấy bảo ai đó đến; nhưng, ông ấy không bao giờ muốn. Chắc là ông ấy sợ làm cậu em hoảng... Thật là gán bó, ông thấy không? Những cậu bé đó!”

Một tiếng nức nở vô vọng bật ra từ đáy lòng tôi.

- Nào! Con trai ta, can đảm lên! - Người đi tất tay bảo tôi với một vẻ tốt bụng - Ai mà biết được? Khoa học đã phát ra lời trắng trối, nhưng tự nhiên thì còn chưa. Sáng mai, tôi sẽ trở lại.

Nói vậy, ông quay ngoắt một cái và rời xa với một tiếng thở dài mãn nguyện; ông ta vừa mới cài được một cái khuy!

Tôi còn đứng một lúc bên ngoài để lau mắt và trấn tĩnh một chút; và lấy hết sức can đảm, tôi bước vào trong căn phòng của chúng tôi với một vẻ thung dung.

Khi mở cửa, cảnh tôi thấy khiến tôi khiếp sợ. Để nhường giường cho tôi chắc, Jacques đã

quen đặt một tấm đệm lên chiếc ghế dài và chính ở đó tôi thấy anh tái xanh, tái xanh một cách khủng khiếp, giống như Jacques trong mộng của tôi vậy.

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là gieo mình vào anh, ôm lấy anh trong cánh tay và mang lên giường, bất cứ đâu, nhưng nhắc anh lên khỏi đó. Trời ơi, nhắc anh lên khỏi đó. Rồi, lập tức tôi có ý nghĩ này: “Mi không thể làm được đâu, anh ấy quá lớn!”. Và thế là, khi nhìn thấy “me Jacques” của tôi vẫn cứ nằm thượt ở nơi mà giấc mơ đã bảo là anh phải chết; tôi mất cả can đảm; cái mặt nạ vui vẻ gương gạo mà người ta đeo lên mặt để trấn an những người hấp hối, không thể giữ được trên má tôi, nên tôi đến ngã khuỵu gối gần chiếc ghế dài mà trút cả suối nước mắt.

Jacques khó nhọc quay mình lại phía tôi:

- Em đấy à, Daniel?... Em đã gặp ông thầy thuốc phải không? Dù sao anh cũng đã dặn kỹ ông ấy là đừng làm em sợ, cái ông to xác ấy. Nhưng, anh thấy ở cái vẻ của em là ông ấy đã chẳng làm gì và em biết tất cả... Hãy đưa tay cho anh, em bé bỏng... Quái, ai lại ngờ được một chuyện như vậy? Có những người đi đến Nice để chữa căn bệnh về ngực của họ; anh thì anh đã đi để mà kiểm lấy một... Thật là hoàn hảo độc đáo... ôi! Em biết chứ? Nếu em buồn phiền thì em sẽ tước hết mọi lòng can đảm của anh; anh đã chẳng dũng mãnh cho lắm. Sáng nay, sau khi em đi, anh hiểu là điều đó sẽ hỏng. Anh đã cử người đi tìm linh mục Nhà thờ Thánh Pierre; ông ấy đến thăm anh và chốc nữa sẽ trở lại đem cho anh những thánh lễ... Điều đó sẽ làm cho mẹ chúng ta hài lòng; em hiểu chứ!... Thật là một ông già tốt bụng, cái ông linh mục ấy... tên ông ấy cũng như ông bạn em ở Trường Trung học Sarlande.

Anh không thể nói lâu hơn và đổ xuống gối mà nhắm mắt lại. Tôi cho là anh sắp chết, nên bắt đầu kêu thật to:

- Jacques ! Jacques ! Bạn em ! ...

Bằng bàn tay, chẳng nói gì, anh bảo tôi: “Suyt! Suyt!” nhiều lần.

Lúc đó cửa mở, ông Pilois bước vào trong phòng theo sau là một người to lớn lặn như một quả bóng đến cái ghế dài mà kêu:

- Tôi được biết cái gì thế này, ông Jacques?... Thật đúng lúc để mà nói...

- Xin chào Pierrotte. Jacques vừa nói vừa mở mắt trở lại; xin chào bạn thân mến của tôi. Tôi tin rất chắc là anh sẽ đến ngay khi có hiệu... Hãy để anh ấy ngồi kia! Daniel, cả hai chúng ta cần nói chuyện.

Pierrotte cúi cái đầu to của mình xuống tận đôi môi tái của người hấp hối và họ cứ giữ như vậy một lúc lâu mà thì thầm tâm sự. Tôi thì tôi im lặng ở giữa phòng mà nhìn. Tôi còn kẹp những quyển sách dưới cánh tay. Ông Pilois nhẹ nhàng rút chúng ra hộ tôi vừa bảo tôi điều gì đó mà tôi không nghe thấy; rồi ông đi châm nến và đặt lên bàn một chiếc khăn lớn màu trắng. Trong lòng, tôi tự nhủ: “Tại sao ông để bộ đồ ăn?... Phải chăng chúng tôi sắp ăn chiều?... Nhưng, tôi không đói!”.

Trời đổ tối. Bên ngoài, trong khu vườn, có những người ở khách sạn làm hiệu cho nhau mà nhìn cửa sổ chúng tôi, Jacques và Pierrotte vẫn nói chuyện. Thỉnh thoảng, tôi nghe thấy anh chàng Cévennes nói với cái giọng to đầy nước mắt:

- Phải, ông Jacques ạ... Phải, ông Jacques ạ...

Nhưng, tôi không dám lại gần... Tuy vậy, cuối cùng, Jacques gọi tôi và bảo tôi ngồi lên đầu giường anh, bên cạnh Pierrotte:

- Daniel, em thân yêu - Anh cố nói với tôi sau một lúc nghỉ lâu - Anh rất lấy làm buồn buộc phải xa rời em; nhưng có một điều an ủi anh: Anh không bỏ em đơn độc ở đời... Em còn có Pierrotte tốt bụng, tha thứ cho em và tình nguyện thay anh ở bên em...

- Ồ! Phải! Ông Jacques ạ, tôi tình nguyện... *đúng là dịp để mà nói...* tôi tình nguyện...

- Em thấy không! Cậu bé khốn khổ của anh - “Me Jacques” tiếp tục nói - Chẳng bao giờ mình em có thể gây dựng lại tổ ấm gia đình... Không phải để làm em phiền lòng mà em là một kẻ gây dựng tổ ấm vụng... Dẫu có, anh tin là có Pierrotte giúp, em sẽ thực hiện được ước mơ của chúng ta... Anh không đòi hỏi em cố trở nên một người lớn; anh nghĩ cũng như Trưởng tu viện

Germane rằng em sẽ là một đứa trẻ suốt đời mình. Nhưng, anh xin em mãi mãi là một đứa bé tốt, một đứa trẻ can đảm và nhất là... lại gần đây một chút để anh nói điều đó vào tai... và nhất là đừng làm cho đôi mắt đen phải khóc.

Đến đây, người anh thân yêu khốn khổ của tôi còn nghỉ một lúc; rồi anh lại nói:

- Khi nào xong xuôi tất cả, em sẽ viết thư cho bố và mẹ. Chỉ có điều phải cho họ biết chuyện từng tí một... Bằng chỉ một lần, điều đó sẽ làm cho họ quá đau khổ... Giờ đây, em mới hiểu tại sao anh không bảo bà Eyssette đến chứ? Anh không muốn bà ấy có mặt ở kia. Đó là những lúc quá tồi tệ cho bà mẹ...

Anh ngừng lại và nhìn về phía cửa.

- Kìa Chúa đấy! - Anh mỉm cười nói.

Và anh ra hiệu để chúng tôi tránh ra.

Đó là người ta mang lễ ban thánh thể đến. Trên khăn bàn trắng, giữa những cây nến, bánh thánh và dầu thánh được bày ra. Sau đó, linh mục tiến lại gần giường và cuộc lễ bắt đầu...

Khi đã xong. - Ôi! Tôi thấy thật là lâu! - Khi đã xong, Jacques dịu dàng gọi tôi lại gần anh: "Hôn anh đi."

Và giọng anh khá yếu đến nỗi có vẻ như anh nói với tôi từ xa... Quả thực, phải rất xa, vì từ mười hai giờ nay, bệnh lao tủy mã khủng khiếp đã bắt anh nằm bẹp trên đôi vai gầy và đem anh về với cái chết nhanh gấp ba lần ngựa phi nước đại!...

Thế là, khi tiến lại để hôn anh, bàn tay tôi đụng bàn tay anh, bàn tay thân thiết ấm những mồ hôi của lúc lâm chung.

Tôi vớ lấy nó và không rời nó ra nữa... Chúng tôi cứ để vậy không biết bao nhiêu lâu; có thể một tiếng, có thể mãi mãi, tôi chẳng biết gì hết. Anh không nhìn thấy tôi nữa. Duy có điều, nhiều lần, bàn tay anh động đây trong tay tôi như để nói với tôi: "Anh cảm thấy là em đang ở kia". Bỗng, một cơn giật nảy kéo dài lay động tẩm thân khốn khổ của anh từ đầu đến chân. Tôi thấy anh mở mắt ra và nhìn quanh như tìm một ai; và khi tôi cúi xuống anh, tôi nghe thấy anh nói hai lần rất khẽ:

- Jacques, mày là một con lừa... Jacques, mày là một con lừa...

Rồi, chẳng có gì nữa... Anh đã chết...

Ôi! Giấc mơ!...

Đêm ấy gió to. Thán gió đập hắt những nắm sương đá nhỏ vào kính cửa. Trên chiếc bàn ở đầu căn phòng, một cây Thánh giá sáng rực giữa hai ngọn nến. Quỳ gối trước cây Thánh giá, một ông linh mục mà tôi không quen cầu nguyện bằng một giọng mạnh mẽ trong tiếng ồn của gió... Tôi thì tôi không cầu nguyện; tôi cũng không khóc nữa... Tôi chỉ có một ý nghĩ, một định kiến đó là ủ nóng bàn tay của người thân yêu mà tôi cầm thật chặt trong tay. Than ôi! Buổi sáng càng đến gần, bàn tay đó càng trở nên nặng và giá buốt.

Bỗng ông linh mục đang đọc tiếng Latinh ở kia, trước mắt chúa Kitô, đứng dậy và đến vỗ vào vai tôi:

- Hãy cố cầu nguyện... - ông bảo tôi - việc đó sẽ mang lại điều tốt cho con.

Lúc đó, chỉ có tôi nhận ra ông... Đó là một người bạn thân ở Trường Trung học Sarlande; chính Trưởng tu viện Germane, với gương mặt đẹp bị méo mó và cái dáng lính đầu rồng mặc áo dòng của ông... Nỗi đau đớn đã làm tôi rã rời, nên tôi không sững sốt khi thấy ông. Điều đó, tôi thấy thật đơn giản. Nhưng, ông ở đây, thì ra thế này.

Cái ngày mà chú bé Chose rời Trường Trung học, Trưởng tu viện Germane đã bảo cậu:

- Tôi có một người anh ở Paris đấy, một ông cha xứ tử tế...nhưng thôi! Cho cậu địa chỉ của ông làm gì?... Tôi chắc là cậu sẽ không đến.

Ban hãy suy nghĩ về định mệnh một chút! Ông anh của Trưởng tu viện ấy là cha xứ Nhà thờ Thánh Pierre ở Montparnasse và chính ông mà bà mẹ Jacques tội nghiệp của tôi đã gọi đến giường chết của mình. Đúng lúc ấy, thì ra Trưởng tu viện tạt qua Paris và ở nhà cha xứ... Chiều

ngày bốn tháng chạp, người anh bảo ông:

- Ta vừa mới đem lễ xức dầu lần cuối cho một thằng bé khốn khổ chết ở gần đây. Phải cầu nguyện cho nó, Trưởng tu viện ạ!

Trưởng tu viện trả lời:

- Ngày mai, em sẽ nghĩ đến việc ấy khi em làm lễ. Tên nó là gì?...

- Họm đã... đó là một cái tên miền Nam, khá khó nhớ... Jacques Eyssette... Phải, đúng thế... Jacques Eyssette...

Cái tên ấy nhắc cho Trưởng tu viện một viên giám thị nhỏ mình quen biết; và không để mất một phút, ông chạy đến khách sạn Pilois... Khi bước vào, ông nhận ra tôi đứng, nắm chặt tay Jacques. Ông không muốn làm xáo trộn nỗi đau của tôi và cho mọi người lùi ra, nói rằng ông sẽ trông nom tôi; rồi ông quỳ, và chỉ rất muộn về đêm, vì sợ sự bất động của tôi, ông mới đập vào vai tôi và tự giới thiệu.

Kể từ lúc đó, tôi không còn biết rõ lắm điều gì đã xảy ra.

Đoạn kết cái đêm khủng khiếp, ngày tiếp sau đó, hôm sau ngày đó và còn nhiều hôm sau nữa chỉ để lại cho tôi những kỷ niệm mơ hồ mệnh mang. Ở đó có một cái hốc lớn trong trí nhớ của tôi. Tuy nhiên, tôi nhớ - nhưng như những điều xảy đến đã hàng thế kỷ - về một cuộc đi bộ lê thê trong bùn của Paris, đằng sau chiếc xe màu đen. Tôi thấy mình đi, đầu trần, giữa Pierrotte và Trưởng tu viện Germane. Một cơn mưa lạnh lẫn mưa đá nhỏ quất vào mặt chúng tôi; Pierrotte có một chiếc ô lớn; nhưng, anh cầm khá vụng và mưa rơi khá mau đến nỗi chiếc áo dòng của Trưởng tu viện nhỏ nước ròng ròng, bóng loáng... Trời mưa! Trời mưa! Ôi, mưa biết bao nhiêu!

Gần chúng tôi, bên cạnh chiếc xe, một ông dài người, mặc toàn đen, cầm một chiếc gậy gỗ mun bước đi. Ông ấy chính là người trưởng lễ, một thứ thị thần của cái chết. Cũng như mọi quan thị thần, ông mặc một chiếc áo khoác bằng lụa, cái kiếm, cái quần cộc và chiếc mũ lò xo... Có phải là một ảo giác của đầu óc tôi không?... Tôi thấy con người này giống ông Viot, Giám thị trưởng của Trường Trung học Sarlande. Ông ta cũng dài người như lão, để cái đầu nghiêng về bên vai như lão và mỗi khi ông nhìn tôi, ông cũng có cùng một nụ cười giả dối và lạnh lùng chạy trên môi của kẻ giữ chìa khoá. Không phải ông Viot, nhưng có lẽ. Đó là cái bóng của lão.

Cỗ xe màu đen vẫn cứ tiến, nhưng khá chậm...khá chậm...

Tôi thấy như chúng tôi không bao giờ đến nơi... Cuối cùng thì đây, chúng tôi ở trong một khu vườn buồn bã, ngập một thứ bùn vàng vàng mà người ta lún đến mắt cá chân. Chúng tôi dừng lại bên miệng một cái hố lớn. Có những người mặc áo choàng ngắn mang một chiếc hộp lớn rất nặng phải cho xuống đấy. Thao tác khó khăn. Những sợi dây thừng, cứng đơ vì mưa, không trượt đi. Tôi nghe một người kêu:

- Chân đi trước! Chân đi trước!...

Trước mặt tôi, phía bên kia hố, cái bóng của ông Viot, đầu ngả về bên vai, tiếp tục mỉm cười dịu dàng với tôi. Dài, mỏng, bị bó trong quần áo tang, nó tách ra khỏi nền trời xám như một con cào cào màu đen lớn ướt sũng...

Giờ đây, tôi có một mình với Pierrotte... Chúng tôi đi xuống khu ngoại ô Montparnasse... Pierrotte tìm một chiếc xe, nhưng anh không thấy. Tôi đi bên cạnh anh, chiếc mũ cầm ở tay; tôi thấy như mình vẫn cứ ở đằng sau chiếc xe tang... Suốt dọc vùng ngoại ô, người ta quay lại để nhìn con người to lớn vừa khóc vừa gọi xe ngựa khách và đưa trẻ đi đầu trần dưới cơn mưa hắt.

Chúng tôi cứ đi, đi mãi. Còn tôi thì mệt, đầu nặng chịch... Cuối cùng đây là lối đi Saumon, ngôi nhà cũ Lalouette có những tấm ván cửa sơn, chảy ròng ròng những màu lục... Không vào trong quây chúng tôi lên nhà Pierrotte... Ở tầng một, tôi ngồi trên một bậc. Không thể đi xa hơn; đầu tôi nặng trĩu... Thế là Pierrotte cắp tôi trong cánh tay và trong khi anh mang tôi lên nhà, chết đến ba phần tư và lấy bẫy vì sốt, tôi nghe thấy tiếng mưa đá nhỏ tí tách đập vào cửa kính của lối đi và nước những ống máng đổ ầm ỉ trong sân... Trời mưa! Trời mưa! Ôi! Mưa biết bao nhiêu!

XVI

ĐOẠN CUỐI GIẤC MƠ

Chú bé Chose bị ốm; chú bé Chose chết mất... Trước lối đi Saumon, một cái giường khiêng rộng, bằng rơm mà người ta thay mới cứ hai ngày một lần, ý nói với người hàng phố: Trên kia có một lão giàu sụ đang sắp chết...

Không phải một ông lão giàu sụ đang sắp chết, mà đó là chú bé Chose... Tất cả những thầy thuốc đã không chữa được cậu. Hai bệnh thương hàn trong hai năm, thật là quá nhiều đối với cái óc nhỏ của con chim ruồi! Nào, mau lên, hãy đóng một cái xe màu đen! Con cào cào lớn hãy chuẩn bị chiếc gậy gõ mun và nụ cười đau buồn đi! Chú bé Chose bị ốm; chú bé Chose sắp chết.

Phải thấy một cảnh rụng rời ra sao trong ngôi nhà cũ Lalouette! Pierrotte không ngủ nữa; đôi mắt đen thất vọng.

Người đàn bà lẩm tài hăng hái lật mở cuốn Raspail ([87]) của mình vừa cầu xin Thánh camphre ([88]) chân phúc làm một phép lạ mới chiếu cố đến con bệnh thân thương... Phòng khách màu vàng chanh bị bít lại, chiếc đàn chết dí, cây sáo treo lên đỉnh.

Nhưng, điều ngao ngán nhất, ôi, ngao ngán nhất, đó là một chiếc áo đen nhỏ ngồi trong xó nhà, mà đan suốt từ sáng đến tối chẳng nói năng gì, với những giọt nước mắt lớn lã chã.

Thế mà, trong khi ngôi nhà cũ Lalouette than khóc ngày đêm như vậy thì chú bé Chose nằm thật lặng lẽ trong một chiếc giường lồng lớn, không ngờ những giọt nước mắt mình làm rơi vãi xung quanh. Mắt cậu trăn trăn nhưng cậu chẳng thấy gì; đồ vật không vào được đến hồn cậu. Cậu cũng chẳng nghe thấy gì, chỉ có một tiếng vo ve ngấm, một tiếng lẩn ngấm như thể tai cậu là hai con sò biển, những con sò lớn có lưỡi màu hồng, ở đó người ta nghe thấy biển phì phò. Cậu không nói, cậu không nghĩ: Bạn sẽ bảo đó là một bông hoa ốm... Mặc dù người ta giữ một miếng gạc nước mát cho cậu trên đầu và một miếng đá trong miệng, đó là tất cả những gì cậu cần. Khi đá tan, khi miếng gạc bị khô đi dưới cái nóng của vầng trán, cậu thốt lên một tiếng lầu nhàu: Đây là tất cả cuộc trò chuyện của cậu.

Nhiều ngày trôi qua như vậy - ngày không có giờ, ngày hỗn độn - rồi bỗng, một buổi sáng kia, chú bé Chose thấy một cảm giác đặc biệt. Cứ như là người ta vừa mới kéo cậu ra khỏi đáy biển ấy. Mắt cậu nhìn thấy, tai cậu nghe thấy. Cậu hít thở; cậu lại vững chân... Cái máy suy nghĩ nằm im trong một góc của bộ não với bộ bánh xe tinh vi như tóc tiên tĩnh lại, và bắt đầu chuyển động; lúc đầu từ từ rồi nhanh hơn một chút, rồi với một tốc độ điên cuồng, - Tic, tic, tic! Những ý nghĩ đan chéo nhau, chằng chịt với nhau như những sợi tơ:

- Trời ơi, ta ở đâu thế này?... Cái giường lớn này là gì thế? Và ba người đàn bà ở đằng kia, gần cửa sổ, họ đang làm gì? Cái áo đen nhỏ quay lưng lại ta, chẳng phải xa lạ với ta?... Người ta bảo là...

Và để nhìn rõ hơn tấm áo đen mà cậu nghĩ là mình nhận ra, chú bé Chose tì khuỷu tay một nhọc nhồm dậy và ngó ra khỏi giường, rồi lập tức hoảng hốt ngã ngửa ra... Ở đó trước mắt cậu, giữa căn phòng, cậu vừa mới nhận ra một cái tủ bằng gỗ hồ đào với những nẹp sắt cũ phía trước. Cái tủ ấy, cậu nhận ra nó; cậu đã nhìn thấy nó trong một giấc mơ, trong một giấc mơ hãi hùng... Tic, tic, tic! Cái máy suy nghĩ chạy như gió... Ôi! Giờ đây, chú bé Chose nhớ lại. Khách sạn Pilois, cái chết của Jacques, việc chôn cất, việc đến nhà Pierrotte trong mưa, cậu thấy lại hết,

cậu nhớ lại hết. Than ôi! Khi tái sinh trong cuộc sống, đứa trẻ khốn khổ vừa mới trở lại với nỗi đau; và lời nói đầu tiên của cậu là một tiếng rên...

Nghe tiếng rên đó, ba người đàn bà đang làm việc đằng kia, gần cửa sổ phải rùng mình. Một người trong bọn họ, người trẻ nhất, đứng dậy kêu:

- Lấy đá! Lấy đá!

Và cô nhanh chóng chạy đến lò sưởi, lấy một mẩu đá mà cô đưa cho chú bé Chose; nhưng chú bé Chose không muốn. Nhẹ nhàng, cậu đẩy bàn tay đi tìm môi mình; đó là một bàn tay thật thanh tú đối với một bàn tay chăm người ốm! Dù sao, bằng một giọng run run, cậu nói:

- Xin chào Camine!...

Camine Pierrotte khá sững sốt khi nghe kẻ hấp hốt nói, đến nỗi cô cứ đứng thẩn người, cánh tay giơ ra, bàn tay có miếng đá trong suốt đang run rẩy ở đầu những ngón tay hồng vì lạnh của mình.

- Xin chào Camine - Chú bé Chose nhắc lại - Ôi! Tôi nhận rõ cô mà!... Bây giờ, tôi tỉnh táo lắm rồi... Còn cô? Cô có nhìn thấy tôi không?...

Camine Pierrotte mở lo mắt:

- Tôi nhìn thấy ông chứ, Daniel!... Tôi tin là tôi nhìn thấy ông rõ mà!...

Thế là với ý nghĩ rằng cái tử đã dối lừa, rằng Camine Pierrotte không bị mù, rằng giấc mơ, giấc mơ hãi hùng không thật đến đầu đến đũa, chú bé Chose lấy lại can đảm và liền đặt những câu hỏi khác:

- Tôi đã ốm lắm phải không, Camine?

- Ồ! Phải, Daniel ạ, rất ốm...

- Có phải tôi đã nằm lâu lắm không?...

- Đến ngày mai là ba tuần rồi...

- Trời ơi! Ba tuần?... Đã ba tuần rồi mà “mẹ Jacques” tôi...

Cậu không nói trọn câu và giấu mặt vào gối mà nức nở.

Lúc đó, Pierrotte bước vào phòng; anh dẫn đến một ông thầy thuốc mới. (Bệnh kéo dài hơi một tí đã có cả Viện Hàn lâm Y học đến đó). Ông này là bác sĩ nổi tiếng Broum-Broum, một người hoạt bát vào việc nhanh chóng chứ không nhớn nhơ cài khuy tất tay ở đầu giường người bệnh. Ông tiến lại gần chú bé Chose: bắt mạch cậu, nhìn mắt và lưỡi cậu, rồi quay về phía Pierrotte:

- Ông nói bậy bạ gì với tôi vậy?... Nhưng mà cái cậu ấy, nó khỏi rồi mà...

- Khỏi ư? Pierrotte tốt bụng vừa nói vừa đan tay lại với nhau.

- Khỏi hẳn rồi, nên anh vớt cho tôi ngay miếng đá này qua cửa sổ và cho người ốm của ông một con gà tơ nhồi nấm của tiệm Saint Emilion... Nào! Đừng đau buồn nữa, tiểu thư nhỏ bé của tôi, trong tám ngày nữa, anh chàng thoát sổ đoạn trường này sẽ khỏi, chính tôi bảo anh thế đấy... Từ nay đến đó, hãy giữ cho cậu ta thật yên ổn trên giường; tránh cho cậu ấy mọi xúc động, mọi choáng váng: đó là điểm chính... Còn lại thì cứ để tự nhiên: Nó biết rõ hơn là ông với tôi...

Nói vậy xong, ông bác sĩ nổi tiếng Broum-Broum búng cho anh chàng thoát sổ đoạn trường một cái, một nụ cười cho cô Camine và nhanh chóng rời xa, có Pierrotte tốt bụng phát khóc vì vui đi kèm và luôn mồm: “Ôi! Ngài bác sĩ, thật đúng là lúc để mà nói... thật đúng là dịp để mà nói...”

Đằng sau họ, Camine muốn bảo người ốm ngủ; nhưng, cậu mạnh mẽ từ chối:

- Cô đừng bỏ đi, Camine, tôi xin cô... Đừng để tôi một mình...

Làm sao cô lại muốn tôi ngủ với mối đau khổ lớn của mình?

- Có chứ, Daniel ạ, cần phải... ông cần ngủ, ông phải nghỉ ngơi; thầy thuốc đã nói... Nào! Hãy biết điều, hãy nhắm mắt lại và đừng nghĩ gì cả... Thỉnh thoảng, tôi lại đến thăm ông, còn nếu

ông ngủ rồi thì tôi sẽ ở lại thật lâu.

- Tôi ngủ... Tôi ngủ...chú bé Chose vừa nói vừa nhắm mắt.

Rồi mừng rỡ:

- Một câu nữa, này Camine! Cái áo nhỏ màu đen mà tôi thấy ở đây lúc nãy là áo nào vậy?

- Một cái áo đen ư?....

- Đúng mà! Cô biết rõ! Cái áo nhỏ màu đen làm việc với cô ở kia, gần cửa sổ... Bây giờ, nó không còn đây nữa... Nhưng, lúc nãy, tôi thấy nó, tôi dám chắc mà...

- Ô! Không! Daniel ạ, ông nhầm đấy. Tôi đã làm việc ở đây suốt buổi sáng với bà Tribou, bà bạn già của ông ấy, ông biết chứ! Người mà ông vẫn gọi là bà lẩm tài ấy. Nhưng, bà Tribou không mặc đồ đen...bà lúc nào cũng mặc chiếc áo màu lục. Không, chắc chắn là trong nhà không có áo màu đen... Hẳn ông đã mơ thấy điều đó... Nào! Tôi đi đây... Ngủ ngon nhé...

Nói vậy, Camine Pierrotte chạy đi cho nhanh, cứ lúng túng và bưng bưng ở má như thể cô vừa mới nói dối.

Chú bé Chose ở lại một mình; nhưng, cậu chẳng ngủ được ngon hơn. Cái máy có bộ bánh xe tinh xảo gây mất trật tự bên trong đầu cậu. Những sợi tơ đan chéo nhau, chẳng chịt... Cậu nghĩ đến người thân yêu của mình ngủ trong cỏ ở Montmartre; cậu cũng nghĩ đến đôi mắt đen, đến những luồng sáng đẹp xấp xỉ tối mà Thượng đế dường như đã cố ý thấp lè xuống cho mình và giờ đây...

Đến đây, cửa phòng nhẹ nhàng hé mở, nhẹ nhàng như thể có ai đó muốn vào; nhưng hầu như tức thì, người ta nghe thấy tiếng Camine Pierrotte khẽ nói:

- Đừng vào đó... Sự xúc động sẽ giết chết anh ấy, nhớ anh ấy dậy...

Và thế là cửa đóng lại nhẹ nhàng, nhẹ nhàng như nó đã mở ra. Rủi thay, một vạt áo đen vướng vào rãnh cửa; và vạt áo ấy đi qua, từ cái giường của mình, chú bé Chose nhận ra nó...

Chính vì thế trái tim cậu nảy lên; đôi mắt bừng sáng và tì dậy trên khuỷu tay, cậu cất tiếng kêu thật to:

- Mẹ ơi! Mẹ ơi! Tại sao không lại hôn con?...

Bỗng cửa mở. Cái áo đen nhỏ - không thể giữ được nữa - ào vào trong phòng; nhưng đáng lẽ đi đến cái giường, nó đi thẳng về đầu kia căn phòng, cánh tay dang ra mà gọi: "Daniel! Daniel!"

- Đây cơ mà, mẹ... - Chú Nhóc vừa kêu vừa dang cánh tay mà cười - Đây cơ mà; mẹ không nhìn thấy con ư?...

Thế là lúc đó, bà Eyssette mới hơi quay về phía giường, hai tay run rẩy lần khoảng không xung quanh mình mà trả lời bằng một giọng ngao ngán:

- Than ôi! Không? Báu vật thân yêu của mẹ, mẹ không nhìn thấy con... Chẳng bao giờ, mẹ còn nhìn thấy con nữa... mẹ bị mù.

Khi nghe thấy điều đó, chú Nhóc thốt lên một tiếng kêu to và ngã ngửa trên gối...

Chắc là sau hai mươi lăm năm khốn khổ và đau đớn, hai đứa con bị chết, mái ấm gia đình bị tàn phá, chồng đi xa, bà mẹ Eyssette khốn khổ có đôi mắt tuyệt trần đã bị hỏng hết vì nước mắt như vậy đấy, trong đó chẳng có gì là thật lạ cả...Nhưng, đối với chú bé Chose thì trùng hợp biết bao với giấc mơ của mình. Số phận thật là đã dành cho cậu ngón đòn khủng khiếp cuối cùng! Lẽ nào cậu lại chẳng vì thế mà chết?...

Chao ôi! Không!...Chú Nhóc sẽ không chết. Chú không thể chết. Sau chú thì người mẹ mù khốn khổ sẽ ra sao? Bà sẽ tìm đâu ra nước mắt để khóc đưa con thứ ba? Ông bố Eyssette, người bị nạn của niềm danh dự buôn bán ấy, người Do Thái lang thang([89]) của ngành chế rượu vang ấy, chẳng có cả thời gian để đến ôm hôn đứa con bị ốm cũng như mang một bông hoa đến cho đứa con bị chết, sẽ ra sao? Ai sẽ dựng lại mái ấm gia đình, cái lò sưởi đẹp mà bố mẹ già sẽ đến một ngày kia sưởi đôi bàn tay khốn khổ giá lạnh?... Không! Không! Chú Nhóc không muốn chết. Cậu bám chắc vào cuộc sống, ngược lại và với hết sức mình... Người ta đã nói với cậu rằng: Để mau khỏi hơn, không được nghĩ ngợi, chú không nghĩ ngợi; không được khóc, chú không khóc;

không được nói, chú không nói...

Thật thích thú thấy chú trong giường, vẻ bình thản, mắt thao láo, để giải trí thì nghịch những quả tua của chiếc khăn lông.

Một kỳ dưỡng bệnh thật sự của kẻ an nhàn.

Xung quanh cậu, cả nhà Lalouette lặng lẽ xằng xái. Bà Eyssette để hết buổi ngồi ở chân giường đan áo; người đàn bà mù thân thiết quen với đôi kim đan đến mức bà đan cũng thạo như thời còn sáng mắt vậy. Người đàn bà lẩm tài, bà cũng thế, ngồi kia rồi, lúc nào người ta cũng thấy hiện ra ở cửa gương mặt phúc hậu của Pierrotte. Và chàng chơi sáo lên lấy tin bốn năm lần trong ngày. Duy có điều, rất nên nói là anh ta không đến vì người ốm; chính cái bà lẩm tài lôi kéo anh ta hơn cả...

Từ khi Camine Pierrotte chính thức tuyên bố với anh là mình không muốn cả anh lẫn sáo của anh thì anh chàng nhạc công hăng say đã chuyển sang bà goá Tribou, dù kém giàu và kém xinh hơn cô con gái ông người Cévennes, tuy vậy hoàn toàn chẳng kém duyên và tiền tiết kiệm. Với bà mệnh phụ mộng mơ đó anh chàng thối sáo chẳng mất thời giờ; đến buổi thứ ba thì đã có đám cưới và người ta nói xa xôi về việc xây dựng một cửa hàng bán cây thuốc phổ Lombards với tiền tiết kiệm của phu nhân. Để khỏi vứt xó những dự kiến tốt đẹp đó mà chàng danh cầm rất thường đến lấy tin.

Còn cô Pierrotte? Người ta không nói đến? Phải chăng cô ta không còn ở trong nhà?... Có chứ, luôn luôn; duy có điều, từ khi người ốm khỏi cơn nguy hiểm, hầu như chẳng bao giờ cô bước vào phòng cậu. Khi cô đến đó là để tạt qua đón bà mù và dẫn đến bàn ăn; nhưng, chú Nhóc thì chẳng một lời... Ôi! Đã xa cái thời bông hồng đỏ, cái thời mà để nói: "Tôi yêu anh", đôi mắt đen phải mở ra như những bông hoa nhung! Trong giường mình, người ốm thở dài khi nghĩ đến những niềm hạnh phúc đã bay đi mất. Chú thấy rõ là người ta không yêu mình nữa; là người ta tránh mình, là mình làm người ta sợ; nhưng, chính cậu đã muốn thế. Chú không có quyền kêu ca; và dù sao, điều đó cũng khá tốt, giữa bao tang tóc và buồn phiền, nếu có chút tình để sưởi ấm con tim! Được khóc trên một bờ vai bạn bè thì cũng khá hay!.. "Đành vậy!"... nỗi đau đã xong, cậu bé khốn khổ tự nhủ, ta đừng nghĩ đến chuyện đó nữa và thôi đừng mộng mơ nữa. Đối với ta, chẳng còn có chuyện được sung sướng ở đời nữa; phải nói đến chuyện làm nhiệm vụ của ta. Ngày mai, ta sẽ nói chuyện với Pierrotte.

Quả thực, ngày hôm sau, vào lúc mà ông người Cévennes đi ngang căn phòng rón rén để xuống cửa hàng, chú Nhóc đã ở đó từ rạng sáng để rình đằng sau những tấm rèm, khe khẽ gọi:

- Ông Pierrotte! Ông Pierrotte!

Pierrotte lại gần giường; và lúc đó, người ốm, rất xúc động, chẳng ngược mắt lên:

- Thế là tôi đã sắp khỏi, ông Pierrotte tốt bụng và tôi cần nói chuyện nghiêm túc với ông. Tôi không muốn cảm ơn về những điều mà ông đã làm cho tôi và cho mẹ tôi...

Ông người Cévennes vội ngắt lời:

- Đừng nói một lời nào về chuyện ấy, ông Daniel ạ. Tất cả những điều gì tôi làm là tôi phải làm. Điều đó hợp với ông Jacques.

- Phải, tôi biết, Pierrotte ạ, tôi biết tất cả những điều gì người ta nói với ông về vấn đề đó, ông đều luôn nói một câu trả lời như vậy... Vì thế, đâu phải vì chuyện ấy mà tôi sắp nói với ông. Ngược lại, nếu tôi gọi ông, đó là để nhờ ông một việc. Chẳng bao lâu nữa, viên chào hàng sẽ rời bỏ ông; ông có muốn tôi thay chỗ anh ta không? Ôi, Pierrotte, tôi xin ông, hãy nghe tôi đến cùng; đừng bảo tôi là không và tôi chẳng có quyền sống giữa các vị. Trong nhà có một người mà sự có mặt của tôi làm cho đau khổ, mà việc nhìn thấy tôi là bỉ ổi và điều đó chỉ là công bằng mà thôi... Nhưng, nếu tôi thu xếp để người ta chẳng bao giờ thấy tôi nữa, nếu tôi cam kết là không bao giờ lên đây nữa, nếu tôi chỉ ở dưới cửa hàng, nếu tôi thuộc về nhà ông mà không phải là người trong nhà, như những con chó to của sân gà vịt chẳng bao giờ vào trong nhà ở, liệu với những điều kiện như vậy, ông có thể chấp nhận tôi chẳng?

Pierrotte chỉ những muốn lấy đôi bàn tay lo của mình túm lấy cái mái đầu xoắn của chú bé Chose và hôn cậu thật mạnh, nhưng ông kìm mình và lặng lẽ trả lời:

- Thế chứ! Hãy nghe đây, ông Daniel, trước khi có nói gì thì tôi cũng cần tham khảo con bé... Tôi thì đề nghị của ông hợp với tôi lắm; nhưng tôi không biết liệu con bé... Vả lại, chúng ta sẽ xem. Chắc nó dậy rồi... Camine! Camine!

Camine Pierrotte, dậy sớm như một con ong, đang tưới cây hồng đỏ trên lò sưởi phòng khách. Cô đi vào, mình mặc áo choàng, tóc chải ngược như người Trung Hoa, tươi tắn, vui vẻ, toả mùi hoa.

- Này! Cô bé, ông người Cévennes nói, kìa ông Daniel muốn vào làm ở nhà ta thay viên chào hàng... Chỉ có điều ông ấy nghĩ là sự có mặt của mình sẽ làm con quá khó chịu...

- Quá khó chịu ư? - Camine Pierrotte vừa ngắt lời vừa biến sắc mặt.

Cô không nói thêm nữa; nhưng, đôi mắt đen thì đã nói hết câu. Phải chính đôi mắt đen biểu hiện trước mặt chú bé Chose sâu thẳm như đêm tối, long lanh như những vì sao mà nói: “Tình yêu! Tình yêu!” với biết bao say đắm và nồng nàn mà kẻ ốm khốn khổ thì có con tim rạo rực.

Thế là Pierrotte vừa nói vừa cười thầm:

- Thế ư? Cả hai hãy bày tỏ với nhau xem... có điều gì khó hiểu trong ấy đấy.

Rồi, ông ta đi gõ nhịp một điệu burê vùng Cévennes vào kính; rồi, khi ông nghĩ là bọn trẻ đã diễn giải đủ với nhau - Ôi! Lạy Chúa! Chỉ vừa đủ họ có thời gian nói với nhau ba câu, ông tiến lại gần họ và nhìn họ:

- Thế nào?

- Ôi! Pierrotte - Chú Nhóc vừa nói vừa chìa hai tay bàn cho ông, cô ấy cũng tốt như ông... Cô ấy đã tha thứ cho tôi!

Kể từ lúc ấy, kỳ dưỡng bệnh của người ốm tiến triển với đôi hài bảy dặm... Tôi nghĩ đúng! Đôi mắt đen không nhúc nhích khỏi phòng nữa. Người ta dành hàng buổi để xây dựng dự án tương lai. Người ta nói đến lễ cưới, đến tổ ấm cần dựng lại.

Người ta cũng nói đến “mẹ Jacques” thân yêu và tên anh còn làm nhỏ ra biết bao nước mắt. Nhưng, thôi mặc! Có tình yêu trong ngôi nhà cũ Lalouette. Điều đó tự nhận thấy được. Và nếu có ai sững sốt về việc tình yêu có thể nở hoa như vậy trong tang tóc và những giọt nước mắt thì tôi xin nói với họ là đi mà xem ở các nghĩa địa tất cả những bông hoa nhỏ xinh kia đang mọc giữa khe nứt của những nấm mồ.

Vả lại xin đừng tin là nỗi đam mê làm chú bé Chose quên mất nghĩa vụ của mình. Dù cho cậu khá dễ chịu trong cái giường lớn, giữa bà Eyssette và đôi mắt đen, cậu hấp tấp khỏi bệnh, trở dậy, xuống cửa hàng. Không, chắc là đồ sứ cám dỗ cậu nhiều; nhưng, cậu mong mỗi bắt đầu cuộc sống tận tụy và làm việc mà “mẹ Jacques” đã cho mình tấm gương ấy. Sau hết, thà bán đĩa trong một lối đi còn hơn, như cô diễn viên kịch múa nói, là quét dọn trường Ouly hoặc bị huýt sáo ở Montparnasse. Còn về Nàng thơ, người ta không nói đến nữa.

Daniel Eyssette vẫn yêu thơ, nhưng không phải là thơ của mình: Và cái ngày mà nhà in, mỗi một, giữ ở nhà mình chín trăm chín mươi chín tập *Hài kịch Đồng nội*, thì chuyển chúng về lối đi Saumon, nhà thơ khốn khổ xưa có can đảm nói:

- Phải đốt tất cả đi.

Về chuyện đó, Pierrotte chín chắn hơn, trả lời:

- Đốt tất cả đi ư? Xin thú thực là không!... Tôi thích giữ lại ở cửa hàng thì hơn. Tôi sẽ tìm được cách dùng chúng... *Đúng là dịp để mà nói...* Đúng lúc, tôi sắp có một chuyến gửi cốc ăn trứng đi Madagascar. Hình như ở cái xứ ấy, từ khi người ta thấy bà vợ một giáo sĩ người Anh ăn trứng chần người ta không muốn ăn trứng cách khác nữa... Được phép ông, ông Daniel ạ, sách của ông sẽ dùng bọc những cái cốc ăn trứng của tôi.

Và quả thực, mười lăm ngày sau, vở *Hài kịch đồng nội* lên đường đến xứ sở của Raba-Volo nổi tiếng ([90]). Liệu ở đó nó có thể thành công hơn ở Paris.

Còn bây giờ, trước khi kết câu chuyện này, thưa bạn đọc, tôi muốn một lần nữa đưa bạn vào phòng khách màu vàng chanh. Đó là vào một buổi chiều chủ nhật, một chủ nhật đẹp mùa đông - lạnh khô và nắng to. Cả nhà Lalouette hớn hở. Chú Chose khỏi bệnh hoàn toàn và mới trở dậy

lần đầu. Buổi sáng, để mừng sự kiện may mắn này, người ta đã hiến cho thần Esculape vài tá sò tươi một thứ rượu trắng ngon vùng Touraine. Giờ đây, người ta đang ở trong phòng khách, mọi người họp mặt. Thật là dễ chịu; lò sưởi bập bùng cháy. Trên các cửa kính chất đầy sương giá, ánh nắng làm nên những phong cảnh óng ánh.

Trước lò sưởi, chú Nhóc ngồi trên một cái ghế đầu dưới chân người đàn bà mù khốn khổ ngồi xổm, nói chuyện thầm với cô Pierrotte mặt còn đỏ hơn bông hoa hồng nhỏ mà cô gài trên tóc. Điều đó thì hiểu được, cô ngồi khá gần lửa!... Thỉnh thoảng có tiếng chuột nhí nhát- Đó là cái đầu chim đang mổ ỉn trong một góc; hoặc một tiếng kêu khốn quẫn, - Đó là phu nhân lăm tài đang thua tiền trong ván bài bêzi. Tôi xin bạn lưu ý cái vẻ đắc thắng của bà Lalouette thắng cuộc và nụ cười bồn chồn của chàng chơi sáo bị thua.

Còn ông Pierrotte?...Ồ! ông Pierrotte không ở xa...Ông ở kia, trong khuôn cửa sổ, thập thò bởi tấm màn cửa lớn màu vàng chanh và vùi đầu vào một công việc lặng lẽ thu hút ông và khiến ông toát mồ hôi. Trên một chiếc bàn một chân, trước mắt mình, ông có compa, bút chì, thước kẻ, thước góc, mực tàu, bút lông và cuối cùng, một tấm biển dài bằng giấy vẽ mà ông viết kín những dấu đặc biệt... Công việc có vẻ khiến ông thích thú. Cứ năm phút, ông lại ngẩng đầu, nghiêng một chút sang bên và mỉm cười về việc mình bôi nguệch ngoạc với một vẻ hài lòng.

Vậy, công việc bí hiểm ấy là gì?...

Bạn hãy chờ; chúng ta sẽ biết điều đó... Pierrotte đã xong. Ông ra khỏi chỗ ẩn, nhẹ nhàng bước đến đằng sau Camine và chú bé Chose; rồi, bỗng ông trải cho họ xem tấm biển lớn của mình mà nói:

- Này, những kẻ yêu nhau, các bạn nghĩ gì về cái này?

Hai cô cậu reo lên trả lời ông:

- Ô! Cha!...

- Ồ? Ông Pierrotte!

- Cái gì thế? Thế nghĩa là thế nào?... - Bà mù khốn khổ bị đánh thức bật dậy nói.

Còn Pierrotte thì vui mừng:

- Là gì ư, bà Eyssette?... Đó là... *thật là đúng dịp để mà nói...* Đó là một dự án về tấm biển mới mà chúng ta sẽ đặt trên cửa hàng trong vài tháng nữa... Nào! Ông Daniel, hãy đọc thật to lên cho chúng tôi nghe để người ta xét đoán một chút về hiệu quả.

Tự đáy lòng mình, chú Nhóc nhỏ một giọt nước mắt cuối cùng cho những con bướm xanh của mình; rồi cầm tấm biển trong hai tay: “Nào!... hãy làm người lớn, chú bé Chose!...”

Cậu đọc thật to, bằng một giọng chắc nịch, tấm biển cửa hàng ấy, nơi tương lai của cậu được viết bằng chữ lớn cỡ một bộ:

ĐỒ SÚ VÀ PHA LÊ
NHÀ CỬ LALOUETTE
EYSSETTE VÀ PIERROTTE
KẾ NGHIỆP.

HẾT

[1] Nữ tu của thánh nữ dòng Carmel (tên một ngọn núi cao 546m Israel

[2] Tiếng Pháp “Rouget” là đỏ nhạt.

[3] Vendredi (Thứ Sáu): Tên nhân vật người da đen trong truyện “Robinson Crousoe, cuộc đời và những cuộc phiêu lưu lạ lùng (1719) của Daniel Defoe (1660-1731) nhà văn Anh.

[4] Thầy tu phải cải tổ thuộc dòng Thánh Angustin và Francois.

[5] Nguyên văn tiếng Latin: Quoereng quem devoret.

[6] Một lên khác của Satan. Đó là thiên thần của ánh sáng, bị truất sau cuộc nổi dậy chống lại Chúa.

[7] Khi học tiếng Latinh trong đó quy tắc ngữ pháp có phép biến cách.

[8] Sách tóm tắt một tác phẩm lịch sử (đây ý nói về các thánh).

[9] Nguyên văn tiếng Latinh là “Santus”, một bài hát ca ngợi Chúa bắt đầu bởi từ này và được hát trong buổi lễ sau kinh mở đầu.

[10] Toàn bộ bốn quyển sách trong đó ghi lại cuộc đời và những lời phán của Chúa Jesus.

[11] Lễ đạo Thiên Chúa cử vào chủ nhật thứ bảy sau Phục sinh để tưởng nhớ việc Đức Chúa Thánh Thần hiện xuống trên các tông đồ.

[12] Tiếng Pháp “terreau” nghĩa là đất mùn. “Lanterne” nghĩa là cái đèn.

[13] Nguyên văn tiếng Latinh “*Dominus vobiscum*” một công thức tụng kinh theo nghi lễ Latinh.

[14] Dòng tu quân nhân và tu sĩ, thành lập ở Jérusalem từ 1119-1312. Giáo hoàng Clément V đã bãi bỏ dòng này do sự xúi giục của vua Pháp.

[15] Nguyên văn tiếng Pháp: Jaune comme un coi: vàng như quả mộc qua.

[16] Năm 1789 nổ ra Cách mạng tư sản Pháp.

[17] Nguyên văn tiếng Latinh: Ecce homo.

[18] Đồ uống có cồn, chất nền là rượu rum hương chanh và quế.

[19] Mũ quân nhân cứng, có diềm, bắt chước mũ lính kỵ Hungarie.

[20] Trong những thế kỷ trước những chiếc lông của một vài loại chim, chủ yếu là ngỗng được dùng làm bút viết.

[21] Jean de la Fontaine (1621-1695) nhà viết truyện và ngụ ngôn bằng thơ nổi tiếng người Pháp.

[22] Tên Lapin danh từ chung có nghĩa là con thỏ.

[23] Nguyên văn tiếng Latinh: *Desinit in pisces* Nghĩa là tận cùng bằng cái đuôi cái đuôi cá.

[24] Honoré Gabriel Riqueti. Bá tước De Mirabeau (1749-1791) chính khách Pháp.

[25] Etienne Bonnot de Condillac (1714-1780) linh mục và triết gia Pháp. Tác giả cuốn Luận về cảm giác (1754). Ông gắn bó với chủ nghĩa duy cảm.

[26] Polka: Điệu nhảy khá hoạt bát, có hai nhịp, du nhập từ Ba Lan vào Pháp khoảng 1830.

[27] Những câu kinh. Nguyên văn tiếng Latinh: *Veni, creator Spiritus*.

[28] Quận lỵ quận Ande, nổi tiếng rượu vang trắng có bọt.

[29] Pindare (518-438 trước Công nguyên). Nhà thơ Hy Lạp với tập *Thơ ca thắng cuộc*.

[30] Biểu tượng của thi ca.

[31] Publius Vergilius Maro (khoảng 70-19 trước Công nguyên) Ông soạn tập *Thơ điền viên* (42-39), *Điền dã* (39-29). tập *Énéide* (29-19)

[32] Ngày cuối cùng trước tuần chay; theo đạo Thiên Chúa.

[33] Loại tiền giấy được tạo ra thời Cách mạng Pháp mà giá trị được gán cho dựa trên tài sản nhà nước.

[34] Nguyên văn tiếng Pháp: Thành chùm.

[35] Alphonse de Lamartine (1790-1869) nhà thơ và chính khách Pháp. Elvire là cái lên thường đến với ngòi bút của ông trong những bài *Thơ trầm tư*. Đó là người đàn bà yêu dấu mà ông gửi gắm những khúc ca có cảm hứng nhất. Tên thật của nàng là Julie de Désharettes, sau nàng đã lấy nhà vật lý Charles.

[36] Anh hùng của một bài dân ca, điển hình của anh lính Pháp thích rượu và đàn bà cũng như vinh hiển, và luôn sẵn sàng bảo vệ sự nghiệp chính nghĩa.

[37] Phần bờ trái của Paris thuộc quận V (Pentéon) và quận VI (Luxembourg) là nơi từ thế kỷ XII đã phát triển những hoạt động đại học.

[38] Ở nhiều nước chế độ quân dịch được thi hành theo lối rút thăm và có thể dùng tiền để thuê người thế chân thay mình.

[39] Pháo đài được xây dựng ở Paris trở thành nhà tù quốc gia dưới thời Louis XIII, được xem là biểu tượng cho chế độ chuyên chế của vương quyền. Bị những người khởi nghĩa chiếm ngày 14 tháng 7 năm 1789 và bị phá vào năm sau.

[40] Cây vùng nhiệt đới (châu Phi, Australia) thân có thể đạt hai mươi mét chu vi.

[41] Đồng tiền vàng của Pháp bằng hai mươi quan: cũng gọi là đồng Napoléon.

[42] Nguyên văn tiếng Pháp: Thẳng như những con ki.

[43] Các chính khách Pháp.

[44] Nguyên văn: Angelus.

[45] Jules Mazarin (1602-1661) Tổng giám mục, chính khách Ý. Cung-Mazarin nay là Thư viện Nhà nước (từ 1926).

[46] Propes Mérimée (1803-1870) nhà văn Pháp Viện sĩ hàn lâm.

[47] Tiếng Pháp: Musette là chuột chù; Mimi Pinson là chim vành khuyên. Cũng là tên một truyện kể của A. de Muser (1838).

[48] Vì cô gái nói tiếng Pháp bồi.

[49] Tức Cap Town, một tỉnh miền nam Cộng hòa Nam Phi.

[50] Thi sĩ và ca sĩ Pháp (1821-1870).

[51] Quần thể nhà xây năm 1633. Ngày nay là Hội đồng Nhà nước, Ủy ban lập pháp và Bộ Văn hoá.

[52] Đồng tiền Pháp cổ bằng vàng rồi bằng bạc, một mặt có quốc huy.

[53] Điệu nhảy hay điệu nhạc có hai hoặc ba nhịp.

[54] Điệu nhảy cổ dân gian Pháp thế kỷ XVII-XVIII.

[55] Cuộc Cách mạng tháng Bảy 1830 lật đổ Charles và đưa Louis Phillipe I lên ngôi.

[56] Nguyên văn tiếng Pháp: Cầm nư nột con cá tầm.

[57] Tên một quốc gia cổ ở Trung Âu bao gồm phần phía tây Cộng hoà Séc, nổi tiếng với ghê làm pha lê.

[58] Những bộ lạc du mục phía Nam vùng Néguev, đối thủ của dân Do Thái xưa và bị David đánh bại hẳn (Thế kỷ X trước CN).

[59] Kịch thơ của V. Goethe (1749-1832) nhà văn Đức. Gồm hai phần trong đó phù thủy Faust bán hồn cho quỷ Méphistophelès

đổi lấy tri thức và những của cải trên trần thế.

[60] Vùng miền đông của bán đảo Ấn Độ, ngày nay được phân chia giữa Cộng hòa Ấn Độ (Tây Bengale) và Bangladesh.

[61] Hiệp hội kết nạp rộng rãi không phải bí mật mà khép kín, được thành lập trên tình nhằm tập hợp những người vượt trên mọi khác biệt

[62] Hội ca sĩ thành lập năm 1729, tan rã năm 1739. Được tập hợp lại hai mươi năm sau. Năm 1805 hội Caveau hiện đại được thành lập.

[63] Nguyên văn: Cánh nhỏ chuồn chuồn.

[64] Nguyên văn: Không phải tôi ở đây.

[65] Nguyên văn: Làm cho tưởng là con vật lai của tôi.

[66] Nguyên văn: Bacchus tức Thần rượu.

[67] Nguyên văn: Phoebe (tức Thần mặt trăng) ghéech mũi lên cửa sổ nhà mình.

[68] Nguyên văn: Loài sên không phải là bạn.

[69] Nguyên văn: Bạn thường đưa tôi đến nhà các bạn Hoa chuông.

[70] Nữ thần Vườn Tươi, rồi Tình Yêu và Sắc Đẹp theo theo người Ý.

[71] Charles Augustin Sainte Beuve (1804-1869) nhà văn Pháp, Viện sĩ Hàn lâm.

[72] Rạp hát ở Paris vốn là đài kỷ niệm, khánh thành năm 1782. Chuyển thành rạp hát năm 1797. Nhiều lần bị cháy và xây dựng lại.

[73] Nhà phê bình văn học Pháp (1808-1857) ông chuyển từ chủ nghĩa lãng mạn sang chủ nghĩa giáo điều của Tạp chí Hai thế giới.

[74] Con gái của Tyndare và Leda, vợ của Agamemnon vua xứ Spartre; và là mẹ của Oresta và Iphigenie. Có nhân tình là Aegisthus. Khi chồng hạ xong thành Troy trở về, đem theo tì thiếp là Cassandra, vì ghen, vì yêu Aegisthus và không tha thứ việc Iphigenie phải hiến tế, bà giết chồng với sự đồng lõa của Aegisthus. Sau cả hai bị người con trai giết.

[75] Tức Sancho Panca, giám mã của Don Quichotte.

[76] Nguyên văn: Việc dề dề biết, việc cừ cừ hay

[77] Nguyên văn: Chỉ có giày mới biết tất bị thủng.

[78] Đền thờ Athéna Parthénon được xây theo ý Périclès thế kỷ V trước công nguyên trên đồi Acropole, Athènes.

[79] Con gái của Mémélas và Hélène; vợ của Pyrrhos (con trai Achilles) rồi của Oreste.

[80] Bi kịch của Raccine (1639-1699) được soạn cho những tiểu thư của trường Saint Cyr.

[81] Trong tiếng Pháp đao phủ là “Bourreau” có vần gần với Borel. Còn “Bocorrelle” là vợ đao phủ.

[82] Aleksandr Vassilievitch Souvorov (1729-1800) bá tước rồi hoàng thân Nga.

[83] Nhân vật trong vở kịch Kẻ ghét đời của Molière (1622-1673) một cô gái đóm đáng, tài trí và hay nói xấu.

[84] Đèn dầu có bộ bánh xe và pítông do người thợ đồng hồ Pháp Carcel phát minh ra năm 1800.

[85] Nhân vật lồ bịch lưng gù và bụng to của nhà hát múa rối; xuất thân từ hài kịch Ý.

[86] Nhân vật huyền thoại gốc Tây Ban Nha, kẻ quyến rũ, báng bổ và táo tợn.

[87] Francois Raspail (1794-1878) nhà hoá học Pháp, người phổ cập y học dân gian.

[88] Tiếng Pháp nghĩa là long não.

[89] Nhân vật truyền thuyết bị kết tội không ngừng đi lang thang đến tận thế vì đã lãng nhục chúa Giêsu trên thập tự.

[90] Ý nói Ranavalona III (1888-1917). Nữ hoàng Madagascar.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>